

LÊ HỮU

Ngôn
gữ
gặm
gùi

Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu
2016



". . . Thông minh, tinh tế, khả năng nhìn sự việc đến từng chi tiết nhỏ, thêm một chút uyên bác, thêm một chút hóm hỉnh; cộng với giọng văn trong sáng, rõ ràng, mạch lạc, cách dùng chữ "chuẩn" đến độ gây cảm tưởng khó có thể chuẩn hơn được nữa nơi người đọc, cho thấy sự nghiêm túc của Lê Hữu ở bất cứ đề tài nào được bàn đến trong các tác phẩm của ông.

Đó cũng là những đặc tính làm nên cái "rất riêng" của Lê Hữu, khiến người đã từng đọc ông, sẽ nhận ra ngay những đũa con tinh thần khác của Lê Hữu.

Tác phẩm "**Ngôn Ngữ Ngậm Ngùi**" mang đầy đủ những thứ làm nên một Lê Hữu rất riêng nói đến ở trên. Thêm nữa, ở tác phẩm này, là sự lựa chọn các đề tài để bàn luận, một thể mạnh khác của Lê Hữu mà không phải ai cũng "dám" có những lựa chọn như ông. Đề tài mà ông chọn, "khó nhai" đã đành, mà còn dễ gây tranh cãi, kể cả ở những người có cùng chung một chí hướng. . ."(T.Vấn)

tv&bh

NGÔN NGỮ NGẬM NGÙI

LÊ HỮU

Trình Bày: T.Vấn

Ấn Bản Điện Tử

do

T.Vấn & Bạn Hữu

Thực Hiện

©Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu 2016

©Lê Hữu 2016

NGÔN NGỮ NGẬM NGÙI

LÊ HỮU

“Language is the dress of thought.”

~ Samuel Johnson

Mục lục

| | |
|------------------------------------------|-----|
| Ngôn ngữ - sao lại ngậm ngùi? (T. Ván) | 2 |
| Những “kẻ lạ mặt” trong ngôn ngữ | 9 |
| Dấu huyền hay dấu nặng? | 15 |
| Bạn thật, bạn giả | 21 |
| Bài viết, bài gõ, bài vẽ | 27 |
| Tham gia, nghe phát mệt! | 38 |
| Một Mother’s Day khác | 49 |
| Một tách café cho hai người | 57 |
| Những ngọn cỏ may trong truyện Nhất Linh | 65 |
| Mua sắm hạnh phúc | 78 |
| “Việt Nam! Việt Nam!” giấc mơ ngậm ngùi | 86 |
| Đêm rất thánh, đêm không cùng | 98 |
| Giao thừa trên mây | 108 |
| Ô cửa nhỏ của Thục Vy | 116 |
| Obama, ngày vui qua mau | 130 |
| Chú hề buồn bã | 144 |
| Căn nhà cuối cùng của tôi | 148 |
| Những ngọn nến trong thơ Trần Mộng Tú | 159 |
| Hương Kiều Loan, con mắt trời cho | 175 |
| Cung Tích Biền, giấc mộng rồng không | 188 |
| Từ “Diễm xưa” đến “Một cõi đi về” | 232 |
| Ngôn ngữ ngậm ngùi | 270 |

TỰA

Ngôn Ngữ

sao lại

Ngậm Ngùi?



Lê Hữu, tác giả “**Âm nhạc của một thời**”*, không phải là một cây viết xa lạ với độc giả người Việt sinh sống ngoài nước. Trước khi tập sách viết về âm nhạc nói trên được xuất bản năm 2011, qua những bài viết xuất hiện đây đó trên các trang mạng văn học nghệ thuật, người đọc đã dành cho ông một vị trí rất riêng giữa một rừng những người viết tiếng Việt đến từ khắp năm châu bốn bể.

Thông minh, tinh tế, khả năng nhìn sự việc đến từng chi tiết nhỏ, thêm một chút uyên bác, thêm một chút hóm hỉnh; cộng với giọng văn trong sáng, rõ ràng, mạch lạc, cách dùng chữ “chuẩn” đến độ gây cảm tưởng khó có thể chuẩn hơn được nữa nơi người đọc, cho thấy sự nghiêm túc của Lê Hữu ở bất cứ đề tài nào được bàn đến trong các tác phẩm của ông.

Đó cũng là những đặc tính làm nên cái “rất riêng” của Lê Hữu, khiến người đã từng đọc ông, sẽ nhận ra ngay những đũa con tinh thần khác của Lê Hữu.

Tác phẩm “**Ngôn Ngữ Ngậm Ngùi**”** mang đầy đủ những thứ làm nên một Lê Hữu rất riêng nói đến ở trên. Thêm nữa, ở tác phẩm này, là sự lựa chọn các đề tài để bàn luận, một thể mạnh khác của Lê Hữu mà không phải ai cũng “dám” có những lựa chọn như ông. Đề tài mà ông chọn, “khó nhai” đã đành, mà còn dễ gây tranh cãi, kể cả ở những người có cùng chung một chí hướng.

Ở “**Âm nhạc của một thời**”, sự lựa chọn những nhạc sĩ, những bài hát để bàn luận đến, một phần Lê Hữu dựa vào những cảm quan tinh tế, kinh nghiệm sống của mình, phần khác còn là sự dựa vào những kho tài liệu, những công trình sưu khảo khác, mà sau này nhờ Internet nên dễ dàng tìm kiếm để so sánh, phân tích, từ đó đưa ra ý kiến riêng của mình. Trên cái nền an toàn đó, bàn tay tác giả cứ thong dong mà bay trên mặt bàn phím theo cùng với tiếng nhạc réo rắt của một thời.

Ở “**Ngôn Ngữ Ngậm Ngùi**”, sự lựa chọn đề tài của tác giả, tất nhiên cũng vẫn dựa vào những cảm xúc

tin tế, những quan sát nhạy bén, khả năng nhìn vấn đề nhỏ đến từng sợi tóc. Ngoài những thứ “tài sản trời cho” ấy ra, Lê Hữu chỉ còn biết trông vào một khả năng khác của mình: óc tổng hợp, sau khi đã phân tích tỉ mỉ mỗi con chữ, mỗi ý nghĩa, mỗi bối cảnh (trong, ngoài), mỗi thời (cũ, mới), mỗi quan điểm chính trị (quốc, cộng). Cuối cùng, là sự tự tin vào chính mình, được tác giả biểu lộ một cách hết sức tự nhiên, như thể đó là điều không có gì phải bàn cãi nữa.

Ngay ở tên tác phẩm **“Ngôn Ngữ Ngậm Ngùi”** đã cho thấy sự tinh tế trong cách chọn chữ, nghĩa. Phải đến khi người đọc đọc xong tác phẩm rồi, gập sách lại (hay đóng màn hình thiết bị đọc sách điện tử) mới cảm thấy quả thật... ngậm ngùi cho số phận con chữ trong một thời đại nhiều nhường ở mọi ngõ ngách của đời sống, trong đó, ngôn ngữ - phương tiện giao tiếp, biểu đạt ý kiến, tình cảm - là nạn nhân trực tiếp vì nó không thể vắng mặt mỗi khi có từ hai con người trở lên đối diện nhau.

Nhất là khi ngôn ngữ ấy - thứ tiếng Việt đã từng “bốn ngàn năm rờn rã buồn vui” - vốn là tài sản mà người xa xứ mang theo bên mình như một biểu tượng cụ thể của khái niệm quê hương vốn không hình không dáng, mà lại đầy áp mùi, đầy áp vị, mỗi khi nghĩ đến lòng người xa quê hương không khỏi xao xuyến.

Vì thế, giữ gìn tiếng Việt (cho các thế hệ mai sau sinh sống ngoài đất nước), giữ gìn sự trong sáng cho tiếng Việt (cho các thế hệ đương thời tuy đó là thứ “tiếng mẹ ru từ lúc nằm nôi” nhưng xa quê hương đã lâu) là những việc phải làm, nên làm.

Bi kịch ngôn ngữ, khiến gây cảm giác “ngậm ngùi” cũng từ đó mà ra.

Do những hoàn cảnh lịch sử đặc trưng từ mối quan hệ giữa người ngoài nước và người trong nước, từ sự áp đặt một nền văn hóa (trong đó có ngôn ngữ) của bên thắng trận (miền Bắc) vào một nước Việt Nam thống nhất (về mặt địa lý), khiến ngày nay ngôn ngữ đã trở thành nạn nhân của thành kiến đến từ cả hai phía.

Ở trong nước, không cần dẫn chứng nhưng ai cũng biết, các hệ thống chính quyền kiểm soát mọi phương tiện truyền thông: sách, báo, đài phát thanh, đài truyền hình đã vô hình trung định hình một thứ tiếng Việt sau 1975 mà người trong nước nghe riết rồi quen, hoặc tuy có ý thức phản kháng đó, nhưng do không còn lựa chọn nào khác ngoài phải tập sống với nó, do nhu cầu giao tiếp phải dùng nó (để đối tượng hiểu được), dần dà thành nếp, cứ tự nhiên để thứ tiếng Việt (đã bị chính quyền định hình ấy) bật ra khỏi đầu mỗi khi nói, viết, mà không mấy may ý thức rằng thứ ngôn ngữ mình đang sử dụng gây khó chịu cho đồng bào mình hiện đang sinh sống ngoài đất nước vì nhiều lý do khác nhau.

Thế nên, cũng không có gì lạ, khi ở ngoài đất nước, người Việt bị nạn cưỡng quyết tẩy chay “những từ của Việt cộng”, bất kể chúng được dùng đúng hay sai, bất kể những từ ấy có nguồn gốc từ trước 1975 ở miền Nam nay được trong nước dùng lại thường xuyên nhưng mang một ý nghĩa khác hẳn.

Ngôn ngữ đã bị khoác lên chiếc áo ý thức hệ, may vừa vụng vừa chật, vào người.

Ngôn ngữ đã trở thành nạn nhân, bởi những người yêu nó tha thiết, bởi những người muốn gìn giữ nó làm căn cước xác định nguồn gốc của mình. Từ đó, trở nên dị ứng với những gì không thuộc về, hay ngược lại với ngôn ngữ “gốc” của mình, ngôn ngữ “ý thức hệ” của mình. Bởi cả những người xem nó là thứ vũ khí vạn năng, là gươm là súng, đâm thẳng vào kẻ thù (chế độ) không một chút chùn tay. Bởi xem ngôn ngữ là vũ khí, nên họ có thể mài dũa, bẻ cong (như thanh gươm cong), thay hình đổi dạng (để đánh lừa đối phương), miễn đạt được mục đích mình mong muốn.

Do vậy, bởi những nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhiều người đã có lúc quên rằng quốc hay cộng, trong hay ngoài, cũ hay mới thì tiếng Việt cũng vẫn là tiếng Việt, được sử dụng bởi người Việt ở cả hai bên bờ đại dương.

Sau khi nêu bật những dẫn chứng rất sống, rất thực của “bi kịch ngôn ngữ”, Lê Hữu ngậm ngùi:

“Sự chia cách trong ngôn ngữ không giống như những cách ngăn có giới tuyến, mà là những rào cản vô hình, bàng bạc trong đời sống, trong nếp suy nghĩ, trong thái độ, cử chỉ và cung cách đối xử với nhau, khiến con người không cảm thấy ‘gần’ nhau được. Cùng một màu da, cùng chung tiếng nói, cùng một chữ viết, nhưng lại ‘bất đồng ngôn ngữ’...”

Và cuối cùng, ông ao ước:

*“Bao giờ cho đến bao giờ, những con người cùng một màu da, cùng một tiếng nói, cùng một chữ viết không còn nữa những ‘bất đồng ngôn ngữ’, để cho ngôn ngữ không phải... ngậm ngùi...” ****

Quả thực cụm từ “*bất đồng ngôn ngữ*”, được Lê Hữu sử dụng trong trường hợp này, chuẩn xác đến muốn chảy nước mắt.

Tác phẩm “**Ngôn Ngữ Ngậm Ngùi**” của Lê Hữu không phải chỉ có câu chuyện buồn “bất đồng ngôn ngữ” giữa những người cùng một màu da, một tiếng nói, một chữ viết.

Trong hơn 20 đề mục của tập sách dày 300 trang khổ giấy thông thường, chỉ có 5 đề mục đầu và một đề mục cuối cùng được tác giả lấy tên (của đề mục) làm tên chung cho cả tập sách, được dùng để đi trực tiếp vào chủ đề chính của tập sách. 15 đề mục còn lại, mới đọc qua, tưởng chừng như không “ăn nhập” gì với tên chung, là về “ngôn ngữ ngậm ngùi”. Một số đề mục thì nói những “chuyện đầu đầu” như: **Giao Thừa Trên Mây**, hay dưới đất thì có **Chú Hè Buồn Bã**, hoặc “giả tưởng” như **Căn Nhà Cuối Cùng Của Tôi**. Số đề mục còn lại tác giả dành viết về tác phẩm của một số người hoạt động nghệ thuật trong các lãnh vực văn, thơ, nhạc, hình.

Tôi cho đây là một dụng ý rất “tinh tế” của Lê Hữu. Những trang văn không đã động chút nào đến nỗi ngậm ngùi của ngôn ngữ, mà bằng khả năng sử dụng ngôn ngữ khá nhuần nhuyễn, ông đã làm ngôn ngữ thăng hoa qua những sự kiện, chi tiết rất đời thường trong những mẩu chuyện (thực) ông kể lại, hoặc qua chính những trang phân tích tác phẩm văn, thơ, nhạc, hình của một số tác giả nổi tiếng đương thời.

Ở những trang văn này, Lê Hữu đã gián tiếp cho chúng ta thấy nét đẹp của ngôn ngữ, ngôn ngữ có âm

thanh và ngôn ngữ không có âm thanh, không cả chữ viết. Trong thế giới ngôn ngữ của Lê Hữu, thể hiện qua những trang văn đẹp, trang trọng, không có chỗ cho những bất đồng (ngôn ngữ). Bằng bạc trong đó, người đọc nhận ra ý đồ chính của tác giả: ngôn ngữ là phương tiện con người gửi đến nhau tình yêu, sự cảm thông, sự hiểu biết, và sự chia sẻ với nhau niềm vui nỗi buồn. Đó là chức năng chính của ngôn ngữ. Vì lý do ấy mà ngôn ngữ có mặt. Vì lý do ấy mà mỗi dân tộc, mỗi quần thể văn hóa có thứ ngôn ngữ riêng của mình.

Đơn giản chỉ có thế.

Ngậm ngùi thay, đó là sự đơn giản khó đạt được nhất.

Tác phẩm “**Ngôn Ngữ Ngậm Ngùi**” của Lê Hữu, là một đóng góp khiêm tốn cho nỗ lực đạt đến điều khó đạt ấy.

T.Vấn

Chú Thích:

*Âm Nhạc Của Một Thời - Lê Hữu - Giờ Ra Chơi xuất bản - Hoa Kỳ 2011

**Ngôn Ngữ Ngậm Ngùi - Lê Hữu - Ấn bản điện tử do Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu thực hiện - Hoa Kỳ 2016

***Những chữ *in nghiêng (italic)* trong bài đều trích từ “Ngôn Ngữ Ngậm Ngùi” của Lê Hữu

Những “kẻ lạ mặt” trong ngôn ngữ



“Ai phụ trách khâu ẩm thực?”

Câu ấy nghe được trong cuộc họp của các thầy cô giáo ở một trường dạy tiếng Việt cho trẻ em, bàn về việc tổ chức buổi *picnic* cho thầy cô và phụ huynh học sinh. Xin lạm bàn một, hai ý như thế này:

Thứ nhất, câu ấy có sáu chữ thì hết bốn chữ là tiếng Hán-Việt (“phụ trách”, “ẩm thực”). Thứ hai, ba chữ cuối ở trong câu (“khâu”, “ẩm thực”) là những chữ “mới”, du nhập “từ Bắc vô Nam” sau năm 1975.

Giáo dục sinh nghe được câu ấy bèn giơ tay hỏi cô giáo trong lớp:

“‘Âm thực’ là gì thưa Cô?”

“‘Âm’ là uống, ‘thực’ là ăn. ‘Âm thực’ là tiếng Hán-Việt, có nghĩa là ‘ăn uống’.”

“Tiếng Hán-Việt là tiếng gì vậy Cô?”

“Là tiếng Hán, tức là tiếng Trung quốc, đọc theo âm Việt.”

“Vậy sao mình không nói ‘ăn uống’, là tiếng Việt của mình, mà lại nói ‘âm thực’ thưa Cô?”

“...”

Cô giáo chắc cũng hơi bối rối, và cũng hơi khó trả lời, chẳng lẽ lại nói là “Cô cũng không rõ, nhưng nhiều người đều... nói vậy”. Em học sinh ấy nói đúng. Tại sao người Việt ở trong nước, và cả ở ngoài nước, vẫn thích nói “âm thực” hơn là nói “ăn uống”? Có phải vì nói “ăn uống” nghe phàm tục, nói “âm thực” nghe thanh tao và “trí tuệ” (*) hơn chăng? Trước năm 1975, người Việt ở miền Nam không nói “Ai phụ trách khâu âm thực?” mà có nhiều cách nói đơn giản hơn và dễ hiểu hơn, chẳng hạn: “Ai lo vụ ăn uống?”, hoặc “Chuyện ăn uống ai lo?”, hoặc “Thức ăn, thức uống ai lo?”...

Nếu cứ phải vay mượn tiếng Hán-Việt hoặc tiếng nước ngoài trong sinh hoạt hàng ngày, trong lúc kho tàng tiếng Việt của chúng ta không hề thiếu thốn những chữ ấy thì thật khó mà thuyết phục các em tin được rằng “Tiếng Việt giàu và đẹp” như chúng ta vẫn tự hào. (Đã gọi là “giàu” thì tại sao lại phải đi vay, đi mượn cho khổ vậy?!?). Những tiếng Hán-Việt nặng nề và tối tăm ấy hoàn toàn không giúp gì được cho việc “giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt” mà những người

làm công tác giáo dục ở trong nước vẫn hô hào, như là một khẩu hiệu trong số khá nhiều khẩu hiệu thuộc dạng “nói cho vui”, “nói mà không làm”, “nói một đằng, làm một nẻo”, hoặc... “nói vậy mà không phải vậy”.

Những chữ nghĩa kiểu ấy khá phổ biến đến mức xâm nhập cả vào các trường dạy tiếng Việt, là nơi dạy học trò nói đúng, viết đúng trong tinh thần “bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc”. Bên dưới là một ít ví dụ, và các đề nghị nói thế nào cho đúng, rõ nghĩa, dễ hiểu, và “Việt ngữ” hơn (chỉ là các câu mẫu, người đọc có thể cho những câu khác tốt hơn):

- Thay vì nói: “Cô giáo Mỹ Linh *đứng* lớp Năm”, nên nói: “Cô giáo Mỹ Linh *dạy* lớp Năm” (không có... *đứng*, ngồi, nằm, quỳ chi cả).

- Thay vì nói: “Giáo viên cần soạn *giáo án* trước khi *lên* lớp”, nên nói: “Thầy cô cần soạn *bài giảng* trước giờ dạy” (không có giáo án, phương án...; không có... *lên*, xuống, ra, vào chi cả).

- Thay vì nói: “Phụ huynh *đăng ký* cho con em học Việt ngữ”, nên nói: “Phụ huynh *ghi tên* cho con em học tiếng Việt”.

- Thay vì nói: “Các em *tiếp thu* tương đối chậm”, nên nói: “Các em *hiểu* chậm”.

- Thay vì nói: “Học sinh đi *tham quan* một xí nghiệp”, nên nói: “Học sinh *đi thăm* một nhà máy”.

- Thay vì nói: “Đội văn nghệ sẽ *tham gia biểu diễn* một tiết mục”, nên nói: “Ban văn nghệ sẽ *đóng góp* một màn *diễn*”.

- Thay vì nói: “Ban giảng huấn sẽ *dự giờ đột xuất* các lớp học của giáo viên”, nên nói: “Ban giảng huấn sẽ vào lớp xem thầy cô giảng dạy mà không báo trước”.

- Thay vì nói: “Lớp Võ Lòng *chủ yếu tập trung* vào *khâu* đánh vần”, nên nói: “Lớp Võ Lòng dạy các em đánh vần *là chính*”.

- Thay vì nói: “Cô giáo *phát hiện* em Nga có năng khiếu về môn Văn”, nên nói: “Cô giáo *nhận thấy* em Nga có *khiếu* về môn Văn”.

- Thay vì nói: “Các em về nhà *tranh thủ ôn tập*”, nên nói: “Các em về nhà *cố gắng ôn bài*”.

- Thay vì nói: “*Tuyệt đại đa số* các em *tiếp thu* tốt”, nên nói: “*Hầu hết* các em *hiểu bài*”.

- Thay vì nói: “Cần nâng cao *chất lượng* trong *công tác* giảng dạy”, nên nói: “Cần dạy sao cho các em mau tiến”.

Trên đây chỉ là một ít trong số khá nhiều câu cú, chữ nghĩa nghe “lạ tai”, từ miền Bắc “xâm nhập” vào miền Nam Việt Nam, và “bành trướng” ra tới hải ngoại. Nếu đây là những tiếng hay ho, ý nghĩa, làm giàu thêm kho tàng tiếng Việt thì ta cũng phần khởi hồ hởi (*) mà tiếp thu (*), đằng này chỉ thấy chói tai và mệt óc vì phải vừa nghe vừa cố đoán xem người nói muốn nói cái gì(!?). Nhiều người trong chúng ta lắm lúc vẫn sử dụng những “tiếng Việt mới” ấy như một thói quen (quen nghe, quen nói, quen viết) từ những năm sống ở trong nước sau 1975. Thói quen khó bỏ ấy biến chúng ta thành những *volunteer* tiếp tay truyền bá chúng, giúp chúng bén rễ nảy mầm, sinh sôi nảy nở trong khối óc non nớt, trong trắng của con em mình. Nếu bắt các cháu cứ phải nghe đi nghe lại mãi những “đứng lớp, lên lớp”, “giáo án, đáp án”,

“đăng ký, đăng cai”, “tiếp thu, tiếp quản”, “đột xuất, đột kích”, “chủ yếu, chủ trì”, “tuyệt đại đa số, tuyệt đại bộ phận”... thì kể cũng... tội nghiệp cho các cháu.

“Tiếng Việt còn, nước Việt còn” hoặc “Tiếng Việt còn, người Việt còn”, ở đâu ta cũng nghe những câu ấy, nhưng chắc không phải là thứ “tiếng Việt” lạ lùng, hoặc nửa Hán nửa Việt, nửa Tàu nửa ta, chẳng thấy “giàu” cũng chẳng thấy “đẹp”, chẳng thấy “trong” cũng chẳng thấy “sáng” (chỉ thấy... tối mò mò), và chắc cũng không phải là “Tiếng Việt mến yêu” mà chúng ta muốn “bảo tồn và phát huy” cho thế hệ hôm nay và ngày mai.

(Tất nhiên không phải từ ngữ Hán-Việt nào cũng cần loại bỏ hoặc có thể thay được bằng từ ngữ thuần Việt. Nhiều tiếng Hán-Việt từ lâu vẫn được sử dụng trong ngôn ngữ của người Việt và đã trở nên quen thuộc, gần gũi, không dễ gì tìm được tiếng thuần Việt nào tốt hơn hoặc tương đương để thay thế. Những tiếng Hán-Việt trong các ví dụ trên là những tiếng có thể thay được bằng tiếng thuần Việt, và “hay” không kém).

“Tiếng Việt còn, nước Việt còn”, nói cho ngay, tiếng Việt chắc chắn là phải còn, chứ mất đi đâu được. Chỉ có điều, e rằng đến một lúc nào đó, “tuyệt đại đa số”^(*) (hay “tuyệt đại bộ phận”^(*)) tiếng Việt đều có “chất lượng tối ưu”^(*) như thế cả thì cái “còn” ấy kể cũng... ngậm ngùi.

“*Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời...*”, cứ mỗi lần nghe câu hát quen thuộc ấy cất lên là mỗi lần tôi lại phân vân tự hỏi, “Liệu những ‘kẻ lạ mặt’ trong ngôn ngữ ấy có phải là ‘tiếng nước tôi’, và liệu những đứa cháu của tôi có phải ‘yêu’ chúng ‘từ khi mới ra đời’?”

Nếu không, chúng phải có một cái tên gì chứ? Tự điển tiếng Việt gần đây có thêm một từ ngữ mới: “tàu lạ”, được giải nghĩa là “tàu, thuyền của Trung quốc”. Để cho dễ gọi, tôi cũng muốn đặt tên cho những “kẻ lạ mặt” ấy là “tù lạ”. Tương tự những biện pháp nhằm đối phó với các tàu lạ, chúng ta cũng cần đề cao cảnh giác để “phát hiện”^(*) kịp thời những “tù lạ” ngấm ngầm, lẩn lút, trà trộn, xâm nhập vào miền đất xanh tươi của “Tiếng Việt mền yêu”.

Chỉ khi nào tổng khứ được những “tù lạ” thổ tả này đi chỗ khác chơi, chúng ta mới mong trả lại được sự “trong sáng” cho tiếng Việt.

^(*) Từ ngữ phổ biến ở trong nước

Dấu huyền hay dấu nặng?



“‘Có học phải có *hạnh*’ và ‘Cố học phải có *hành*’, câu nào đúng thưa thầy?”

Một thầy giáo trẻ hỏi tôi câu ấy trong giờ ra chơi của học sinh. Tôi hỏi lại:

“Ồ đâu ra câu ‘Cố học phải có *hành*’?”

“Các tài liệu giáo khoa ở trong nước. Và ở đây nữa, đôi lúc cũng thấy ghi như vậy.”

Thay vì trả lời câu hỏi, tôi mời thầy giáo trẻ ấy một tách café và kể mẩu chuyện nhỏ: Một phụ huynh nói với tôi rằng, muốn biết học sinh học được những gì ở một trường Việt

ngữ, hãy đến thăm trường ấy trong giờ ra chơi của các em. Ông phụ huynh ấy đã đến thăm trường này, và chỉ sau ít phút đứng quan sát các em trong giờ chơi, ông quyết định ghi tên cho con mình theo học tại trường. Ông đã “thấy” gì? Ông thấy các em nhỏ khi gặp thầy, cô giáo và các cô chú phụ huynh đều cúi đầu chào “Con chào Thầy”, “Con chào Cô”, “Con chào chú”... Ông thấy lại hình ảnh cậu học trò nhỏ nhiều năm về trước, khoanh tay cúi đầu chào thầy cô giáo và những người lớn tuổi. Cậu học trò nhỏ ấy chính là ông, và nay ông muốn thấy con mình cũng ngoan ngoãn và lễ phép như thế.

Ngoan ngoãn và lễ phép, đó là chữ “lễ” ở trong câu “Tiên học lễ, hậu học văn”, và là chữ “hạnh” ở trong câu “Có học phải có hạnh”.

“Thì ra là vậy,” thầy giáo trẻ nói. “Thầy không nói thì em đâu biết.”

“Nhiều người cũng không biết như em, vì có ai dạy như thế đâu mà biết. Bao nhiêu sách vở ở miền Nam trước năm 75 đã bị đốt sạch.”

Từ sau năm 1975, người ta đã lập lòe một cách cố ý, đánh tráo chữ “hạnh” bằng chữ “hành” trong câu châm ngôn trên. Đánh tráo chữ “hạnh” ấy là đánh tráo những giá trị về luân lý, đạo đức của một nền văn hóa truyền thống. Đánh tráo cái “dấu nặng” ấy là muốn tháo gỡ những khẩu hiệu vẫn được treo dán trong các lớp học ở miền Nam Việt Nam ngày trước như “Tiên học lễ, hậu học văn”, “Có học phải có hạnh”, “Cái nết đánh chết cái đẹp”, “Không thầy đố mày làm nên”. Bôi xóa cái “dấu nặng” ấy là bôi xóa hình ảnh con người ăn ở có nhân có nghĩa, có thủy có chung, có trước có sau, có trên có dưới, để thay bằng “con người mới”⁽¹⁾ và nếp sống mới, chả

cần phải phép tắc, lễ nghĩa, nét na linh cà linh kinh. Cũng chả cần phải “công, dung, ngôn, hạnh” hay “Trai thời trung hiếu làm đầu / Gái thời tiết hạnh là câu sửa mình” (“Lục Vân Tiên”, truyện thơ Nguyễn Đình Chiểu) lắm cà lắm cảm.

Nhiều người dễ tính có thể nói “‘Có học phải có hành’ thì cũng đúng thôi”. Vâng, cũng đúng thôi, thế nhưng “‘Có học phải có hạnh’ là câu châm ngôn nằm lòng được ghi rõ trong bộ sách giáo khoa mẫu mực từ trước năm 1945,⁽²⁾ được giảng dạy cho nhiều thế hệ học trò, và thường thì người ta không việc gì phải đi sửa một câu châm ngôn, nếu câu ấy không có gì sai, nhất là việc sửa đổi không làm cho câu ấy đúng hơn, hay hơn. Hai câu ấy có hai nghĩa khác nhau, và câu được sửa lại, “‘Có học phải có hành’”, chắc chắn không mang ý nghĩa mà ông cha ta và những thầy cô giáo của những thế hệ trước thiết tha muốn truyền đạt cho thế hệ sau.

Tương tự, không việc gì phải đổi “‘Công cha nghĩa mẹ’” thành “‘Ơn cha nghĩa mẹ’”, hoặc “‘Công cha như núi Thái Sơn...’” thành “‘Ơn cha như núi Thái Sơn...’” trong câu ca dao mà ai cũng thuộc nằm lòng từng chữ. Tại sao không chịu gọi là “‘Công’” cho nó đàng hoàng? “‘Công’” ấy là “‘công đức sinh thành’”, là “‘công ơn dưỡng dục’” mà phận làm con phải báo đáp “‘cho tròn chữ hiếu mới là đạo con’” (chứ không phải chỉ “‘Cám ơn’” xuống một tiếng là xong).

Không thể tùy tiện sửa đổi, thêm bớt, ché biên ra “‘hàng nhái’”,⁽¹⁾ hàng giả, hoặc giải thích khác đi ý nghĩa của các câu tục ngữ, ca dao đã trở thành khuôn mẫu và “‘chuẩn mực đạo đức’”⁽¹⁾ từ ngàn xưa của ông cha ta.

Vì sao những người làm công tác giáo dục ở trong nước lại muốn đổi chữ “‘hạnh’” ra chữ “‘hành’”? Chắc chắn không phải là đổi cho... vui. Có phải vì cho rằng chữ ấy không cần

thiết lăm, hoặc đã... lỗi thời nên người ta “nhất trí”⁽¹⁾ thay chữ “hành” vào câu châm ngôn ấy, và cho chữ “hạnh” đi chỗ khác chơi? Cho chữ “hạnh” đi chỗ khác chơi có nghĩa là cho những bài học “thảo kính cha mẹ”, “kính thầy yêu bạn”, “đi thưa về trình”, “gọi dạ bảo vâng”, “lễ phép với người già”, “giúp đỡ người tàn tật”... đi chỗ khác chơi. Thành thử, nếu học trò gặp thầy cô, gặp các bác, các cô, các chú... mà cứ trơ mắt ếch ra thì chắc chắn không phải là lỗi của các em, vì có được “học” đâu mà... “hành”.

Giá dụ học sinh nào nêu thắc mắc, “Bố con nói ‘Có học phải có hạnh’”, cán bộ giáo dục sẽ nhanh chóng “lên lớp”⁽¹⁾ để đả thông tư tưởng: “Sai. ‘Có hành’, không phải ‘có hạnh’. Viết ‘hạnh’ là... sai chính tả. Không có ‘hạnh học’ gì cả. ‘Hành’ nghĩa là ‘chấp hành nghiêm chỉnh’, bảo gì làm nấy, không thắc mắc khiếu nại chi cả.”

Không ngạc nhiên chút nào khi mà ở trong nước, nền luân lý, đạo đức truyền thống của dân tộc đang ngày càng “xuống cấp”⁽¹⁾ trầm trọng. Không ngạc nhiên chút nào khi mà trên các trang báo, trang mạng hàng ngày nhan nhản, tràn lan những bài báo, những hình ảnh, những khúc phim “minh họa” các thành tích nổi bật về “hành sự”⁽¹⁾ của học sinh trong nước, những thành tích “siêu đẳng” khiến các bậc phụ huynh phải... lạnh người.

Không phải chỉ là chuyện cái đầu huyền hay đầu nặng, cái khác nhau giữa “đầu huyền” và “đầu nặng” ấy là cái khác nhau giữa hai nền giáo dục trước và sau năm 1975 ở trong nước.

“Cái nền văn hóa giáo dục không-có-chữ-hạnh ấy rồi sẽ đi đâu, về đâu?” Đường như không mấy ai thắc mắc về chuyện ấy. Đường như không ai cảm thấy mình có trách

nhiệm phải trả lời câu hỏi ấy. Người ta mãi đi tìm câu trả lời cho những câu hỏi thiết thực hơn, chẳng hạn “Làm cách nào để nhét tiền đầy túi?” Thử bước vào một tiệm sách lớn ở trong nước, những đầu sách bán chạy nhất thuộc về loại sách thực dụng. Những sách “học làm người” của miền Nam ngày trước được thay bằng sách “học làm giàu”, đại loại “Làm thế nào để trở thành nhà kinh doanh giỏi?” Cả nước đua nhau kiếm tiền, đua nhau làm giàu. Khi đã mãi mê làm giàu, người ta không còn màng đến chuyện gì khác nữa. Chuyện nếp sống văn minh văn hóa “nâng cấp”⁽¹⁾ hay “xuống cấp”⁽¹⁾ chả có ăn nhập gì tới họ. Làm như đất nước này là đất nước của ai vậy, chứ không phải “*Cái nhà là nhà của ta / công khó ông cha lập ra...*”

Trở lại chuyện “học” và “hành”, có hai câu hỏi được đặt ra. Thứ nhất, các em học sinh đã “học” được những gì ở trường, lớp để rồi được khuyến khích hãy mang ra mà... “hành”? Thứ hai, ngoài việc đánh tráo cái “dấu nặng”, liệu người ta còn đánh tráo những gì khác nữa trong các tài liệu giảng dạy cho học sinh?

Chỉ xin quý thầy cô ở trong nước (và cả ở ngoài nước) một điều: trong kho tàng ca dao, tục ngữ, thành ngữ, châm ngôn... của người Việt mình không thiếu những câu về “hành”, chẳng hạn “Học đi đôi với hành”, “Tri hành hợp nhất” hoặc “Lý thuyết phải đi đôi với thực hành”, thầy cô cứ việc mang ra mà giảng dạy cho các em học sinh. Riêng câu châm ngôn “Có học phải có hạnh” thể hiện nét đẹp và bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc mình mà người Việt luôn tự hào, xin vui lòng cứ để yên đấy, không việc gì phải thay đổi “... có hạnh” thành ra “có hành”.

Thật may một điều, ở quanh đây chúng ta vẫn còn có những trường dạy tiếng Việt và văn hóa Việt cho trẻ em người Mỹ gốc Việt. Không chỉ dạy học sinh phép tắc lễ nghĩa, những trường Việt ngữ mà tôi được biết, trong các lễ mãn khóa cuối năm học, ngoài các phần thưởng dành cho học sinh giỏi, luôn luôn có phần thưởng đặc biệt về hạnh kiểm. Một học sinh nhận được bằng khen “xuất sắc” phải vừa học lực giỏi, vừa hạnh kiểm tốt. Qua việc khen thưởng ấy, các thầy cô muốn các em ghi nhớ: “Có học phải có **hạnh**”.

Hãy trả lại “đầu nặng” cho câu châm ngôn ấy. Hơn thế nữa, hãy trả lại môn học Đức Dục cho các trường học của người Việt.

(1) Từ ngữ phổ biến ở trong nước

(2) “Quốc-Văn Giáo-Khoa Thư, lớp Sơ-Đẳng”, 1938
và “Luân-Lý Giáo-Khoa Thư, lớp Sơ-Đẳng”, 1941

Bạn thật, bạn giả



*“Bạn giả cũng tựa như bạc giả,
đã không xài được mà để trong túi
có khi mang họa.”*

Nhiều người vẫn cho rằng một trong những hạnh phúc trên đời này là tình bạn. Điều này thì ai cũng dễ dàng đồng ý thôi. Thế nhưng, để có tình bạn thực sự thì cần có những người bạn thực sự. Như thế nào gọi là một người bạn?

Liệu có phải những ai ta vẫn giao du đều là bạn cả? Không đâu, số người ấy gồm cả “bạn” lẫn “bè”, và phần nhiều là bè hơn là bạn. “Bạn bè” không phải là lối nói cho xuôi tai, cũng không phải là “tư láy”, “tư đệm” này nọ như nhiều người tưởng mà là “tư ghép” của hai chữ “bạn” và “bè”. Bạn, nói đơn giản, là người đồng hành cùng chia vui sẻ buồn với ta trên những chặng đường đời. Bè là những kẻ tạt

ngang qua đời ta trong chốc lát, rồi đường ai nấy đi mà không chút vẩn vương.

Tình bạn và tình bè

Bè là một dạng “bạn qua loa”. Bè trong những chữ “bè cánh”, “bè lũ”, “bè phái”, “kết bè, kết đảng” gọi lên những ý tưởng chẳng lấy gì làm hay ho.

Kết bè luôn luôn dễ dàng hơn kết bạn, như ta dễ dàng “cụng ly” với người mới tiếp xúc lần đầu trong một bàn tiệc. Bạn nhậu là một trong những dạng “bè” khá phổ biến. Bàn nhậu và cuộc nhậu mở ra những cơ hội thuận tiện cho những ai có nhu cầu kết bè.

“Bè” dễ đến, dễ đi. Những khi ta có những gì họ muốn thì bè xăng xái “tấp” vào, những lúc ta chẳng còn gì cho họ thì bè lặng lẽ “trôi” đi. Những kẻ ở quanh ta trong những cuộc vui ồn ào mà ta tưởng là “bạn” thường chỉ là “bè”. Như những cuộc vui chóng tàn, những người “bạn” dễ dãi ấy cũng nhanh chóng biến mất khỏi đời sống chúng ta. Những con người ta dễ lầm tưởng là “bạn” ấy, nhiều lắm chỉ đi với ta một đoạn đường ngắn ngủi, cũng không khác mấy những anh chàng, những cô nàng vớ vẩn mà ta có lần “đụng” phải, có lần gặp gỡ phát phơ đầu đó trong đời này, nói dăm ba câu chuyện nắng mưa rồi chia tay, đường ai nấy đi và chẳng bao giờ còn gặp lại lần thứ hai.

“Bè” cũng hay “đổi bè”, khi thì hát “bè” này, lúc thì chơi “bè” khác. Tình bè khó mà bền chặt vì thiếu sự hiểu biết và tin cậy. Bè cũng có khi hóa thành bạn, tình bè cũng có khi đổi sang tình bạn nếu chung sống được với nhau lâu dài. Thường thì bè chỉ là bè.

“Có hoạn nạn mới biết bạn, bè” (có dấu phẩy [,] ở giữa hai chữ “bạn” và “bè”), câu ấy không mới nhưng chẳng bao giờ cũ, chẳng bao giờ sai, và cũng cho thấy một trong những “đức tính” nổi bật của bè là những lúc “bạn” khôn đốn thì “bè” chẳng thấy mặt mũi đâu cả và thường viện dẫn những lý do chính đáng để không phải ra tay nghĩa hiệp với bạn mình.

Hầu như ai cũng có ít nhiều bè, là những người ta vẫn tiếp xúc vì nhu cầu giao tế hoặc cùng môi trường sinh hoạt (làm việc, giải trí, hội hè...), nhưng không kể là bạn nên họ phải là bè. Ngược lại, ta cũng là bè của nhiều người, những người không thực sự xem ta là bạn. Cuộc sống là vậy. Thường thì bè cũng vô thường vô phạt, nếu ta chẳng trông cậy gì ở bè thì cũng không phải thất vọng vì bè.

Bạn cũng có bạn thân, bạn sơ. “Bạn sơ” có điếm giống “bè” là ta không biết gì nhiều về họ nên không đủ độ tin cậy. Bạn thân thường là bạn quen biết và gắn bó lâu năm, là người biết rõ cả tính tốt lẫn thói hư tật xấu của ta. Bạn thân là người từng chia sẻ cùng ta những vui buồn, sướng khổ, và là người ta tin cậy được để chia sẻ những nỗi niềm. Bạn thân không hẳn là tương đắc, tri kỷ hoặc gắn nhau về tính cách, sở thích, quan niệm. Bạn thân cũng không hẳn là người thật tốt. Có những người thật tốt với ta, có khi tốt hơn cả những bạn thân, nhưng ta vẫn không cảm thấy gần gũi, thân mật, vì thế không gọi là bạn thân.

Tình bạn thường “tĩnh” hơn là “động”, lặng lẽ hơn là sôi nổi. Ở giữa hai người bạn thân là sự đồng cảm. Tận cùng của đồng cảm là thỉnh lặng.

Tình bạn cần có một bề dày của sự gắn bó, hiểu biết, cảm thông và tin cậy. Đến một tuổi nào đó người ta thật khó mà

có thêm được những người bạn mới, trong lúc những người bạn cũ thì cứ mất đi lần lần. Càng lớn tuổi người ta càng cảm thấy cô đơn là vì vậy, và chẳng còn cách nào hơn là cố mà giữ lấy và yêu lấy những tình bạn cũ kỹ, hiếm hoi còn sót lại.

Những người tưởng rằng mình có nhiều bạn, thực ra là những người không có hoặc có rất ít bạn, và không biết phân biệt đâu là bạn, đâu là bè; hơn thế nữa, đâu là bạn thật, đâu là bạn giả.

Bạn thật tình thật, bạn giả tình giả

Bạn lại có “bạn thật” và “bạn giả”. Bạn thật là khuôn mặt thật, không điểm phấn tô son. Bạn giả là chiếc mặt nạ, với nhiều lớp phấn dày. Như cuộc sống có hai mặt, con người vừa có bạn thật lại vừa có bạn giả. Rủi thay, bạn giả lúc nào cũng nhiều hơn bạn thật. Bạn giả thì tình cũng giả, đến với ta vì cái gì đó khác hơn là tình thật.

Bạn giả là người đóng giả vai người bạn, ngoài mặt tỏ ra thân thiết nhưng có thể bất ngờ tặng cho ta những nhát dao trí mạng lúc ta vừa quay lưng, hoặc phun ra những nọc độc của lòng đố kỵ. Đôi lúc có kẻ thù còn dễ chịu hơn là có những người bạn giả. Bạn giả cũng tựa như bạc giả vậy, đã không xài được mà để trong túi có khi mang họa.

Bạn giả cải trang rất khéo, luôn ra vẻ tình nghĩa thăm thiết, nói năng toàn những lời hay lẽ phải, nhân nghĩa lễ trí tín đầy đủ cả. Thường thì người ta nhận diện được bạn giả khá muộn màng, đành tự an ủi là học được bài học quý giá (với chút vị đắng cay) về những tình bạn... giả.

Bạn giả như rượu giả, nốc vào mới ngã ngửa ra.

Bạn thật và bạn giả đều là những “bạn” ta quen biết khá lâu. Làm sao mà biết được bạn nào là thật, bạn nào là giả?

Bạn thật là người thực tâm mong muốn những điều tốt lành cho người bạn mình, là người vui sướng thấy bạn mình hạnh phúc, may mắn và thành công trong cuộc sống như là hạnh phúc, may mắn và thành công của chính mình vậy (dẫu có “qua mặt” mình đi nữa). Bạn thật không bỏ qua cơ hội nào giúp bạn mình thăng tiến trên đường đời. Bạn thật không ngại tán thưởng về tài năng hoặc thành công của bạn mình để giúp bạn thêm tự tin mà tiến bước, và cũng không ngại nói thẳng nói thật về những sai quấy của bạn mình để giúp bạn cải thiện bản thân. Bạn thật không ngại nói tốt về bạn mình sau lưng bạn, và cũng không ngại bác bỏ thẳng thừng những điều tiếng xấu nhắm vào bạn mình. Bạn thật là bàn tay chia ra cho bạn mình nắm lấy lúc sa cơ thất thế, là đôi nạng cho bạn mình tựa vào lúc chông chênh, nghiêng ngã giữa dòng đời xuôi ngược. Bạn thật là người ở bên ta những lúc ta điêu đứng, trần trụi, là người đến với ta trong những thời kỳ đen tối nhất của đời ta, và cũng là người ta có thể đến gõ cửa mà không cảm thấy ngại ngùng khi cần sự giúp đỡ.

Bạn giả là người có những “đức tính” trái ngược hoặc không giống như trên.

Những người bạn thật như thế làm sao mà có nhiều được, thường chỉ đếm được trên những đầu ngón tay của một bàn tay (và ít khi đếm hết được). Con số này lại hao hụt dần và không kiếm đâu ra được để mà thay thế khi ta bước vào buổi hoàng hôn của đời người. Những con người ta gặp gỡ vào tuổi xế chiều, khi mà quỹ thời gian đã gần cạn, làm sao mà có đủ bề dày của một tình bạn.

Chẳng ai có hứng thú gì đánh bạn với những người bạn già, trừ khi ta cũng là... bạn già.

Làm sao để có được những người bạn thật và những tình bạn thật? Tôi chắc câu trả lời được nhiều người tán đồng là: “Trước hết, bạn hãy tỏ ra là người bạn thật.”

Lúc nào rảnh rỗi, bạn thử làm việc này: với cây bút và tờ giấy, vẽ ra hai cột dọc “Bạn” và “Bè” và ghi xuống tên các “thân hữu” mà ta vẫn giao du vào mỗi cột tương ứng. Từ cột “Bạn”, có thể di chuyển một ít tên sang cột thứ ba là cột “Bạn Giả” khi “phát hiện” những biểu hiện là lạ cần phải đặt dấu hỏi và xem xét lại cẩn thận ở những “bạn” này. “Bảng phân loại” này giúp ta có được cách xử sự phù hợp với từng đối tượng và tránh được, hoặc ít ra cũng hạn chế được, những rủi ro đáng tiếc trong mỗi giao du bè bạn.

Với những ai tôi thực lòng quý mến, tôi vẫn nói: “Tôi mong cho anh/chị không có bạn hơn là có những người ‘bạn già’. Có được chừng vài ba người ‘bạn thật’ trong đời thì anh/chị là người may mắn và hạnh phúc.”

Bài viết, bài gõ, bài vẽ



“Bài viết dưới đây của giáo sư X gửi ra từ trong nước.”

“Bên dưới là bài viết của một em học sinh trường Việt ngữ Văn Lang ở Seattle.”

Trong số các *từ* ở trong nước được người Việt ở ngoài nước sử dụng với *tần suất* khá cao có *từ* “bài viết”. Bài này xin *tản mạn* chút chút về cái *từ* lâu nay đã trở nên quen thuộc (đặc biệt trong giới truyền thông, báo chí) cả trong lẫn ngoài nước.

Bài viết, cách gọi vừa nghèo vừa lười

Trước hết cần tìm hiểu xem cái *từ* “bài viết” này ở đâu ra. Truy tầm nguồn gốc của *từ* này là việc không dễ dàng chút nào. Một người bạn tôi nói rằng *từ* “bài viết” được phổ biến

kể từ khi một loạt... bài viết gọi là “Những việc cần làm ngay” của tác giả ký tên NVL xuất hiện trên một tờ báo lớn ở trong nước vào giữa năm 1987. Một bạn khác lại nói rằng *từ* này đã có từ thời... Nhân Văn-Giai Phẩm (trong loạt bài công kích các văn nghệ sĩ tham gia phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm có thấy lác đác *từ* này), hoặc trước đó nữa. Thật khó mà xác quyết, chỉ biết rằng *từ* này không thấy sử dụng ở miền Nam Việt Nam trước năm 1975, hoặc nếu có thì cũng hiếm khi chứ không tràn lan vô tội vạ trong cả nước như ngày nay.

“Bài viết”, tùy trường hợp được sử dụng hiện nay, có thể được hiểu là:

1. Bài văn, hoặc bài văn xuôi (phân biệt với văn vần) nói chung.

“Bài viết” ở đây chỉ đơn giản là bài văn, bất luận đề tài gì. Có khi là những mẩu chuyện, những ghi chép vụn vặt, có khi là những cảm nghĩ về con người, sự việc, có khi chỉ là một bài “tập làm văn” hoặc luận văn của học sinh. Vài mẫu câu đọc được trên báo chí trong và ngoài nước:

“Tổng hợp những *bài viết* hay nhất về tình yêu, tình bạn.”

“Những *bài viết* của học sinh các trường Việt ngữ.”

“Giải thưởng cho các *bài viết* hay về Hoàng Sa, Trường Sa và Biển Đông.”

2. Bài vở (những bài đăng tải, phổ biến trên báo chí).

Các bài vở gửi cho báo chí gọi chung là “bài viết”, khi đăng tải sẽ xếp loại theo thể loại của bài. Vài mẫu câu:

“*Bài viết* có thể đánh máy hoặc viết tay trên một mặt giấy và gửi về tòa soạn.”

“Khi gửi *bài viết* xin sử dụng dạng chữ unicode.”

“Trả lời chung về *bài viết* tham dự giải thưởng ‘Viết về nước Mỹ’.”

3. Một thể văn.

Thay vì gọi tên thể loại của bài văn thì gọi là “bài viết”.
Vài mẫu câu:

“*Bài viết* của một học sinh lớp 5 với đề bài...” (thay vì gọi là “Bài luận/tập làm văn của...”).

“*Bài viết* ‘Một chuyến Mỹ du’” (thay vì “Bài ký sự/phóng sự...”).

“*Bài viết* tường thuật trận đấu chung kết World Cup 2010” (thay vì “Bài tường thuật...”).

“*Bài viết* có tựa ‘Kinh tế Mỹ đi về đâu?’” (thay vì “Bài nhận định...”).

“*Bài viết* của bình luận gia X về vấn đề dân chủ hóa toàn cầu” (thay vì “Bài bình luận...”).

“*Bài viết* về nguồn gốc và sự hình thành nền tân nhạc Việt” (thay vì “Bài biên khảo...”).

“*Bài viết* vạch rõ những sai lầm của giới lãnh đạo” (thay vì “Bài phê bình...”).

“*Bài viết* của tiến sĩ X về tình hình Biển Đông” (thay vì “Bài phân tích...”).

“Một loạt *bài viết* tên là ‘Những việc cần làm ngay’ đăng trên trang nhất báo Nhân Dân.” (thay vì “Một loạt bài báo...”).

Cứ theo cách gọi như trên, có lẽ chỉ trừ truyện dài, thơ, kịch, thư từ, đơn từ, bài phỏng vấn, bài dịch thuật, còn lại tất cả những bài văn về mọi đề tài mọi thể loại, từ ký sự, phóng sự, bài báo, bài góp ý, bài tường thuật, bài nhận định, bài nghiên cứu, bài phê bình, bài bình luận, bài tham luận, bài nghị luận, bài xã luận, bài tiểu luận, bài phiếm luận, bài khảo

cứu, bài khảo luận, bài biên khảo, bài sưu tầm, đến những bài luận văn, tạp văn, tạp ghi, tạp bút, tùy bút... vân vân thảy đều gọi là “bài viết”. Thậm chí, truyện ngắn đôi khi cũng được/bị gọi là “bài viết”.

Cách gọi bài viết “như là một thể văn” trong các ví dụ trên vừa có vẻ “nghèo” vừa có vẻ “lười”.

(1) Sao gọi là nghèo? Nghèo vì thiếu chữ, không nghĩ ra được tên một thể loại văn xuôi nào để gọi bài văn ấy. Gọi “bài viết” vì... không biết gọi là bài gì.

Trước năm 1975, những từ “bài viết”, “bài nói” hầu như không thấy sử dụng ở miền Nam (chỉ có “bài”, “bài văn”, “bài nói chuyện”), và hầu như không có bài văn xuôi nào mà không có được cái tên thể loại, cho dù người viết muốn viết kiểu nào. Viết linh tinh lang tang, viết chuyện trên trời dưới đất, chuyện không đầu không đuôi, chuyện cà kê dê ngỗng, chuyện nọ xọ chuyện kia... vẫn được gọi là “tạp bút”, “tạp ghi”, “tạp văn”, “tạp luận”, “tản văn”, “đoạn văn”... Viết tả tình tả cảnh, viết tùy hứng, tùy nghi, tùy tiện, vẫn được gọi là... “tùy bút”.

Cách gọi chung chung “bài viết” như thế chỉ có làm nghèo đi chứ khó mà gọi là “làm giàu thêm kho tàng tiếng Việt”.

Cái “nghèo” này còn thể hiện ở không ít từ khác. Tính từ “tốt” chẳng hạn, được sử dụng vô tội vạ: người tốt, việc tốt, lao động tốt, học tập tốt, vệ sinh tốt, đoàn kết tốt, kỷ luật tốt, chấp hành tốt, tham gia tốt, phấn đấu tốt, tự giác tốt, kiểm điểm tốt, tiếp thu tốt, công tác tốt, đồng chí tốt, bạn bè tốt, láng giềng tốt, đối tác tốt..., cái gì cũng tốt, tốt, tốt, mà không rõ là “tốt”... như thế nào, “tốt” ra làm sao(?). Chỉ độc nhất có một chữ “tốt” (làm như tiếng Việt mình không có chữ nào khác để diễn tả cái tốt), muốn hiểu sao thì hiểu. Cũng chớ cần phân biệt tính từ với

trạng từ (nói “học giỏi”, “thi đấu giỏi”, “lãnh đạo giỏi”, chứ không thể nói “học tốt”, “thi đấu tốt”, “lãnh đạo tốt”...).

Hoặc, một thời các bài viết, các sách nghiên cứu, lý luận, phê bình ở miền Bắc thường có cái tựa bắt đầu bằng chữ “Về”, nói về một sự kiện, biến cố, chủ thuyết..., như “Về chủ nghĩa thực dân mới”, “Về chủ nghĩa tư bản hiện đại”, “Về công tác văn hóa văn nghệ”, “Về phong trào thơ mới”, “Về Tự Lực Văn Đoàn”.

Hoặc, các bài viết lan man thường có cái tựa bắt đầu bằng “Tản mạn về...”, như “Tản mạn về tiếng Việt”, “Tản mạn về bóng đá”, “Tản mạn về rượu vang”, “Tản mạn về mùa thu”, “Tản mạn về tình yêu”, “Tản mạn về thư pháp ngày xuân”... Cách đặt tựa “Tản mạn về...” này cũng được người Việt ngoài nước *tiếp thu* và ưa chuộng, mặc dầu “tản mạn” (tính từ) chỉ có nghĩa tương tự “rải rác”, “rời rạc”, chứ không có nghĩa như “mạn đàm”, “chuyện trò” (động từ). Nói “ý nghĩ tản mạn” hoặc “câu chuyện tản mạn” thì hợp nghĩa hơn.

(2) Sao gọi là lười? Lười đến mức không cho nổi bài văn ấy một cái tên thể loại.

Lười vì không muốn/không chịu *động nã*. Từ một bài tập làm văn của một học sinh tiểu học đến những bài nghiên cứu, lý luận, phê bình của các học giả, các nhà khoa bảng, hoặc nhà văn, nhà báo, người cầm bút chuyên nghiệp đều là... “bài viết” tuốt.

Lười vì gọi thế cho... xong chuyện, không phải mất thì giờ tìm kiếm cái tên gọi thích hợp. Lười vì ai gọi sao thì mình gọi vậy.

Cách gọi “nghèo” và “lười” ấy không cho người đọc có chút khái niệm nào về bài gọi là “bài viết”. Ai lại chả biết là bài viết, nhưng mà là bài... gì mới được chứ? Cái từ “bài viết” nghe rất *chung chung*, rất phát phơ, rất “huê vốn”.

Cách tốt nhất vẫn là chịu khó cho “bài viết” ấy một cái tên thể loại đàng hoàng.

Bài gõ, tại sao không?

Cần hiểu như thế nào về từ “bài viết” hiện nay? Liệu có thể định nghĩa tổng quát: *Nói chung*, “bài” gì được “viết” ra trên giấy đều có thể gọi là “bài viết” được.

Thực tế, ngày nay nhiều bài viết được gõ ra trên màn hình computer từ bàn phím hơn là viết ra trên giấy từ cây bút. Như thế chắc phải gọi là... “bài gõ” thì chính xác hơn. “Bài gõ”, tại sao không? Trước lạ, sau quen. Như các “từ lạ” khác, thoát đầu nghe lạ tai, dùng riết thành quen tai.

Viết loãng quãng trên giấy gọi là “bài viết”, gõ lóc cóc trên bàn phím gọi là “bài gõ”. Tương tự, vẽ lảng nhãng trên giấy gọi là “bài vẽ” (thay cho “họa phẩm”, “bức họa”, “bức tranh”, “bức vẽ”). “Bài vẽ”, cũng như “bài viết”, không cần phải nêu rõ thể loại, thể tài (sơn dầu, màu nước, màu bột, lập thể, trừu tượng, siêu thực, chân dung, phong cảnh, tĩnh vật...). “Bài vẽ”, thể thôi, muốn hiểu sao hiểu.

Cứ theo cách ấy, ta còn có thêm những “bài nói” (thay cho “bài nói chuyện”, “bài phát biểu”, “bài diễn thuyết”, “bài thuyết trình”, “bài thuyết giảng”, “bài thuyết pháp”), “bài đọc” (thay cho “bài diễn văn”, “bài diễn từ”, “bài tham luận”), “bài múa” (thay cho “vũ khúc”, “màn vũ”), “bài ngâm” (thay cho “thi phẩm”, “bài thơ”). Tại sao không? Bài nhạc gọi là “bài hát” thì bài thơ cũng gọi là “bài ngâm” được vậy.

Những từ “bài nói”, “bài vẽ”, “bài múa” vẫn được sử dụng trong nước (và ngoài nước, đôi khi). Vài mẫu câu:

“*Bài nói* của Steve Jobs tại trường đại học Stanford rất lôi cuốn.”

“Ban giám khảo đã chọn ra ba *bài vẽ* xuất sắc nhất.”

“*Bài múa* ‘Chiều lên bản thượng’ được vào chung kết.”

Cách dùng này có thể *triển khai* dựa trên “công thức” khá đơn giản: đi sau chữ “*bài*” là một động từ (như: viết/vẽ/gõ/khắc/nói/đọc/hát/ngâm/múa/chụp/quay/điễn...).

Vì sao *từ* “*bài viết*” lại được phổ biến rộng rãi từ trong nước ra đến ngoài nước? Có thể là khởi đầu *báo*, *đài* ở trong nước đăng tải, phát đi một “*bài viết*” của nhân vật nào đó và *báo*, *đài* ở ngoài nước khi trích dẫn đã lặp lại nguyên văn (“*Bài viết của...*”). Từ chỗ quen nghe, quen đọc đến chỗ tiếp thu và trở thành thói quen sử dụng đến mức có muốn thay cũng chẳng biết thay bằng... *từ* gì. Hơn nữa, gọi “*bài viết*” thì cũng... tiện, đơn giản hóa và đỡ *phức tạp*.

“*Bài viết*”, thôi thì cũng được đi, nếu gọi chung những “*bài*” viết ra trên giấy (hay gõ ra trên bàn phím), thế nhưng khi... gọi riêng thì cũng nên cho biết *bài* ấy là... *bài* gì chứ.

Dẫu sao việc trong nước, ngoài nước đều sinh dùng *từ* “*bài viết*” này (như đều sinh dùng các *từ* “*ca từ*”, “*đặc trưng*”, “*đăng ký*”, “*đứng lớp*”, “*phát hiện*”, “*tâm đắc*”, “*tham gia*”, “*tranh cãi*”...) rất là *vô tư*, mà không gọi *từ* này *từ* kia, không thắc mắc khiếu nại ai dùng *từ* của ai, cũng cho thấy là người Việt trong nước và ngoài nước, trong một nghĩa nào đó, đã “*gần nhau trong tiếng nói*”.

Bài viết của tác giả XYZ

Chuyện “*Tản mạn về từ ‘bài viết’*” có thể ngừng ở đây nếu “*bài viết*” chỉ là... *bài viết* mà không cần gắn thêm cái đuôi “*của tác giả...*” Nói “*bài viết*” thôi thì e không được cụ

thê, không có đầu đuôi, gốc gác rõ ràng, vì vậy mới có thêm *cum từ* “bài viết của tác giả (tên tác giả)” để làm rõ vụ việc, cung cấp thêm *thông tin* về bài viết ấy.

Một vài mẫu câu đọc được trên báo trong, ngoài nước:

“*Bài viết của tác giả TC* rất công phu, cung cấp nhiều tư liệu có giá trị.”

“*Bài viết của tác giả NHQ* một phần nào trả lời câu hỏi ấy.”

“*Bài viết của tác giả DTL* đăng trong báo Xuân ‘Người Việt’.”

(Đôi lúc ta còn gặp những “*Bài viết của tác giả nhà văn/nhà thơ XYZ*”).

Đây cũng là lối viết *đặc trưng* của người Việt trong và ngoài nước từ sau năm 1975 (cũng được không ít “những người viết cũ” của miền Nam tiếp thu và ưa chuộng).

Vì sao lại cần phải có thêm *từ* “tác giả” đứng trước tên của... tác giả? Có thể hiểu hoặc suy luận (đúng/sai) một trong những lý do thế này:

- Ghi rõ như thế cho cẩn thận và... chắc ăn (có thừa một chút cũng không sao), vì có khi bài viết ghi tên tác giả nhưng tác giả... thật lại là người nào khác.

- “Tác giả” ở đây không chỉ là... tác giả hiểu theo nghĩa thông thường mà còn là một danh xưng, danh hiệu (title), cũng tựa như “học giả”, “diễn giả”, “soạn giả”, “dịch giả”.

- “Tác giả” này không phải là nhà văn, nhà báo, nhà thơ... hay “nhà” gì chuyên nghiệp, hoặc là nhiều “nhà” quá không biết gọi sao cho đúng, bèn gọi là “tác giả” cho... gọn.

Cho dù hiểu theo nghĩa nào thì việc đặt hai chữ “tác giả” trước tên tác giả là thừa và... vô nghĩa, không khác nào nói “nhà sử gia”, “nhà tâm lý gia”, “nhà phê bình gia” (thay vì “nhà sử học”, “nhà tâm lý học”, “nhà phê bình”), hoặc “quý thính giả nghe đài”, “quý khán thính giả xem đài” (thay vì “quý thính giả”, “quý khán giả”). Cách dùng hợp lý bao giờ cũng là đặt hai chữ “tác giả” trước tên tác phẩm, chứ không phải trước tên tác giả. Ví dụ nói “tác giả Cô Gái Đồ Long” chứ không nói “tác giả Kim Dung” (hoặc “tác giả nhà văn Kim Dung”), nói “tác giả Buồn Oi, Chào Mi!” chứ không nói “tác giả Françoise Sagan”, nói “tác giả Bướm Trắng” chứ không nói “tác giả Nhất Linh”, nói “tác giả Vòng Tay Học Trò” chứ không nói “tác giả Nguyễn Thị Hoàng”.

Đề nghị vài cách điều chỉnh: ví dụ, thay vì nói/viết “Bài viết của tác giả Kim Dung”:

1. Thay tên tác giả bằng tên tác phẩm: “Bài viết của tác giả Cô Gái Đồ Long”.

2. Thay “tác giả” bằng danh hiệu (title) đứng trước tên người viết (nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhà nghiên cứu, nhà phê bình, nhà biên khảo...): “Bài viết của nhà văn Kim Dung”.

3. Không ghi “tác giả”, ghi “ông/bà/anh/chị/cô...” trước tên người viết, hoặc chỉ ghi tên người viết: “Bài viết của ông Kim Dung” hoặc “Bài viết của Kim Dung”.

Có thể ghi “Bài viết của tác giả” (không ghi tên người viết sau từ “tác giả”) nếu tên tác giả (Kim Dung) đã được đề cập trước đó. Ví dụ: “Bài viết của tác giả rất lý thú”.

Trở lại với từ “bài viết”, thiết nghĩ nếu từ này được ưa chuộng vì đơn giản và... thuần Việt thì từ “tác giả” cũng nên

đổi thành “người viết” (hay “người gõ”, “người vẽ”, “người chụp”...), vừa tương ứng với từ “bài viết” vừa thể hiện được tinh thần “ta về ta tắm ao ta” và “giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”. Thay vì nói “Bài viết của tác giả ABC” hoặc “Bài vẽ của tác giả XYZ”, nói “Bài viết của người viết ABC” hoặc “Bài vẽ của người vẽ XYZ”. Thoạt nghe hơi lạ tai, nghe mãi cũng thành quen tai. Trước lạ, sau quen. (Từ “người viết” về sau này cũng khá phổ biến. Một số tác giả xưng mình là “người viết” trong các “bài viết”).

Sau hết, để kết thúc bài này, xin dẫn ra hai bài viết “mẫu” đọc được trong các báo mạng:

(1) “Bài viết” thứ nhất của một em học sinh tiểu học, viết về “ông nội của em”:

“Nhà em có nuôi một ông nội. Ông không có răng. Sáng sáng mẹ em cho ông nội ăn. Trưa trưa ba em cho ông nội ăn. Hôm nào không có ba và mẹ ở nhà thì ông nhịn đói. Ông nội trông nhà rất giỏi. Tuy ông già nhưng rất ít khi ngủ vì bị lao phổi, ho suốt cả đêm. Vì vậy nhà em suốt mấy chục năm nay không bị mất trộm vì chúng tưởng trong nhà em lúc nào cũng có người còn thức.”

(2) “Bài viết” thứ hai của nhà phê bình văn học Vương Trí Nhàn, “Mọi chuyện đều là trò đùa” (trích đoạn bài “Bệnh của chữ, bệnh của người”):

“Có một cách nói chỉ mới nảy sinh vài chục năm nay song được mọi người bình thường đón nhận khá hào hứng, đó là khi nói về những cái hay, cái tử tế, người nói thường kèm thêm hai chữ ‘hơi bị’ ở đằng trước: ‘Cái áo này hơi bị vừa’, ‘Cái nhà kia hơi bị nổi trong khung cảnh’, ‘Em hơi bị đẹp, anh hơi bị buồn’ (thơ Nguyễn Duy). Thử phân tích kỹ một chút: chữ ‘bị’ trong tiếng Việt vốn chỉ cái điều thụ động,

không thích làm không thích nhận, hoặc đơn giản là cái gì kém, hỏng, lạc điệu. Nay nó lại được dùng cho những phẩm chất tích cực. Một quá trình tâm lý nào đã xảy ra ở đây? Tôi muốn đẩy cho ý nghĩ lan man một chút, đi tới cùng trên cái hướng mà nhiều người đã dùng. Phải chăng nay là lúc sự đời nhuế nhóa, nhiều sự việc đến với chúng ta trong cái vẻ không thuần nhất, bảo là vui cũng được, bảo là buồn cũng được? Cái tốt đẹp lại mang trong nó mầm tai họa? Cái xấu xí hóa ra lại ở với mình lâu dài? Trong đùa cợt ở đây có cả sự ê chề của kẻ bị lừa quá nhiều nên thiếu niềm tin lẫn nhận thức sâu xa về cuộc đời hỗn loạn, suy đến cùng là một cái gì giống như cảm giác về thế giới lộn ngược, và người ta phải đùa để xả hơi. Phong cách đùa bỡn trở thành ngôn ngữ chủ yếu của đời sống?”

Xin cảm ơn *các quý độc giả* đã dành thì giờ đọc qua *bài viết của tác giả*...

Lê Hữu

* Những chữ in *ngiêng* trong bài là từ ngữ hoặc cách dùng chữ ở trong nước sau năm 1975

Tham gia, nghe phát mệt!



“Những ‘tù sau 75’ nào ở trong nước được người Việt ở hải ngoại dùng nhiều?” một người bạn hỏi tôi.

Cụm từ “tù sau 75” người bạn dùng, được hiểu là những tù ngữ không thấy dùng hoặc ít thấy dùng ở miền Nam Việt Nam trước năm 1975.

Câu hỏi không khó lắm, tôi kể ra được vài *từ*.

“Đúng đấy. Trong số ấy từ nào được dùng nhiều nhất?” người bạn “đó vui để học” tiếp.

Từ nào được dùng nhiều nhất?... Cái này thì cần phải *động não* thôi. Trong lúc ngẫm nghĩ để tìm câu trả lời, mắt tôi lướt qua một trang báo tiếng Việt và “bắt” được dòng chữ

“Người Việt ở Nam Cali tham gia biểu tình chống văn hóa vậ...”

“Tham gia,” tôi buột miệng.

“Đúng lắm!”

Mặc dù được “khen” là trả lời đúng, tôi vẫn chưa thực sự tin tưởng lắm, bèn giờ tiếp những trang sau để phối kiểm thì quả là có khá nhiều “tham gia” thiệt, chứ không phải chỉ có “tham gia biểu tình”. Nào là “tham gia xuống đường”, “tham gia tuần hành”, “tham gia diễn hành”, “tham gia hội luận”, “tham gia tranh cãi”, “tham gia triển lãm”, “tham gia gây quỹ”, “tham gia họp mặt đồng hương”..., nói chung là tham gia mọi “sinh hoạt cộng đồng”.

“Tham gia” ở đâu ra mà nhiều quá vậy!?

Tham gia chứ? / Tham gia không?

Sau tháng Tư năm 1975, người dân miền Nam bước đầu làm quen với một số “từ lạ”, thoạt đầu hơi lạ tai nhưng nghe riết cũng thành... quen tai, “trước lạ sau quen”. Riêng từ “tham gia”, cái “lạ” là được sử dụng nhiều *trên mức bình thường*:

Tham gia học tập đường lối chính sách cách mạng / Tham gia đăng ký học tập cải tạo / Tham gia sinh hoạt tổ dân phố / Tham gia đội dân phòng / Tham gia tố giác tội phạm / Tham gia bài trừ văn hóa phẩm đồi trụy / Tham gia làm sạch đẹp đường phố / Tham gia phong trào thi đua lao động giỏi / Tham gia đi xây dựng vùng kinh tế mới / Tham gia lực lượng thanh niên xung phong... Kể ra không hết. Mọi người dân, mọi tầng lớp, mọi độ tuổi đều có cơ hội “tham gia”, không cái này thì cái khác.



Sinh viên, học sinh tham gia
 “Chiến dịch bài trừ văn hóa đòitruy”
 Saigon, 29/5/1975 (Ảnh: Bettmann/CORBIS)

Những năm tiếp theo vẫn là “tham gia” đều đều, “tham gia” dài dài:

Tham gia chiến dịch cải tạo công thương nghiệp / Tham gia nghĩa vụ quân sự / Tham gia công tác thủy lợi / Tham gia phòng chống bão lụt / Tham gia phòng cháy chữa cháy / Tham gia phong trào xóa đói giảm nghèo / Tham gia xây dựng nếp sống văn hóa mới / Tham gia hội diễn văn nghệ quần chúng / Tham gia phong trào thi đua “người tốt, việc tốt” / Tham gia bài viết về gương “người thật, việc thật” / Tham gia Hội các bà mẹ / Tham gia Hội liên hiệp phụ nữ / Tham gia Hội trí thức yêu nước... “Tham gia” nhiều vô số kể, có bao nhiêu hội hè là bấy nhiêu “tham gia”.

Người miền Bắc được xem là “chuyên trị” cái từ Hán-Việt “tham gia” này từ thuở nào xa xưa, e trước cả cái thời “tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ”, “tham gia chiến dịch cải cách ruộng đất”, “tham gia phong trào toàn quốc kháng chiến”... Từ này mang ý nghĩa tích cực của khuyến khích, động viên, cổ động, phát động, vận động, sách động..., thể hiện rõ nhất trong những cụm từ “tham gia chiến dịch /

phong trào / mặt trận / lực lượng / tổ chức / công cuộc / công tác / chương trình”. Muốn “tích cực” hơn nữa thì cho thêm vào các trạng từ “hăng hái”, “tích cực”, “nô nức”, “nhiệt liệt”... vẫn đọc/nghe thấy trong những khẩu hiệu, những lời kêu gọi, như “Toàn dân tích cực tham gia vào sự nghiệp đổi mới đất nước”, “Cử tri cả nước nô nức tham gia ngày hội bầu cử”...

Thường thì “tham gia viên” có những đóng góp tích cực về phần mình hoặc đóng một “vai” gì đó trong tổ chức, sự kiện mình tham gia, trong lúc “tham dự viên” thì thụ động hơn. Tham gia bầu cử là công việc có suy xét, cân nhắc, lựa chọn trước khi cầm lá phiếu bỏ vào thùng phiếu. Tham dự một buổi hòa nhạc hoặc chương trình ca nhạc thì chỉ có ngồi thưởng thức và vỗ tay. Các họa sĩ “tham gia” trưng bày tranh trong phòng triển lãm; khách “tham dự” cuộc triển lãm hội họa thì đi dạo một vòng qua các phòng tranh để thưởng lãm các họa phẩm.

Thực tế, “tham gia” không phải là từ mới mẻ gì và cũng từng được sử dụng ở miền Nam trước năm 1975, chỉ khác là không với *tần suất* cao như ở miền Bắc, phần nhiều với nghĩa đóng góp nghĩa vụ công dân, như “tham gia công việc đồng áng”, “tham gia cày cấy”, “tham gia quân dịch”, “tham gia chống nạn mù chữ”, “tham gia cứu trợ nạn nhân bão lụt”... Cũng có khi là “tham gia phong trào sinh viên học sinh tranh đấu”, “tham gia phong trào chống tham nhũng”... Một vài mẫu câu:

“Các tướng lĩnh tham gia lực lượng đảo chánh.”

“Tham gia bầu cử là quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi công dân.”

“Toàn dân tích cực tham gia cứu trợ nạn nhân bão lụt miền Trung.”

Không nhiều lắm, nhưng cũng gọi là có “tinh thần tham gia”. Đây là ngày trước, còn bây giờ thì tinh thần tham gia *phát huy* đến cao độ, tràn lan trên cả nước, và còn theo chân người Việt ra tới hải ngoại. Ở đâu có người Việt, ở đó có “tham gia”.

- Trong nước thì (văn minh, hiện đại và “hợp thời trang” hơn):

Tham gia Câu lạc bộ “Những tài năng trẻ” / Tham gia Câu lạc bộ diễn viên / Tham gia Facebook / Tham gia phòng chat (chat room) / Tham gia bình chọn Album vàng / Tham gia bình chọn Top Model / Tham gia bình chọn Vietnam Idol / Tham gia chương trình “Hát với ngôi sao” / Tham gia cuộc thi “Hoa hậu duyên dáng” / Tham gia “Bước nhảy hoàn vũ” / Tham gia bình chọn doanh nhân được yêu thích... Nhà nhà tham gia, người người tham gia, cả nước thi đua tham gia.

- Ngoài nước thì (cũng đâu chịu kém):

Tham gia sinh hoạt cộng đồng / Tham gia công tác thiện nguyện / Tham gia trại hè hướng đạo / Tham gia đêm thấp nền cầu nguyện cho quê hương Việt Nam / Tham gia cứu trợ nạn nhân động đất ở Nhật Bản / Tham gia biểu tình chống văn hóa vận / Tham gia cuộc thi “Viết về nước Mỹ” / Tham gia đại nhạc hội “Cám ơn anh” / Tham gia hội luận về Hoàng Sa và Trường Sa / Tham gia hội đồng hương / Tham gia hội cựu tù nhân chính trị / Tham gia hội ái hữu cựu học sinh (trường này trường kia) / Tham gia hội cựu chiến sĩ (các quân binh chủng)... Có bao nhiêu sinh hoạt, bao nhiêu hội hè lớn, bé là bấy nhiêu “tham gia”. Tham gia hết mình, tham gia tới bến, tham gia mệt nghỉ.

Rõ ràng là từ “tham gia” này đã “đi sâu vào quần chúng” người Việt ở hải ngoại từ bao giờ.

Cũng phải ghi nhận vai trò tích cực của các báo, đài ở ngoài nước (trong nước thì khỏi bàn), giúp độc giả, thính giả dễ dàng làm quen và mạnh dạn *tiếp thu từ* này. Từ các bản tin, các thông báo, các bài bình luận đến các tiết mục giải trí, quảng cáo thương mại..., ngày nào mà không đọc thấy, nghe thấy “tham gia” cái này, “tham gia” cái kia là... *chết liền*.

“Tham gia” từ trong nước ra tới ngoài nước, rất có khí thế, rất *phấn khởi hồ hởi*, nói theo ngôn ngữ trong Nam là: tham gia tung bùng, tham gia vi vút, tham gia lia chia / búa xua / tá lả / hà rầm / rôm rả / ì xèo...

Ông bạn tôi, người ra câu hỏi “đồ vui để học” ở trên, có vẻ khá *dị ứng* với từ “tham gia” này. Trong lúc chuyện trò, nghe cô xướng ngôn viên đài truyền hình xăng xái mời “quý khán thính giả” tham gia chương trình ca nhạc gì gì đó, anh bỗng... nổi quạu:

“‘Tham gia’ cái... quái gì,” anh ta nói, “đi xem ca nhạc thì nói là ‘đi xem ca nhạc’ chứ có phải... ‘đi họp tổ dân phố’ đâu mà tham gia. Muốn tham gia thì... về nước mà tham gia. Ở đây không có ‘tham gia’, ‘tham quan’ chi chi cả.”

Kể ra thì ông bạn này cũng hơi khó tánh, không tham gia thì thôi chứ đâu có ai ép uổng gì. Không thích tham gia thì để cho người khác tham gia. Hỏi vì sao lại *dị ứng* với từ ấy, anh ta than vãn:

“Nghe phát mệt! Cứ nghe ‘tham gia’ cái này cái kia là lại nhớ tới mấy cái loa phóng thanh ra rả chĩa vào tai ‘Mời bà con khu phố tham gia học tập, tham gia công tác...’ Ngày này sang ngày khác, muốn bẻ cái đầu, chịu đời không thấu!”

Hóa ra mỗi người đều có lý do nào đó để *dị ứng* cái gì đó... Tôi chỉ im lặng, không “tham gia ý kiến”, trong lúc người dẫn chương trình “Nghệ sĩ và sân khấu” hay “Tâm tình nghệ sĩ” gì gì đó trên TV “phỏng vấn” một ca sĩ trẻ, “Chương trình đại nhạc hội kỳ này có rất đông anh chị em nghệ sĩ tham gia, em cũng tham gia chứ?” Cô ca sĩ ngập ngừng, trả lời, “Em cũng muốn tham gia lắm nhưng mà rất tiếc là em đã nhận lời tham gia một cái show nhạc thính phòng rồi. Nếu không thì chắc chắn em sẽ tham gia.”

“Tham gia chứ?” / “Tham gia không?” / “Tham gia nhé?” Bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu ta cũng dễ gặp những câu hỏi tương tự. Câu trả lời có thể là “Tham gia quá đi chứ!” / “Cho tham gia với!” / “Hong dám tham gia đâu!”... “Tham gia” đã trở thành cái *từ gần gũi, thân thương*, và đã rất thoải mái, rất *vô tư* “tham gia” vào sinh hoạt đời thường.

Người tham gia, ta cũng tham gia

Người Việt trong nước tham gia, người Việt ngoài nước cũng tham gia. Tinh thần tham gia đến như thế thì cũng *tốt thôi*, chỉ có điều là cứ cái *từ* “tham gia” ấy dùng đi dùng lại mãi thì cũng khó mà “làm giàu cho tiếng Việt” được. Lâu lâu thì cũng phải nhường chỗ cho các *từ* khác có cơ hội “tham gia” với chứ!

Có những *từ* dùng riết đến thành thói quen, nói riết đến... quen miệng, tới lúc có muốn thay cũng chẳng biết... thay bằng *từ* nào. *Từ* “tham gia” cũng vậy. Dường như người ta chẳng buồn nhớ tới các *từ* ngữ “tham dự”, “gia nhập”, “cộng tác”, “hợp tác”, “đóng góp”, “góp phần”, “góp mặt”, “tiếp tay”, “dự phần”... vân vân, hoặc có nhớ thì cũng chẳng

muốn dùng, cứ... “tham gia” cho... tiện, đỡ *phức tạp*. Nói chung thì cũng là...“tham gia” thôi.

Thử làm công việc đối chiếu cách dùng câu, chữ tiếng Việt ở ngoài nước hiện nay so với ngày trước (trước năm 1975 ở miền Nam), để thấy có khác nhau chút chút:

“Rất nhiều anh chị em nghệ sĩ **tham gia** chương trình đại nhạc hội này.”

Cách nói ngày trước:

“Rất nhiều **nghệ sĩ sân khấu góp mặt** trong chương trình đại nhạc hội này.”

(“Nghệ sĩ” là danh từ gọi chung những người hoạt động trong mọi bộ môn nghệ thuật, sáng tác hoặc trình diễn. Nói “nghệ sĩ sân khấu” thì chính xác hơn để chỉ các ca, nhạc sĩ trình diễn tân cổ nhạc và các diễn viên trên sân khấu như kịch sĩ, vũ công, ảo thuật gia, hoạt náo viên...).

“Rất nhiều giáo viên trước năm 1975 **tham gia** giảng dạy tại các trung tâm Việt ngữ.”

Cách nói ngày trước:

“Rất nhiều giáo viên trước năm 1975 **cộng tác** với các trường Việt ngữ.”

“Phụ huynh đăng ký cho con em **tham gia** lớp Việt ngữ.”

Cách nói ngày trước:

“Phụ huynh **ghi tên** cho con em **theo học** lớp Việt ngữ.”

Trong nhiều trường hợp “tham gia” được dùng thay cho “tham dự”:

“Nhiều thầy cô giáo **tham gia** khóa tu nghiệp sư phạm.”

Cách nói ngày trước:

“Nhiều thầy cô giáo **tham dự** khóa tu nghiệp sư phạm.”

(Thầy cô giáo “tham dự” khóa học; các giảng viên “tham gia” chương trình giảng dạy).

“Chương trình văn nghệ rất thành công với sự **tham gia** của trên 500 khách mời.”

Cách nói ngày trước:

“Chương trình ca nhạc rất thành công với sự **tham dự** của trên 500 khán giả.”

(Khách mời và khán giả “tham dự” chương trình; các ca sĩ, diễn viên “tham gia” trình diễn).

Ở trong nước thì khỏi nói, “tham gia” đến... *vượt mức yêu cầu*, kể cả những lúc... không cần thiết phải “tham gia”, chẳng hạn:

“Mời tham gia đóng góp ý kiến cho diễn đàn”, thay vì chỉ cần nói “Mời đóng góp ý kiến cho diễn đàn” hay “Mời góp ý cho diễn đàn” (nhất định phải thêm vào hai chữ “tham gia” cho bằng được). Hoặc: “Người tham gia giao thông đường bộ”, thay vì chỉ cần nói “Người lái xe”, hay “Người chạy xe”, hay “Người đi lại trên đường”. Hoặc: “Các phương tiện tham gia giao thông đường bộ”, thay vì chỉ nói “Xe cộ”. Hoặc: “Thủ tục tham gia đăng ký học”, thay vì chỉ nói “Thủ tục ghi danh học”. Hoặc: “Hoa hậu tham gia đóng phim”, thay vì chỉ nói “Hoa hậu đóng phim”... vân vân.

Một vài mẫu câu “đọc tin trên báo” gần đây:

“Nhiều chân dài Hà Nội nhiệt liệt tham gia ‘Giờ trái đất 2011’.”

“Siêu sao, siêu mẫu nô nức tham gia ‘Tuần lễ thời trang Hà Nội 2011’.”

“Nhiều người tham gia biểu tình yêu nước ở Hà Nội hôm nay bị bắt lên xe bus.”

“Biểu tình yêu nước”, *cụm từ* này được người trong nước sử dụng gần đây, ngụ ý biểu tình đứng đắn, lành mạnh, có lập trường yêu nước thương dân đảng hoàng, đê... ít bị *chiếu cố* hơn (có “bị bắt lên xe bus” thì rồi cũng được thả về). Lại còn có “biểu tình tự phát / tự giác / tự nguyện”, ngụ ý không ai phát động, xách động cả mà chỉ do *tâm lý bức xúc của quần chúng nhân dân*.

“Tham gia” không chắc đã là “từ sau 75” được người Việt ở hải ngoại sử dụng nhiều nhất, tuy nhiên vẫn là một trong những *từ* được *tiếp thu* khá thoải mái (trừ vài trường hợp cá biệt, lẻ tẻ), không thắc mắc, không phân biệt, không gọi là “từ” này, “từ” kia..., và được sử dụng với *tần suất* khá cao (không như các “từ sau 75” khác có số phận kém may mắn hơn, như “nhật trí”, “báo cáo”, “khẩn trương”, “hồ hởi”, “bức xúc”, “hoành tráng”...).

“Hai bên” (trong nước, ngoài nước) đều tỏ ra yêu chuộng và sính dùng *từ* này, và hầu như không bỏ lỡ cơ hội nào để cho cái *từ tâm đắc* ấy “tham gia” vào ngôn ngữ đời thường.

“Hai bên”, theo một nghĩa nào đó, đã “gặp” nhau, hay đã “gần nhau trong tiếng nói”.

Anh tham gia, tôi cũng tham gia, hai ta cùng tham gia. Có khi tham gia giống nhau, có khi không giống nhau. Cái gì cùng chia sẻ, cùng yêu thích, cùng mục đích thì cùng tham gia.

“Tham gia”, cái *từ* ấy tự nó không mang ý nghĩa hay dở, tốt xấu gì cả. Vấn đề là tham gia cái gì, tham gia làm sao,

tham gia với ai, và liệu có nên tham gia chẳng(?), chưa nói là “Tham gia, rồi sao nữa?”, nghĩa là... “hậu tham gia”. *Nói chung, cần làm rõ* mục đích, ý nghĩa của việc tham gia, sao cho hấp dẫn, có lý có tình, *có sức thuyết phục* (trả lời được câu hỏi “Tại sao cần phải tham gia?”, “Tham gia thì được cái gì?”), chứ không phải chỉ tham gia... cho vui, hoặc “Người tham gia, ta cũng tham gia”. Chẳng hạn, tham gia cuộc vận động cho đất nước, dân tộc được tự do no ấm, độc lập tự chủ, vẹn toàn lãnh thổ, các quyền làm người được tôn trọng và “người biết thương người”, thì... ai mà chả muốn tham gia.

Xin tạm dừng “chuyện dài tham gia” ở đây để không đi xa hơn “chuyện chữ nghĩa”, và để *các quý độc giả* không phải nhức đầu vì... nghe phát mệt!

* Những chữ in *ngiêng* trong bài là từ ngữ hoặc cách dùng chữ ở trong nước sau năm 1975

Một Mother's Day khác



“Có bài gì cho ngày Mother’s Day không?”

Câu hỏi của “ông chủ báo” làm tôi bỗng dưng nghĩ ngợi. Lâu nay tôi viết linh tinh đủ thứ chuyện, vậy mà có một đề tài tôi chưa hề “đụng” tới là viết về những bà mẹ, hoặc gần hơn nữa là viết về mẹ tôi. Có thể vì tôi chẳng có chuyện gì hay ho để viết ra hoặc vì đã có nhiều người viết, đã có nhiều bài văn, nhiều câu chuyện thật hay, thật ý nghĩa về đề tài này nên chẳng còn chỗ nào cho tôi. Tuy nhiên, lần này thì tôi có lý do để viết: tôi muốn gửi những dòng này đến mẹ tôi, nếu bà vẫn còn đọc được.

Ngày của mẹ, ngày của con

Có một lần, cách đây nhiều năm, tôi đến dự tiệc sinh nhật của một người bạn. Trong lúc chuyện trò, người bạn hỏi tôi:

“Sinh nhật của ông là ngày nào? Ông thường tổ chức sinh nhật như thế nào?”

“Tôi cũng... chẳng nhớ ngày nào,” tôi trả lời, làm ra vẻ hững hờ. “Nhiều sinh nhật của tôi qua đi trong âm thầm, lặng lẽ, vì tôi chẳng thiết tha gì đến sinh nhật, sinh nguyệt chi chi cả. Tánh tôi không thích bày vẽ kiêu cạo, trình diễn màu mè, hơn nữa cuộc đời mình chẳng có gì đáng để nhắc tới, chẳng có thành tích vẻ vang gì đáng để tự hào, để ‘vinh danh’ hay để ăn mừng.”

“Ông nói vậy là sai rồi,” người bạn nói.

“Sai chỗ nào?” tôi hỏi, hơi... khựng lại.

“Nói như ông là biết một mà không biết hai, là không hiểu ý nghĩa của ngày sinh nhật mình. Ngày sinh nhật không phải là ngày ông bày vẽ ra cho có chuyện để mà vui chơi hay để ăn mừng, mà là ngày để ông tưởng nhớ đến đáng sinh thành; nói rõ hơn, tưởng nhớ đến bà mẹ của ông, người đã phải mang nặng đẻ đau để cho ông được mở mắt chào đời, người đã phải nhọc nhằn cưu mang ông, nuôi dạy ông nên người. Ngày sinh nhật không phải là ngày để ông ca ngợi hay ‘vinh danh’ ông mà là ngày để ông vinh danh... mẹ của ông. Nếu mẹ ông ở gần thì ông cần phải có món quà gì đặc biệt cho mẹ mình. Nếu mẹ ông ở xa thì ít nhất cái việc mà ông có thể làm được trong ngày ấy là gọi điện thoại về thăm hỏi mẹ, và khoe với mẹ ông rằng ‘Mẹ ơi, hôm nay là ngày sinh nhật của con, là ngày Mẹ sanh con ra, Mẹ nhớ chứ? Con luôn ghi nhớ ngày này và con cảm ơn Mẹ nhiều lắm!’ Những lời thăm hỏi và cảm ơn ấy là món quà ý nghĩa nhất và làm cho mẹ ông vui nhất. Cần phải biết ơn và biết nói lời cảm ơn mẹ ông, người đã trao tặng cho ông cuộc sống quý giá trên thế gian này. Không nhớ, không màng gì đến ngày sinh nhật

của mình là biểu hiện của sự vô cảm, vô tâm và vô ơn đối với mẹ mình. Còn chuyện cuộc đời ông chẳng ra chi, ‘chẳng có thành tích vẻ vang gì đáng để tự hào’ là do lỗi của ông chứ không phải của mẹ ông. Mẹ ông không thể nào sống dùm ông cuộc đời của ông được.”

Người bạn tuôn ra một tràng làm tôi...trở tay không kịp.

Trời đất!... Tôi phải cảm ơn người bạn ấy biết là chừng nào, người đã làm tôi tỉnh ngộ, đã làm “vỡ” khối óc ngu muội của tôi... Và kể từ ngày ấy, tôi hết sức “trân trọng” ngày sinh nhật của mình. Và cũng kể từ ngày ấy, với tôi, ngoài ngày lễ gọi là Mother’s Day (hay Mothers’ Day) cho tất cả những ai có được một người phụ nữ yêu quý trên đời này để gọi là “Mẹ”, tôi còn có thêm một Mother’s Day khác nữa được cử hành thật trang trọng, hoặc đơn sơ nhưng trang trọng, đấy là ngày sinh nhật của tôi, ngày Mẹ sinh ra tôi, ngày Mẹ cho tôi cuộc sống đáng yêu đáng quý trên thế gian này. Tôi cho rằng mỗi đứa con đều cần có riêng cho mình một ngày Mother’s Day ấy để nhớ về người mẹ thân yêu của mình, đang ở bên con, hoặc ở xa con, hoặc đã từ biệt thế gian này để đi về một thế giới khác.

Người bạn tôi thì đặt một cái tên khác cho ngày sinh nhật của mình, “Ngày Của Con”. “Có Ngày Của Mẹ thì cũng phải có Ngày Của Con chứ,” anh ta nói. “Gọi thế để nhớ cái ngày Mẹ sinh ra mình.”

Ngày sinh nhật của con cái mang ý nghĩa như thế thì ngày sinh nhật của những bà mẹ lại càng phải được trân trọng hơn. Không có ngày sinh nhật mẹ thì làm sao có... ngày sinh nhật con.

Tháng trước, lần đầu tiên trong đời mình, tôi làm được một việc tạm gọi là có ý nghĩa của một đứa con. Thay vì gọi

điện thoại về thăm hỏi mẹ trong ngày sinh nhật lần thứ 90 của bà, tôi đã có hành động tích cực hơn: đưa vợ và con bay về thăm mẹ và cùng với mấy anh chị em tổ chức lễ Thượng Thọ cho mẹ.

Mẹ tôi ở với vợ chồng chú em. Hai vợ chồng đi làm cả, đưa con trai cũng đi làm, mẹ ở nhà một mình hết đọc báo rồi đọc kinh. Gặp lại bà chị lớn của tôi sau nhiều năm xa cách, chúng tôi ôm nhau thật chặt, buồn vui lẫn lộn. Tôi nói, “Chị già đi nhiều!” Chị tôi nói, “Em già đi nhiều!” Vậy là cả hai chị em đều già (và đều “nói thẳng nói thật” với nhau).

Mẹ tôi còn già hơn nữa, già đến mức tôi không đành nhìn thẳng vào khuôn mặt hằn sâu những vết trũng, vết nhăn. Mẹ gầy gò, teo tóp như nhánh cây khô, lưng đã còng lại còn gù lên khiến thân hình mẹ gập xuống, như thể bao nhiêu nhọc nhằn từ đời thuở nào chất chồng lên lưng mẹ. Mẹ lại còn thêm bệnh “lẫn”, lúc nhớ lúc quên. Nhìn mẹ chống gậy bước đi chậm chạp, lom khom, đầu hơi cúi xuống trong lúc đôi mắt cố nhướng lên nhìn con, lòng tôi dâng lên nỗi xót xa... Hơn lúc nào hết, tôi nhận rõ những phôi pha, lạnh lùng của năm tháng khi chiếc bánh xe nặng nề của thời gian đã lăn đi hết một vòng.

Mẹ cười lên, ... một, hai, ba!

Các bà mẹ Việt Nam đều giống nhau, người ta vẫn nói như thế. Như những bà mẹ khác, mẹ tôi không muốn được nói nhiều về mình, cũng như bà chỉ muốn lễ Thượng Thọ tổ chức thật đơn giản, gọn nhẹ giữa những người thân trong không khí gia đình. Tuy nhiên trong buổi tiệc vui đêm ấy chúng tôi đã mạn phép làm... trái ý bà (như tôi vẫn cứ hay

làm trái ý bà) để kể ra vắn tắt một vài đức tính của mẹ mình mà các con các cháu lấy làm cảm phục:

- Lòng nhân hậu và hy sinh đến quên cả hạnh phúc của riêng mình. Mẹ sớm trở thành quả phụ khi còn xuân sắc và đã ở vậy nuôi dạy đàn con nhỏ dại đến khi nên người.

- Tính lương thiện và ngay thẳng giữa cuộc sống nhiều nường mà không phải lúc nào người ta cũng dễ dàng giữ được sự ngay thẳng và lương thiện.

- Tính nhẫn nhục và chịu đựng vô bờ để gượng dậy và đứng vững sau những mất mát, những tai ương đến từ cuộc đời nghiệt ngã.

Là một nhà giáo chuyên nghiệp, từng điều hành trong nhiều năm một trường tiểu học trước năm 1975, bà đã truyền dạy những bài học về tình bác ái, đức công bằng và đạo lý làm người cho các thế hệ con cháu. Mãi đến nay, nhiều học trò cũ (nhiều người đã thành danh trong xã hội) và đồng nghiệp cũ vẫn nhắc đến bà với những tình cảm thương yêu và quý trọng. Có thể nói, bà là một trong số rất ít mẫu người thầy cô giáo “classic” hiếm hoi còn sót lại của một thời nào “tôn sư trọng đạo” đã phai tàn.

Sau cùng, tôi nhắc đến câu nói của nhà ngụ ngôn Aesop, đã nói thay cho tôi và rất nhiều người con khác: “Trên đời này tôi biết có hai dạng đàn bà: dạng đàn bà làm ta đau khổ, và dạng đàn bà đau khổ vì ta. Về dạng đàn bà thứ hai, tôi biết có một người: Mẹ tôi.”

Mẹ tôi nặng tai đến gần như điếc nên bà chỉ nghe được loáng thoáng những gì tôi nói, vì thế những lời ấy còn là những lời tôi muốn được chia sẻ cùng những anh em, bạn bè ở quanh tôi, những đứa con còn mẹ hay đã mất mẹ.

Riêng tôi có một điều ân hận, từ bé cho đến lúc lớn khôn, hầu như tôi chưa bao giờ nói với mẹ tôi ba tiếng “Con yêu mẹ”, mặc dầu nhiều lúc tôi rất muốn. Khi ra đời, nhiều năm xa nhà, tôi không được ở gần mẹ để nói với mẹ lời ấy, thế nhưng những lúc quay về bên mẹ không hiểu vì sao tôi vẫn... không thốt nên lời, làm như có gì ngăn tôi lại. Có lẽ vì tôi không có thói quen tỏ bày tình cảm riêng tư bằng lời nói, tôi cảm thấy ngưỡng ngưỡng thế nào khi thốt lên câu nói ngắn ngủi ấy. Tôi chắc là bà mẹ nào cũng muốn được nghe câu ấy từ cửa miệng của con mình ngày nào mẹ còn ở bên con. Bây giờ dẫu tôi có muốn nói cũng không dễ chút nào, vì mẹ tôi chẳng còn nghe được những gì tôi muốn rót vào tai bà. Mặc tôi muốn nói gì thì nói bà chỉ... cười cười. Nếu muốn bà nghe được, tôi phải hét thật lớn và như thế lại hóa ra kỳ cục. Tôi đành phải... nói thầm ba tiếng ấy cho một mình tôi nghe. Dầu sao tôi tin rằng mẹ tôi đã “nghe” được câu nói ấy qua việc làm mới đây của các con mình.

Sau lễ Thượng Thọ mẹ, vợ con tôi phải về trước, tôi còn ở thêm được với mẹ ít ngày rồi cũng vội vàng quay trở lại nơi tôi sống xa nhà bao năm nay, như sợ rằng nếu còn dưng dăng nán thêm nữa tôi khó mà rời xa mẹ được.

Tội nghiệp mẹ, tối hôm ấy khi tôi bước xuống lầu với hành lý trên tay, mẹ ngạc nhiên nhìn tôi hỏi, “Con đi đâu vậy?” Mẹ không biết là tôi sắp sửa rời xa bà trong ít phút nữa. Tôi nói, “Con về lại Mỹ.” Bà không nghe được, hỏi lại lần nữa. Tôi nói như hét lớn, “Con về lại Mỹ.” Mẹ tôi đứng ngây ra. Vài giây sau bà nắm chặt lấy tay tôi, hỏi, “Con đi thật sao? Mẹ tưởng...” Những đầu ngón tay mẹ bấu chặt cánh tay tôi. Tôi nhẹ nhàng gỡ những ngón tay mẹ, nói, “Mẹ lại đây chụp với con tấm hình.” Mẹ tôi vẫn đứng ngây ra.

“Mẹ không muốn chụp hình với con sao?” tôi hỏi, dắt mẹ đến giữa phòng khách.

Hai mẹ con đứng bên nhau, tôi nói chú em bám cho mấy tấm ảnh. “Mẹ cười lên,” tôi nói, “... một, hai, ba!” Mẹ cười dúm đó... Taxi vừa trờ đến, chờ ngoài cửa. Đặt nhẹ bàn tay lên vai mẹ, tôi nói, “Thôi nhé, con đi!” (và nhớ ngày xưa đi lính, những lần về thăm mẹ, lúc quay về lại đơn vị tôi cũng nói với mẹ y như thế).

Mẹ theo tôi ra ngoài cửa. Chú em tôi lên xe trước, tôi quay nhìn mẹ nói, “Mẹ vào đi, nhớ khóa cửa sắt lại. Có mình mẹ ở nhà.” Mẹ tôi vẫn đứng đó. Tôi nắm tay mẹ dắt vào trong, rồi bước ra, kéo cánh cửa sắt lại. “Mẹ nhớ khóa cửa lại cho con,” tôi nói và bước lên xe. Mẹ đứng lặng yên sau cánh cửa sắt, hai tay bám vào cửa, đôi mắt nhìn theo. Cánh cửa sắt nặng nề có những chấn song trông như những song sắt nhà tù, một nhà tù của cô đơn. Đây là hình ảnh sau cùng về mẹ tôi còn giữ được. Xe chạy thẳng, tôi không ngoái lại, cũng không vẫy vẫy tay về phía mẹ để không phải ứa nước mắt.

Chuyện đến đây là hết. Nếu có đọng lại chút gì thì đây là những tấm ảnh màu chụp mẹ tôi ngồi giữa đàn con cháu với nụ cười tươi và bó hoa cũng tươi thắm trên tay, những bông hoa thơm ngát của lòng biết ơn mà chúng tôi dâng tặng mẹ trong đêm ấy cùng với lời chúc mừng tuổi mẹ vừa tròn 90. Những bông hồng màu đỏ thắm ấy cũng bày tỏ nỗi vui sướng của những đứa con thật may mắn còn có mẹ, tuy tuổi mẹ đã già, sức mẹ đã yếu như bóng chiều sắp tắt trong buổi hoàng hôn của đời người.

Chẳng có bà mẹ nào ở mãi được với con cái, những người “bạn già” của mẹ tôi lần lượt theo nhau qua đời (tôi vẫn giấu không cho mẹ biết), và rồi sẽ đến lượt mẹ tôi thôi. Tôi vẫn

biết là như vậy, thế nhưng tôi vẫn mong ngày ấy đến chậm lại một chút, cho tôi vẫn còn được một nơi chốn để tìm về.

Hơn ai hết tôi hiểu rằng, cho dù có đi mòn gót giày khắp năm châu bốn bể, cho dù có dọn ra, dọn vào đến bao nhiêu căn nhà lớn, nhỏ, chỉ khi nào quay về bên mẹ tôi mới thực sự tìm được cảm giác bình yên và chút hạnh phúc êm đềm, vì rằng nơi ấy có một người vẫn ngày đêm trông ngóng những đứa con xa nhà.

Một Mother's Day thôi thì chưa đủ, tôi nghĩ thế. Cần có thêm những Mother's Day khác nữa, những ngày làm ta nhớ đến mẹ, như là ngày Sinh nhật mẹ, ngày Sinh nhật con và ngày giỗ mẹ nữa, của những đứa con không còn Mẹ.

Một tách café cho hai người



“Hạnh phúc là một tách café và nhạc Trịnh Công Sơn.”

Đây là một trong những định nghĩa về “hạnh phúc”, đọc được trong một tuyển tập những bài nhận định về âm nhạc Trịnh Công Sơn (TCS), ấn hành trong nước. Tôi không rõ người nói hay viết câu ấy đã căn cứ vào đâu để đưa ra định nghĩa này. Thực trạng đời sống và sinh hoạt văn hóa văn nghệ ở trong nước chắc? Bao nhiêu là quán xá lớn, nhỏ ở ngoài đường, trên phố thường xuyên “chơi” nhạc TCS để thu hút khách và để những người khách bước vào đó tìm kiếm chút hạnh phúc.

Café một mình, café hai mình

Hạnh phúc như thế kể ra cũng đơn giản. Chỉ là chuyện ngồi quán, mắt nhìn từng giọt café lã lẽ nhỏ từng giọt, từng giọt, trong lúc tai lắng nghe tiếng nhạc vỗ về, để suy gẫm chuyện đời, cõi sống cõi chết, phận người phận mình, hay chỉ để ngậm ngùi tiếc thương về một cuộc tình đã mất, một người tình đã xa, và để thấy...

*đời mình là những quán không
đời mình là những chuyến xe..., hoặc
tôi là ai mà còn trần gian thế?
tôi là ai mà yêu quá đời này?..., hoặc
tình ngỡ đã phai pha, nhưng tình vẫn còn đây
tình đi âm thầm, nghìn trùng như vết sương...*

Chỉ cần một tách café và một chút nhạc TCS là... “cũng đủ lãng quên đời”⁽¹⁾. Thế nhưng, café đâu có bắt buộc phải “đi” với nhạc họ Trịnh. Người ta vẫn có thể nói khác đi một chút:

“Hạnh phúc là một tách café và nhạc...” (của ai đó mình yêu thích), hoặc

“Hạnh phúc là một tách café và tiếng hát...” (của ai đó mình yêu thích), hoặc

“Hạnh phúc là một tách café và khói thuốc”, hoặc

“Hạnh phúc là một tách café và bạn bè”, hoặc

“Hạnh phúc là một tách café và người mình yêu”... vân vân và vân vân.

Tương tự “rượu ngon” phải có “bạn hiền”, café ngon phải đi với cái gì “ngon” nữa thì mới ngon. Cần phải “café và...” cái gì đó nữa, chứ “café một mình” thì chưa đủ... hạnh phúc.

“Một tách” (café) thì cũng được vậy nhưng phải có “hai mình” thì mới ngon. Kinh nghiệm này có được từ một quán café ở đường Cao Thắng, Saigon, trước 1975. Café Chiêu. Quán này không có cô chủ quán (hay cô cashier) xinh đẹp nhưng café khá ngon và cách bày biện bàn ghế, tranh ảnh, cây cảnh... với những màu sắc tối, đậm, hài hòa (màu nâu và café sẫm là những “gam” màu chính), tạo cảm giác ấm cúng, trầm lặng. Đến quán café này là phải đến vào buổi tối, phải ngồi ở vuông sân nhỏ ở ngoài vườn, trong bóng tối mờ mờ tỏa ra từ những ngọn đèn màu vàng đục, nghe nhạc trôi đi chậm chậm, nghe đêm trôi đi chậm chậm...

“Thưa anh chị dùng gì?”

“Café sữa nóng. Một tách.”

“Thưa chị dùng gì?”

“Vừa nói xong. Một café sữa nóng.”

“Thưa... vậy là hai café sữa nóng?”

“Không. Một café sữa nóng.”

Cô bé thoáng chút bối rối, nhưng rồi quay đi, không hỏi han gì nữa. Lát sau, mang ra một tách café, đặt nhẹ lên mặt bàn.

“Anh thử xem, vừa chưa?” Những ngón tay xinh xắn khuấy nhẹ chiếc thìa nhỏ.

“Em thử đi. Em vừa là... anh vừa.”

“Không. Anh thử đi.”

“Không. Thử thách nhau làm gì. Khởi cần thử cũng biết là ngon.”

Vậy đó, chúng tôi nói với nhau bằng những “ngôn ngữ của tình yêu”. Rồi chúng tôi chia nhau tách café, như chia nhau những thời khắc của hạnh phúc, những thời khắc của tình yêu. Chúng tôi nhấm nháp từng ngụm nhỏ café, như

nhắm nháp từng ngụm nhỏ hạnh phúc, từng ngụm nhỏ tình yêu. Chúng tôi nhấp dè sên từng ngụm café, gần như chỉ chạm môi, như sợ tình yêu sẽ voi đi, cạn bớt. Một tách café cho hai người. Được quá đi chứ, sao không? Tình yêu là chia sẻ mà. Và khi chúng tôi tìm môi nhau “trong bóng tối mờ mờ tỏa ra từ những ngọn đèn màu vàng đục” ấy, chúng tôi lại san sẻ một lần nữa chút vị café sữa nóng trên những đầu lưỡi. Khi café bắt đầu nguội, chúng tôi gọi một tách khác, và cứ thế... Những lần sau đó, chủ quán biết ý, tự động đặt lên mặt bàn một tách café sữa nóng và lặng lẽ rút lui. Ngồi bên nhau, có lúc chúng tôi nói đủ thứ chuyện, có lúc chúng tôi thật im lặng. Âm nhạc trôi bèo bọt lẫn trong hương ngọc lan mơ hồ thoảng trong đêm.

Đêm thơm như một dòng sữa...⁽²⁾

Và không gian, thời gian như đọng lại.

Một thời để yêu, một thời để quên quán

Lâu lắm mới nghe lại bài hát cũ ấy, giọng hát cũ ấy. Nghe mà nhớ quán café ấy vô cùng.

Cô bạn ấy đã lấy một người khác (trong lúc tôi còn ở trong tù). Chắc cô chẳng còn phút giây nào nhớ đến tôi, như không nhớ nổi những cái tên của những quán café mà cô từng cùng ai đó bước vào. Nhiều năm sau đó tôi có dịp về lại Saigon nhưng không muốn đi ngang con đường ấy. Tôi mong sao con đường ấy đã thay tên (như nhiều con đường đã thay những cái tên lạ hoắc sau ngày thành phố ấy thay tên). Tôi mong sao quán café ấy không còn đấy nữa (như nhiều quán café đã biến mất sau cuộc đổi đời ấy), như cô gái ấy đã biến mất khỏi đời tôi, không để lại dấu vết gì. Nghe nói con đường ấy vẫn còn tên cũ, nghe nói quán café ấy vẫn còn tên

cũ, vẫn còn ở nơi đây (và đã “nâng cấp” lên hai, ba tầng). Tôi không có ý định tìm về chốn cũ, để ngồi nhìn những chiếc ghế trống, và để gọi “một tách café cho... một người”.

Đi tìm lại quán café cũ là tìm về dòng sông đời mình, là tìm lại chút hơi hướm hạnh phúc của những đời người đã cũ, nói vắn vè là tìm lại những “đấu chân kỷ niệm”, tìm lại bóng hình nào đã đi qua đời mình. Tìm, nhưng không mong gì gặp lại.

“Không hiểu là người ta biết uống cà phê trước khi hay sau khi biết yêu?” câu hỏi băng khuâng triết lý này đọc được trong một bài “tản mạn” về những quán café quen tên, từ trong nước ra đến ngoài nước. ⁽³⁾ Câu hỏi không dễ trả lời, riêng tôi chỉ biết chắc một điều, tách café ngon nhất phải là tách café của những kẻ đang yêu. Cứ thử yêu đi thì biết, cứ thử nhâm nhi cái chất lỏng sanh sánh, đen đen ấy để thấy vị đắng đắng hay giòn ngọt của café cũng đâu có khác gì vị đắng hay vị ngọt của tình yêu.

Hầu như ai cũng có một quán café để nhớ, để quên, và để kể lại cho người khác nghe. Nói về những quán café là nói về “một trời kỷ niệm”, là nói về những năm tháng tươi đẹp nhất của một đời người. Ôi, những quán café đã xa như dĩ vãng, những quán café của những ngày vui mơ hồ, những quán café của “một thời để yêu, một thời để... ngồi quán”.

Quán café, một nơi chốn yên bình, một không gian êm đềm. Được ngồi ở quán café mình yêu thích, một nơi sang trọng hay một chỗ tồi tàn, là hạnh phúc thu nhỏ. Những quán café cũng làm thân ái những tình bạn. Ngồi với nhau ở quán café là ngồi giữa những tình bạn ấm áp và dễ chịu.

Café cũng đưa con người lại gần với nhau hơn. Thường thì ít ai (nữ) từ chối một tách café.

“Café chưa? / Café chứ? / Café nhé?”

“Tuyệt! Cám ơn.”

Những chuyện trò bên tách café thường không phải là vấn đề gì trọng đại, và cũng không có chủ đề gì nhất định. Không có những đề tài lớn lao, to tát được mang ra thảo luận, mở xé trên mặt bàn café. Chỉ là chuyện tâm tình vụn vặt, chuyện thời tiết thời sự, chuyện văn hóa văn nghệ, chuyện mới chuyện cũ, chuyện xưa chuyện nay, chuyện vui chuyện buồn, chuyện lan man, chuyện phát phơ, không đầu không đuôi... Đôi lúc cũng có những bàn cãi, tranh luận sôi nổi, nhưng không gay gắt, hầu hết chỉ là những câu chuyện phiếm, những cuộc tán gẫu, mạn đàm, nói như người Mỹ, chỉ là “a small talk” hoặc “a chat over a cup of coffee”.

Người Mỹ vẫn nói “coffee talk”, “coffee table”, “coffee time”, “coffee break”..., nhưng ít nghe nói “coffee drop”, và nhất là không gọi giọt café bằng cái tên rất thơ, rất văn nghệ là “giọt buồn”, “giọt đắng”, “giọt sầu” như người Việt mình (cứ làm như uống café là uống “thú đau thương” vậy), và cũng chẳng có cái thú ngồi nhìn ngắm những giọt buồn, giọt đắng ấy lặng lẽ nhỏ từng giọt, từng giọt xuống tận đáy cốc (hay đáy tim) để... “tôi chợt nhìn ra tôi”.

Mỗi quán café có một số khách quen thuộc, khi đã “chịu” quán café nào rồi thì người ta chỉ muốn bước vào quán ấy, chứ không phải quán xá nào khác. Quán café trở thành một nơi gặp gỡ, một chốn hẹn hò lý tưởng. Bạn bè rủ rê nhau, chỉ nói “Ra quán café” là mọi người đều biết rõ điểm hẹn ở đâu. Tất cả, chỉ là thói quen. Từ cái tên quán, từ cô chủ quán (hay cô nàng cashier ngồi làm kiếng), từ những bàn ghế, từ một chỗ ngồi, một góc nhìn, một bức tranh, một bức tượng, một bình hoa hay một bài nhạc quen thuộc.

Những quán café thì lúc nào cũng thiếu, lúc nào cũng đủ ở một thành phố như Saigon. Một quán café là lạ mới khai trương vẫn luôn được khách hàng chiếu cố. Người ta luôn muốn “thử” một quán café mới xem có gì “đặc biệt”. Thử và so sánh với những quán khác.

“Café thế nào? Có ngon không?”

Thường là phải ngon, vì những bạn bè ngon, vì những câu chuyện ngon.

“Thích quán café này chứ?”

“Tại sao hỏi? Thích thì sao, không thích thì sao?”

“Tại vì... ‘Hãy nói cho tôi biết bạn thích quán café nào, tôi sẽ nói cho bạn biết bạn là người thế nào’.”

Thì ra là vậy... Ôi café, nói mãi chẳng hết chuyện. Không phải tự nhiên mà “cà-phê liền với cà-kê (dê ngỗng) một vản”.

Thế nhưng, tại sao lại café mà không phải là thứ gì khác? Café thì có gì là ghê gớm, quan trọng lắm đâu. Nghĩ cho cùng, café (và thuốc lá) chỉ là sản phẩm của con người chứ đâu có làm nên con người. Không giống như cơm ăn, áo mặc, nhà ở, café (và thuốc lá) chỉ là nhu cầu giả tạo. Ghiền, chỉ là một thói quen khó bỏ.

Liệu người ta có thể nào sống mà không cần đến những quán café vớ vẩn? Liệu café có thực sự mang lại chút hương vị cho cuộc sống, có làm đẹp thêm cho cuộc sống? Liệu thực sự có cái gọi là “văn hóa café” với lại “triết lý café”, hay chỉ là bày vẽ ra cho có chuyện, hay chỉ là “tạo dáng” cho ra vẻ “văn nghệ sĩ”?

Đâu đến nỗi như thế! Không có café thì đâu có... chết ai!

Đúng là “đâu có chết ai” thật; thế nhưng, không có café thì kẻ cũng... buồn. Thử tưởng tượng, một sớm mai nào thức dậy, tìm mãi không ra một quán café trên mặt đất này...

“Một tách café cho hai người”, làm sao mà tìm lại được, vì làm sao mà tắm lại được hai lần một dòng nước sông.

(1) “Tự tình dưới hoa”, thơ Đinh Hùng

(2) “Dạ lai hương”, nhạc Phạm Duy

(3) “Cà phê Givral, cà phê Seattle”, tùy bút Nguyễn Công Khanh

Những ngọn cỏ may trong truyện Nhất Linh



*“Trên mặt đất, chỗ chàng nằm
chỉ còn có mấy ngọn cỏ may hồng
rung rung trước gió thờ ơ.”*
(“Bướm trắng”, Nhất Linh)

*Hồn anh như hoa cỏ may
một chiều cả gió bám đầy áo em*

Câu lục bát trên là bài thơ ngắn nhất của thi sĩ Nguyễn Bính, “Hoa cỏ may”. Bài thơ thật ngắn, chỉ hai câu, nhưng đầy những ý tình. Trong số nhiều người yêu thích bài thơ ấy tôi chắc có nhà văn Nhất Linh. Trong một bài hồi ức khá lý thú viết về thân phụ mình (*Người thừa trong làng thơ*, “thi sĩ” Nhất Linh – Diễn Đàn Thế Kỷ, 23/1/2012), nhà văn Nguyễn Tường Thiết tiết lộ rằng Nhất Linh rất yêu thơ, hơn thế nữa từng làm thơ rất sớm và có thơ đăng trên báo *Trung*

Bắc Tân Văn năm mười bảy tuổi. Đọc văn Nhất Linh, người ta cũng đọc thấy một tâm hồn thơ dào dạt trong con người nhà văn, con người nghệ sĩ, một tâm hồn thật phóng khoáng, nhiều lúc trải rộng đến mênh mông như những cánh đồng cỏ may.

Bài học thuộc lòng khó quên

Không rõ ngày trước có bao nhiêu thầy cô giáo dạy môn Việt văn từng cho học trò mình lời khuyên rằng nên học thuộc lòng những đoạn văn hay của các nhà văn tên tuổi để học cách viết văn? Không rõ ngày trước có bao nhiêu thầy cô giáo từng lấy đoạn văn trích ra trong truyện *Tôi đi học* của Thanh Tịnh làm bài “Học thuộc lòng” cho học trò mình? Cô giáo dạy Việt văn của tôi thì “thoáng” hơn, cô cho học trò “tự chọn” một đoạn văn của nhà văn nào đó mình yêu thích để học thuộc lòng (tất nhiên phải được cô giáo thông qua). Tôi không chọn *Tôi đi học* như nhiều bạn học khác vì hai lẽ: thứ nhất, những câu văn và ý tưởng trong bài có vẻ được “phóng tác” từ bài *La rentrée* trong tập truyện *Le livre de mon ami* của Anatole France; thứ hai, một chi tiết trong bài khiến tôi khựng lại và bớt phần hứng thú để thưởng thức một áng văn đẹp. Chi tiết ấy là hai chữ “hoang mang” ở ngay câu đầu của bài văn:

Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường...

“*Kỷ niệm hoang mang*” là kỷ niệm như thế nào? Cho dù cảm xúc “hoang mang” ấy là có thật đi nữa thì tác giả cũng không thể viết “*nao nức những kỷ niệm hoang mang*” được. Cũng vì nhận ra chỗ ấy, nhiều người đã tự ý đổi động từ

“hoang mang” trong câu thành ra “mon man” (động từ) hoặc “miên man”, “mên mang” (tính từ). Chưa nói đúng sai, hay dở thế nào, một câu văn được sửa đổi ít hay nhiều cũng không còn là câu văn của tác giả nữa, vì lẽ ấy tôi đành chia tay với Thanh Tịnh để tìm đến một nhà văn khác, một bài học thuộc lòng khác. Đề tài cũng khác hẳn, không phải chuyện tựu trường tan trường, đi học đi chơi chi cả mà là chuyện một người nghĩ về cái chết của mình:

Chiều đến, Trương xuống cuối làng thăm mộ hai thân chàng. Trương không muốn chết ở quê nhưng chàng mong khi chết rồi người ta sẽ đem chàng mai táng ở nghĩa địa nhà; chàng thấy nằm ở các nghĩa địa gần Hà Nội có vẻ tạm thời, không được vĩnh viễn và ám áp như ở đây, cạnh những người thân thuộc. Chàng hơi buồn nghĩ đến chẳng bao lâu nữa lại có những đứa trẻ như chàng hồi còn bé, chạy nhảy trên mộ chàng, hoặc thả diều, hoặc bắt châu chấu những buổi chiều hè lộng gió. Chàng sẽ không biết đau khổ là gì nữa: trên mặt đất, chỗ chàng nằm chỉ còn có mấy ngọn cỏ may hồng rung rung trước gió thờ ơ, và ở một nơi nào đó, Thu mà chàng không bao giờ quên, vẫn đi lại, cười nói, vẫn sống tự nhiên trong ánh sáng của thế gian trên kia.

Đoạn văn trên ở trong truyện dài *Bướm trắng* của nhà văn Nhất Linh (Phần thứ nhì, Chương I), là đoạn văn khá quen thuộc với những người từng đọc, từng yêu văn Nhất Linh.

Trương, nhân vật chính trong truyện, mắc bệnh nan y, nghĩ rằng mình không qua khỏi và không biết sẽ chết lúc nào. Mặc dù đang chờ chết, tình yêu sâu đậm của Trương với người mình yêu vẫn sống mãi, vẫn là bất tử, bất diệt.

Vì lẽ gì tôi chọn đoạn văn ấy mà không phải đoạn văn nào khác? Lý do thứ nhất, đây là đoạn văn tả tình, tả cảnh, tả

tâm lý nhân vật thật hay (là theo nhận xét của riêng tôi) và cũng dễ học thuộc lòng nữa. Lý do thứ hai có chút... riêng tư, tên của một trong hai nhân vật trong đoạn văn đó cũng là tên cô bạn học cùng lớp ngày ấy mà trái tim chàng trai mới lớn là tôi vẫn có chút rung động nhẹ nhàng mỗi khi len lén đưa mắt về phía cô nơi dãy bàn bên cạnh. Tôi đã có những lúc... tưởng tượng rằng nhân vật Trương ấy chính là tôi, và không ngại đẩy trí tượng tượng đi xa hơn: anh chàng nằm dưới đáy mộ ấy cũng chính là tôi.

Cũng như Trương, khi chết rồi tôi cũng muốn được “*mai táng ở nghĩa địa nhà*” hoặc một nghĩa địa nào ở gần nhà để được gần gũi những người thân thuộc và để cảm thấy ấm áp hay ít ra cũng bớt phần lạnh lẽo. Cũng như Trương, tôi “*sẽ không biết đau khổ là gì nữa*”, và trên mặt đất, chỗ tôi đang nằm “*chỉ còn có mấy ngọn cỏ may hồng rung rung trước gió thờ ơ*”. Và..., đến chỗ này mới thật là hay, “*và ở một nơi nào đó, Thu mà chàng không bao giờ quên, vẫn đi lại, cười nói, vẫn sống tự nhiên trong ánh sáng của thế gian trên kia*”. Câu ấy, ngay từ ngày ấy, đã gieo vào lòng tôi mỗi thương cảm và đồng cảm sâu xa với anh chàng Trương tội nghiệp.

“*Thu mà chàng không bao giờ quên*”, câu ấy bộc lộ một tình yêu thiết tha, sâu kín. Câu ấy lại rất “mới”, và mãi đến nay đọc lên nghe vẫn cứ mới. Bây giờ người ta vẫn đang viết như thế, vẫn còn học cách viết như thế.

“*Trương hơi buồn nghĩ đến...*”, cái buồn buồn của Trương khiến người đọc là tôi ngày ấy cũng phải chạnh lòng. Không buồn nhiều lắm, chỉ là cái buồn thoáng qua, vì chàng đã tiên liệu, đã chấp nhận cuộc sống là như thế, đã biết chắc mọi việc sẽ diễn ra như thế. Nhưng mà vẫn cứ buồn. Một người vừa nằm xuống, vừa chia tay với cuộc sống tươi đẹp,

với tình yêu say đắm. Dòng đời vẫn cứ bình thản trôi đi, vẫn cứ “một ngày như mọi ngày” cho dù có chàng hay không có chàng. Những đứa trẻ vẫn cứ nô đùa, chạy nhảy, thả diều, bắt dế trong những buổi chiều hè lộng gió ngay trên nắm mộ chàng. Những ngọn cỏ may hồng vẫn cứ “*rung rung trước gió thờ ơ*”, tựa linh hồn chàng đang vật vờ cùng cây cỏ.

Đoạn văn ấy, những câu văn êm ả, buồn buồn ấy đã “thấm” vào lòng tôi từ những ngày xa xưa. Những ngọn cỏ may ấy, những ngọn cỏ may màu hồng lay động nhẹ trong gió chiều ấy đã đọng lại trong ký ức tôi từ bao năm, và còn theo tôi mãi đến bây giờ. Thường thì người ta chỉ viết “mấy ngọn/bông cỏ may” chứ ít có ai viết “*mấy ngọn cỏ may hồng*” như Nhất Linh để tô thêm màu sắc cho câu văn ấy, cho hình ảnh ấy ở trong đầu người đọc. Đến hai chữ “*thờ ơ*” đặt ở cuối câu ấy thì quả là tuyệt, và... chỉ có Nhất Linh mới viết như thế. Chỉ có ông mới thật là tinh tế trong thuật dụng ngữ, trong cách sử dụng những tính từ, trạng từ, làm rung lên những cảm xúc trong lòng người đọc. Nhiều lắm người ta chỉ viết “*rung rung trong/trước gió*”, rồi thôi. “*Thờ ơ*” biểu tỏ trạng thái hờ hững, dửng dưng, không màng gì đến. Thờ ơ như không cần biết người nằm dưới mộ kia là ai. Thờ ơ như “*Thu mà chàng không bao giờ quên*” vẫn cứ đi lại, vẫn cứ cười nói, vẫn cứ sống tự nhiên “*trong ánh sáng của thế gian trên kia*”.

“*Ánh sáng của thế gian*”, hai chữ “*ánh sáng*” ấy được dùng có chủ ý, trong nghĩa tương phản với “*bóng tối của huyết mộ*”. Bóng tối phủ trùm, bóng tối vây quanh Trương. Chàng đã thuộc về một thế giới khác. Nhất Linh không viết “*thế giới bên kia*” như cách người ta vẫn nói, ông viết “*thế gian trên kia*”. Chữ “*trên*” được hiểu là trên “*chỗ chàng nằm*”, và “*trên mặt đất*”, trong nghĩa tương phản với “*dưới*

đáy mộ". Trên và dưới, ánh sáng và bóng tối, vẽ ra ý niệm rõ nét của "âm dương đôi đường cách biệt".

Chỉ một vài nét chấm phá, chỉ một vài câu, chữ, như "thờ ơ", như "ngọn cỏ may hồng", như "thế gian trên kia"... , đoạn văn ấy, đoạn văn mà tôi đọc được thuở còn ngồi ghế nhà trường ấy, mãi đến nay vẫn là bài học thuộc lòng "mà chàng không bao giờ quên".

Những dấu lặng của tình yêu

Đâu phải chỉ trong *Bướm trắng*, trên những trang tiêu thuyết khác của Nhất Linh, người đọc vẫn gặp không ít những vật cỏ may mọc rải rác chỗ này chỗ kia, dọc bờ đê hay ven đường làng, trên cánh đồng hay dưới chân đồi.

Triết vừa đi vừa hỏi Mạch:

"Anh có thích bướm bướm không?"

"Thích lắm, nhưng ở Hải Phòng không có bướm bướm."

Triết giơ tay kéo Mạch vào vì thấy Mạch loảng quăng chạy ra ngoài ô giẫm lên một đám cỏ may ở cạnh đường để xem cỏ may bám vào quần ra làm sao. (...)

Mùi ngòì xuống kéo Mạch lại gần, vuốt lại tóc, nhặt những cái lá dính ở trán ở má, sửa lại cổ áo, nhặt các hoa cỏ may vương ở áo và kéo lại cái quần cho ngay ngắn. (Xóm Cầu Mới – Phần thứ nhất, Chương VIII)

Những bông hoa cỏ may be bé, nhòn nhọn tựa những chiếc dằm nhỏ nghịch ngợm, chỉ chực chờ ai đó đi ngang qua là bám theo, ghim chi chít vào những vật áo, gấu quần. Tình yêu trong *Đôi bạn*, tình yêu của Loan và Dũng cũng lấp lăm những bông cỏ may như thế.

Dũng thấy trên ống quần Loan lấm tẩm những bông cỏ may, mà đường từ nhà ra trường học toàn lát gạch cả. Mấy bông cỏ may là cái chứng cứ hiển nhiên bảo cho Dũng biết rằng Loan đã một lần vượt qua cổng nhà trường, không vào, cứ đi thẳng về phía cánh đồng. (Đôi bạn – Phần thứ nhất, Chương IV)

Những bông cỏ may tím tím, sắc nhọn ghim cả vào những trang, những dòng chữ viết về câu truyện tình khép kín của “đôi bạn”.

Đột nhiên Loan hỏi Dũng:

“Anh sắp định đi đâu?”

Cả hai người cùng ngừng lên một lúc. Dũng ngạc nhiên vì câu hỏi bất ngờ, chàng nhìn Loan dò xét. Loan cúi xuống tìm nhặt những bông hoa cỏ may vương trên vạt áo. Nàng nói tiếp:

“Hình như anh sắp đi đâu xa, xa lắm?” (...)

Trong lúc cúi xuống để giấu đi sự bối rối trước cái nhìn dò xét của Dũng, Loan vờ như chăm chú “*tìm nhặt những bông hoa cỏ may*”. Những ngón tay mềm mại chuyển động nhẹ nhàng trên vạt áo. Những bông cỏ may li ti màu tím nhạt nói hộ tình yêu.

Một đoạn khác:

Hai người lại yên lặng. Loan chăm chú nhặt cỏ may. Một cơn gió từ ngoài cánh đồng đưa vào thoảng mùi lúa chín thơm và ấm. Một con cào cào bay ngang qua mặt Dũng cánh xoè ra lấp lánh xanh đỏ rồi bay lẫn vào trong nắng. (...)

Không gian bây giờ là cánh đồng và nắng và gió. Ở giữa hai người bây giờ là mùi lúa chín và một khoảng yên lặng. Loan lại cúi xuống “*chăm chú nhặt cỏ may*”, vì... không biết

nói năng câu gì. Cử động dịu dàng mà e ấp ấy là ngôn ngữ của tình yêu.

Lại một đoạn khác:

Dũng biết là chỗ này rất tiện để nói với Loan, nếu không nói được thì không còn dịp nào nữa. Chàng nghiêng người về phía Loan, dịu dàng gọi:

“Cô Loan...”

Loan thông thả quay lại, nét mặt nàng bỗng trở nên nghiêm trang. Tay nàng vẫn đưa đi đưa lại trên vạt áo tìm hoa cỏ may. Dũng nhảm trong miệng tìm câu bắt đầu, nhưng câu nào chàng cũng thấy nó tầm thường quá. (...)

Bằng những ngón tay nhẹ “đưa đi đưa lại trên vạt áo tìm hoa cỏ may”, Loan muốn che giấu nhịp tim hồi hộp đang chờ đợi ở Dũng một lời tỏ tình.

Đoạn tiếp theo:

Chàng không dám cất tiếng vì chàng đã thấy trước rằng câu chàng nói ra chắc không tự nhiên, có vẻ tro trên, giả dối sẽ làm chàng tự thẹn với mình và ngượng với Loan mãi mãi.

Nhưng cần gì phải nói với Loan. Ý quyết định ấy vụt ra trong trí bất thần quá khiến Dũng cho ngay là có lý và tuân theo ngay. Chàng đứng lên nói:

“Ngày chóng hết quá. Đã chiều rồi đấy.”

Loan cũng phải áo cho sạch cỏ may đứng lên theo. (Đôi bạn – Phần thứ hai, Chương X)

Cơ hội tỏ tình của Dũng đã vụt qua như những bông cỏ may đã được phải sạch. Anh chàng Dũng đã có thể ngồi sát gần Loan hơn, vừa gỡ giúp nàng những bông cỏ may tinh nghịch bám trên vạt áo vừa ngáp ngừng thốt lời yêu, ngáp ngừng chiếc hôn trao yêu. Và Loan cũng đang chờ đợi...,

nhưng Dũng đã không làm vậy. Bây giờ thì chẳng còn một bông cỏ may nào trên vạt áo Loan nữa.

Chỉ có thể thôi, như chẳng có chuyện gì cả. Những bông cỏ may đã theo gió bay đi mang theo những lời yêu chưa kịp ngỏ. Chuyện tình trong *Đôi bạn* và trong những trang tiểu thuyết khác của Nhất Linh thường là những “chuyện tình cỏ may” như thế, đơn sơ và thâm kín.

Thử đọc một đoạn khác:

Không nghe tiếng Loan và Thảo nói chuyện nữa, Dũng nghiêng mặt quay về phía hai người. Chàng thấp thoáng thấy hai con mắt đen của Loan. Thấy Dũng bắt gặp mình đương nhìn trộm, Loan vội nhắm mắt lại làm như ngủ; song biết là Dũng đã trông thấy rồi, nàng lại vội mở mắt ra, rồi qua những ngọn lá cỏ rung động trước gió, hai người yên lặng nhìn nhau. (...)

“*Những ngọn lá cỏ rung động trước gió*” ấy là những thoáng xao động của tình yêu.

“*Hai người yên lặng nhìn nhau...*” Những khoảng lặng như thế vẫn thấy trong những đoạn văn kể “chuyện hai người”. Những bông cỏ may ở đây là “dấu lặng” của tình yêu.

Thử đọc thêm đoạn nữa:

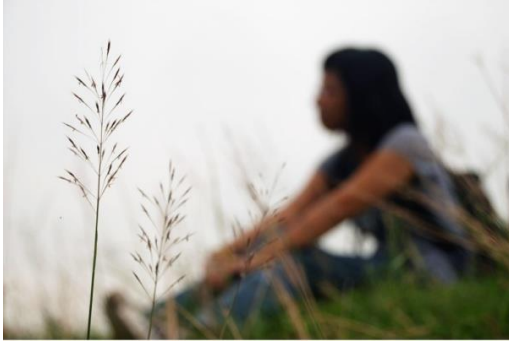
Loan nói:

“Anh yên lặng mà nghe tiếng thông reo... Anh có nghe thấy không?”

Dũng đáp:

“Từ này tôi vẫn nghe và nghe rõ lắm.” (*Đôi bạn* – Phần thứ ba, Chương XVI)

Dững “*nghe và nghe rõ lắm*”... nhịp đập xao xuyến trong trái tim mình. Tình yêu trong truyện Nhất Linh vẫn thường có những thời khắc yên lặng như thế, trong lúc trái tim của hai kẻ yêu nhau thì lay động nhẹ nhàng như những ngọn cỏ may đong đưa nhẹ nhàng trước gió.



* * *

“Khấp nẻo dâng đầy hoa cỏ may
 Áo em sơ ý cỏ găm đầy
 Lời yêu mỏng mảnh như màu khói
 Ai biết lòng anh có đổi thay?”

Những câu thơ trên ở trong bài thơ cùng tên với bài thơ của Nguyễn Bính. Tác giả bài thơ là Xuân Quỳnh. Hai bài thơ cùng tên, nhưng khoảng cách giữa hai bài thì xa đến mấy mươi năm.

“*Lời yêu mỏng mảnh như màu khói*”, hai chữ “mỏng mảnh” ấy thật hay. Mỏng mảnh như màu khói nhàn nhạt, như hoa cỏ may tím tím, như tình yêu thật mong manh.

Chẳng phải “sơ ý” đâu, cỏ may vương trên vạt áo như tình yêu vẫn vương.

Những bông hoa li ti, những mũi gai nhọn nhọn như đầu nhọn của chiếc kim may, găm đầy vạt áo như găm vào trái tim bé bỏng của cô gái vừa biết yêu. Những chiếc gai mỏng mảnh chỉ vừa đủ làm xao xuyến, vừa đủ làm xốn xang, chỉ cảm thấy ram ráp chứ không đến nỗi nhức nhối như là mũi kim chích vào người. Chỉ ram ráp thôi, nhưng thế nào thì cũng phải gỡ ra, gỡ ra từng chiếc gai nhỏ của tình yêu.

“Ai biết lòng anh có đổi thay?” Lời hẹn thề mỏng mảnh quá, như làn khói, như bông hoa cỏ may, biết có theo gió bay đi?...

Để chùng lâu lắm tôi không gặp lại những bông cỏ may. Nơi tôi ở không có những bông cỏ may, hay là có mà tôi không được biết vì tôi chưa hề gặp. Chắc là phải đi đến một nơi nào xa lắm. Xa như tuổi ấu thơ tôi, xa như những vạt cỏ may rập rờn “cuốn theo chiều gió” chạy vờn trên những cánh đồng tuổi thơ mênh mông. Câu thơ Xuân Quỳnh, câu thơ Nguyễn Bính và những câu thơ cỏ may nào nữa đưa tôi về lại khoảng không gian nào xa tắp của những ngày xưa êm đềm, có tôi ngồi trong lớp học mà “mộng ngoài cửa lớp”, có tôi mê mãi cúi xuống những trang tiểu thuyết của Nhất Linh.

Nhất Linh, trong những tấm ảnh mà tôi thấy được, hiếm khi tôi nhìn thấy trên môi ông một nụ cười. Thường là vẻ mặt lạnh yên dưới vầng trán rộng, vẻ mặt đôi lúc trông khắc khổ, và đôi mắt sâu đắm chiêu, tư lự. Khuôn mặt ấy dường như thể hiện con người thứ hai, con người được gọi bằng tên thực của ông hơn là một Nhất Linh nhà văn. Tôi chú ý nhất là đôi mắt đen sâu, lặng lẽ và có chút gì bí ẩn. Lặng lẽ và bí ẩn như chiếc bóng cam lạng của người ngồi bất động trong căn phòng vắng mà nhìn từ phía sau lưng ta chỉ thấy được một phần khuôn mặt chìm trong bóng tối mờ mờ.

Không chỉ là những khoảng lặng trong những trang tiểu thuyết mà cả trong đời sống, cả đến những phút cuối đời, ở Nhất Linh lúc nào cũng vẫn là niềm im lặng sâu thẳm. Đôi lúc tôi tự hỏi liệu tôi, liệu nhiều người từng đọc ông, liệu nhiều người từng ở gần ông và cả đến những người thân của ông, thực sự đã “đọc” hết được ông chưa, thực sự đã hiểu được bao nhiêu về ông, sau những cánh cửa mà ông mới chỉ hé lộ. Có những cánh cửa vẫn còn đóng kín, im lìm.

Cũng có những bức ảnh chụp ông với đôi mắt mơ màng, với ánh mắt mênh mông xa vắng, chứa đầy những sức sống mơ hồ. Dưới vẻ trầm ngâm, mơ màng ấy trông ông có vẻ như một nhà suy tưởng. Tôi thích vẻ mơ màng ấy và tôi cũng thích trông thấy ông cười, nụ cười thật đẹp. Những lúc ấy trông ông có vẻ “Nhất Linh” hơn cả.

Ánh mắt mênh mông xa vắng ấy cũng làm tôi nhớ đến câu cuối trong chương sách cuối của *Đôi bạn*:

Trước mặt hai người, về phía bên kia cánh đồng, ánh đèn nhà ai mới thấp, yếu ớt trong sương, trông như một nổi nhớ xa xôi đương mờ dần.

Câu văn đọc lên nghe đọng lại một cảm giác êm ả mà buồn buồn. Cái buồn buồn nhẹ nhẹ, xa xôi, bàng bạc trong những truyện của Nhất Linh, tạo nên cái khí hậu văn chương rất “Nhất Linh”. Cái khí hậu ấy thấm vào lòng người đọc là tôi, thấm vào lòng biết bao nhiêu người đọc của hơn một thế hệ. Cái khí hậu ấy hẳn phải đến từ một tâm hồn thật phong phú, một trái tim thật giàu cảm xúc và những giác quan thật bén nhạy trước những đổi thay trong từng khoảnh khắc của thiên nhiên và trạng thái tình cảm của con người.

Câu văn ấy, sau bao nhiêu năm, đọc lên nghe vẫn cứ mới. Gọi là “mới” theo cái nghĩa ngày nay người ta vẫn chuộng cách viết, cách dùng chữ như thế.

Nhất Linh, có lúc tôi tưởng như ông vẫn còn lẩn khuất đâu đây, tưởng như ông vẫn chưa đi xa lắm. Sau những cố gắng, những hô hào, vận động đổi mới trong văn chương của nhóm này nhóm nọ (trên cái nền nhà cũ của Tự Lực Văn Đoàn), dường như người ta vẫn chưa vượt lên ông là bao nhiêu. Ngoảnh lại sau lưng, vẫn thấy xa xa cái bóng ông thấp thoáng, chập chờn. Đổi mới, tôi chắc ông phải là người muốn đổi mới, muốn thực hiện việc đổi mới hơn ai hết. “*Theo mới, hoàn toàn theo mới, không chút do dự!*” đấy không phải là khẩu hiệu, là điều “tâm niệm” hàng đầu của ông và các “bạn văn” ông ngày ấy hay sao? Người ta còn gọi ông là “Nhà cách mạng” nữa kia mà. Tôi chắc ông phải vui lắm ngày nào được trông thấy những thành tựu của cuộc cách mạng trong văn học đến từ “Những người viết mới”.

Nhất Linh, bao giờ thì người ta mới thực sự quên ông? Bao giờ ông mới như là “*một nỗi nhớ xa xôi đương mờ dần*”? Chắc phải đến một ngày nào trên mặt đất này không còn tìm thấy những ngọn cỏ may.

* *Nhân tưởng niệm 50 năm ngày mất của nhà văn Nhất Linh (7/2013)*

Mua sắm hạnh phúc



“Bàn tay cho đi là bàn tay nhận về hạnh phúc.”

“Tiền bạc không mua được hạnh phúc”, ta vẫn nghe nói thế. Câu ấy, đúng ra phải là “Tiền bạc *đôi khi* không mua được hạnh phúc”. Nói “đôi khi” là vì có những lúc đồng tiền cũng chịu bó tay, còn thường thì tiền giúp ta mua được khá nhiều thứ, gồm cả hạnh phúc, nếu biết sử dụng. Nói “nếu biết sử dụng” là vì không có gì dễ dàng bằng... tiêu tiền, nhưng tiêu tiền như thế nào để mua về hạnh phúc cho mình và cho người khác thì không phải là ai cũng làm được.

Những thử thách của đời sống

“Thôi, đừng đề cập tới chuyện tiền bạc”, nhiều người thường giã giụa như thế khi “đụng” đến tiền bạc, làm như

thể chỉ có đời sống tinh thần mới là ý nghĩa, mới là quan trọng. Điều này cũng đúng thôi đối với những người có đời sống thoải mái, no đủ, chưa bao giờ phải lo lắng, bận tâm về tiền bạc; hơn thế nữa, chưa bao giờ phải điêu đứng, khốn khổ vì tiền bạc. Tuy nhiên, không phải là ai cũng may mắn được như vậy.

Trong lúc có lắm người làm ra về hồ hững, dửng dưng, không thiết tha gì đến tiền của, vật chất thì cũng có lắm người phải chạy gạo từng bữa, phải tắt tả vì miếng cơm manh áo mỗi ngày, và những người này có rất ít thì giờ để suy gẫm xem là đời sống tinh thần thực sự có ý nghĩa như thế nào.

Trong lúc có lắm “đại gia” trong và ngoài nước ăn chơi thả giàn, xài tiền không đếm và vẫn xem tiền bạc là chuyện không đáng để bận tâm thì có lắm người vẫn tin tưởng một cách mãnh liệt rằng tiền sẽ mang hạnh phúc đến cho họ. Tiền, đối với họ, là “bà tiên hạnh phúc”, là giấc mơ ngọt ngào và xa vời vợi.

Họ là những người ta vẫn “gặp” đều đều trên báo chí trong nước, là ông lão còm cõi 98 tuổi vẫn phải cong lưng đập xích-lô mỗi ngày để tự nuôi thân và nuôi người vợ già quắt queo, là bà lão lưng còng phải lặn lội xuống biển vào lúc một giờ sáng mỗi ngày để mò cua bắt ốc, tự “muru sinh thoát hiểm” vì chẳng con cháu nào phụng dưỡng, là những cặp vợ chồng phải bán máu không biết đến lần thứ bao nhiêu để con mình có tiền đóng học phí và không phải bỏ học, là những cô gái trẻ phải bán thân vì không có vốn liếng nào khác ngoài cái vốn trời cho để mong “cải thiện kinh tế gia đình”, là những đứa trẻ phải tự kiếm sống trên những bãi rác, những kinh nước đen bằng đôi tay lao động nhỏ bé, trong lúc

những đứa trẻ khác cùng lứa tuổi được ăn ngon mặc đẹp, được tung tăng cắp sách đến trường.

Cũng một kiếp người mà “hai hình ảnh, hai cuộc đời”. Nếu có ai hỏi giấc mơ của họ là gì thì sẽ nhận được những câu trả lời thật đơn giản: có tiền để mua gạo cho gia đình, có tiền để mua thuốc cho mẹ già bệnh hoạn, có tiền để mua sách vở cho con, có tiền để thanh toán nợ nần... Những số kiếp không may, những phận người đen bạc ấy vẫn mãi mòn trông đợi bàn tay nghĩa hiệp nào đó rũ lòng xót thương mà cứu vớt ra khỏi vũng lầy đen tối của đói nghèo.

Không chỉ ở trong nước mà bất cứ nơi đâu cũng có những mẩu chuyện về những người khốn khổ, những người nghèo đói không biết đào đâu ra tiền để sinh sống. Đồng tiền đâu có ở trên trời rơi xuống. “Không có tiền thì đi ăn cướp nhà băng à?” ta vẫn nghe nói như thế. Câu chuyện ở thành phố Helena (tiểu bang Montana, Hoa Kỳ) mới đây, không phải chuyện đánh cướp ngân hàng mà là cướp ở một tiệm thực phẩm: Một người đàn ông bịt mặt bước vào một tiệm bán *pizza* lúc nửa đêm, có vẻ như thu hết can đảm để đưa cho người bán hàng mẩu giấy buộc phải nộp tiền. Trong lúc người thu ngân rậm rắp làm theo lệnh và mở két lấy tiền thì người đàn ông bỗng bật khóc vì xấu hổ và nói rằng ông ta chỉ muốn có cái gì ăn cho gia đình. Người thu ngân bèn đề nghị nướng bánh *pizza* và ít cánh gà cho ông ta. “Kẻ cướp” đứng đợi ít phút rồi ôm số thực phẩm ấy về nhà. Cả nhà ông ta sau đó đã có được buổi tối “ấm no hạnh phúc” mà không hề biết rằng người bố, người chồng mình mới đi... ăn cướp về.

Sự túng thiếu dễ làm con người, những cặp vợ chồng và những gia đình mất hạnh phúc. Đúng là có nhiều tiền chưa chắc đã có hạnh phúc thật, tuy nhiên túng tiền hoặc nợ nần

chồng chất và khi mà đầu óc cứ phải luân quần lo nghĩ chuyện tiền nong thì cũng khó mà hạnh phúc nổi. Kinh nghiệm của riêng tôi là không cần phải có nhiều tiền lắm nhưng đừng bao giờ để rơi vào tình cảnh túng quẫn vì tiền bạc. Nỗi túng quẫn này dễ làm con người quẫn trí, dễ đánh mất lòng tự trọng và có thể làm bất cứ chuyện gì để thoát ra khỏi cảnh khốn quẫn, tựa như người bị bỏ đói đến mờ mắt khiến mờ cả lương tri, mất cả nhân cách, sẵn sàng làm mọi cách để có được miếng ăn cho vào bụng (không ít người từng có kinh nghiệm chuyện này). Khi không tìm được lối thoát nào và khi sự khốn quẫn bị đẩy đến tận cùng thì người ta tìm đến cái chết để mong trốn nợ, mong thoát khỏi kiếp nghèo; hơn thế nữa, được giải thoát khỏi kiếp làm người.

Những thảm kịch ấy vẫn diễn ra đều đều ở quanh ta, nhiều nhất vẫn là trên báo chí trong nước qua những bản tin thật buồn. Một cô giáo treo cổ tự tử sau khi đầu độc đứa con gái năm tuổi của mình, để lại thư tuyệt mạng xin các chủ nợ xóa nợ. Một bà mẹ gieo mình xuống đất từ lầu bảy của một bệnh viện vì bất lực nhìn đứa con bảy tháng tuổi nằm chờ chết trên giường bệnh mà không đào đâu ra tiền để trả viện phí cho con. Một ông bố đau đớn đi đến quyết định hóa kiếp cho vợ và hai con nhỏ vì không đành lòng nhìn vợ con mình đói rã họng, rồi sau đó tự hành quyết mình bằng sợi dây treo cổ. Những “tội nhân” ấy chỉ có một cái “tội” là không kiếm đâu ra tiền, không biết làm cách nào để có được những đồng tiền lương thiện.

Những cảnh ngộ thương tâm ấy sẽ không xảy ra, những mạng người oan uổng ấy sẽ được cứu sống nếu được bàn tay nào đó dúi cho ít tờ giấy bạc, là thứ mà nhiều người vẫn tỏ ra dửng dưng vì thừa thãi và vẫn cho là không thể mang đến hạnh phúc.

Người cho cần biết ơn người nhận

Tôi không có thói quen đi vay tiền, khi phải làm việc này tôi rất ngượng ngùng, mang mặc cảm thấp kém của kẻ túng bần đến phải đi vay đi mượn, và lại có vẻ lợi dụng lòng tốt của bạn bè nữa. Việc mở miệng vay tiền của ai đó đối với tôi cũng khó khăn, vụng về không kém việc tỏ tình với người mình yêu thuở mới lớn, và cũng lo lắng, hồi hộp không rõ sự thành khẩn và thiết tha của mình có được đối tượng đáp nhận. Vậy mà tôi từng có vài lần trong đời phải làm công việc chẳng đặng đừng ấy.

Lần sau cùng là lần tôi vừa ở tù về, rách bươm, thế nhưng tôi lại không vay tiền cho tôi mà cho người bạn thân trong con túng quần hết sức ngặt nghèo, không biết xoay xở ở đâu ra, nghĩa là còn thảm hại hơn tôi nữa. Sau khi duyệt qua một danh sách tên tuổi bạn bè, tôi lọc ra được hai người mà tôi nghĩ sẽ không từ chối giúp đỡ bạn mình. Ngồi cả giờ ở nhà người bạn, tôi lúng túng loay hoay không cách chi mở lời được, và tôi nghĩ chắc phải ra về tay không. Sau cùng, có giấu nổi ngượng ngùng, tôi nói, “Tôi hỏi thăm ông cái này nhé, nếu không tiện thì không hề chi, ông không phải bận tâm...” Thật không ngờ là mọi việc đơn giản và dễ dàng hơn tôi tưởng. Tôi vừa thốt ra vài tiếng thì người bạn nói, “Tưởng gì, để tôi lấy ngay cho ông. Tôi có dành được một ít, chưa tính làm gì cả, đưa ông giữ thì cũng như tôi giữ vậy.” Tôi nói, “Tôi không giữ cho ông, tôi dùng hết số tiền ấy.” Người bạn bật cười, nói, “Thì cũng như tôi dùng vậy thôi.” Tôi nói thời hạn sẽ hoàn trả số tiền, anh ta tỏ ra không quan tâm. Nghĩ lại, tôi không tốt được như người bạn ấy. Tôi chắc ngày hôm ấy có ít nhất ba người tìm thấy hạnh phúc: người bạn túng tiền, người bạn cho mượn tiền và người đi vay tiền là

tôi. Hạnh phúc của tôi là được nhìn thấy nụ cười hiếm hoi nở lại trên môi người bạn đáng thương của mình.



Hai vợ chồng đi mua sắm hạnh phúc

Tôi không quên và luôn biết ơn những bàn tay đã chìa ra những tờ giấy bạc lúc tôi điêu đứng vì tiền bạc. Cũng từ lòng biết ơn ấy tôi học được bài học ý nghĩa: ngày trước tôi vẫn canh cánh bên lòng những món nợ ân tình và luôn tâm nguyện sẽ tìm dịp báo đáp, thế nhưng, hầu như tôi chưa bao giờ... tìm được dịp nào cả. Cho đến một ngày kia, một người bạn nói với tôi, “Vô ích, hãy quên chuyện ấy đi. Thay vì vậy, việc ông có thể làm là hãy giúp đỡ những ai đang cần sự giúp đỡ, giống như là người bạn của ông đã giúp ông ngày trước vậy. Tôi tin là người bạn ông cũng muốn ông làm như vậy.” Tôi đã làm đúng như lời người bạn, và... phải cảm ơn lời khuyên quý báu ấy, tôi thấy lòng thật nhẹ nhõm như trút được gánh nặng; hơn thế nữa, thật vui sướng khi nhìn thấy nét mặt vui sướng của người mà tôi được giúp. Nói “được giúp” là vì, ngay lúc ấy tôi nhận ra một điều: đúng là “người cho cần biết ơn người nhận”, biết ơn người đã cho mình cái hạnh phúc được nhìn thấy chút hạnh phúc của ai đó mà mình có thể mang lại được.

Ít tiền như tôi mà còn sắm được cho mình chút ít hạnh phúc, những ai bọn tiền hẵn còn mua được nhiều lần hơn thế nữa. Tôi biết có những người mua sắm được khá bọn và họ tận hưởng những chuỗi hạnh phúc trong đời sống. Tôi cũng biết có những người sử dụng đồng tiền khá khôn ngoan, thay vì trang bị cho mình những tiện nghi vật chất của cuộc sống (những tiện nghi này có được “nâng cấp” đến đâu cũng chẳng bao giờ làm con người thỏa mãn), họ đầu tư vào những việc có ý nghĩa thiết thực hơn, như đóng góp vào các tổ chức nhân đạo, các quỹ tương trợ để cứu giúp người nghèo khó, những kẻ xấu số, những kẻ “bị gạt ra bên lề xã hội”. Có người nhận trẻ mồ côi làm con nuôi, có người nhận bảo trợ học sinh nghèo ham học, có người tổ chức các hoạt động gây quỹ chữa bệnh nan y, có người tìm đến những kẻ không nhà, không cửa... Nhiều người vẫn đang lặng lẽ làm những công việc ấy và tìm vui trong nỗi vui âm thầm. Họ đã mở rộng lòng bàn tay, đã để lòng mình nghiêng xuống những nỗi bất hạnh của kẻ khác. Đồng tiền họ tiêu dùng không làm họ mất đi sự giàu có mà còn thêm được cái giàu hạnh phúc.

Nhiều người cũng muốn làm những việc ấy lắm nhưng không phải là dễ, vì có “tám lòng” thôi chưa đủ mà cần có những “tám giấy bạc” nữa. Nói gì thì nói, người có nhiều tiền vẫn có nhiều cơ hội mua về hạnh phúc hơn những kẻ ít tiền hoặc không tiền. Tất nhiên người ta vẫn có thể sắm sửa hạnh phúc bằng cách này cách khác, nhưng đồng tiền vẫn là tiện dụng hơn cả.

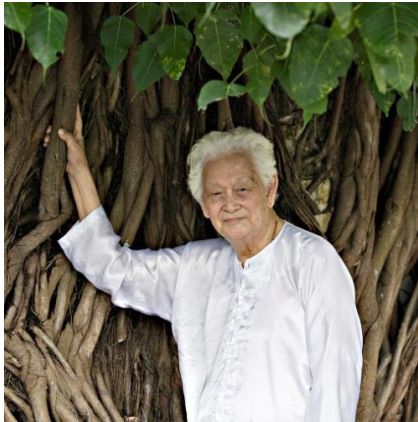
Nếu những người thừa tiền lắm bạc vẫn than thở rằng đồng tiền không giúp họ mua được hạnh phúc thì chỉ vì họ không biết mua sắm ở đâu. Mua trên nụ cười nở trên đôi môi khô héo của người thương phế binh, mua trên mí mắt hấp háy niềm vui của người mù, mua trên miệng cười móm mém

của bà lão chạy gạo từng bữa, mua trên ánh mắt sáng rỡ của đứa bé mồ côi được cầm trên tay món đồ chơi rẻ tiền, mua trên giọt nước mắt rung rung của bà mẹ bên giường bệnh đưa con đang chờ tử thần đến rước đi, mua trên những ngón tay run run chạm đến những tờ giấy bạc hiêm hoi, những tờ giấy bạc quý giá có thể biến những giấc mơ nhỏ bé thành sự thật. Ôi, những đồng tiền mang đến những nụ cười và những giọt lệ hạnh phúc.

Mua sắm hạnh phúc, không phải chuyện đùa đâu! Với những ai tỏ ý nghi ngờ, chúng ta có thể rủ họ đi *shopping*, đưa họ đến tận những “cửa hàng hạnh phúc”, những cửa hàng trông khá xập xệ nhưng bảo đảm rằng bước ra từ những nơi ấy họ sẽ vui sướng lắm, vui sướng làm được điều gì có ý nghĩa và cũng làm đẹp thêm cho cuộc sống. Nếu không được vậy, chúng ta xin... hoàn lại tiền.

Hạnh phúc đến từ nhiều nguồn, trong số những nguồn ấy có không ít những hạnh phúc mua được bằng tiền. Hãy tin tôi đi, tiền nhiều không giúp bạn mua được một vé tốt trên thiên đàng nhưng có thể giúp bạn mua được không ít hạnh phúc dưới trần gian này.

“Việt Nam! Việt Nam!” giấc mơ ngậm ngùi



*“Đất nước thống nhất rồi
mà lòng người thì không thống nhất.”*
(Phạm Duy)

Trong số “ngàn lời ca” của Phạm Duy, bài hát nào được mọi người yêu thích nhất?

Ngày trước, có đôi lúc tôi vẫn tự hỏi như vậy. Sau ngày nhạc sĩ Phạm Duy qua đời, tôi tìm ra câu trả lời. Khi được hỏi “Thích bài nào nhất của Phạm Duy?”, hầu hết những người yêu nhạc ông đều nhắc đến bài “Tình ca”. Có người

gọi bài hát ấy với tên khác là “Tiếng nước tôi” hoặc “Tôi yêu tiếng nước tôi”, là câu hát đầu tiên của bài hát ấy.

Từ “Tình ca” đến “Việt Nam! Việt Nam!”

“*Tôi yêu tiếng nước tôi, từ khi mới ra đời*”, câu hát ấy, mười nốt nhạc đầu tiên của bài nhạc ấy, từng được một cơ sở thương mại ở trong nước mua với giá 100 triệu (tính ra là 10 triệu cho một nốt nhạc), được xem là mười nốt nhạc Việt có giá thương mại cao nhất từ trước đến nay.

Đã từng có một đêm nhạc Phạm Duy tổ chức tại Huế (16/9/2012) với tên gọi là “Phạm Duy – Tôi Yêu Tiếng Nước Tôi”. Trước đó và ở bên ngoài đất nước, một đêm nhạc Phạm Duy khác được tổ chức tại Singapore (17/10/2010) cho cộng đồng người Việt ở đây cũng với tên gọi là “Tôi Yêu Tiếng Nước Tôi”. Bài hát rất được yêu thích và gắn liền với tên ông khiến ông được xem là người nhạc sĩ viết về tình tự dân tộc, về tình yêu quê hương hay nhất.

“Tình ca” là bài hát mang nhiều “chất Phạm Duy” nhất. “Tình ca” là một “tình yêu tổng hợp”, là bản tình ca lớn nhất của Phạm Duy: bản tình ca của đất nước. Với lớp người trẻ, bài hát ấy còn là bài học lớn về lòng yêu nước, yêu tiếng Việt, yêu người Việt, yêu lịch sử dân tộc Việt.

Bài hát không dễ thuộc lời, thế nhưng mọi người đều hát được câu hát đầu của bài hát ấy. Như thế cũng đủ. “Nếu một trăm năm nữa,” tác giả bài hát nói, “người ta vẫn hát bài ‘Tình ca’ với câu ‘Tôi yêu tiếng nước tôi’, thì 999 bài còn lại người ta có quên đi cũng được.” Câu nói ấy cho thấy, không chỉ người yêu nhạc Phạm Duy mà chính Phạm Duy cũng yêu bài hát ấy hơn cả. Thậm chí, khi nói về cái chết, ông cũng nhắc đến tên bài hát ấy, “Mộ tôi sẽ nằm trên môi những

người hát ‘Tình ca’. Cứ mỗi lần có ai hát bài này, tôi tin là mình đang được tái sinh trong lòng họ.”

Bài hát ấy ai cũng hát được, thế nhưng hát để nghe ra “Tình ca”, để diễn được những tình ý người nhạc sĩ gửi vào bài hát thì cần đến một giọng hát. “Nghe ‘Tình ca’ là phải nghe Thái Thanh”, nhiều người vẫn nói như thế, tưởng như khó mà tìm được giọng hát nào hay hơn, phù hợp hơn. Cách thể hiện bài hát này của những ca sĩ trẻ hôm nay cũng gieo được vào lòng người những cảm xúc dạt dào. Có đến ba thế hệ hát “Tình ca” kể từ khi bài hát ra đời (1953).

“Tình ca” cũng là bài hát đầu tiên trong số chín ca khúc đầu tiên của Phạm Duy được Cục Nghệ thuật Biểu diễn (thuộc Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch) ở trong nước cấp phép phổ biến sớm nhất (21/7/2005), hai tháng sau ngày nhạc sĩ Phạm Duy chính thức hồi hương.

Được yêu thích, nhưng “Tình ca” có vẻ để nghe hơn là để hát và càng không phải là bài hát để cùng hát với nhau. Muốn hát chung một bài nào của Phạm Duy, người ta đi tìm một bài khác.

Tôi nhớ có lần nhạc sĩ Phạm Duy chia sẻ tin vui, thêm một đợt những ca khúc của ông được cấp phép phổ biến, tôi nói rằng có một bài tôi thực sự mong cho ông, hơn bất cứ bài nào khác, được phép lưu hành. “Bài gì?” ông hỏi. Tôi nói, “Việt Nam! Việt Nam!” Ông im lặng. Tôi nói thêm là tôi chờ cái ngày bài hát ấy được hát vang vang trên khắp mọi miền đất nước, hát vang vang trong màn kết thúc một chương trình nhạc Phạm Duy. Ông im lặng. Tôi gửi ông nghe/xem cho vui những màn trình diễn bài hát ấy ở nước ngoài, trước và sau ngày ông về nước. Ông im lặng. Tôi hiểu được sự im lặng ấy, và không nhắc tên bài hát ấy nữa.

Vì sao bài hát ấy, bài “Việt Nam! Việt Nam!”, vẫn chưa được cấp phép? Có gì lẩn cán chãng? Có “vấn đề” gì chãng?

Bài hát có những lời lẽ khơi dậy lòng nhân ái, tình yêu thương đồng loại và những giá trị phổ quát của các quyền làm người trong một đất nước tự do dân chủ.

*Việt Nam đem vào sông núi
Tự Do, Công Bình, Bác Ái muôn đời
Việt Nam không đòi xương máu
Việt Nam kêu gọi thương nhau
Việt Nam đi xây đắp yên vui dài lâu...*

*Việt Nam ta nguyện tranh đấu cho đời
Tình Yêu đây là khí giới
Tình Thương đem về muôn nơi
Việt Nam đây tiếng nói đi xây tình người*

Những lời lẽ ấy là không thích hợp chãng?

Bài hát có nhịp điệu khỏe khoắn, tiết tấu mạnh mẽ, nghe phấn khích, thúc giục, tựa những bước chân hăm hở xốc tới, rất thích hợp để hát hợp ca, đồng ca trong những cuộc họp mặt, xuống đường, tuần hành.

Nhạc điệu ấy là không thích hợp chãng?

Bài hát có nhạc điệu trang nghiêm, hùng tráng với lời ca khơi dậy tinh thần yêu nước, mang tính cách của một bài quốc ca. Nhiều người vẫn nhớ rằng “Việt Nam! Việt Nam!” từng hơn một lần được đề nghị làm bài quốc ca Việt Nam Cộng Hòa (thay cho bài “Tiếng gọi công dân” của Lưu Hữu Phước, một nhạc sĩ miền Bắc). Bài hát “Việt Nam! Việt Nam!” vì thế, rất “gần” với bài quốc ca của miền Nam ngày trước.

Những điểm ấy là “nhảy cảm” và là không thích hợp chăng?

Liệu còn có những lý do nào khác? Hoặc, chẳng có lý do nào cả. Chưa duyệt, chưa cấp phép là vì chưa duyệt, chưa cấp phép, thế thôi.

“Việt Nam! Việt Nam!” là một chung khúc (cách gọi của nhạc sĩ Phạm Duy), như một kết thúc có hậu cho bản trường ca “Mẹ Việt Nam” (1964) của Phạm Duy. Là chung khúc nhưng “Việt Nam! Việt Nam!” vẫn thường được trình diễn như một bài hát riêng, độc lập. Chung khúc ấy thể hiện những ước mơ, khát vọng của người dân Việt về một vận hội mới về trên quê hương, cho đất nước yên bình, cho không còn những cách chia, cho người biết thương người.

Trả lời câu hỏi “Vì sao cái tựa bài hát không là ‘Việt Nam!’ mà lại hai lần ‘Việt Nam! Việt Nam!’?” tác giả bài hát nói: “Vì nước Việt Nam mình bị chia làm hai, thành ra có hai Việt Nam – Việt Nam. Nếu chỉ có một Việt Nam thôi thì tốt hơn. Trong khi tôi xưng tụng một nước Việt Nam như vậy, *Tình yêu, đây là khí giới*, thì hai bên vẫn còn nghi kỵ nhau, vẫn còn chưa bắt tay nhau.”

Sau ngày nhạc sĩ Phạm Duy qua đời, một bài báo ở trong nước (Thanh Niên, 30/1/2013) có tựa là “Nhạc sĩ Phạm Duy: Tâm nguyện cuối đời” cho phổ biến một lá thư của ông (không đề ngày) gửi đến “giới chức có thẩm quyền” xin cấp phép phổ biến ca khúc “Việt Nam! Việt Nam!” Thư có đoạn:

“Tôi nghĩ rằng tôi có quyền nuôi một nguyện vọng đóng góp vào sinh hoạt âm nhạc trong nước bằng một ca khúc có tính chất xưng tụng nước ta nhan đề ‘Việt Nam! Việt Nam!’ sáng tác từ 1960, rút trong trường ca ‘Mẹ Việt Nam’, là một tổ khúc kêu gọi sự đoàn kết dân tộc dưới bóng Mẹ Tổ Quốc

thiên liêng và độ lượng. Sau đây là ca khúc đó... (lời ca bài ‘Việt Nam! Việt Nam!’). Tôi mong có ngày ca khúc này được phép phổ biến.” (Thư có kèm một CD gồm hai bài hợp ca “Việt Nam! Việt Nam!”).

Một lá thư khác, cũng theo bài báo ấy, dài đến gần mười trang của Giáo sư Trần Văn Khê (6/2012), người bạn cố tri của nhạc sĩ Phạm Duy, nội dung đề nghị cấp phép phổ biến hai trường ca của Phạm Duy là “Con đường cái quan” và “Mẹ Việt Nam” (kết thúc bằng chung khúc “Việt Nam! Việt Nam!”). Thư có đoạn:

“Tâm nguyện của Phạm Duy đối với quê hương là một tâm nguyện trọn vẹn... Tôi ước mong chính phủ, Bộ Văn Hóa xem xét đến trường hợp hai tác phẩm trường ca của Phạm Duy để giúp cho hai tác phẩm rất sâu sắc, nhân văn này được phổ biến đến đại chúng toàn quốc, giúp cho tư tưởng rất đẹp trong lời nhạc, lời ca đi sâu vào lòng người dân... Với hai trường ca này, Duy đã nói về một Việt Nam hoàn toàn chung nhất, vẽ nên một bức tranh Việt Nam đầy đủ địa lý tới văn hóa, từ chiều dài lịch sử đến bề sâu tâm hồn, từ tư tưởng triết lý đến quan niệm nhân sinh... để thấy rằng Việt Nam đẹp đến nhường nào, từ trong nội tại tâm hồn đến cảnh vật bên ngoài, luôn lấp lánh cái bóng dáng hòa bình, yêu thương, nhân ái, người vì người, sống chết cho nhau.”

Cả hai lá thư với lời lẽ thiết tha và tâm huyết ấy đều “thư đi” mà không có “tin lại”.

Mỗi năm lại có thêm một vài đợt duyệt xét, có thêm một ít ca khúc của Phạm Duy được cấp phép phổ biến (gồm cả những bài một thời được xem là “dị ứng” với nhà cầm quyền trong nước, như “Bên cầu biên giới”, “Mùa thu chết”, “Tìm nhau”...). Không có bài “Việt Nam! Việt Nam!” Đợt cấp

phép mới nhất, mười ngày trước khi người nhạc sĩ qua đời, có thêm tám ca khúc nữa của Phạm Duy được cho phép lưu hành trên cả nước. Vẫn không có bài “Việt Nam! Việt Nam!” Bài hát vẫn biệt vô âm tín. Người nhạc sĩ già vẫn tiếp tục chờ đợi, chờ đợi trên giường bệnh. Nỗi đợi chờ trong tâm lạnh, trong khắc khoải, mỗi mòn, như người ngồi đợi hoài những giấc mơ không bao giờ đến.

“Việt Nam! Việt Nam!”, bài hát ấy hoặc được duyệt rất sớm, hoặc rất muộn, hoặc chẳng bao giờ được duyệt cả, vì không thích hợp, vì khá “nhạy cảm”; hoặc hơn thế nữa, vì “dị ứng”, như cách nói ở trong nước.

“Chung khúc” nào cho Việt Nam – Việt Nam?

Ít hôm sau ngày nhạc sĩ Phạm Duy mất, ở Mỹ người ta tổ chức một đêm nhạc để tưởng nhớ ông. Một người bạn ở Nam Cali gọi cho tôi, nói “Nếu ông ở đây thì tối nay tôi rủ ông đi nghe nhạc, một chương trình nhạc rất đặc biệt, chỉ phổ biến trong thân hữu.” “Nghe nhạc Phạm Duy phải không?” tôi hỏi. Người bạn hỏi lại, “Sao biết?” Tôi nói, “Nhạc Phạm Duy thì người ta vẫn hát, vẫn nghe dài dài từ bao nhiêu năm nay và vẫn đang hát, đang nghe chứ đâu phải đợi đến lúc ông ấy nằm xuống mới rủ nhau đi nghe.” Tôi không rõ các “thân hữu” trong đêm nhạc ấy gồm có những ai, và vì sao lại “chỉ phổ biến trong thân hữu”. Theo lời người bạn kể, một “tiết mục” khá ấn tượng trong đêm “Phạm Duy, Ngàn Lời Ca” ấy: kết thúc chương trình, không ai bảo ai tất cả mọi người đều cùng lúc đứng dậy và cùng cất cao tiếng hát bài “Việt Nam! Việt Nam!” “Cảm động nhất là màn cuối ấy,” người bạn nói.

Vì sao lại “cảm động”? Phải chăng vì những cảm xúc rung rung pha trộn: vì cảm thương cho con người nghệ sĩ

lắm tài hoa mà cũng nhiều nghiệt ngã, cho đến những năm tháng cuối đời vẫn còn nuôi mãi một “*giác mộng dài*”, giấc mộng nửa vùi. Hoặc vì cảm thương cho thân phận đất nước mình dân tộc mình, cho những kiếp người nổi trôi, những số phận lên đênh không bờ không bến. Hoặc vì bài hát gọi nhớ về những năm tháng xa vùi, những tháng năm tươi đẹp nhất của một thời tuổi trẻ với ước mơ trong veo về một ngày hòa bình trên quê hương đôi mới... Người nhạc sĩ già đã nhắm mắt xuôi tay, “*người tình già*” đã đi về “*đâu non*”. “Việt Nam! Việt Nam!”, bài hát ấy, tiếng hát ấy, như một giấc mơ rạn vỡ.

Một trùng hợp ngẫu nhiên, ít hôm sau đó, vào những phút cuối của đám táng người nhạc sĩ, trong lúc người người đứng vây quanh huyệt mộ, trong lúc những nắm đất, những bông hoa đủ sắc màu lần lượt thả xuống nắp áo quan, một tiếng nói bỗng cất lên, “Chúng ta hãy cùng hát bài Việt Nam, Việt Nam.” Rồi một giọng hát cất lên, “*Việt Nam! Việt Nam! nghe từ vào đời...*” Rồi những giọng hát khác cất lên, cất lên, hòa quyện vào nhau. Những câu hát bật ra, bài hát bật ra, càng lúc càng lớn, trong lúc những nắm đất, những cánh hoa vẫn không ngừng thả xuống nắp áo quan... Người ta đã chọn bài hát ấy để nói lời chia tay với người nhạc sĩ.

Việt Nam, hai câu nói bên vành nôi...

Việt Nam, hai câu nói sau cùng khi lià đời...

Tình Yêu, đây là khí giới

Tình thương đem về muôn nơi

Việt Nam, đây tiếng nói đi xây tình người

Ở ngoài nước, kết thúc đêm nhạc tưởng niệm người nhạc sĩ, người ta cùng hát với nhau bài “Việt Nam! Việt Nam!”. Ở

trong nước, kết thúc đám táng người nhạc sĩ, người ta cùng hát với nhau bài “Việt Nam! Việt Nam!”

Đoàn người cất cao tiếng hát bài “Việt Nam! Việt Nam!” trong “*nghĩa trang mộng mênh*” ấy là những ai? Nhiều phần là những người lớn tuổi, những người từng sống ở miền Nam trước năm 1975. Những người trẻ tuổi, một số đã không hát theo được vì không thuộc hay không biết bài hát ấy.

Một bà cụ tóc trắng nêu thắc mắc, “Sao không in ra thành nhiều bản mà phát ra cho mọi người để cùng hát với nhau cho có khí thế hơn?” (Bà cụ không rõ bài hát chưa được nhà nước... cho phép hát).

Những người khác quay sang hỏi nhau, “Tại sao một bài hát có ý nghĩa như thế lại không được nhà nước cấp phép?”

Những câu hỏi không có câu trả lời.

Khác với tác giả bài hát, người ta không phải đợi “nhà nước” duyệt hay cấp phép. Hàng ngàn người đồng hành với ông trong ngày “Chủ Nhật buồn” ⁽¹⁾ ấy đã “duyet” cho ông bài hát ấy. Hoặc, nói như cách nói ở trong nước, “một bộ phận quần chúng nhân dân” đã cấp phép cho bài hát ấy; hơn thế nữa, đã “biểu diễn” bài hát ấy như một dàn đồng ca tự phát.

Bài hát, lần đầu tiên được cất lên kể từ ngày ông về nước. Phải đợi cho đến lúc hạ huyết, cho đến lúc xác thân ông được gửi vào lòng đất mẹ thì bài hát ấy mới cất lên. Cũng đâu có gì là muộn màng, phải không? “*Có còn hơn không, có còn hơn không*”, như câu hát trong một bài hát quen thuộc của ông. Bây giờ thì ông không còn phải chờ đợi thêm nữa.

“Việt Nam! Việt Nam!” từng là một trong những bài hát cộng đồng khá phổ biến trên môi tuổi trẻ, sinh viên, học sinh

ở miền Nam tự do một thời nào. Bài hát vang lên trong những sân trường, lớp học, trong những đêm không ngủ, trong những ngày lên đường, xuống đường rục rủa đấu tranh. Mọi người vừa hát vừa vỗ tay rất nhịp nhàng, rất khí thế, rất sôi nổi. Bài hát ấy, nhiều năm sau lại vang lên bên huyết mộ người nhạc sĩ trong một ngày cuối đông. Người ta đã hát cho ông nghe bài hát bao năm ông hằng chờ đợi, bài hát ông gửi vào những tâm huyết, tâm nguyện, tâm tình. Ông còn mong gì hơn nữa!

“*Việt Nam, hai tiếng nói trên vành nôi*”. Tôi nhớ, ngày trước có lần tôi hỏi nhạc sĩ Phạm Duy, “*Trên vành nôi/môi, hay bên vành nôi/môi?*” Tôi hỏi và nghĩ ông sẽ trả lời là “*bên vành nôi*” (tôi thích như vậy), thế nhưng ông lại nói “*trên vành nôi*”. Thực sự, “*môi*” hay “*nôi*”, “*trên*” hay “*bên*”, ý nào cũng hay. Chỉ có điều, cả ông và tôi đều không ngờ được rằng, ngày hôm ấy, trong nghĩa trang mênh mông ấy, câu hát ấy đã hóa thành “*Việt Nam, hai tiếng nói trên chiếc áo quan*” của tác giả bài hát.

Hát “Việt Nam! Việt Nam!” là hát về những giấc mơ, những khát vọng của người dân Việt tội tình. Giấc mơ “Việt Nam! Việt Nam!”, giấc mơ của Phạm Duy, giấc mơ của tuổi trẻ ngày ấy, của tuổi trẻ hôm nay, của người Việt khắp nơi khắp chốn, giấc mơ ấy vẫn còn... xa vời vợi.

“Việt Nam! Việt Nam!”, sau năm mươi năm, bài hát vẫn còn là giấc mơ.

“Việt Nam! Việt Nam!”, chung khúc ấy là viễn mơ.

Bài chung khúc ông viết cho “*Mẹ Việt Nam*”, cho dân Việt Nam và cho tâm nguyện của riêng ông cách nay nửa thế kỷ, chung cục trở thành “*bài hát tiễn đưa*” ông về với lòng Đất Mẹ, như là những gì thuộc về ông nay chính thức trả về

ông, cho ông mang theo làm hành trang của “Những gì sẽ đem theo về cõi chết”.⁽¹⁾

Liệu có một “chung khúc” nào cho người dân Việt? Câu trả lời vẫn còn ở phía trước. Giáo sư Eric Henry (Đại Học North Carolina, Chapel Hill, NC), giảng dạy về ngôn ngữ và văn chương Việt Nam–người dành ra nhiều thời gian vào việc khảo cứu về lịch sử tân nhạc Việt cũng như chuyển dịch sang tiếng Anh bộ *Hồi Ký Phạm Duy*–trong một bài tham luận, tỏ ra lạc quan về những tín hiệu cho thấy “hai phía Việt Nam – Việt Nam” ngày càng có khuynh hướng “xích lại gần nhau” hơn: “Sự chuyển hoá từ cả hai phía có vẻ chỉ là những thay đổi cón con, ngẫu nhiên, và cá nhân, như thể những hạt cát ngoài bờ biển, hoặc như những chiếc lá vàng mùa thu, nhưng không còn hồ nghi gì nữa về những kết quả chung cuộc. Khi nào cả hai phía cùng hoà giải với nhau thì họ sẽ thấy Phạm Duy đón họ ở đây, vì ông đã thấy trước từ lâu rồi là sẽ có một ngày như thế.”⁽²⁾

Nhạc sĩ Phạm Duy, ngược lại, trong bài trả lời phỏng vấn của đài RFA (23/6/2012), gọi là “Những bực bạch cuối đời”, đã không giấu nổi chua xót trong lòng mình: “Các anh yêu tôi thì nói là tôi có sự nghiệp hơi lớn một tí đấy, nhưng mà riêng tôi, cho đến giờ phút này, tôi thấy là tôi hoàn toàn thất bại. Bởi vì đất nước đã thống nhất rồi mà lòng người thì không thống nhất, thành thử nếu tôi có chết đi thì gần như là tôi không có được thỏa mãn.” Trả lời câu hỏi “Tại sao?” ông nói, “Giản dị lắm, các anh muốn biết tại sao như vậy thì các anh phải hỏi thẳng chính quyền ấy.”

Ngày ông nằm xuống, người Việt vẫn chưa đi đến một “chung khúc”.

“Việt Nam! Việt Nam!”, bài hát ông viết ra từ thời chiến như gửi đi một thông điệp của thương yêu và hòa giải, của thống nhất đất nước và thống nhất lòng người. Thông điệp ấy đến nay người ta vẫn chưa sẵn sàng đón nhận.

Nếu có “thống nhất” được với nhau điểm nào thì chỉ là cả “hai phía” đều gọi ông là “cây đại thụ” của làng nhạc Việt. Sau ngày cây đại thụ ấy bật gốc, cả hai phía ấy và cả những người yêu ông và ghét ông đều nói rằng đến cả trăm năm nữa cũng khó mà có được một tài năng âm nhạc nào như ông.

Người ta vẫn hay gọi một văn nghệ sĩ tên tuổi là “tác giả”, theo sau là tên tác phẩm phổ biến nhất, ý nghĩa nhất và được yêu chuộng nhất. Cách gọi ấy gọi được cả “tác giả và tác phẩm”.

Phạm Duy, tôi chắc nhiều người sẽ gọi ông là “Tác giả Việt Nam! Việt Nam!”

(1) Tên một bài hát của Phạm Duy

(2) Eric Henry, “Phạm Duy and Modern Vietnamese History”, Southeast Review of Asian Studies 27. Phó Tịnh dịch, “Phạm Duy và lịch sử Việt Nam hiện đại”, talawas.org 22/11/2005

* Những chữ in *nghiêng* là những câu hát của Phạm Duy

Đêm rất thánh, đêm không cùng



“Hát là cầu nguyện đến hai lần.”

~ St. Augustine

Một anh bạn tôi, có cô vợ theo đạo công giáo, nói rằng anh ta chỉ theo vợ đến nhà thờ hai lần trong một năm, vào ngày lễ Phục Sinh và lễ Giáng Sinh. “Vậy là anh lấy hết hai ngày lễ lớn nhất của người công giáo rồi còn gì,” tôi nói đùa. “Riêng lễ Giáng Sinh,” anh nói, “không chỉ đi lễ nửa đêm thôi, tôi còn hát theo được bài thánh ca nữa.” “Bài gì vậy?” tôi hỏi. Anh trả lời, “Đêm thánh vô cùng.”

Từ “Silent night” đến “Đêm thánh vô cùng”

“Đêm thánh vô cùng” là bài nhạc ngoại quốc được viết lời Việt. Không ngạc nhiên chút nào khi anh bạn tôi nói “hát theo được bài thánh ca nữa”, vì bài ấy quá nổi tiếng. Có điều tôi không chắc anh và nhiều người khác biết được rằng bài hát ấy nguyên là bài thơ được phổ nhạc, và không phải phổ thành nhạc mà là phổ vào nhạc.

Câu chuyện như thế này: bài hát được cất tiếng “chào đời” lần đầu tiên vào ngày 24/12/1818 tại một làng quê hẻo lánh ở Oberndorf, một tỉnh lẻ của nước Áo. Trong làng ấy có ngôi nhà thờ nhỏ tên là St. Nicholas. Trong nhà thờ ấy có một linh mục trẻ yêu thơ, yêu nhạc tên là Joseph Mohr (có tài liệu nói ông là thầy phó tế chứ chưa phải linh mục). Vào hôm trước lễ Giáng Sinh, cha Mohr chạy đến nhà người bạn mình, một anh thầy giáo làng tên Franz Xaver Gruber, là người chơi đàn organ cho nhà thờ, rút ra trong túi áo mình một bài thơ bằng tiếng Đức có tên là “Stille Nacht, heilige Nacht” (“Đêm thanh lặng, đêm thánh thiện”) mà cha sáng tác hai năm về trước, và nhờ anh chàng Gruber này gấp rút soạn nhạc và phối âm cho bài thơ ấy để kịp trình diễn trong thánh lễ Giáng Sinh lúc nửa đêm với tiếng đàn guitar (vì lẽ cây đàn organ cũ kỹ của nhà thờ bắt ngờ bị hỏng sao đó). Công việc tưởng khó nhưng lại không khó lắm, chỉ mất vài tiếng đồng hồ, vì Gruber đã có sẵn trong tay một bài nhạc thánh ca mà anh từng viết ra trước đó, nay anh chỉ việc thay phần lời của bài nhạc bằng lời thơ hay ý thơ của bạn mình là xong ngay. Thế là, giữa thánh lễ giáng sinh rộn ràng đêm ấy, hai chàng nghệ sĩ có ngay màn trình diễn một sáng tác mới toanh cho cả xóm đạo thường thức trong tiếng đàn đệm guitar bập bùng, hòa cùng giọng phụ họa đều đặn của ca đoàn ở hai câu cuối mỗi đoạn thơ. Bài hát kết thúc trong sự thích thú và tán thưởng nồng nhiệt của đông đảo giáo dân trong làng.

Như vậy, bài hát có hai “đồng tác giả” người Áo là linh mục “nhà thơ” Joseph Mohr và nhạc sĩ “nhà giáo” Franz Gruber mà trước đó chẳng được ai biết đến tên tuổi. Cả hai đồng tác giả này thật khó mà ngờ được rằng bài hát soạn ra vội vội vàng vàng ấy một ngày kia sẽ bay ra khỏi làng quê nhỏ bé của mình, vượt qua biên giới nước Áo, vượt qua nhiều biên giới của nhiều quốc gia khác và bay đi khắp muôn phương để cứ mỗi mùa giáng sinh về là mọi nhà thờ lớn, nhỏ trên mặt đất này lại vang lên nhạc điệu bài thánh ca ấy lần trong tiếng chuông ngân rộn rã.

Do bản gốc của bài nhạc bị thất lạc, mãi đến năm 1995, khi một bản thảo chép tay bài “Stille Nacht, heilige Nacht” với thủ bút của linh mục Joseph Mohr được tìm thấy người ta mới biết đích xác tác giả của bài hát là ai. Trước đó bài hát vẫn được xem là truyền khẩu hoặc gán cho tên tác giả là tên của những nhạc sĩ thiên tài.

Có những version khác nhau cho bài “Stille Nacht, heilige Nacht” nhưng đến nay bản viết năm 1818 với nhịp 6/8, cung Ré trưởng, gồm sáu lời nhạc vẫn được xem là bản gốc. Bài hát vượt cả không gian lẫn thời gian, trở thành bất hủ, cứ mỗi mùa giáng sinh về lại “đến hẹn lại lên” với giai điệu ngọt ngào, êm dịu, phảng phất âm hưởng nhạc dân ca truyền thống của miền quê nước Áo. Người dân Áo hoàn toàn có thể hãnh diện khi bài thánh ca của quê hương mình được “nâng cấp”, không còn là riêng của nước Áo nữa mà đã được “quốc tế hóa” để trở thành bài thánh ca giáng sinh của cả nhân loại trên khắp hành tinh này.

“Stille Nacht, heilige Nacht” được chuyển ngữ sang hầu hết mọi thứ tiếng trên thế giới, và đến nay người ta khó mà biết được chính xác đã có bao nhiêu bản dịch bài thánh ca

này (có tài liệu nói bài hát được chuyển dịch đến hơn ba trăm thứ tiếng). Riêng đối với người Việt thì hai ngôn ngữ được yêu chuộng nhất của bài hát là tiếng Anh và... tiếng Việt. “Silent night”, tên bài hát với bản dịch tiếng Anh năm 1859 của giám mục John Freeman Young thuộc giáo phận Florida, Hoa Kỳ, được xem là bản phổ biến rộng rãi nhất, được nhiều người nghe và hát nhất hiện nay.

Đúng như tên gọi “Silent night”, câu nhạc khởi đầu cất lên khe khẽ, chậm chậm bằng những nốt nhạc mềm mại tựa bước chân ai rón rén, nhẹ nhẹ, trong tâm trạng nao nức, thấp thỏm chờ đón điều gì đó thật kỳ diệu sắp sửa xảy ra. Nhạc điệu trầm lắng, dào dạt, khi vút lên cao khi chìm xuống thấp như tiếng gió rì rào lượn quanh những đồi thông.

Nếu nhiều người tỏ lòng biết ơn giám mục John F. Young về bản dịch tiếng Anh ấy thì người Việt mình cũng cần ngó lời cảm ơn đến nhạc sĩ Hùng Lô, người đã viết lời Việt cho bản thánh ca bất hủ này từ hơn nửa thế kỷ trước, và đặt cho bài hát cái tên là “Đêm thánh vô cùng”. Nói “viết lời Việt” vì ông không làm công việc chuyển dịch lời nhạc từ bản tiếng Đức hay tiếng Anh sang tiếng Việt mà ngoài cái tựa bài và một hai ý trong bài, ông đã tự viết ra lời khác cho bài nhạc. Có thể nói được rằng, bài thánh ca giáng sinh ấy được ông “Việt hóa” thật tài tình, khiến người Việt cùng hát với nhau bài hát ấy qua bao mùa giáng sinh trong niềm cảm xúc dạt dào mà không hề cảm thấy đây là bài nhạc nước ngoài. Trong một nghĩa nào đó, kể từ ngày câu hát “*Đêm thánh vô cùng! Giây phút tung bùng!...*” được cất lên lần đầu tiên, bài “Silent night” được Việt hóa ấy như có một đời sống khác.

Người ta cảm ơn nhạc sĩ Hùng Lô không hẳn vì ông là người đầu tiên đặt lời Việt cho bài “Silent night” mà vì

những lời thật ý nghĩa ông viết ra cho bài nhạc ấy. Điểm khác biệt giữa nhạc thánh ca giáng sinh và những thánh ca khác, nói như linh mục nhạc sĩ Kim Long (tác giả bài thánh ca “Kinh hòa bình”), là ở lời ca. “Lời phải đi vào mầu nhiệm của giáng sinh,” linh mục nói, “phải diễn tả được mầu nhiệm của con người gặp gỡ Thiên Chúa, của đất với trời gặp gỡ nhau để có được sự giao hòa, nhập thể của con Thiên Chúa trong đêm đầy hồng phúc.”

Bài thánh ca ra đời trong đêm giáng sinh năm 1818 ấy, tính đến nay đã gần tròn hai trăm tuổi, cất lên mỗi mùa giáng sinh về và cứ được nghe đi nghe lại mãi, tưởng như không bao giờ cũ, không bao giờ nhàm chán.

“Đất với trời xe chữ đồng”



Nhạc sĩ/giáo sư âm nhạc Hùng Lân

Nhiều người biết nhạc sĩ Hùng Lân là tác giả bài “Hè về” (câu nhạc đầu, “Trời hồng hồng / sáng trong trong / ngàn phượng rung nắng ngoài song...”), một ca khúc vui tươi, sôi động trong số rất ít những bài hát phổ biến về mùa hè, nhưng ít ai biết ông là một nhạc sĩ đi tiên phong trong nhiều lãnh

vực. Có thể kể ra một vài: là một trong những nhạc sĩ hàng đầu về nhạc hùng của nền tân nhạc Việt (tác giả những ca khúc quen thuộc như “Rạng đông”, “Khỏe vì nước”, “Tiếng gọi lên đường”, “Mùa hợp tấu”, “Cô gái Việt”, “Việt Nam minh châu trời đông”...); là nhạc sĩ khởi xướng phong trào viết nhạc thánh ca bằng tiếng Việt; là soạn giả đầu tiên cho những sách giáo khoa về âm nhạc trong các trường học phổ thông; là một trong những người thầy sáng lập trường Quốc Gia Âm Nhạc Và Kịch Nghệ Saigon, và cũng là giáo sư âm nhạc tại trường này, tại Viện Đại Học Đà Lạt và nhiều trường khác trong Nam ngoài Bắc (trong số có trường Chu Văn An, Hà Nội); là “cha đẻ” của chương trình gọi là “Đồ Vui Đẻ Học” được Trung Tâm Học Liệu Saigon phát hành lần đầu tiên năm 1969, và cũng là người đầu tiên mang bài thánh ca nổi tiếng “Silent night” đến với giáo dân và người Việt yêu nhạc.

Nhạc sĩ Hùng Lân không phải là người duy nhất viết lời Việt cho bài “Silent night”, sau ông nhiều nhạc sĩ đã thử viết lại những lời Việt khác với những tựa khác (“Đêm huy hoàng”, “Đêm vui mừng”, “Đêm âm thầm”, “Đêm thanh bình”, “Đêm yên bình”...) nhưng đều là những cố gắng không thành công, hiểu theo nghĩa người Việt yêu nhạc vẫn ở lại với “Đêm thánh vô cùng”.

Vì sao vậy? Đây là chỗ khác biệt giữa các lời Việt của bài hát ấy?

Đầu tiên phải là cái tựa bài. Đêm ở đây là đêm thanh khiết, đêm sâu lắng, đêm im lặng mênh mông đến vô cùng tận. Đêm Chúa giáng sinh không chỉ là đêm tối tinh lặng mà còn là đêm huyền diệu. “Đêm thánh vô cùng”, cái tựa của bài hát nổi liền được cả hai ý ấy, “silent night” và “holy

night”. “Đêm thánh vô cùng”, chỉ tên gọi ấy mới nói đủ, nói đúng, nói hết được ý nghĩa của bài thơ, bài nhạc: đêm rất thánh, đêm không cùng.

“Vô cùng”, hai tiếng ấy không mới mà “*như đã có trước vô cùng*”,* được tìm thấy trong nhiều bài kinh nguyện của tín hữu Kitô giáo.

Nếu câu hát chủ đề trong bài “Silent night” là “*All is calm, all is bright*” thì trong “Đêm thánh vô cùng”, câu hát ấy chính là “*Đất với trời xe chũr đồng*”. Cả bài thánh ca tiếng Việt ấy toát lên một ý chính, gói trọn trong câu sáu chữ này.

Nhạc sĩ Hùng Lô, ông không nói “trời đất giao hòa” mà nói “đất với trời xe chũr đồng”. Có khá nhiều “đồng” ở trong “chũr đồng” ấy: đồng lòng, đồng tình, đồng tâm, đồng cảm, đồng nhất, đồng thuận... “Đất” là con người, là tạo vật trên thế gian này; “Trời” là con Thiên Chúa, là đáng tối cao, đáng tạo dựng muôn loài.

“Đất với trời xe chũr đồng” là thời khắc mà khoảng cách giữa Thiên Chúa và con người như được kéo gần lại, là thời khắc mà tình yêu giữa đáng tối cao và con người, giữa con người và con người như được hợp nhất, hòa quyện vào nhau, khiến con người cảm thấy được gần gũi với Thiên Chúa hơn và cũng gần gũi với nhau hơn bao giờ.

“Đất với trời xe chũr đồng” là thời khắc mà Thiên Chúa mở lòng ra với con người, là thời khắc mà con người đón nhận tình yêu thương ấy như đón nhận “*on châu báu không bờ bến*”. Con người đồng thời cũng mở lòng ra với đồng loại để cho nhau tình yêu thương chan chứa giữa người và người.

“Đêm thánh vô cùng” trong ý nghĩa đó là đêm hạnh ngộ, đêm tràn đầy hồng ân và bao dung.

*Ôi Chúa thiên đàng / cam nếm cơ hàn
Nhấp chén phiền / vương phong trần*

Từ lâu tôi vẫn thích câu hát này, nghe có chút gì... phong trần, và cảm thấy Thiên Chúa thật gần với loài người vì Người cũng “đồng cam cộng khổ”, cũng lao đao lận đận, cũng... “bất phong trần phải phong trần, cho thanh cao mới được phân thanh cao”, nào có khác chi người phàm.

*Ai đang sống trong lạc thú
Nhớ rằng Chúa đang đền bù...*

Bao giờ tôi cũng chờ để nghe giọng ngân dài ấy vút lên, “*trong lạc thú... ú... ú...*”, nghe như tiếng chuông cảnh tỉnh những ai còn đang mải mê ngụp lặn, miệt mài tìm kiếm những hoan lạc của cuộc sống trần tục này.

Tôi không chắc có bao nhiêu người thuộc hết được lời bài “Đêm thánh vô cùng”, phần lớn chỉ nhớ được đến lời thứ hai của bài, còn lại là hát theo ca đoàn hoặc hát theo nhau cho đến câu hát cuối, “*Bốn bề tuyết sương mịt mù*”, trong lúc câu hát cuối của bài “*Silent night*” là “*Jesus, Lord, at Thy birth*”. Lạ một điều là chẳng thấy ai nêu thắc mắc với nhạc sĩ Hùng Lân, vì sao ông không chịu dịch cho sát nghĩa lời của bản gốc mà lại viết ra lời khác làm gì; hơn thế nữa, mọi người lại còn tỏ ra yêu thích lời Việt “cải biên” ấy. Liệu có phải những lời ấy phù hợp với “tâm tình mùa giáng sinh” của tín hữu người Việt hơn? Cho đến ngày nhạc sĩ Hùng Lân lìa đời ở trong nước (năm 1986) người ta không nghe được nơi ông một lời giải thích nào.

Trong ý nghĩa của bài hát, ý nghĩa của “đất với trời xe chữ đồng”, “Đêm thánh vô cùng” hầu như thích hợp với hợp ca, đồng ca hơn là đơn ca. Bài hát càng thêm ý nghĩa khi càng được nhiều người hát chung. Trước giờ tôi chưa nghe

nói có giọng hát nào gọi là gắn liền với bài hát này, hoặc bài hát này làm nên tên tuổi của ca sĩ nào. Đến nay, sau nhiều lần nghe đi nghe lại, những lần bài hát ấy gieo vào lòng tôi nhiều cảm xúc nhất vẫn là đến từ những màn hợp xướng của các ca đoàn hơn là từ ca sĩ chuyên nghiệp.

Hát “Đêm thánh vô cùng” là đi tìm sự bình an, thư thái và lắng dịu trong tâm hồn, là đi tìm vẻ đẹp trong sáng và hướng thượng để thanh lọc tâm hồn và được đắm mình trong không khí giáng sinh lâng lâng tiếng nhạc.

Nhiều người vẫn nói rằng, mỗi mùa giáng sinh về mà không được nghe “Đêm thánh vô cùng” thì cảm thấy thiếu thiếu cái gì đó và như chưa thực sự hưởng trọn không khí mùa giáng sinh, cho dù có nghe đến bao nhiêu bài nhạc giáng sinh khác.

* * *

“Silent night” hay “Đêm thánh vô cùng” không chỉ là bài thánh ca giáng sinh mà còn mang ý nghĩa của một thông điệp hòa bình cho toàn thể nhân loại, một “thông điệp mùa giáng sinh” mang đến tình yêu thương, lòng bao dung và thứ tha trong một thế giới an hòa. Nhân loại mãi đến nay vẫn chưa có lúc nào thực sự an bình, vẫn còn những con người đi gieo rắc lòng thù ghét và bạo lực thay vì tình yêu thương đến cho đồng loại. Trong lúc thế giới vẫn đang có những biến động từng ngày, từng giờ và cảm giác bất trắc, bất an như rình rập, phủ trùm lên đời sống con người thì hơn bao giờ hết, bài thánh ca ấy vang lên trong mùa giáng sinh này như đáp ứng nỗi mong đợi, khát khao của bao người “thiện tâm”.

Vào đúng lúc nửa đêm, vào đúng thời khắc Chúa giáng sinh, bài thánh ca có từ hai trăm năm trước ấy được triệu triệu tín hữu trên khắp hành tinh này cùng lúc trỗi giọng cất

lên. Bài hát mang đến cho con người chút cảm giác yên bình hiếm hoi và cũng mang đến niềm tin vững vàng về những giá trị của chân, thiện, mỹ. Hát lên bài thánh ca ấy như thấp lên niềm tin bóng tối sẽ bị xua tan, cái xấu, cái ác sẽ bị đẩy lùi và những điều tốt, điều lành trên thế gian này sẽ không bao giờ mất đi.

Khi người ta cùng yêu thích, cùng chia sẻ những cảm xúc về một bài hát; hơn thế nữa, cùng hát chung với nhau một bài hát là có chung với nhau sự đồng cảm, đồng thuận.

Singing together is praying together, tôi tin là như vậy. Khi mà người người cùng đồng lòng, cùng “đồng thanh tương ứng” cất cao lời ca tiếng hát, khi mà người người cùng đồng tâm hiệp ý dâng lời khẩn cầu lên đáng tối cao thì đức tin con người cũng mạnh mẽ hơn lên, tin vào huyền nhiệm của Đấng Cứu Thế giáng sinh, huyền nhiệm của con người gặp gỡ Thiên Chúa, huyền nhiệm của tình yêu Thiên Chúa đổ tràn xuống con người, và cả tình yêu giữa người và người trong đêm tràn đầy hồng ân.

Đất với trời... xe chữ đồng...

* *Câu kinh trong Kinh Sáng Danh của tín hữu Kitô giáo*

Giao thừa trên mây



Giao thừa trong bài này, xin thưa trước là giao thừa Tây, không phải giao thừa Ta. Nhập gia tùy tục, sống ở đất nước người thì cũng phải hội nhập vào đời sống, văn hóa của người. Cũng nhờ vậy, người Việt mình được đón Tết đến hai lần trong một năm và có đến hai “tháng Giêng là tháng ăn chơi” để mà phát huy truyền thống “làm ít chơi nhiều” của người mình.

Những năm đầu ở Mỹ bạn bè thường rủ tôi ra downtown Seattle xem màn bắn pháo bông ngoạn mục vào lúc nửa đêm để đón Tết dương lịch. Sau này, ngại lái xe ra downtown vì nạn kẹt xe khủng khiếp và khó tìm parking nữa tôi bèn “di tản chiến thuật” sang ngôi nhà của vợ chồng người bạn năm

trên một sườn đồi để cùng đón giao thừa với chủ nhà và bạn bè. Tại đây mọi người có thể vừa ngồi nhậu lai rai ngoài ban công trên lầu hai vừa phóng tầm mắt nhìn ra cái view dưới thấp là cảnh trí downtown với ngọn tháp Space Needle lừng lững để thưởng ngoạn màn trình diễn pháo bông đón chào năm mới mà chẳng cần phải đi đâu xa xôi. Cũng có năm tôi mời bạn bè đến nhà họp mặt tất niên, gọi là để “tổng kết tình hình sinh hoạt trong năm” và cùng nâng ly chúc nhau sức khỏe, công việc, tình cảm đều tốt đẹp, tươi sáng hơn trong năm mới.

Năm nay thì tôi có hơi mệt mỏi và cũng lười di chuyển nên chỉ muốn nghỉ ngơi dưỡng sức và đón giao thừa ở nhà với vợ con, ai rủ rê cũng kiếm cớ từ chối. Thế nhưng, ở đời vẫn hay có cái “nhưng” nằm ngoài chương trình, ít hôm trước ngày cuối năm bất ngờ tôi nhận được tin không vui: một chị bạn thân ở Houston, Texas đột ngột qua đời. Thực ra, trước đó bạn bè và những người thân đều e chị khó vượt qua nỗi căn bệnh ngặt nghèo nhưng vẫn nuôi chút hy vọng mong manh và không hề nghĩ rằng chị sẽ đi trong năm nay.

Không chỉ là bạn học cùng lớp từ những ngày xưa thân ái mà giữa chúng tôi còn có mối giao tình khá thắm thiết của những người bạn có chung một bề dày kỷ niệm buồn vui, hơn cả những anh em bà con họ hàng chỉ được cái tiếng còn tình nghĩa thì phát phờ, lạt lẽo. Sau cú bàng hoàng và sau phút hội ý với nhau vợ chồng tôi cùng đi tới quyết định là cần phải có mặt trong buổi tiễn đưa người bạn thân quý này. “Không thể nào bỏ lỡ cơ hội này,” vợ tôi nói, “đàn đúm ăn nhậu thì lỡ dịp này còn dịp khác chứ tiễn đưa lần cuối người thân của mình thì chỉ có một lần trong đời.” Nghe được “lời hay ý đẹp” ấy tôi hết sức cảm khái, bèn nhanh chóng lấy vé tàu bay và dặn dò vợ cẩn thận, “Anh đi em ở lại nhà, đừng

quên... cúng giao thừa.” Theo chương trình tang lễ thì chiều thứ Năm trong tuần là lễ viếng dành cho những bạn học cùng lớp cùng trường, và ngày này lại rơi đúng vào ngày đầu năm dương lịch. Tôi quyết định lên đường trước đó một ngày.

Đánh xe ra phi trường vào ngày năm cùng tháng tận trong cơn mưa lạnh chiều đông, ngược nhìn bầu trời xám xịt màu chì tôi thoáng chạnh lòng cho cái số ăn Tết (Tây) xa nhà của mình. Càng chạnh lòng hơn khi nghe trong xe vẳng ra tiếng kèn saxo lẫn tiếng huýt sáo bài “Tombe la neige”, bài hát người bạn mới lia đời của tôi từng yêu thích. “*Ngoài kia tuyết rơi đầy / Anh không đến bên em chiều nay...*”

Theo lịch bay thì sau khi đến phi trường Phoenix (AZ) hành khách sẽ tạm nghỉ ở đây hơn một tiếng để chờ chuyến bay chuyển tiếp và sẽ hạ cánh xuống phi trường San Antonio (TX) khoảng 11 giờ đêm. Ông bạn thân của tôi ở đây sẽ ra đón và ngày hôm sau tôi sẽ theo xe của vợ chồng bạn đi Houston để dự lễ tiễn đưa người bạn chung của chúng tôi. Từ phi trường về nhà bạn chỉ hơn mười phút lái xe và theo dự kiến thì chúng tôi sẽ kịp nâng ly “chúc mừng năm mới” trong ngôi nhà ấm cúng của vợ chồng người bạn.

Thế nhưng, lại một lần nữa “người tính không bằng trời tính”, vừa đặt chân đến cái boarding gate đi San Antonio thì bị đập vào mắt dòng chữ thông báo chuyến bay tạm hoãn 45 phút. Thật chán mớ đời, tôi tự an ủi thôi chịu khó chờ một chút vậy, quý hồ đừng trễ hơn nữa là được. Đến lúc sắp sửa hết 45 phút thì dòng chữ khác lại hiện ra, xin... hoãn thêm 45 phút nữa. “Trời đất!...” tôi chỉ biết kêu trời. “Vậy là thua rồi! Như vậy là mình đến Texas sau nửa đêm rồi.”

Nhìn quanh, hầu hết hành khách đều mặt mũi méo xẹo như tôi, có lẽ ai cũng muốn đặt chân lên thêm nhà mình

trước khi năm mới kịp đến. Vẫn chưa hết, đến lúc 45 phút sắp sửa trôi qua thì trên bảng lại hiện lên dòng chữ xin... hoãn thêm 30 phút nữa. Thế này thì quả là lợi dụng lòng tốt và thử thách sự kiên nhẫn của khách hàng quá đáng. Tôi lại nhìn quanh, mọi người đều lừ đừ, uể oải, nhưng đã bớt vẻ rầu rĩ, có lẽ vì lỡ rồi cho... lỡ luôn. Kể ra thì hành khách cũng khá dễ chịu, hoặc vì... bó tay, không thể làm gì hơn được.

Đồng hồ chỉ 10:40 PM lúc tôi tìm được chỗ ngồi trên tàu bay, và sau khi gài dây an toàn cẩn thận tôi biết chắc mình không còn lựa chọn nào khác hơn là phải đón giao thừa ở... trên trời. Ít phút trước khi máy bay cất cánh, người trưởng phi hành đoàn bước ra nói ít câu đại khái cảm ơn sự kiên nhẫn của hành khách và xin lỗi đã để mọi người phải đợi chờ khá lâu. Tiếp theo ông ta nói đùa, thực tình thì hãng máy bay chúng tôi cố ý làm ra như vậy để cho tất cả hành khách trên chuyến bay đặc biệt này được... “enjoy celebrating New Year’s Eve above the clouds”. Mọi người đều cười vui vẻ, tỏ ra thông cảm và rộng lượng. Lúc này thì hành khách có vẻ thoải mái hơn vì... không còn gì để mất, dù sao thì cũng đã “lỡ chuyến tàu” và bù đắp lại là được đón Tết ở trên trời, chuyện khá hi hữu mà không phải ai muốn cũng được. Mọi người bây giờ có việc để làm là hướng về màn hình trước mặt theo dõi kim chỉ giờ và chờ đợi phút giây countdown đón chào năm mới.

Ít phút trước giao thừa cô tiếp viên đẩy xe đến từng dãy ghế và rót mời hành khách những ly sparkling juice màu vàng nhạt óng ánh.

“Is it champagne?” tôi hỏi, nhìn ly nước vàng óng sủi tăm.

“Crisp apple cider,” cô mỉm cười, “but if you think it’s champagne, it should be champagne.”

Tôi ngoái nhìn ra mảng trời lấp lánh sao đêm ngoài ô cửa và cảm thấy đất trời như đang rạo rực chuyển mình để sửa soạn bước vào nghi thức bàn giao giữa năm cũ và năm mới. Thế rồi, cái thời khắc mọi người hào hứng trông đợi đã điểm, tất cả cùng lớn tiếng đếm... 9-8-7-6-5-4-3-2-1 và cùng nhau nâng ly trong tiếng reo hò “Happy New Year!” Vợ chồng người Mỹ già ngồi cạnh chìa tay sang tôi, “Happy New Year!” và tôi cũng lần lượt bắt tay từng người nói “Chúc Mừng Năm Mới!” Bà vợ hỏi tôi nói gì, tôi trả lời là Happy New Year nói bằng tiếng Việt. Bà bảo tôi lặp lại chậm chậm cho bà học câu ấy.

“We got the longest flight of the year,” ông chồng nói.

“Exactly,” tôi gật đầu. “The flight spans two years.”

Trong số hành khách chỉ mình tôi là người Việt. Bên cạnh tôi, cách một lối đi là anh chàng người Hoa, làm việc ở Phoenix và lấy vacation về thăm vợ con ở San Antonio. Anh tỏ ra ngạc nhiên khi biết tôi từ nơi xa về đây dự đám tang người thân. “Very good!” anh ta nói, chìa ra ngón tay cái. Tôi không rõ anh nói “tốt” là tốt cái gì, việc tiễn đưa người bạn mình hay là việc đi cái đám táng ngày đầu năm là điều tốt lành.

Với các phi hành đoàn từng có hàng ngàn giờ bay thì việc đón giao thừa ở trên trời không phải chuyện lạ lùng gì, tuy nhiên đối với hành khách thì không phải là ai cũng có dịp trải qua những phút như thế trong đời. Vào thời khắc mà hàng tỷ người bên dưới mặt đất kia đang náo nức cử hành những nghi thức đón chào năm thứ 15 của thế kỷ 21 thì tôi cùng hơn một trăm hành khách trong chuyến bay này đang

“lướt” đi trên những tầng mây chót vót trong lòng con chim sắt khổng lồ có tên là Airbus A320. Đường bay nối liền khoảng cách từ Arizona đến Texas trong đêm đen này cũng là đường bay nối liền khoảng cách giữa không gian và thời gian của năm cũ và năm mới. Tôi quả là đã bay một vòng bay dài thật dài, nói như ông già người Mỹ kia, giữa bầu trời cao mênh mông để thực sự tận hưởng cảm giác phiêu bồng của khoảnh khắc gọi là “trời đất giao hòa”.

Máy bay từ từ giảm độ cao, nghiêng cánh khi gần đến phi trường và tôi nhìn thấy qua ô cửa nhỏ những quầng sáng tỏa ra giữa nền trời đen thẫm trông như những chiếc dù đủ màu treo lơ lửng trên thành phố lung linh dưới thấp. Những chùm pháo bông vẫn lác đác nở xòe trong đêm để chào mừng năm mới. Tôi nhìn đồng hồ, 12:50 AM.

Người bạn trò xe tới đón chỉ ít phút sau khi tôi bước ra phía ngoài. Trời mát lạnh, trăng gần tròn. Câu đầu tiên chúng tôi chào nhau cũng là “Happy New Year!” Cảm ơn hết sức ông bạn già phải nhọc lòng đón đưa lúc nửa đêm về sáng. Nghe tôi kể chuyện phải đợi dài cổ mới leo lên được tàu bay, ông bạn nói đùa, “VẬY là ông bị L. chơi khăm rồi, bắt ông đón giao thừa trên trời cho bỏ ghét.” (L. là tên người bạn vừa qua đời. Ông bạn tôi nói thế vì sinh thời cô bạn này nghịch hết biết).

Trong lúc cùng vợ chồng chủ nhà nhâm nhi cốc rượu vang nơi bàn ăn, tôi tỏ ý tiếc đã lỡ mất dịp cùng gia đình bạn countdown và nâng ly đón chào năm mới.

“Chưa muộn đâu. Ông vẫn còn một cơ hội mà.”

Ông bạn nói và bật TV lên cho tôi thấy khung cảnh thành phố Seattle rực sáng ánh đèn, người người đổ tràn ra những đường phố chính, náo nức chờ đợi phút giây ngọn tháp

Space Needle biến thành cây pháo hoa muôn màu thấp sáng cả bầu trời trong đêm... giao thừa (giờ ở Seattle đi sau giờ Houston đến hai tiếng). Và chúng tôi lại háo hức... nâng ly “Happy New Year” lần thứ hai cho hai thành phố cách nhau hơn năm giờ bay này.

Và buổi chiều hôm ấy, tại nhà quán Vĩnh Phúc, anh em chúng tôi tụ họp nhau để viếng thăm và tiễn chào lần cuối người bạn gái thân quý. Trong số đồng bạn bè có những người đến từ những tiểu bang xa (không rõ có ai cùng đón giao thừa ở trên trời như tôi). “Đừng bi lụy quá, nhẹ nhàng thôi, vui vui một chút cho không khí bớt nặng nề,” các bạn tôi nói thế khi đề nghị tôi thay mặt bạn bè để có vài lời tiễn biệt người đi xa. Tôi nhớ đã nói những lời sau cùng với bạn mình:

“L. có biết không? Hôm nay người ta đã gỡ xuống tờ lịch cuối cùng của năm cũ và treo lên tấm lịch mới để đón chào năm mới 2015. Năm mới đến rồi đó, L. ơi! Giá mà L. bước chậm lại một chút thôi thì chúng mình sẽ cùng đếm... 5-4-3-2-1 và rồi cùng nhau bước sang năm mới. Vui biết chừng nào!

Ôi, vậy là năm mới không có L. rồi!... Nhưng cũng không hề chi. L. có biết vì sao không? Vì rằng những bạn bè của L., tuy chẳng có hẹn hò gì trước nhưng đã từ khắp nơi xa gần cùng nhau đón chào năm mới bằng cách tìm đến với L. trong ngày đầu năm này, như muốn nói với L. rằng ‘L. chưa bao giờ rời xa bạn bè cả’, và bạn bè cũng không bao giờ muốn rời xa L. cả, cô bạn ‘má lúm đồng tiền’ xinh đẹp và dễ mến của bọn mình. Và cũng nhờ vậy, hôm nay đây chúng mình đã có được cuộc họp mặt thật bất ngờ và cũng thật ấm cúng, thật thân tình giữa những bạn bè cùng lớp cùng trường,

đúng vào ngày đầu năm. Như thế thì năm mới, năm cũ gì cũng vậy thôi, khi mà tình cảm chúng mình lúc nào cũng vẫn mới, vẫn không hề cũ đi chút nào. Có phải thế không L.?...”

Tôi còn muốn nói thêm một điều nữa nhưng không tiện nói ra vì có chút riêng tư, đó là lời cảm ơn bạn mình đã cho tôi được tận hưởng cảm giác kỳ thú... đón giao thừa trên mây. Một cảm giác thật lạ lùng mà mỗi khi ai hỏi đến tôi vẫn nói đấy là cảm giác “lâng lâng thoát tục và bình bông, lơ lửng của ‘người đi trên mây’”. Hay nói khác đi, “thấy đời nhẹ tênh như là bóng mây, như là rũ sạch hết mọi muộn phiền của thế gian này”.

Ô cửa nhỏ của Thục Vy



*“Qua ô cửa nhỏ nhìn ra bầu trời,
tôi cảm thấy người dân mình
cần tự do biết là bao nhiêu.”*
(Huỳnh Thục Vy)

“Em sẽ dành cả cuộc đời này để thương yêu anh, cũng như chúng ta sẽ dành cả cuộc đời này để thương yêu đất nước này.”

Tôi nhớ đọc được câu ấy trong lá thư của một cô gái trẻ ở trong nước gửi cho người yêu cô; nói đúng hơn, gửi cho vị hôn phu cô. Đây là lá thư tình (nếu vẫn được gọi là thư tình) không giống bất cứ lá thư tình nào từ xưa đến giờ. Cô gái

khá xinh đẹp, và tên cô chắc cũng không lạ gì với rất nhiều người ở trong và ngoài nước. Cô tên là Thục Vy.

“Chúng ta phải mạnh mẽ lên!”

“Tôi đọc lá thư ấy mà ứa nước mắt,” người bạn tôi nói. Anh ta chuyển lá thư ấy cho một người bạn. Người bạn anh cũng nói “Đọc mà ứa nước mắt”. Tôi không rõ có bao nhiêu người đã đọc và đã ứa nước mắt vì lá thư ấy.

Lá thư được Thục Vy viết ra ít hôm sau ngày 1/7/2012, ngày cô và các bạn cô, như cô viết, “*bị đập, bị nắm tóc lôi lên xe khi tập trung biểu tình ở công viên 30-4*”. Trong số những người bị “lôi lên xe” ấy có anh, người chồng sắp cưới của cô. “*Anh bị đánh rất nhiều,*” cô viết. “*Anh đã hét to ‘Các anh có phải người Việt Nam không?’ và ‘Hoàng Sa-Trường Sa-Việt Nam!’ trong nước mắt.*”

“Các anh có phải người Việt Nam không?”, lẽ ra anh không cần hỏi câu ấy. “Các anh” ấy cũng là người Việt Nam đầy thôi. “Các anh” ấy được trả lương để làm tốt công việc của mình. Đơn giản là như vậy. Thục Vy hiểu rõ điều ấy nên cô không phản ứng như anh mà chỉ lặng lẽ để họ áp giải đi... Cô được thả về buổi tối cùng ngày. Thế nhưng mọi chuyện chưa kết thúc. Ít hôm sau, ngày 4 tháng 7, cô được mời lên “làm việc” ở đồn công an quận 7, Saigon, và sau đó cô bị áp giải lên xe một lần nữa, đưa về mãi tận Quảng Nam.

Cô viết trong thư, “*Trưa ngày 4 tháng 7, sau khi làm việc xong với công an phường Tân Quy, Saigon, em bị giăng ra khỏi tay anh, bị xô lên xe, chở đi mất tích... Hình ảnh cuối cùng mà em nhìn thấy khi rời khỏi đồn công an trong tức tưởi là anh khóc và nói ‘Các anh bắt vợ tôi đi đâu? Các anh định làm gì vợ tôi?’ Khuôn mặt anh thất sắc, xám ngắt và*

nước mắt anh chảy ròng. Em có thể cảm nhận rõ nỗi đau khổ mà anh phải chịu đựng. Cả con người anh lúc đó là một khối khổ đau. Em xin lỗi anh, anh ơi!”

Thục Vy nói rằng cô cảm nhận rõ nỗi đau khổ mà người yêu cô phải chịu đựng, và cả con người anh là “một khối khổ đau”. Thế còn cô thì sao? Cô không khổ đau sao? Cô đã bị quăng lên xe, bị “dẫn độ” từ Saigon ra mãi tận Quảng Nam, trên một lộ trình dài đến cả gần một ngàn cây số. “*Suốt dọc đường người ta không cho tôi ăn uống gì cả,*” cô kể lại khi trả lời phỏng vấn của đài BBC tiếng Việt. “*Tôi bị đói, bị khát và xe rất là xóc, bởi vậy cả đêm hôm qua tôi không chợp mắt được chút nào. Tôi rất là mệt mỏi. Sáng nay lúc 5 giờ thì xe tới Quảng Nam. Trong thời gian ở trong đồn, người ta liên tục thăm vấn tôi và người ta bỏ đói, bỏ khát tôi...*”

Sau cùng thì Thục Vy cũng được thả về; nói đúng hơn, thả xuống giữa đường, giữa đêm tối mịt mùng. Cô đã phải thất thểu lết bộ về tới nhà để viết xuống những dòng chữ trong lá thư ấy, “*Em đã mất tất cả chút tự do còn lại của mình, em đã bị thăm vấn liên tục, bị đói khát, bị khủng bố tâm lý, nhưng người mà em lo lắng và nghĩ đến nhiều nhất vẫn là anh. Anh đã từng nói với em rằng ‘Em là tất cả hạnh phúc mà anh có được trong cuộc đời này. Không có em, anh không còn gì cả’. Em hiểu anh cần có em biết bao! Em cũng biết mấy hôm nay anh như người mất hồn khi bị nhiều đe dọa từ những ‘kẻ lạ mặt côn đồ’ rằng ‘Chuyến này Huỳnh Thục Vy sẽ hết đời!...’ Tất cả những đau đớn đó, em thấu hiểu cả, và... em xin lỗi anh.*” Cô lại xin lỗi anh.

Vì sao cô cứ phải “xin lỗi anh” như thế? “*Nếu có ai đó em phải xin lỗi trước tiên thì đó là anh,*” cô viết. “*Ba và các Cô lo cho em lắm nhưng mà mọi người đều đã có nhiều kinh*

nghiệm khổ đau từ hai mươi năm về trước rồi, khi mà ba em bị bắt, nên mọi người dễ hiểu và dễ chấp nhận. Còn anh, anh chưa từng đối mặt với cảnh huống như thế bao giờ. Em xin lỗi anh.”

Về phần Thục Vy, cô cũng đã quen rồi, cũng “đã có nhiều kinh nghiệm khổ đau” rồi, nên cô cũng “dễ chấp nhận” thôi. Tất cả những gì người ta đối xử với cô (túm tóc, quăng lên xe, áp giải ra tận Quảng Nam, bỏ đói bỏ khát, hăm dọa, khủng bố tâm lý, thẩm vấn liên tục...) chỉ để trấn áp, bẻ gãy, dập tắt và làm tê liệt mọi ý chí phản kháng của cô. Người ta có thể lấy làm hả hê tuy rằng việc hành hạ một cô gái yếu đuối như thế thì cũng chẳng có gì là vẻ vang.

Trong lúc gia đình, những người thân, bạn bè của Thục Vy lo lắng cho cô thì ngược lại, trong suốt 34 tiếng đồng hồ bị giam giữ, cô lại tỏ ra lo lắng cho những người thân yêu của mình, và cô vẫn không hề từ bỏ những gì cô đeo đuổi. “*Dù bị khủng bố tinh thần và mệt mỏi về thể xác,*” cô viết, “*nhưng anh ơi, niềm tin của em, sự khao khát của em đối với tự do vẫn là cả một nỗi niềm to lớn không dứt. Anh hiểu em mà, phải không? Em là đứa không chịu nổi những sự lố bịch, những bất công và những ‘chương tai gai mắt’...*”

Thục Vy chắc cũng hiểu rằng, trong lúc cô không chịu nổi những “chương tai gai mắt” ấy thì cô cũng là một cái gai trong mắt họ, một cái gai rất là chương mắt cần phải nhổ phăng, phải quét sạch đi.

Cô không chỉ xin lỗi thôi mà còn “động viên tinh thần” vị hôn phu mình, “*Anh ơi, anh đừng lo lắng nữa, đừng đau khổ nữa. Anh phải mạnh mẽ lên! Chúng ta phải mạnh mẽ lên! Mọi khó khăn vẫn chưa kết thúc, vẫn còn ở phía trước, nhưng chúng ta cũng không đầu hàng. Em biết rằng chỉ mới*

có năm ngày thôi mà ông chồng sáu mươi bốn ký của em bây giờ đã gầy nhom. Em sẽ bồi dưỡng cho anh.”

“Bồi dưỡng” là cái “tù” ở trong nước mà nhiều người ở ngoài nước có thể không mấy thích. Nhưng cũng không hề chi, cô đã quen dùng, và hơn thế nữa, ở đây cô dùng “tù” ấy thật hay. Cô sẽ “bồi dưỡng” cho người chồng tương lai của cô một niềm tin yêu mới, để vững tin hơn, để lạc quan hơn, để không còn lo sợ nữa, không còn đau khổ nữa. Cô cũng “bồi dưỡng” niềm tin yêu ấy cho những bạn bè cô, cho những ai cùng đi một đường với cô. “Anh phải mạnh mẽ lên! Chúng ta phải mạnh mẽ lên!” Khi nói thế cô cũng “động viên” cả chính mình nữa. Với niềm tin mãnh liệt, cô nhất định không chịu lùi bước.

Và trên hết, có lẽ liều thuốc công hiệu nhất mà Thục Vy dùng để “bồi dưỡng” vị hôn phu của cô chính là lời bày tỏ tình yêu tha thiết của cô đối với anh, *“Em sẽ dùng cả cuộc đời này để thương yêu anh, cũng như chúng ta sẽ dùng cả cuộc đời này để yêu thương đất nước này.”*

Thục Vy ơi, em có biết không? Tôi đã chảy nước mắt khi đọc câu ấy. Cái đất nước mà tôi và bao nhiêu người đã phải bỏ đi (và nhiều người nói rằng sẽ không bao giờ quay về nữa); vậy mà em, vậy mà một cô gái trẻ sống trên một đất nước như thế, bị đối xử tàn tệ đến như thế, vẫn cứ nói rằng *“sẽ dùng cả cuộc đời này để yêu thương đất nước này”*.

“Hãy tha lỗi cho em, vì đã làm anh phải lo lắng quá nhiều,” cuối thư cô lại... xin lỗi anh một lần nữa.

Thục Vy ơi, em không cần phải xin lỗi người em yêu đâu. Tôi tin chắc rằng không ai hiểu em hơn “người ấy”. Thường thì trong tình yêu người ta không phải nói với nhau những lời hối tiếc. *Love means never having to say you're sorry*, em

biết câu ấy chứ? Em đã xem phim ấy rồi chứ? Đây là câu nói thốt trên môi của hai kẻ yêu nhau trong một cuốn phim tình cảm quen thuộc từng chiếu ở Saigon trước năm 1975, là cái thời mà một nửa đất nước mình còn được hít thở không khí trong lành của tự do, thứ tự do mà em và biết bao người vẫn đang khao khát.

Em cũng không cần phải xin lỗi ai cả. Hơn thế nữa, tôi biết chắc rằng nhiều người, rất nhiều người, trong đó có tôi nữa, phải gửi đến em và bao nhiêu “Thục Vy” khác nữa lời xin lỗi muộn màng. Chúng tôi thật có lỗi với em, có lỗi biết chừng nào. Chúng tôi từng có ở trong tay mọi thứ, là những thứ em vẫn hằng khát khao, mong mỏi, vậy mà chúng tôi đã không biết giữ hay đã không giữ được, để ngày hôm nay em, bạn bè em, và biết bao người phải điêu đứng, khốn khổ.

Tôi kể em nghe chuyện này nhé, Thục Vy. Sau cuộc đời đời nghiệt ngã ấy, tôi cũng phải vào tù như bao người khác vậy. Chúng tôi trở nên trần trụi vì chẳng còn giữ được gì cả. Ở trong tù người ta nói với chúng tôi như thế này: “Các anh không có gì để mà phải nuôi tiếc cả. Những gì các anh mất đi đều là những cái đáng mất cả.” Như vậy thì tự do cũng là những cái... đáng mất. Nghe mà... dở khóc dở cười, phải không Thục Vy?

Sau cú đổi đời ấy, tôi và những bạn bè tôi, những anh em tôi đều bị khám xét, bị tịch thu phẩm vật “tự do” ấy. Chúng tôi bị giam cầm, bị đọa đày vì cái tội đã tàng trữ bất hợp pháp món hàng quốc cấm ấy trong suốt bao nhiêu năm.

Chúng tôi không thể nào đòi lại những thứ chúng tôi đã bị tước đoạt, chúng tôi cũng không dám kêu đòi. Nhưng Thục Vy, em đã mạnh mẽ cất tiếng đòi tự do, đòi quyền sống, đòi lẽ công bằng cho người dân mình; hơn thế nữa, em còn đòi

dân chủ, đòi độc lập, đòi vẹn toàn lãnh thổ cho đất nước mình.

Thục Vy ơi, chúng tôi không chỉ xin lỗi em, chúng tôi thật hổ thẹn.

Không thể nào bỏ đói được những giấc mơ

“Anh biết không, ngày hôm nay tôi bị giữ ở trong đồn suốt cả ngày, tôi chỉ được nhìn qua ô cửa nhỏ để nhìn ra bầu trời. Tôi cảm thấy người dân mình ở trên đất nước Việt Nam này cần tự do biết là bao nhiêu. Thực sự tự do là tất cả những gì chúng tôi muốn. Chỉ có tự do mới làm cho chúng tôi được sống thực sự như là một con người.”

Những lời ấy là lời chia sẻ của Thục Vy khi trả lời phỏng vấn của đài BBC, ngay sau lúc cô được thả về vào tối ngày 5 tháng Bảy. Cô bày tỏ những trăn trở của mình, “Suốt từ 12 giờ ngày hôm qua đến 9 giờ ngày hôm nay tôi đã mất hẳn quyền tự do của mình... Tôi cảm thấy yêu tự do, khao khát tự do hơn bao giờ hết, và tôi muốn chia sẻ tâm tư này với tất cả các bạn trẻ, những bạn trẻ yêu nước, những bạn trẻ am hiểu thời cuộc, những bạn trẻ quan tâm đến tình hình đất nước rằng, chúng ta phải nỗ lực, chúng ta phải cố gắng hơn nữa.”

“Phải cố gắng hơn nữa”. Thục Vy, cô thực sự muốn gì? Cô bộc lộ rất rõ ràng, “Chúng tôi—những người trẻ Việt Nam—mong muốn có một xã hội tự do, dân chủ ở Việt Nam. Một xã hội,” cô nhấn mạnh, “tự do, dân chủ thực sự ở Việt Nam.”

“Tôi yêu tự do,” Thục Vy từng bộc lộ, từng lặp đi lặp lại. Vì lòng yêu tự do ấy, cô phải lên tiếng, cô không thể nào im lặng được. “Và nếu vì tình yêu ấy mà tôi bị buộc phải im

lặng,” cô nói, “thì điều đó không phù hợp với nhân tính và càng không phù hợp với tính cách của một cô gái trẻ như tôi.”

Ngày hôm ấy, ngày 5 tháng Bảy, qua ô cửa nhỏ trong căn phòng đóng kín, nơi cô bị giam giữ, Thục Vy nhìn ra một mảng trời trong xanh và cô khao khát tự do hơn bao giờ hết. Cô khao khát tự do cho cô, cho những bạn bè cô và cho người dân đất nước cô.

Bên ngoài ô cửa ấy là bầu trời rộng, là nắng ấm, là gió mát, là ánh sáng, là ước mơ của cô, của những bạn bè cô và của người dân đất nước cô.



Thục Vy ơi, không ai cấm đoán được những ước mơ của em. Người ta có thể giam giữ em, bỏ đói em, nhưng không thể nào giam giữ, bỏ đói, hay giết chết được những ước mơ của em. Trong lúc thân xác em bị giam hãm thì những ước mơ em vẫn cứ tự do, vẫn cứ bay lượn như những cánh chim ở bên ngoài ô cửa nhỏ kia.

Bên trong ô cửa nhỏ ấy, bên trong chôn giam hãm tù túng, chật chội ấy, trái tim em rộng mở, tấm lòng em rộng mở, thanh thang.

Người ta bỏ đói, bỏ khát em, nhưng những đói khát ấy chẳng có nghĩa lý gì so với nỗi đói khát tự do của em.

Tội nghiệp em, Thục Vy, em thèm khát tự do đến thế sao! Em yêu đất nước mình, em yêu người dân mình đến thế sao!

Tội nghiệp em, Thục Vy, ở đây tôi có cả một không gian bát ngát, một bầu trời mênh mông tự do, trong lúc em chỉ có một ô cửa thật nhỏ để dán mắt nhìn ra ngoài trời.

Ở đây tôi có tự do như là khí trời, như là gió thổi lao xao trên đồng rộng. Ở đây những người trẻ giàu ước mơ, những người trẻ ôm những hoài bão lớn như em đều có được cơ hội thực hiện giấc mơ của mình.

Ở đây những cuộc xuống đường, tuần hành, biểu tình để bày tỏ một thái độ, một nguyện vọng, một yêu sách với nhà nước là chuyện bình thường, là hợp pháp và là một trong những quyền tự do phổ biến trong một đất nước tự do. Hơn thế nữa, những nhân viên công lực, những người cảnh sát còn sốt sắng hợp tác với người biểu tình để bảo đảm rằng mọi việc được diễn tiến thuận lợi và an toàn cho mọi “biểu tình viên”, theo đúng các quy định của trò chơi dân chủ (mà em gọi là “luật biểu tình”). Ở đất nước này, tám ảnh một cô gái bị đám người mặc thường phục vây chặt, túm tóc, lôi cổ, quăng lên xe như là con vật sẽ gây ra một chấn động lớn trong cả nước chứ không phải đùa đâu.

Trên một trang mạng tôi xem được những tám ảnh của Thục Vy. Có tám ảnh chụp cô đứng trước biển mênh mông với những đợt sóng phủ tràn bờ. Có tám ảnh chụp cô tươi cười đứng bên bia rừng phủ đầy những bông hoa dã quỳ màu vàng rực. Có tám ảnh chụp cô ngồi tựa một thân cây cao và thẳng, cúi xuống những trang sách mở rộng... Ảnh nào cũng là khuôn mặt xinh đẹp tự nhiên, cũng mớ tóc dài buông xõa,

cũng bờ vai thon tròn, cũng làn da trắng hồng, cũng mắt sáng môi tươi. Ánh mắt cô trong sáng, nhìn thẳng vào cuộc đời, tự tin và đầy sức sống. Đôi môi cô tươi thắm, có lúc hé mở, có khi mím chặt, khoe miệng hơi nhếch lên như một vẻ thách thức với cuộc sống, thách thức với những gì cô biết rõ mình phải đương đầu. Khuôn mặt cô, vóc dáng cô, tiếng nói cô đã trở nên gần gũi, thân thuộc với biết bao người.

Thục Vy, cô yêu biển, yêu sông nước, yêu thiên nhiên, yêu những bông dã quỳ hoang dại, như yêu biết mấy đất nước mình. Cô yêu sách vở, yêu lịch sử nước Việt, dân Việt. Một trong những “thần tượng” lịch sử mà cô rất ngưỡng mộ là Phó Đức Chính, chàng thanh niên đầy khí phách, đã chiến đấu thật dũng cảm và đã hy sinh thật anh dũng cho lý tưởng độc lập, tự do của đất nước mình, và là người trẻ nhất (23 tuổi) trong số mười ba lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng bình thân bước lên đoạn đầu đài để đền nợ nước. “Nhắc đến ông,” Thục Vy nói, “chúng ta tự nhiên sẽ thấy bình an hơn, vì những đau khổ chúng ta đang chịu đựng làm sao mà có thể sánh được với sự hy sinh tính mạng của một người đang tuổi xuân xanh.”

Thục Vy, trong một đất nước như thế, em chỉ là một cọng rom thật yếu ớt, thật nhỏ nhoi mà cơn lốc nào cũng có thể cuốn xô, vùi dập. Chỉ là một cọng rom, em đã dám đương đầu với một cỗ máy khổng lồ. Cỗ máy ấy sẵn sàng nghiền nát em bất kỳ lúc nào. Cuộc chiến đấu của em là liều lĩnh, là mạo hiểm, là đầy bất trắc, nhưng em vẫn không bỏ cuộc chỉ vì, nói như em, “không chịu được những ‘chương tai gai mắt’ ấy.”

Thục Vy, em yêu đuối biết chừng nào, nhưng em cũng mạnh mẽ biết chừng nào!

Hạnh phúc đơn sơ, hạnh phúc bình thường

Thục Vy, cô gái sinh sau đẻ muộn đến mười năm sau khi cuộc chiến tranh Việt Nam kết thúc. Cô đã phải lìa xa bố mẹ khi tuổi còn thơ. Mẹ cô mất sớm năm cô sáu tuổi. Một năm sau, bố cô, một nhà văn tên tuổi đã phải vào tù đến mười năm để trả giá cho những đấu tranh vì lý tưởng tự do, công bằng và dân chủ. Như bao nhiêu người trẻ sinh ra sau chiến tranh, cô đâu có hiểu được gì nhiều về cuộc chiến ấy. Những hiểu biết của cô nhiều phần đến từ trường lớp và sách vở, tài liệu phổ biến ở trong nước. Thế nhưng cô còn muốn học hỏi, muốn tìm hiểu nhiều hơn thế nữa để có được cái nhìn đúng đắn về lịch sử đất nước, về các quyền sống của con người. Và một khi cô đã muốn thì không gì ngăn cản được. Với các phương tiện truyền thông hiện đại, thế giới bây giờ đã như một ngôi làng nhỏ và cô nhận được mọi thông tin mà cô muốn biết. Từ đó, cô tự trang bị cho mình vốn hiểu biết sâu rộng, và hơn thế nữa, các nhận thức bén nhạy về cuộc sống diễn ra quanh mình.

Cô cũng học được nhiều ở người bố yêu quý, người mà cô hết sức biết ơn, người mà theo cô, *“là một chỗ dựa tinh thần vững chắc cho cuộc đời tôi, là người đã biến ước mơ của chính mình thành hoài bão của một đứa con gái được may mắn thừa hưởng văn tài và tư duy logic của ba.”*

Change we can believe in! Thục Vy nói cô yêu thích khẩu hiệu ấy của ông Tổng Thống Mỹ Obama. Cô tin rằng đất nước mà cô đang sống rất cần đến những đổi thay, và cô cũng tin rằng người dân đất nước cô—một đất nước mà lớp tuổi dưới ba mươi chiếm đến hai phần ba dân số—có thể làm được điều này để mang về một vận hội mới cho đất nước, cho quê hương. Chiến tranh đã đi qua, những chương sách cũ

đã khép lại. Những người trẻ tuổi sinh ra hoặc lớn lên sau chiến tranh muốn viết tiếp những chương sách mới, những trang sử mới tươi sáng hơn cho đất nước mình, dân tộc mình.

Yes, we can! Tôi cũng muốn bắt chước ông Obama giơ ngón tay cái lên với dáng điệu quả quyết để nói với Thục Vy rằng, tôi tin vào những điều em và các bạn bè em thực sự tin tưởng. Đất nước này là của em, là của những người trẻ như em. Chính các em chứ không phải bất cứ ai khác, phải là những người làm chủ vận mệnh đất nước mình.

Thục Vy, tâm hồn em thật trong sáng. Em yêu cái đẹp, yêu sự thật, yêu lẽ công bằng. Em ghét cái xấu, ghét sự dối trá, ghét cái bất công. Tội của em là tội “nói thẳng nói thật”, là tội nói lớn, nói rõ, nói mạnh mẽ những gì ai cũng trông thấy nhưng ít ai dám nói ra. Người ta chỉ muốn được yên thân, yên phận. Những lời nói thẳng nói thật của em là những lời thật khó nghe đối với những kẻ không muốn nghe, vì vậy những gì em nhận được là những lời thóa mạ, những nguyên rủa thô tục, những trấn áp thô bạo, là cuộc sống bị sách nhiễu, đe dọa, là tất cả những gì người ta đã làm và đang làm để hành hạ một cô gái “cứng đầu cứng cổ” như em.

* * *

Thục Vy ơi, em biết không, hôm nay tình cờ tôi gặp được bức tranh vẽ ô cửa nhỏ của em. Tôi chắc đây là ô cửa nhỏ mà em đã kể cho nhiều người nghe. Trong bức tranh ấy còn có chú chim sẻ nhỏ nữa Thục Vy à. Tôi không rõ chim sẻ ấy chính là em, hay là chim từ đâu bay về đậu trên những song sắt của ô cửa ấy. Chim đến thăm em, đến bầu bạn với em, trò chuyện cùng em. Em không cô đơn đâu Thục Vy à. Chim mang theo tín hiệu, mang theo “thông điệp” của tự do, tôi tin là như vậy. Một ngày nào đó, em và bao người như em, cũng

sẽ được tự do như chim thôi. Em sẽ không còn phải đứng trong gian phòng tù túng, tối tăm, chật chội ấy, nhìn ra ô cửa nhỏ ấy, để đôi mắt trông theo những đàn chim xoải cánh bay lượn giữa vòm trời xanh kia.

Tôi đọc lại lần nữa những dòng cuối trong lá thư của Thục Vy.

“Anh ơi, anh cố gắng lên anh nhé! Chúng ta còn một lễ cưới phải lo thu xếp. Cả anh và em hãy cùng cầu nguyện nhé! Em tin chúng ta sẽ được bình an, hạnh phúc.”

“Chúng ta còn một lễ cưới phải lo thu xếp”. Lẽ ra, như bao cô gái mơ mộng sắp sửa bước vào cánh cửa hôn nhân, trong những ngày này Thục Vy phải tất bật, phải bận bịu ghê lắm, khi mà ngày cưới đã gần kề, khi mà hạnh phúc một đời người đang ở trong tầm tay. Vậy mà...

“Cả anh và em hãy cùng cầu nguyện nhé!” sau cùng cô nói như thế với người mình yêu.

Thục Vy ơi, không phải chỉ có “anh và em” thôi đâu, bao nhiêu người ở trong nước, ở ngoài nước cũng đang cầu nguyện cho em đấy. Chúng ta hãy cùng nhau cầu nguyện, Thục Vy nhé! Cầu nguyện cho em, cho đôi tân hôn, cho hai kẻ yêu nhau mãi mãi được gần bên nhau, mãi mãi không bị tách rời, không bị giằng ra khỏi tay người mình yêu.

Thục Vy ơi, em phải được đền bù. Em và người em yêu xứng đáng được đền bù, xứng đáng được hưởng hạnh phúc. Hạnh phúc đơn sơ, hạnh phúc bình thường như mọi lứa đôi yêu nhau trên cõi đời này.

Thục Vy ơi, em hãy bảo trọng nhé (em đừng cười tôi nói “bảo trọng” nghe)! Hãy bảo trọng tấm thân em, bảo trọng tình yêu của em, bảo trọng hạnh phúc của em. Vì sao em biết

không? Vì rằng rất nhiều người muốn trông thấy em được hạnh phúc, muốn trông thấy em được bình an.

“Em tin rằng chúng ta sẽ được bình an và hạnh phúc”, em đã chẳng nói như vậy sao?

Sau cùng..., thử nghĩ xem chúng ta có thể làm được gì cho em, cho con chim nhỏ tội tình?!

Quên, còn cái này nữa chứ... Tôi còn muốn đọc em nghe một đoạn trong bài thơ của một nhà thơ quen tên ở trong nước. Ông nhà thơ ấy cũng đã xuống đường trong ngày đầu tháng Bảy để cùng “đồng hành” với em đấy, Thục Vy à.

(. . .)

Hôm nay

tôi đã quì trong góc riêng mình

cô độc và tuyệt vọng,

khẩn cầu Chúa cứu giúp một người con gái trẻ tôi vừa gặp

rất dịu dàng, nhỏ nhẹ, khiêm ái và sắp lấy chồng

Họ bắt,

cô ấy đã quen

Họ đàn áp,

cô ấy đã quen

Nhưng khi những lời không phải của con người dành cho con

người, “Mày sẽ không còn cơ hội làm lại cuộc đời

Mày sẽ không còn thiên chức làm mẹ nữa đâu”

gửi đến người chồng trẻ tuổi

thì đấy là lời quỷ dữ

không phải tiếng nói của loài người

Tôi sụp xuống trong nỗi đau đớn

“Chúa ơi! Tôi là con chiên ghẻ của Người

Xin cứ đẩy tôi vào luyện ngục

nhưng xin che chở cho cô gái ấy. Xin Người...”

(“Trong mùi hoa huệ thoảng qua, tôi biết cô ấy đã về nhà”,

Đỗ Trung Quân)

Obama, ngày vui qua mau



*“Nhà lãnh đạo giỏi và được lòng dân
là nhà lãnh đạo mà người dân
thích được cùng chụp hình selfie.”*

Ngày vui qua mau, “con sói Obama” đã tạm lắng xuống. Chuyến đi lịch sử của ông Obama đến Việt Nam nay chỉ còn lại những tấm ảnh màu. Trong số những ảnh “kỷ niệm một chuyến đi” ấy, tấm ảnh Tổng Thống Mỹ và tay đầu bếp nổi tiếng Anthony Bourdain dùng bữa tối tại một quán ăn bình dân với thực đơn là món bún chả và bia Hà Nội được cư dân mạng bình chọn là ảnh “hot” nhất. Cả những tờ báo lớn nước ngoài cũng đồng loạt đăng lại ảnh này và xếp hạng đầu trong số những ảnh “ấn tượng” nhất của tuần lễ cuối tháng Năm (bên cạnh ảnh các nhà lãnh đạo G7 trồng cây lưu niệm trước

giờ khai mạc Hội nghị Thượng đỉnh ở Nhật, ảnh chiếc tàu chở gần 600 người nhập cư bị lật úp ngoài khơi Libya...).

Những ảnh đẹp về một chuyến đi

Tám ảnh ấy, nếu phở biến trước ngày ông Obama đến Việt Nam, người xem dễ nghĩ đấy là ảnh ghép với thủ thuật *photoshop*, ghép hình ông Obama và một bạn nhậu đang ngồi “cụng chai” và lai rai với nhau trong một quán ăn nào đó trong số rất nhiều quán xá như thế ở Việt Nam. Ảnh khôi hài được đặt tên là “Một hai ba..., dzô!” chẳng hạn. Thế nhưng, đấy lại là ảnh thật, nói như trong nước là ảnh “người thật, việc thật”, mặc dù có chút dàn dựng đối với các diễn viên phụ (mặt mũi tình queo không thèm biết hai thực khách ngồi gần mình là ai).

Vì sao tám ảnh này lại có sức hấp dẫn đối với người trong nước đến như thế? Cũng dễ hiểu thôi, thứ nhất, tám ảnh thật lạ, lạ đến khó tin; thứ hai, ảnh minh họa rõ nét phong thái của nhà lãnh đạo một đất nước tự do, không giống như lãnh đạo... nước mình.

Báo chí nước ngoài thì chỉ chú ý đến cái giá 6 USD quá rẻ cho bữa ăn hai người và tỏ ra thích thú với cảnh ông Obama *enjoy* bữa ăn tối rất bình dân sau một ngày dài làm việc khá bận rộn, mệt mỏi. Trông tác phong hai vị thực khách này chẳng khác gì những anh chàng Tây ba-lô ta vẫn gặp đâu đó trên đường Bùi Viện, Đề Thám hay Phạm Ngũ Lão ở Sài Gòn. Nhu cầu khám phá “văn hóa ẩm thực” của người Việt khiến hai chàng chẳng nề hà gì mà ngồi sà ngay xuống hai chiếc ghế thấp bên chiếc bàn thấp vẫn thấy ở những quán cóc xập xệ, không có được cái lưng ghế để mà dựa dẫm tám lưng rộng cho đỡ mỏi.

Đối với nhiều người Việt thì tấm ảnh “đẹp” nhất, hiểu theo nghĩa lý thú nhất, trong chuyến thăm Việt Nam của Tổng Thống Mỹ phải là ảnh ấy, ảnh chụp ông và một ông bạn trông khá “ngầu”, ăn mặc lè phè, áo bỏ ngoài quần, cánh tay xăm trổ vằn vện, cùng ngồi trong một quán bún chả ở Hà Nội, cùng ngửa cổ nốc cạn chai bia ướp lạnh (đúng tác phong bợm nhậu), chứ không phải là ảnh ông cùng Chủ tịch nước duyệt hàng quân danh dự, hay ảnh cuộc hội đàm song phương giữa các quan chức cao cấp Việt-Mỹ, hay ảnh lễ ký kết hợp đồng “khủng” phía Việt Nam đặt mua 100 máy bay Boeing trị giá đến hơn 11 tỷ USD...

Một tấm ảnh khác cũng đẹp không kém, tuy không được phổ biến bằng ảnh “Một hai ba..., dzô!” nhưng tính chân thực của ảnh thì không ai nghi ngờ gì được. Ảnh này cũng nằm ngoài các sự kiện ghi trong lịch làm việc của ông Obama ở Việt Nam.

Hôm ấy, trưa 24/5, giữa cơn mưa tầm tã trên đường ra sân bay Nội Bài để đáp *Air Force One* vào thăm Sài Gòn, lầy có tìm mua cốm, một đặc sản truyền thống của làng Mễ Trì, ông Obama ngẫu hứng ra hiệu cho đoàn xe tạt vào một khu chợ nhỏ ở đầu làng để “thăm dân (Việt) cho biết sự tình”. Người dân làng khó mà tin ở mắt mình khi bất ngờ trông thấy xa giá của “nhà vua” và dàn xe bóng loáng của đoàn tùy tùng đỗ lại gần cổng làng giữa cơn mưa nặng hạt. Tổng Thống Mỹ xuống xe, khuôn mặt rạng rỡ, nụ cười nở rộng, một tay cầm dù che mưa, một tay đón bắt những bàn tay chìa ra giữa đám đông lố nhố, bước qua những vũng nước mưa trơn trượt, tạt vào một quán nước trà đá ven đường. Cô chủ quán có nằm mơ cũng không ngờ được rằng người khách lạ nước ngoài cao lêu nghêu, nước da ngăm ngăm đen, bước vào cái quán lụp là lụp xụp của mình xin trú mưa lại là vị Tổng Thống của

một xứ sở giàu có và văn minh nhất thế giới đến từ bên kia bán cầu.

“Ông ấy hỏi tôi”, cô chủ quán kể, “ngoài nước trà đá, thuốc lá, kẹo cao su chị còn bán thêm thứ gì nữa không?” Đang lúc bất ngờ, tôi trả lời ‘Thưa chỉ bán có thể này thôi, đến mùa cốm thì có thêm cốm’.”

Tôi chắc ông Obama nghe câu trả lời mà không khỏi chạnh lòng.

“Sau đó ông mời tôi chụp chung bức ảnh làm kỷ niệm,” chủ quán kể tiếp. “Ban đầu tôi còn ngại vì ăn mặc không đẹp, nhưng khi nghe mọi người nói đây là người đứng đầu nước Mỹ thì tôi không ngại nữa. Chụp ảnh xong, ông ôm tôi nói cảm ơn.”

Tấm ảnh cô chủ quán trà đá vẽ mặt ngời sáng ngược nhìn ngài Tổng Thống Mỹ đứng bên cạnh chụp hình chung với gia đình mình trong quán nước xập xệ, nhếch nhác và trong tiếng mưa rơi lộp độp trên những mái tôn trống hoác là tấm ảnh thật đẹp với những nụ cười hạnh phúc từ trời rơi xuống.

Câu chuyện ông Obama đội mưa làm một chuyến vi hành thăm người dân nghèo ở một làng quê ven đô đẹp như... câu chuyện thần tiên.



Những ảnh trên sẽ được người Việt nhớ mãi về sau này. Những tấm ảnh lý thú và độc đáo, nói như trong nước là ảnh “chạm đến trái tim”.

Cái xăn tay áo của ông Obama

Tôi chắc không chỉ người Việt mình mà cả ông Obama cũng yêu thích những tấm ảnh này. Trong ảnh, ông như hoá thành một người nào khác, không giống những tấm ảnh ông phải trình diễn một vẻ trịnh trọng cho phù hợp với nghi thức ngoại giao và vai tuồng vị nguyên thủ của một siêu cường. Không giống tấm ảnh ông ngồi bên dãy phái đoàn Mỹ, đối diện các quan chức Việt Nam trong cuộc hội đàm song phương. Mặt mũi ai nấy đều nghiêm trọng. Phía chủ nhà, người mời khách đến chơi, không có lấy một nụ cười xã giao thân thiện. Những bộ mặt lạnh như tiền làm nhớ tới các cuộc hội đàm giữa các bên tham chiến nhằm tìm kiếm một thỏa hiệp chấm dứt chiến tranh Việt Nam tại bàn hòa đàm Paris mấy mươi năm về trước. Cả đến lúc cụng ly với vị khách quý trong buổi tiệc chiêu đãi trọng thể, chủ nhà cũng chỉ nhếch mép chứ chẳng dám cười ha hả lớn tiếng để khỏi làm phiền lòng “ông hàng xóm” khó chịu đang trừng mắt, cau mày.

Khi vào đến Sài Gòn ông Obama tỏ ra hứng thú hơn và cũng truyền sự hứng thú của ông đến dân Sài Gòn, đặc biệt là giới trẻ. Sự kiện nổi bật là cuộc “giao lưu” giữa ông và khoảng 800 “thủ lĩnh trẻ” của nhóm Sáng kiến Lãnh đạo trẻ Đông Nam Á *YSEALI* (viết tắt của *Young Southeast Asian Leaders Initiative*) trong một buổi Town Hall meeting vào sáng ngày 25/5 tại *GEM Center*. Nếu người dân Sài Gòn háo hức đổ ra ngoài đường phố để chào đón ông Obama như đón một người thân vừa đi xa trở về thì những người trẻ trong

buổi giao lưu ấy thật vui sướng được tay bắt mặt mừng và hàn huyên thân mật với người anh cả (ông Obama là người sáng lập mạng lưới *YSEALI*), một người bạn lớn hay một người thầy được các môn sinh rất mực quý trọng, cảm phục và tin cậy. Về phía ông Obama, những lúc được gần gũi, chuyện trò với giới trẻ người Việt cũng là những giờ phút ông cảm thấy thoải mái và hứng khởi nhất, cứ nhìn cử chỉ điệu bộ và nụ cười sáng khoái của ông là đủ thấy.

Ông Obama trông thật trẻ trung trong tấm ảnh chụp buổi “tâm đàm” giữa ông và các “thủ lĩnh trẻ” hôm ấy. Ông như trẻ lại, như gặp lại tuổi trẻ của mình. “Hồi còn trẻ tôi lười học, chỉ thích chơi bời và chạy theo các cô gái,” ông tự thú với những người bạn trẻ. Đó là ngày xưa, còn bây giờ thì ông là hình ảnh của nước Mỹ, của đất nước mà mọi người đều bình đẳng như nhau, đều có những cơ hội như nhau để biến những giấc mơ của mình thành hiện thực, kể cả giấc mơ... làm Tổng Thống. Bà Michelle có lần, trong bài phát biểu được tán thưởng hết cỡ, nêu rõ tính cách của ông chồng mình, “Barack muốn rằng, mọi người đều có cơ hội giống như nhau, có nghĩa là, khi các bạn bước qua được cánh cửa cơ hội, các bạn sẽ không đóng sầm nó lại ở sau lưng và đi thẳng mà quay lại giữ nó để cho người đi sau cũng có được cơ hội thành công như các bạn.”

Khi tâm sự rằng ông chỉ là cậu bé 13 tuổi khi chiến tranh Việt Nam chấm dứt và hai cô con gái ông lúc sinh ra chỉ biết có hòa bình, ông Obama đã phá vỡ được hàng rào cách ngăn, tạo được sự gần gũi và đồng cảm giữa ông và người đến nghe ông nói chuyện. Ngồi quanh ông là những người trẻ trong độ tuổi 18 đến 35, lớp tuổi mà đối với họ, chiến tranh đã đi qua như một kỷ niệm buồn. Chẳng ai muốn gọi lại mãi những kỷ niệm buồn. Những chương sách cũ đã khép lại.

Những người trẻ tuổi lớn lên sau chiến tranh muốn viết tiếp những chương sách mới, muốn những đổi thay cho đất nước họ.

Nhiều câu nói của ông Obama trong bài phát biểu tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia và trong cuộc gặp gỡ giới trẻ tại *GEM Center* được trích dẫn như những “lời vàng”. Trong những lời ấy, không ít những lời lẽ “truyền lửa” nhằm thúc đẩy mạnh mẽ sự thay đổi để cho đất nước này đi lên:

“Không gì có thể chặn đứng được sức mạnh của triệu triệu tiếng nói đòi hỏi sự thay đổi.”

“Thay đổi luôn đến từ những người bình thường làm nên những chuyện phi thường.”

“Thay đổi sẽ không đến nếu chúng ta trông đợi vào người khác hoặc trông chờ thời điểm khác.”

Người Việt quan sát và ghi nhớ đến từng chi tiết, từng cử chỉ điệu bộ của ông Tổng Thống Mỹ. Từ dáng đi nhanh nhẹn, lưng thẳng, như vận động viên chạy bộ khi lên, xuống thang máy bay. Từ cử chỉ nhẹ nhàng đón lấy bó hoa được trao tặng, ngắm nhìn hoa, khen hoa đẹp, mỉm cười nói lời cảm ơn, hỏi tên người tặng hoa. Từ cử chỉ cởi phăng chiếc áo vest trịnh trọng, xắn cao tay áo sơ-mi cho thoải mái và dễ trò chuyện tâm tình. Từ cái bắt tay thật chặt, giọng nói ấm áp đầy vẻ thuyết phục và lối “diễn” hóm hỉnh làm rõ lên những tiếng cười. Từ dáng ngồi nghiêng người về phía trước trong lúc chuyện trò tỏ sự chăm chú lắng nghe người đối thoại. Từ điệu bộ lắc lư khi đệm *beatbox* cho cô ca sĩ hát một đoạn nhạc *rap*. Từ điệu bộ ngả người ra sau và nụ cười thật tươi khi chụp hình “tự sướng” (*selfie*) cùng các nghệ sĩ sân khấu vây kín ông.

Tất cả, vừa là cung cách giao tế mang bản sắc văn hóa Mỹ vừa toát lên phong cách lịch lãm của một nhà lãnh đạo bản lĩnh, một phong cách bình dị, thân thiện, trí thức, đầy vẻ tự tin và thể hiện sự quan tâm đến người khác một cách thành thật. Người ta nói đến “nụ cười Obama”, “cái vẫy tay Obama”, “cái xắn tay áo Obama”..., tất cả hình thành một “phong cách Obama”.

Một ông bạn hỏi tôi, sau ngày ông Obama rời Việt Nam, “Làm sao nhận biết được một nhà lãnh đạo có bản lĩnh và chinh phục được lòng dân?” và tôi trả lời không do dự, “Dễ thôi, nhà lãnh đạo giỏi và được lòng dân là nhà lãnh đạo mà người dân thích được cùng chụp hình selfie.”

“Cử chỉ nào ‘ấn tượng’ nhất của ông Obama?” một câu hỏi khác. “Cử chỉ xắn tay áo,” tôi trả lời. X xắn cao tay áo là cử chỉ biểu hiện tính năng động, nhiệt tâm nhiệt tình, hòa mình vào quần chúng, và cũng mang ý nghĩa của sự dấn thân, sẵn sàng nhập cuộc. Giới trẻ cảm thấy thật gần gũi ông Obama ở cử chỉ ấy, và tôi chắc ông cũng muốn tuổi trẻ Việt Nam cùng xắn cao tay áo với ông để bắt tay vào việc, mang đến điều gì tốt đẹp cho đất nước mình.

Obama, cái tên dễ phát âm, dễ gọi. Người Việt trong nước gọi “Obama” một cách thân mật chứ không gọi “Tổng Thống Obama”. Không ít người dân Hà Nội và Sài Gòn có được cơ hội thực hành tiếng Anh với... Tổng Thống Mỹ khi được đến gần ông, được bắt tay ông, “*Hello, Obama!*”, “*How are you, Obama?*”, “*We love you, Obama*”, “*Obama number one!*”... và cả những tiếng gọi, tiếng hô lớn nhịp nhàng đầy kích động “O-ba-ma!...” cùng với một rừng cánh tay vẫy vẫy khi trông thấy đoàn xe Tổng Thống Mỹ chạy ngang qua những đường phố.

Người dân Việt đang thiếu thần tượng

Khi dỡ bỏ hoàn toàn lệnh cấm vận vũ khí sát thương cho Việt Nam ông Obama cũng đồng thời dỡ bỏ hoàn toàn những hàng rào ngăn cách, dỡ bỏ hoàn toàn nỗi ám ảnh gọi là “hội chứng chiến tranh Việt Nam”, dỡ bỏ cả hình ảnh xấu xí và tâm lý nghi ngại nào còn sót lại nơi người Việt ở trong nước, nhất là người dân miền Bắc từng là đối tượng tuyên truyền thời chiến tranh “chống Mỹ cứu nước”, để thay vào hình ảnh khác trông bắt mắt hơn về người Mỹ và nước Mỹ, mang đến mối thiện cảm, gắn bó và tin cậy.

Với nhiều người Việt trong nước, những ngày ông Obama ở thăm đất nước này giống như ngày hội lớn. Mọi người “phấn khởi hồ hởi” đổ ra ngoài đường phố chào đón ông khách quý, tạm quên đi những lo toan cơm áo thường ngày, quên cả chuyện bầu cử đại biểu quốc hội và hội đồng nhân dân gì gì đó được nhà nước cổ động rầm rộ trước ngày Tổng Thống Mỹ đến Việt Nam. Cuộc bầu bán có được nhà nước gọi là “thắng lợi vẻ vang” hay đạt tỷ lệ trên 99 % cử tri nô nức đi bầu thì người dân cũng chỉ cười khi, vì nghe riết cũng... quen tai.

Ngày vui qua mau, trong lúc ông Obama đặt vòng hoa tại đài tưởng niệm ở Hiroshima để tưởng nhớ 140 ngàn nạn nhân của trái bom nguyên tử thả xuống thành phố này 71 năm về trước thì người Việt lại quay về với những câu chuyện còn dở dang. Chuyện dài cá chết bước sang “Tập hai” sau tuần lễ tạm nghỉ giải lao để chào đón vị Tổng Thống Mỹ thứ ba sau chiến tranh đến thăm đất nước, dân tộc này. Người biểu tình lại tiếp tục xuống đường để “làm việc” với nhà nước về những vấn đề vẫn còn nguyên trạng sau ngày ông Obama rời Việt Nam. Nhiều khẩu hiệu, biểu ngữ lại

được trưng ra trong cuộc tuần hành cuối tuần nhân ngày Quốc Tế Vì Môi Trường. Ngoài những khẩu hiệu quen thuộc, có thêm các khẩu hiệu “Quốc Hội ở đâu?”, “Vì cá, vì nước, cả nước xuống đường”... Lực lượng an ninh lại tiếp tục trình diễn những màn lôi kéo, đâm đá, kẹp cổ, “hốt” lên xe... Dường như nhà nước vẫn chưa có sáng kiến đối thoại nào hay hơn. Những tiếng hô hào, hò hét khẩu hiệu của người biểu tình như dội vào bức tường câm lặng.

Cuộc tuyệt thực của người tù lương tâm Trần Huỳnh Duy Thức kéo dài đã hơn mười ngày, thể hiện quyết tâm cao độ, đòi hỏi “thượng tôn pháp luật và trung cầu dân ý”. Cuộc “tĩnh khẩu” của lãnh đạo nhà nước kéo dài đã hơn hai tháng, thể hiện bản lĩnh kiên cường, trơ như sắt vững như đồng. Mặc ai muốn nói gì thì nói, mặc ai muốn làm gì thì làm, nhất định không chịu mở miệng.

“Cá cần nước sạch, dân cần minh bạch”, khẩu hiệu nhưc nhối, được bình chọn là khẩu hiệu “ấn tượng” nhất của người biểu tình. “Minh bạch” nghĩa là không mập mờ, không lấp la lấp liếm, không lập lờ lơ lửng, vốn là “đặc trưng” của nhà nước này. Đòi nhà nước minh bạch là chuyện không tưởng, là chuyện đòi mặt trắng, chẳng khác chi đòi giải thể chế độ, một chế độ từng có lắm thành tích không minh bạch.

“Cuộc chiến” giữa lực lượng an ninh và người biểu tình là cuộc chiến giữa nhà nước và nhân dân. Người dân và nhà cầm quyền ngày càng tỏ ra là hai phía đối nghịch, hai bờ chiến tuyến. Anh đường anh, tôi đường tôi. Việc anh, anh làm; việc tôi, tôi làm. Sau chuyến thăm của ông Obama, người ta cảm thấy cái hố sâu, cái khoảng cách giữa nhà nước và nhân dân như càng sâu thêm, càng dài thêm.

Ông Obama đến rồi đi, cá chết vẫn tiếp tục chết, người tuyệt thực vẫn tuyệt thực, người tĩnh khẩu vẫn tĩnh khẩu. Dẫu sao người dân vẫn cảm ơn ông mang đến chút thay đổi không khí, như cơn mưa rào giữa những ngày hè oi ả, ngột ngạt. Người ta vẫn nhớ mãi hình ảnh sau cùng, ông bước nhanh đến cửa máy bay, xoay người lại, giơ cao cánh tay vẫy vẫy, nở nụ cười thật tươi chào từ biệt mọi người trước khi bước vào lòng chiếc *Air Force One*.

Obama, ông đã khuất bóng nhưng người ta vẫn còn nhắc tên ông với tình cảm quý mến và lòng ngưỡng mộ trong những câu chuyện thường ngày, và còn nhắc mãi về sau này.

Obama, vì sao ông được yêu mến đến như thế? Vì sao ông được đón chào nồng nhiệt, được hăm hở, vô vấp bắt tay đến như vậy? Thật dễ hiểu, vì ông đáp ứng được lòng mong mỏi, khát khao của người dân nước tôi. Người Việt đang khao khát; nói cho đúng hơn, đang thèm khát có được một lãnh tụ như thế, một lãnh tụ cùng đồng hành, cùng chung đường chung lối với người dân chứ không phải “hai người hai lối”.

Obama, ông đã thực sự chinh phục trái tim người dân Việt, ông đã hóp hồn giới trẻ người Việt. Sự ngưỡng mộ quá mức dành cho ông Obama cho thấy rõ một điều: người dân trong nước đang thiếu thần tượng.

Người dân Việt không thể không làm một cú so sánh giữa nhà lãnh đạo nước người và nước mình, và không khỏi bắt chước ông Obama mà... lấy Kiều, “Trông người mà ngẫm đến ta...”

Biết đến bao giờ người dân trong nước mới có dịp tham dự vào một cuộc “giao lưu” với lãnh tụ nước mình (như cuộc giao lưu thoải mái, vui nhộn vừa qua với lãnh tụ nước Mỹ)

về tình hình thời sự, về vận mệnh đất nước, và nhận được những câu trả lời thẳng thắn, minh bạch cho các câu hỏi của tham dự viên về cá chết, về ô nhiễm môi trường, về chủ quyền biển, đảo, về các quyền sống của con người... vân vân. Có vẻ... như chuyện thần tiên.

Tuổi trẻ tin vào những gì ông Obama nói, tin vào những lời lẽ như phát đi một tín hiệu, một lời hứa hẹn: “Đây là thời điểm của các bạn. Và khi các bạn theo đuổi một tương lai mà mình muốn đạt tới, tôi muốn nói với các bạn rằng: nước Mỹ ở bên cạnh các bạn.”

Obama, ông là tấm gương sáng của sự phấn đấu và thành công mà giới trẻ luôn muốn được học hỏi nơi ông. Mai đây, trong số những “thủ lĩnh trẻ” tham dự buổi giao lưu khó quên ấy, sẽ có những người hăng hái xắn cao tay áo giống như ông để tham gia vào việc nước và trở thành một “thủ lĩnh” tầm cỡ giống như ông, để mang về một vận hội mới cho đất nước, cho dân tộc mình. Sao không? Biết đâu đấy! Nhất định những người trẻ ấy phải là những người chủ tương lai của đất nước mình, chứ không phải bất cứ ai khác.

* * *

“Ông Obama đi rồi, em vẫn còn lâng lâng. Em nhớ ông ấy!”

Câu này được cư dân mạng chuyển cho nhau, nói là đọc được trong e-mail của một cô gái ở trong nước. Nếu không thấy tên ông Tổng Thống Mỹ trong câu ấy người ta dễ nghĩ trái tim cô gái rung lên những nhịp đập xao xuyến vì chàng trai nào đó.

Không riêng gì cô gái ấy, nhiều bạn trẻ trong nước đã “phải lòng” Tổng Thống Mỹ.

“Ông sẽ trở lại Việt Nam chứ?” Trả lời câu hỏi của cô gái tên Thiên Hương trong tổ chức *Save Son Doong*, ông Obama nói rằng ông có ý định làm một cuộc thám hiểm hang động Sơn Đoòng trong lần ông trở lại đất nước này. Chắc không phải là câu nói xã giao cho vui, vì ông còn hỏi kỹ là phải mất mấy ngày đi bộ để chinh phục hang động này. “Bây giờ? Ok, chơi luôn!” ông nói. “Tôi vẫn còn trẻ mà.” Ông tự hào mình vẫn trẻ hơn các Tổng Thống khác sau khi về vườn.

Obama, ông nói rằng ông sẽ trở về. Ông nói thiệt chứ không phải nói chơi, tôi tin là vậy. Chuyến này thì ông sẽ có nhiều thời gian hơn và cũng thoải mái hơn để *enjoy* mọi thứ trên đời. Không cần đáp *Air Force One*, không cần tiền hô hậu ủng, không cần đặc vụ mật vụ bám sát. Ông có thể tà tà thả bộ ngoài đường, lang thang trên các hè phố, tấp vào một quán cóc vỉa hè nào đó nhấm nháp ly café sữa đá, nhìn dòng đời ngược xuôi, xuôi ngược.

Ông có thể đi khắp hang cùng ngõ hẻm, thưởng thức nhiều món “đặc sản” Việt Nam ngon và rẻ, chứ không phải chỉ có bún chả thôi đâu (thế nào lại chẳng có nhiều người tranh nhau chiêu đãi ông món này món nọ). Chỉ khác một điều, chuyến về lần này ông sẽ thấy đất nước và con người Việt Nam có lắm đổi thay, đời sống êm ả hơn, không khí dễ thở hơn, không còn tuần hành, biểu tình cây chết cá chết, Hoàng Sa Trường Sa, không còn ai tọa kháng, tuyệt thực, không còn ai hò hét, đánh đập, lôi kéo ai ngoài đường... Ông muốn gặp ai thì gặp, chẳng ai ngăn chặn. Và ông lại bắt tay những người trẻ thêm một lần nữa, ông lại chơi *beatbox* thêm một lần nữa để nghe đoạn nhạc *rap* khác nói về ước mơ của tuổi trẻ ngày nào nay đã thành sự thật, mang đến những đổi thay kỳ diệu cho đất nước mình.

Chỉ là ước mơ và ước mơ, thế nhưng ai cấm được những ước mơ đâu, để cho cuộc sống dễ chịu hơn một chút; và hơn thế nữa, không phải là chính ông Obama từng nói, khi những người trẻ dám theo đuổi ước mơ và đam mê với công việc thì mọi ước mơ đều trở thành sự thật hay sao?

“Bao giờ ông trở lại?” Lúc này ông Obama chẳng còn bụng dạ nào để mà trả lời. Ông còn đang lo đủ thứ chuyện, nhiều chuyện ông phải gấp rút làm cho xong để mà thở phào bước chân ra khỏi Tòa Bạch Ốc, kể cả việc làm sao để người ngồi vào chiếc ghế Tổng Thống sau ông phải là người cộng sự thân thiết của ông ngày trước, để cho cái di sản và “dấu ấn Obama” còn lưu lại về lâu về dài trong lòng người dân Mỹ và những người yêu mến ông.

Dù sao thì người Việt trong nước vẫn cứ đợi chờ. Obama, bao giờ chàng trở lại?

Chú hề buồn bã



*“The saddest people always try their hardest
to make people happy.”*

~ Robin Williams

Khi ấy là buổi chiều, trong phòng mạch của bác sĩ tâm lý trị liệu, lúc gần hết giờ làm việc. Người khách cuối cùng ngồi ở một góc khuất trong phòng đợi, hai tay ôm đầu, gục mặt xuống bàn.

“Ông cần tôi giúp gì?” bác sĩ lại gần hỏi.

Người khách không trả lời, dáng bất động.

“Tôi có thể giúp được gì cho ông?” bác sĩ hỏi lại.

“Xin Bác Sĩ cho tôi một lời khuyên,” người đàn ông từ từ ngược lên, “bất cứ điều gì.”

“Ông nên bỏ rượu. Tôi nghe mùi rượu.”

“Tôi đã bỏ nhiều lần.”

“Ông nên bỏ hẳn.”

“Rồi sao nữa?” người đàn ông lại gục đầu, vai rũ xuống. “Mọi khổ đau, mọi tội lỗi trên thế gian này đang đè nặng lên vai tôi.”

“Không đến nỗi như thế đâu,” bác sĩ nói.

“Tôi không còn tin tưởng vào ai, vào bất cứ điều gì.”

“Hãy tin vào Đấng Cứu Thế, ông sẽ được cứu rồi,” bác sĩ nhập vai một mục sư. “Ông hãy tin Chúa.”

“Tin Chúa?... Liệu Chúa có tin tôi?” người đàn ông ngược lên, giọng mệt mỏi.

Bác sĩ nhìn đầu tóc bù xù, đôi mắt đỏ lừ, nhớ mang máng có gặp khuôn mặt này ở đâu đó.

“Xin lỗi,” bác sĩ nói, “phòng mạch sắp đóng cửa. Tôi không còn nhiều thì giờ, ông có thể trở lại ngày mai?”

“Tôi không có ngày mai. Ngày nào cũng như ngày nào.” Người đàn ông lại gục đầu xuống.

“Ông lại đây,” bác sĩ nói, ngoắc tay và mở rộng cánh cửa sổ. “Tôi chỉ cho ông xem cái này.”

Người đàn ông chậm rãi đứng dậy, chậm rãi bước tới bên khung cửa, nhìn ra phía ngoài.

“Ông trông thấy cái rạp hát ở cuối con đường kia chứ?” bác sĩ hỏi. “Ông trông thấy tấm áp-phích lớn vẽ hình chú hề

kia chứ? Ông trông thấy dòng người đứng xếp hàng dài dài kia chứ? Tôi nay có màn trình diễn rất độc đáo của một danh hài. Cười đứt ruột!”

“Rồi sao nữa?”

“Thì tới đó coi chứ làm sao nữa,” bác sĩ búng tay. “Cười là liều thuốc bổ, là môn thể dục tốt nhất cho tâm hồn, giúp cho người ta thêm năng lực mà vui sống. Tin tôi đi.”

Người đàn ông bước nặng nề về chỗ ngồi, gieo mình xuống ghế, hai tay ôm đầu.

“Tôi đã chỉ cho nhiều người cách ấy,” bác sĩ nói, “và nhiều người đã tìm lại được ý nghĩa của cuộc sống. Khi bước ra khỏi rạp hát, ông sẽ trở thành một con người khác. Mới toanh, tươi rói, giống như là được ‘recharge battery’ vậy. Tin tôi đi.” Bác sĩ hăng hái thuyết phục.

Người đàn ông vẫn cúi mặt, vẫn hai tay ôm đầu.

“Cả tôi nữa,” bác sĩ nói tiếp. “Sau khi tiếp ông, tôi sẽ chạy qua đó để xếp hàng mua vé. Phải nhanh chân chứ không là hết vé đấy. Ông có muốn đi với tôi không?”

“Đi đâu?”

“Thì đi xem chú hề ấy biểu diễn. Tôi sẵn sàng đãi ông một vé. Nào, ta đi chứ?” Bác sĩ búng tay cái nữa.

“Không,” người đàn ông khẽ lắc đầu, giọng khô khốc.

“Sao vậy?” bác sĩ hỏi, tỏ vẻ thất vọng.

Vẫn hai tay ôm đầu, người đàn ông trả lời sau vài giây im lặng.

“Chú hề ấy chính là tôi.”

Người đàn ông trong câu chuyện là Robin Williams, diễn viên điện ảnh rất quen thuộc trong các phim “Good Morning, Vietnam”!, “Good Will Hunting”, “Dead Poets Society”, “Aladdin”, “Mrs. Doubtfire”... Ít ngày sau người ta tìm thấy ông ngòì chết rũ trên ghé, trong phòng ngủ của mình với một sợi dây thắt lưng quấn quanh cổ. Người nói ông tự tử, người nói ông chết vì cách này cách khác.

Chết cách nào thì ông cũng tỏ ra rằng ông không muốn tiếp tục diễn tuồng nữa, cho dù có là một danh hài. Ông đã ngán đến tận cổ những vai diễn vừa không thật, lại vừa có vẻ “bất công”, vì trong lúc mọi người cười hả hê thì ông lại khóc rưng rức.

Căn nhà cuối cùng của tôi



Tôi không nhớ được gì nhiều về “căn nhà đầu tiên” của mình, như có người từng kể cho chúng ta nghe trước đây,^(*) thế nhưng về “căn nhà cuối cùng” thì tôi biết rõ hơn vì đây là nơi tôi đang cư ngụ và cũng muốn chia sẻ với các bạn ít chuyện vui buồn về căn nhà khá đặc biệt này.

Tôi dọn về đây cũng hơn hai năm. Nhà chỉ có một phòng và tôi cũng chả biết gọi nó là cái gì, không phải *Studio*, cũng không phải cái *Suite*. Ai muốn gọi sao thì gọi, có điều là tôi

rất chịu cái nhà này. Lúc mới dọn vào tôi chỉ ngại là sẽ lạnh lẽo vì nhà chẳng có máy sưởi máy *heat* chi cả, thế nhưng lạ một điều là càng ở lâu thì càng cảm thấy ấm áp.

Trong đời mình tôi đã bao lần thay đổi nơi cư trú, bao lần dọn ra, dọn vào những căn nhà lớn, nhỏ, trong số ấy có những căn nhà đã cho tôi mái ấm gia đình và những thời kỳ hạnh phúc. Tôi vẫn thường nói với bạn bè, điều có ý nghĩa không phải là sống trong ngôi nhà nào mà là sống với người nào. Riêng căn nhà cuối cùng này thì tôi chỉ sống với ai cả. Nhà được thiết kế khá phù hợp cho người lớn tuổi thích sự tĩnh lặng và thích sống một mình, độc lập-tự do-hạnh phúc.

Kể ra thì nhà có hơi tối và cũng hơi chật một chút, tuy nhiên ở lâu thì cũng quen thôi, hơn nữa trong nhà cũng chả có vật dụng gì nhiều. Trước ngày dọn về đây tôi đã quăng đi không biết bao nhiêu đồ đạc linh tinh như một cách thu gọn lại cuộc sống và tự giải phóng mình ra khỏi những trói buộc của tiện nghi vật chất mà con người tạo ra để rồi trở thành nô lệ cho chúng. “Sắm sửa làm gì cho lắm,” tôi vẫn nói với vợ con, “lúc chết có mang theo được đâu.” Mặc dù đã nói trước với người nhà là nơi tôi dọn đến có sẵn mọi thứ và tôi chẳng cần mang theo gì cả, vậy mà hôm chia tay mọi người vẫn lằng xằng đóng gói cho tôi món này món nọ, cả đến cây thánh giá nhỏ bằng đồng, bộ sách Kinh Thánh toàn tập (chắc họ nghĩ đây là những vật bất ly thân của tôi), bộ *vest* màu xám đất tiền mà tôi ít khi mặc (chắc để tôi đóng bộ cho trình trọng đi gặp ai đấy), chưa kể không biết bao nhiêu là hoa tươi (chắc để chưng bày trong nhà mới cho vui mắt). Ngó mặt mũi ai nấy rầu rĩ như là đưa đám, tôi cũng đành nhận cho xong chuyện.

Nghĩ cho cùng, đây không phải là căn nhà tôi vẫn mơ ước đấy sao? Này nhé, thường thì khi chọn mua nhà tôi chú trọng đến cái *view*, rồi đến cái *neighborhood*. Căn nhà nằm giữa đồi cỏ rộng thênh thang, bốn bề gió lộng, cách biệt hẳn tiếng động ồn ào của xe cộ và mọi sinh hoạt nhộn nháo của đời thường. Thằng con tôi biết ý bố nó nên chọn cho tôi lô đất nằm dưới bóng rợp của một tàn cây sồi khá rộng. Sáng ngắm cảnh mặt trời lên và chiều xuống thật êm đềm với màu nắng vàng phai trải rộng trên sườn đồi làm tôi nhớ câu hát trong bài “Chiều vàng” của Nguyễn Văn Khánh, “*Trên đồi xanh chiều đã xuống dần / mặt trời lấp ló sau đồi chiều vàng...*” Lúc đêm xuống thì cảnh vật vắng lặng và chìm trong bóng tối mờ mờ vì khu vực này ít đèn đuốc. Tôi thì có tôi nhưng từ ngày tôi dọn về đây cũng chẳng có chuyện gì xảy ra, có lẽ vì trộm cướp cũng biết nhà cửa ở đây chẳng có tài sản quý giá gì. Hàng xóm láng giềng khá tử tế và dễ chịu, lại được cái ít nói, chẳng ai làm phiền ai.

Tôi cũng chịu cái nữa là nhà nào cũng xây cất gần như cùng một kiểu và cũng chỉ có một phòng, tạo cảm giác bình đẳng, thoải mái do không có sự cách biệt giàu nghèo. Cũng có những gia đình bố mẹ con cái cùng dọn về đây nhưng không ở chung mà mỗi người một nhà trong cùng một lô đất. Như vậy cũng tốt thôi, thỉnh thoảng qua lại thăm nhau vẫn hơn là ở chung chạ dễ có những va chạm dẫn đến mất mát tình cảm. Có những lô đất được ai đó mua sẵn (thường là ở cạnh nhà của người thân trong gia đình), nhưng khá lâu vẫn chưa thấy xây cất gì cả.

Nằm đây tôi có nhiều dịp suy gẫm về cái vô nghĩa và phù vân của kiếp người. Người ta phung phí tiêu pha hết một đời để đua chen những danh, lợi, quyền, và mãi mê tìm kiếm những hoan lạc của cuộc sống trần tục. Đời sống ngày càng

thu ngắn lại, với những người lớn tuổi thì một ngày sống là một ngày đi lần về phía cái chết. Ai cũng biết rõ là như vậy thế nhưng mọi người làm như đây là chuyện của người khác chứ không phải chuyện mình. Thật buồn cười, cho dù cái chết không chờ ai, và những người bạn đồng hành của mình trên con đường đời cứ lần lượt ngã lăn quay ra như những người lính bị bắn sê. Nhận thức rõ điều ấy nên vào những năm tháng cuối đời tôi không còn màng đến những chuyện vật vãnh thế gian thường tình. Kẻ sang người hèn, kẻ thắng người bại, kẻ khen người chê, kẻ trọng người khinh, kẻ yêu người ghét, hiểu đúng hiểu lầm..., tất cả đều chẳng có nghĩa lý gì khi con người sắp sửa rẽ vào *exit* cuối của *freeway* Đường Đời, và rồi biến mất khỏi mặt đất này, không để lại dấu vết gì.

Cuộc sống thật ngắn ngủi. Nhiều lúc tôi tưởng như mình chưa từng hiện hữu trên thế gian này bao giờ. Khi phải đặt bút tính sổ cuộc đời, tôi lấy làm hổ thẹn chẳng có nổi thành tích nào gọi là vẻ vang, để khi bức màn sân khấu đời từ từ khép lại đành ngửa mặt lên trời than rằng “Ta đã làm chi đời mình!?” Lỗi lầm lớn nhất của tôi là tiêu xài hoang phí vốn liếng thời gian để đuổi bắt những ảo ảnh cuộc đời, cho đến lúc quỹ thời gian gần cạn vẫn chẳng thấy đâu là bến, là bờ. Giá mà được sống thêm một lần nữa chắc tôi sẽ bắt đầu lại khá hơn. Tôi biết mình sẽ phải đi trên con đường nào, sẽ có những chọn lựa và quyết định khôn ngoan hơn để không làm hỏng đời mình. Nhưng làm thế nào được, người ta chỉ sống có một lần.

Tôi cũng có dịp suy gẫm về nhân tình thế thái. Những người tôi vẫn cho là thân thiết thì lại không phải vậy. Những người tôi không kể là thân tình thì lại tình nghĩa thấm thiết. Chắc phải đợi đến lúc nằm xuống mới biết đâu là tình thật,

đâu là tình giả, như là câu hát trong bài “không tên” nào, “*Triệu người quen, có mấy người thân? Khi lia trần, có mấy người đưa?*”

Năm đây, tôi cảm nhận được những đổi thay kỳ diệu và nhạy bén của thời tiết, mùa màng. Bây giờ đang là cuối thu, những xác hoa tàn úa và từng cánh lá khô rụng đầy mặt đất. Tôi để mặc chúng rã mục, ngấm vào lòng đất lạnh, như ngấm vào lòng tôi ảm lạnh. Tôi cảm nhận được cả “*huong thu màu tím buồn*”, nói như ông nhạc sĩ Đoàn Chuẩn, tràn vào phòng tôi kể từ mùa thu trước. Hơn thế nữa, tôi cảm nhận được bao hương vị lâng lâng của đất trời, của cây cỏ thiên nhiên thấm vào trong tôi cả bốn mùa. Có hạnh phúc nào bằng!

Có lúc tôi tận hưởng cái thú cô đơn của mình, có lúc tôi mong được ai đó gõ cửa đến thăm. Thay vì trải tấm thảm “*Welcome!*” trước cửa nhà như cách người ta vẫn làm, tôi tính nhờ thằng con tôi khắc câu gì đó trên tấm biển gắn trước nhà nhưng chưa nghĩ ra câu nào hay ho. Tiếng Mỹ tiếng Việt gì cũng được. Có thể là câu gì vui vui, như là “*Khi thấy buồn em cứ đến chơi / Chim vẫn hót sau vườn đấy thôi...*” như trong bài hát nào đó, nhưng lại có vẻ dài dòng. Câu nào ngắn ngắn thì người ta dễ nhớ hơn, và tránh những câu nhiều nhà vẫn hay dùng như là “*Stop by anytime!*”, “*Thanks for coming!*”, “*Coming soon!*”, “*See you soon!*”... vân vân.

Hỏi ý cô bạn hàng xóm thì cô nói đùa, “Viết gì thì viết, chú nhớ đừng có ghi là ‘*See you tonight!*’ làm cho người ta sợ.” Tôi cười, “*Hông dám đâu. Muốn thăm viếng gì thì cũng phải hẹn hò trước chứ, ai lại xông xộc đến nhà người ta bao giờ.*” Sau cùng tôi tạm bằng lòng với câu “*Welcome to my last house!*”

Tôi thực lòng cảm kích những ai còn phút giây nào nhớ đến mình. Những người đến thăm tôi thường không hẹn trước, chắc họ cũng biết ban ngày tôi ít ra khỏi nhà, chỉ ban đêm đôi lúc đi dạo loanh quanh một vòng cho đỡ gân cốt, bớt tù túng và tận hưởng không khí tịch lặng chỉ mình ta với ta. Thường thì mấy anh chị em tôi vẫn ghé thăm vào dịp Tết hoặc những ngày lễ tôn giáo. Thịnh thoảng cô vợ cũ cũng nhớ chút tình xưa nghĩa cũ mà ghé thăm chốc lát (vào những năm cuối đời chúng tôi thỏa thuận trả tự do cho nhau sau thời gian dài chung sống trong ngôi nhà rộng vắng tiếng cười). Lần nào cô cũng cầm theo bó hoa tươi thắm, cắm vào chiếc bình hoa đặt trước thềm nhà. “Em đến thăm anh,” cô nói thì thào đủ cho tôi nghe. Khuôn mặt lặng lẽ, thoáng buồn và ánh mắt xa xôi. Nhìn cô chậm rãi đi lại trước hiên nhà, cảm lặng như chiếc bóng, lòng tôi dâng lên nỗi xót xa. Cô tốt hơn tôi tưởng, chỉ có tôi là ít chịu nhìn thấy những cái tốt của người khác. Cô dọn cỏ sạch sẽ và trồng trước nhà tôi cụm bông hồng *Lady Banks’ Rose*, loại hồng leo không có gai, nở những bông hoa nhỏ phơn phớt màu vàng nhạt là màu tôi vẫn yêu thích. Chắc cô vẫn nhớ tôi gọi giống cây ấy là “Xanh hoài ngàn năm” (*Evergreen*) vì không chết theo mùa đông.

Người chịu khó đến thăm tôi nhất là thằng con tôi, mỗi tháng ít ra cũng một lần vào ngày nghỉ cuối tuần mặc dù tôi biết nó rất lu bu với công việc và bạn bè. Có những hôm bất chợt nhìn ra ngoài tôi đã thấy nó đứng đấy từ bao giờ. Ngồi bên tôi khá lâu, nó nói những lúc buồn và cô đơn nó hay nghĩ về tôi và muốn tìm đến tôi, ngỡ như hai bố con vẫn bên nhau như ngày nào. “Lúc nào con cũng tưởng như Bố vẫn luôn ở cạnh con,” nó nói. “Bây giờ con hiểu Bố nhiều hơn và thấy thương Bố nhiều hơn.” Tôi để cho nó nói hết, chỉ lặng yên và

lắng nghe. “Đúng thế,” tôi nói thầm với nó. “Con yêu, Bố luôn ở bên con trên đường đời. Bố luôn dõi theo bước con đi, bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu. Con không cô đơn đâu.” Tôi nói và cảm thấy ngượng vì biết mình nói dối. Tôi còn làm được gì cho nó bây giờ!

Cả những lúc gặp chuyện gì khó xử nó cũng kể tôi nghe, làm như tôi vẫn là “cố vấn tối cao” của nó vậy. “Bố biết không,” nó nói, “mỗi khi gặp chuyện gì đau đầu, con tự hỏi giá như Bố có ở đây thì Bố sẽ làm như thế nào, và con tìm ra được cách giải quyết vấn đề.” Hóa ra tôi vẫn là “thần tượng” của thằng con mình. “Bố biết không,” nó hạ thấp giọng, “Mẹ vẫn kể là ngày xưa Bố thường...” Có lúc nó cười, có khi nó khóc, quệt những giọt nước mắt, làm tôi mũi lòng muốn khóc theo. “Đừng khóc,” tôi nói. “Con trai không khóc. Mạnh mẽ lên, dũng cảm lên, con trai của Bố!” (Nói cho ra vẻ vậy, chứ thằng bố của nó lắm lúc cũng yếu xìu). Một trong những điều tôi vẫn ân hận trong đời mình là tôi chỉ có đưa con duy nhất. Trông dáng vẻ nó lúc nào cũng cô đơn đến tội nghiệp, vì nó chẳng có anh chị em chi cả để bầu bạn. Nhiều lúc hai bố con trò chuyện với nhau như là hai người bạn. Đến thăm tôi, có lúc nó đi một mình, có lúc với bạn gái nó. Trông mặt con nhỏ cứ bơ bơ, chẳng thèm chào hỏi ngó ngang gì đến tôi, chỉ bám riết lấy thằng bố nó. Có khi thằng con tôi đi với đứa khác, đứa nào nó cũng nói là bạn gái nó. Tôi cũng chịu thua bọn trẻ bây giờ. Thây kệ, miễn nó vui là tôi vui. Nó còn nghĩ tới mình, còn chịu khó tới lui thăm viếng mình là phước đức lắm rồi.

Vui nhất là tên bạn nói khó lâu lâu ghé thăm. “Sao, lúc này có gì lạ không? Tình cảm, công việc thế nào rồi? Everything’s ok chứ?” Lúc nào hắn cũng lặp lại câu hỏi cũ rích mỗi lần hai thằng gặp nhau. Rồi hắn đốt cho tôi điếu

Malboro. “Làm một điều đi,” hắn nói. “Bây giờ là được phép hút xả láng, cho bác sĩ đi chỗ khác chơi, đêch còn sợ ung thư, lũng phổi gì gì nữa.” Xong, hắn rút ra trong túi quần chiếc khẩu cầm và đưa lên miệng thổi bài *Come back to Sorrento*, bài hát hai thằng đều thích từ thuở còn đi học và tôi vẫn bắt hắn chơi cho tôi nghe.

*Về đây nhé, cầm xong chiếc thuyền hồn
Ôi, lãng du quay về điều tàn*

“Thêm một bài nữa nhé!” hắn nói, chùi sơ chiếc khẩu cầm vào gấu áo rồi chơi thêm bài *If you go away*, bài hát ngày xưa tôi vẫn ngheu ngao mỗi khi thất tình và có một kỷ niệm nhớ đời về mối tình dang dở. Tôi nghe mà chảy nước mắt. Tên này đúng là bạn mình thực sự, biết tổng những sở thích sở nguyện, tính tốt tính xấu của thằng bạn mình.

Có khi hắn còn cao hứng cất giọng ồm ồm:

*If you go away as I know you must
There'll be nothing left in this world to trust
Just an empty room full of empty space
Like the empty space I see on your face*

“Enjoy nhé!” hắn nói. “Thôi, tao dzọt. Ghé thăm mày chút chút vậy. Lúc này tao cũng đuối rồi, chắc cũng sắp sửa theo chân mày tới nơi rồi.”

Từ khi dọn về đây tôi có cái vui được gặp lại những người thân yêu mà trước đó tưởng như chẳng bao giờ trông thấy nhau lần nữa. Trước hết là ông bố tôi. Ông lìa xa mái ấm gia đình từ thuở tôi còn bé tí, đến nổi nhiều lúc tôi quên bẵng là mình từng có một người bố. Hai bố con gặp lại nhau mừng mừng tủi tủi, giống như là câu chuyện gia đình phân tán, bố mẹ con cái lưu lạc nhau đến mấy mươi năm sau

chuyến vượt biên hải hùng tìm tự do. Nước mắt rung rung, bố tôi nói ông thật có lỗi đã thiếu bồn phận chăm sóc tôi khiến tôi lớn lên thiếu vắng tình thương của người cha. Tôi nói, “I’m ok, Dad. Bố có muốn như thế đâu, phải không?” Ông hỏi thăm nhiều về mẹ tôi, tỏ ra cảm động khi biết bà tuy già yếu lụm khụm vẫn cứ đọc kinh mỗi ngày cầu Chúa ban phước lành cho ông. (Thỉnh thoảng tôi vẫn bay về thăm mẹ tôi. Bà đã lần nhiều và cứ nói với mọi người là bà vẫn gặp tôi trong giấc mơ).

Rồi đến đưa em gái tôi, anh em cách biệt nhau từ khi nó lặn lẽ bỏ đi thật xa không một lời từ giã sau cơn bão tàn khốc của lịch sử năm 1975. Hai anh em ôm chầm lấy nhau mà ứa nước mắt. Em tôi không muốn kể và tôi cũng không hỏi nó đã “sống” như thế nào trong suốt bấy nhiêu năm. Chúng tôi đều muốn quên, quên hết. Sau cùng thì anh em tôi đã gặp lại được nhau, thế là đủ.

Rồi cả những bạn bè cũ thân thiết, cả những tên bạn mất tích trong cuộc chiến mà tôi cứ nghĩ chẳng bao giờ còn gặp lại vì chắc đã chết mất xác, âm dương đôi đường cách biệt. Vui nhất là thằng bạn mà chúng tôi vừa làm một cú tiễn đưa tháng trước. Tên này hiền lành, tốt bụng với bạn bè nên ai nấy cũng sụm sùi. Bất ngờ gặp tôi, nó sững sờ đến tròn mắt, há hốc mồm, “Trời đất, mày tới đây hồi nào vậy? Có chuyện gì vậy? Sao lại mò xuống đây? Sao không báo tao ra đón?” Nó hỏi một tràng, tôi chẳng biết đằng nào mà trả lời. Thằng này thật buồn cười, có phải đi... du lịch đâu mà đưa với đón. Nó làm như tôi tiên liệu, sắp đặt hết được mọi chuyện vậy. Cuộc sống vốn lắm cái bất ngờ, sống ngày nào hay ngày đó, ngủ một đêm biết sớm mai thức dậy còn trông thấy ánh mặt trời. “Thì nhớ bạn bè,” tôi nói, “kiếm mày đi nhậu thôi.”

“Mày lúc nào cũng đùa được,” nó nhăn mặt. “Thôi để tao tính cho.” Tôi cũng chả biết nó nói “tính” là tính cái gì.

Tất cả, bao nhiêu người thân quen, những con người “tuyệt tích giang hồ” đã bao năm, bỗng dung xuất hiện cùng một lúc như từ phía sau bức màn quá khứ bước ra, nói cười, đi lại như trong một giấc mơ kỳ lạ.

Có những buổi chiều vàng, nhìn ra bốn phương tám hướng là đồng cỏ rộng mênh mông với từng vạt cỏ may rập rờn “cuốn theo chiều gió” chạy về những phía xa chân trời, tôi như gặp lại tôi của những ngày xưa còn bé, cùng lũ bạn thả diều, bắt dế, chạy nhảy trên khắp cánh đồng tuổi thơ. Bất giác, tôi nhớ tới đoạn văn trong truyện dài *Bướm Trắng* của Nhật Linh, “*Chàng hơi buồn nghĩ đến chẳng bao lâu nữa lại có những đứa trẻ như chàng hồi còn bé, chạy nhảy trên mộ chàng, hoặc thả diều, hoặc bắt châu chấu trong những buổi chiều hè lộng gió. Chàng sẽ không còn biết đau khổ là gì nữa. Trên mặt đất, chỗ chàng nằm, chỉ còn có mấy ngọn cỏ may hồng rung rung trước gió thờ ơ.*” Đoạn văn ấy, những câu văn êm ả, buồn buồn ấy “thấm” vào lòng chàng trai mới lớn là tôi từ thuở còn ngồi trên ghế nhà trường.

Tôi đã ngẫm nghĩ về cái chết từ đạo đọc được đoạn văn tả tình tả cảnh ấy, và giờ đây tôi thấy mình cũng chẳng khác gì anh chàng Trương tội nghiệp ở trong truyện. “*Và ở một nơi nào đó, Thu mà chàng không bao giờ quên được, vẫn cười nói, vẫn đi lại, vẫn sống tự nhiên trong ánh sáng của thế gian trên kia.*” Tôi thoáng chạnh lòng nhớ tới cô bạn cũ và môi tình đầu vụng dại của một thời tuổi trẻ sống sôi nổi, yêu thiết tha. Giá mà trời xui đất khiến cô ấy chịu khó “*em đến thăm anh một chiều mưa*” như buổi chiều này thì tôi nhắm mắt cũng cam lòng. Thế nhưng, tôi biết đấy chỉ là mong ước

hảo huyền và nổi đời chờ trong vô vọng. Cô ấy chắc chắn còn phút giây nào nhớ đến tôi, một kẻ nhạt nhẽo và tầm thường chỉ tạt ngang qua đời cô trong chốc lát không để lại chút gì so với những anh chàng bánh hơn tôi nhiều đã chiếm trọn trái tim cô. Dù sao tôi vẫn mong cô sống hạnh phúc, và cho dù “*Từ nay mãi mãi không thấy nhau...*” thì xin “*em nhớ cho rằng ta vẫn chờ em / vẫn chờ / vẫn chờ đợi em...*” như những câu hát sâu thẳm trong bài “Mùa thu chết” của bố già Phạm Duy.

Nói chuyện nọ lại xọ chuyện kia, e đến cả ngày cũng chưa hết chuyện. Thôi để dành đấy, hẹn ngày nào ta gặp nhau tay bắt mặt mừng, khi ấy mặc sức mà tâm tình.

Lúc nào tiện mời các bạn ghé qua chỗ tôi một lần cho biết nhà. Để không phải sục sạo tìm kiếm mất thì giờ và lẫn lộn nhà này nhà kia, nhớ là trước nhà có hàng chữ “*Welcome to my last house!*”

(*) *Căn nhà đầu tiên của tôi*, Trần Mộng Tú

Những ngọn nến trong thơ Trần Mộng Tú



“Tinh thấp cho em ngọn nến muôn màng”
(thơ Trần Mộng Tú)

Rời thư viện thành phố với tập thơ trên tay, tôi ghé vào quán nước quen. Người bạn chờ sẵn nơi đó, bên chiếc bàn nhỏ ở một góc khuất. Chúng tôi có cái hẹn để đi đến một nơi khác, gặp những người bạn khác. “Sách gì vậy?” anh ta hỏi khi tôi vừa ngồi xuống. “Thơ,” tôi trả lời. “Thơ? Ở đâu ra vậy?” người bạn hỏi tiếp, giọng ngạc nhiên, làm như... chưa từng nghe nói đến “thơ” bao giờ vậy. “Ở thư viện,” tôi nói. Xem chừng anh ta vẫn chưa hiểu rõ lắm, tôi bèn phải kể sơ qua cuộc hội luận về sinh hoạt chữ nghĩa của những người Việt cầm bút ở hải ngoại—trong số có tác giả tập thơ—gọi là “Chiều Văn Chương Việt Nam” tại *Seattle Central Library*.

Người bạn lật lật qua ít trang thơ, ngừng ở một trang, đọc ít câu thơ, mỉm cười. Xong, đẩy bài thơ về phía tôi. Tôi cúi xuống, đọc, mỉm cười.

Hãy ngừng lại để cho em thở đã

thở một hơi dài

rồi tiếp tục yêu

(Work Zone Ahead / Give 'Em A Break)

Câu thơ ấy, bài thơ ấy, nằm trong tập thơ Trần Mộng Tú, *Ngọn Nến Muộn Màng*.

Ngừng lại cho em thở cái đã (anh làm em ngộp thở mất!), rồi hãy tiếp tục yêu. Yêu như thế chắc phải gọi là... “yêu không kịp thở”. Tình yêu trong thơ Trần Mộng Tú hời hả, cuồng nhiệt đến vậy sao? Thực ra, đây chỉ là lối “chơi chữ” (chữ “*them*” tiếng Mỹ viết tắt tựa như chữ “*em*” tiếng Việt), chỉ là một chút đùa nghịch với chữ nghĩa, đùa nghịch với thơ, vẫn thấy trong thơ chị. Một bài thơ khác, cũng với lối “đùa nghịch” như vậy:

Ông Trời hôn lên trái cam

đặt tên cho trái cam là Sunkist

Anh hôn em

anh gọi tên em là Tình Yêu

(Trái Cam và Tình Yêu)

Đạo sau này tôi ít có đọc thơ và cũng ít đọc trọn tập thơ nào. Đường như những bài thơ hay ngày càng ít đi. Tôi cũng ít bận tâm chuyện thơ mới thơ cũ, thơ thanh thơ tục. Chỉ có thơ hay hoặc không hay. Một bài thơ hay không bao giờ cũ, như cái đẹp còn ở lại với ta mãi.

Thường, tôi đọc thơ rất chậm. Thơ không thể nào đọc nhanh được, tôi cho là vậy. Thơ không thể đọc vội vã, gấp gáp, đọc lướt qua như đọc các mẩu tin chính trong tờ báo

hàng ngày. Thật khó mà đọc thơ và thưởng thức thơ theo lối ấy! Tôi nghĩ những người làm thơ chắc cũng không ai muốn thơ mình được đọc theo lối ấy. Tôi cũng không thể đọc một lúc, đọc liền một mạch suốt tập thơ. Tôi đọc mỗi ngày một ít, có ngày một, hai bài thơ, có ngày chỉ... vài câu thơ. Tôi đọc như là “nhắm nháp” thơ, như là nhắm nháp từng ngụm trà, từng ngụm café, từng mẩu bánh..., để kéo dài thêm ra cái thú thưởng thức thơ thật chậm rãi, thật tử tốn. Thơ đọc theo cách ấy có vẻ dễ “ngấm” hơn, có vẻ “ngon” hơn, và có vẻ... “thơ” hơn. Đọc thơ, tôi cũng không đọc thầm. Tôi đọc thành tiếng, khe khẽ. Tôi nghe “tiếng thơ”. Tôi “đọc” thơ và “nghe” thơ.

Tôi gần như đã đọc thơ Trần Mộng Tú theo cách ấy.

Tình yêu, những khuôn mặt

“Nhà thơ của tình yêu”, nhiều người vẫn quen gọi Trần Mộng Tú như thế. Tôi nghĩ có đúng, nhưng chưa đủ. Cách gọi ấy không nói được gì nhiều về thơ chị, và cũng không làm người ta dễ dàng “nhận” ra chị trong số khá đông những “nhà thơ của tình yêu”. Trần Mộng Tú không chỉ viết về tình yêu, chị viết về cuộc sống muôn màu muôn vẻ, trong đó có tình yêu, và tình yêu trong thơ chị cũng... muôn màu muôn vẻ. Thơ chị vẽ ra những khuôn mặt khác nhau của tình yêu; có điều, đâu là khuôn mặt nào, người ta vẫn nhận ra thơ Trần Mộng Tú, vẫn nghe ra lời mời gọi thật quyến rũ của tình yêu.

Có khi thật sôi nổi, thật nồng nàn như tình đầu, như “một thời để yêu”, một thời “trong tim thì sôi máu, khóe mắt có trăng sao”.

*Sợi tóc mỏng của một thời mơ mộng
của một thời tình lạc giữa chiêm bao
của một thời xô vỡ cả trăng sao*

biển căng ngực và núi rên tiếng thở
(Sợi Tóc)

Có khi thật đắm thắm, thật dịu dàng như tình cuối, như “một lần là trăm năm”, như tình yêu không bao giờ cũ, không bao giờ già, không bao giờ có tuổi.

*Cho em hôn lên những sợi tóc bạc của anh
để em đổi trăm năm cho một ngày hạnh phúc
Cho em áp mặt vào những vết đồi mồi trên bàn tay anh
để em hiểu rằng ngày xuân đã đi qua
nhưng tình yêu thì bốn mùa miên viễn*
(Thornbird)

Có khi thật háo hức, thật giục giã, như là “yêu nhau đi, chiều hôm tối rồi”, như là phải gấp gáp, phải vội vàng lên để mà chạy đua với chiếc kim thời khắc của tình yêu.

*Hãy yêu nhau ngay bây giờ
đừng đợi ngày mai
vuốt tóc trắng rồi ước gì ta trẻ lại...*

*Yêu đi anh!
nụ hôn em còn nồng
ly rượu còn đầy
mặt trời còn đỏ*
(Rượu Còn Đầy, Mặt Trời Còn Đỏ)

Tình mong manh như giọt sương mai trên cành lá biếc.

*Ôi tình yêu như giọt sương buổi sáng
làm sao em giữ được đến buổi chiều*
(Thời Gian và Tình Yêu), hoặc

*Anh đến như buổi sáng
mang theo giọt bình minh
giọt rơi trên phiến lá
giọt rơi xuống truyện tình*
(Câu Hỏi)

Tình bằng khuâng như nỗi nhớ, tình xa xăm như tiếng vọng.

*Tôi xa người như xa mùa xuân
ngực tôi còn đọng chút hương trầm
Mảnh trời trong mắt còn xanh biếc
người đã mơ hồ như vọng âm*

*Tôi xa người như xa cơn mưa
tóc tôi còn ướt đến bây giờ
Nhớ tôi người có châm điều thuốc
nhớ tôi người có đi trong mưa*
(Cả Một Dòng Sông Đứng Lại Chờ)

Người là mùa xuân hay người là cơn mưa? Nhớ người hay nhớ hơi thuốc ảm? Nhớ người hay nhớ những cơn mưa? Mưa rơi ngoài trời hay rơi trong lòng người? Giọt mưa rơi hay giọt nước mắt rơi? Những cơn mưa xối xả của tình yêu làm ướt đầm mái tóc nhà thơ.

Tình ngắt ngây, bàng hoàng, hay tình là nỗi xót xa.

*Em đứng nghiêng cho anh nhìn sóng lượn
đêm màu xanh hay biển tóc em xanh...*

*Em cúi xuống cho anh hôn lên gáy
kỷ niệm gầy như những chiếc xương vai*
(Ngọn Nền Muộn Màng)

Tôi yêu những cái “như”, những lối ví von đầy hình tượng như thế trong thơ Trần Mộng Tú. “*Gầy như những*

chiếc xương vai”; “*gầy như nhánh cúc*”; “*hiền như hoa cúc*” (Tháng Mười Hoa Cúc); “*hiền như một miếng khoai*” (Điểm Tâm); “*mềm như tuyết mỏng*” (Trái Đất Không Nghe Em); “*trong như ly nước lọc*” (Điểm Tâm)... “Gầy” như không thể nào gầy hơn; “hiền” như không thể nào hiền bằng; “mềm” như vậy là mềm quá chừng; “trong” như thế là trong quá sức...

Tình là nỗi tiếc nuối, là những mùa xuân phai.

*Em ngồi xuống đêm không còn trẻ nữa
cánh chim bay tha hết cọng thời gian
Trên vai anh em gửi đời cát lờ
tình thấp cho em ngọn nến muộn màng*

Vì sao lại muộn màng? Vì cánh chim đã bay mất, vì đêm vui đã tàn? Nhà thơ không nói “đêm vui đã tàn” mà nói “đêm không còn trẻ nữa”. Nhà thơ cũng không nói “*Thời gian tựa cánh chim bay*” (như câu hát trong bài “Hoài cảm” của Cung Tiến) mà nói “*Cánh chim bay tha hết cọng thời gian*”. Thơ Trần Mộng Tú là thế, là “mới” trong chữ nghĩa, trong ý tưởng và trong hình ảnh.

Vì sao lại muộn màng? Nỗi muộn màng của người bắt hụt chuyến tàu. Hình ảnh con tàu và sân ga thường vẽ ra cảnh tượng buồn bã của một cuộc chia tay. Chia tay với con tàu, hay chia tay với sân ga, cũng là chia tay với một mối tình. Mối tình nào, tiếng còi tàu nào còn đeo đuổi nhà thơ mãi đến tận bây giờ.

*Nói cho anh chuyến tàu nào em lỡ
sân ga nào còn giữ lệ em rơi
(Ngọn Nến Muộn Màng)*

Ngọn nến mong manh như tình yêu thật mong manh. Ánh nến lung linh, chập chờn tựa như hạnh phúc vừa có thật lại vừa không có thật. Những ngọn nến nào đã được thắp sáng hay thổi tắt. Những ngọn nến của hy vọng và tuyệt vọng.

Những ngọn nến đứng lặng câm hay chỉ thoáng lay động, như tình yêu thầm lặng, như nỗi buồn giấu kín. Buồn nào hơn những giọt lệ nến chảy thầm trong đêm. Buồn nào hơn những ngọn nến “khóc lẻ loi một mình”.

*Em vẫn khóc một mình
giấu quanh những giọt lệ
dưới những ngón tay gầy
chàng biết đâu chia sẻ*
(Trái Đất Không Nghe Em)

Những ngọn nến mang vẻ đẹp huyền ảo tựa hồ những bông hoa hạnh phúc mà ta chỉ có thể ngắm nhìn từ xa chứ không sao lại gần được.

Trong những trang thơ Trần Mộng Tú, ta còn gặp những ngọn nến khác, những ngọn nến rung rung của nhớ thương, tưởng tiếc. Những ngọn nến ấy bao giờ cũng thắp lên trong nỗi muộn màng cho những người còn sống và cho những người đã khuất, đã từ biệt thế gian này để đi về một thế giới khác. Những ngọn nến hắt hiu, leo lét. Những ngọn nến như có một linh hồn.

*Có linh hồn lung linh như ánh nến
chiếu nhỏ nhoi nhưng ấm góc không gian*
(Kính Cầu Hồn Như Những Hạt Ngọc Trai)

Nỗi buồn trong tình yêu và trong thơ Trần Mộng Tú không sướt mướt, không sầu thảm, chỉ rung rung như những hàng nến trắng rung rung.

Thơ tỏ tình với cuộc sống

Thơ Trần Mộng Tú còn gọi cho tôi điều gì khác. Đó là những chuyến xe *bus* buổi sáng dẫn tôi vào thành phố, đến trường học, đến sở làm. Đó là những chuyến xe *bus* buổi chiều đưa tôi ra khỏi thành phố, về lại nhà hay đi đến một nơi nào đó. Những chuyến *bus* của những năm đầu định cư tại thành phố có lắm xe *bus* này. Trên những chuyến xe *bus* đi và về ấy, trong lúc lơ đãng đưa mắt lướt qua những tranh ảnh vui mắt, những hàng chữ quảng cáo sản phẩm đủ loại dọc hai bên lòng xe, có đôi lúc tôi gặp... thơ. Thường là những bài thơ ngắn ngắn, có khi rất ngắn, chỉ vài ba câu. Thơ về mọi đề tài, mọi sinh hoạt của đời sống. Thơ của những tác giả quen tên hoặc không tên tuổi, và cả những vần thơ thật trong sáng, thật hồn nhiên của những cô cậu học trò nhỏ... Thật thú vị khi “bắt” được một bài thơ hay, một câu thơ hay. Đọc thơ trên xe *bus* thấy rõ thơ toát ra từ cuộc sống, thấy cuộc sống mỗi ngày ở quanh ta đầy chất thơ. Cuộc sống như trở nên dễ chịu hơn, thi vị hơn, và tất nhiên, cũng đẹp thêm lên một chút.

Đọc Trần Mộng Tú dễ có cảm giác tương tự. Ở đâu cũng ra thơ, ở đâu cũng là thơ.

Bây giờ là tháng Mười

em như hoa cúc nhỏ

Sao anh không là gió

thổi mùa thu vào em

(Tháng Mười Hoa Cúc), hoặc

Anh không là chiếc lá

sao hiểu được mùa thu

Anh không là ngọn núi

sao hiểu được sương mù

(Thu Khúc), hoặc

*Tôi co mình trong gió
đứng lên ngó gằm cầu
ôm trái tim homeless
không biết đi về đâu*

(Chim Bò Câu và Trái Tim Homeless)

Nhiều lắm, những câu thơ như thế, những câu thơ tỏ tình với cuộc sống. Theo chân Trần Mộng Tú, bước xuống cuộc đời, ta gặp thơ mỗi ngày. Thơ ở cạnh ta, ở trong mỗi con người mỗi sự vật, ở trong những sinh hoạt thường ngày. Thơ quanh quẩn đâu đây, thơ không ở đâu xa. Thơ sẵn đâu đó, tưởng cứ xòe tay ra là nắm là bắt được thơ ngay, tưởng có thể chia nhau mỗi người một mẫu thơ. Mỗi người đến và đi đều có mang thơ theo.

*Anh có miếng thơ nào
giấu ở trong túi áo
hãy lấy bỏ ra đây
bỏ cho em một mẫu*
(Miếng Thơ)

Thơ ở cùng khắp, mọi nơi, mọi lúc. Thơ ở trong nhà, thơ ra ngoài vườn.

*Ôi khu vườn tuổi nhỏ
nắng thơm như nụ hôn
những chùm hoa trứng cá
nở trắng một góc hồn*
(Dấu Chân Vườn Cũ)

Thơ ngoài đường phố, thơ trên xa lộ.

*Những vệt phấn mơ hồ trên xa lộ
mỗi ngã ra là một ngã phân vân*
(Thơ Trên Xa Lộ)

Thơ từ núi đồi thơ ra sông biển. Thơ đến từ thời tiết, mùa màng. Thơ đến từ những cơn mưa, cơn bão rút thổi về thành phố.

*Trời cuối năm bão ghé vào thành phố
tôi cuối năm buồn ghé nỗi tôi thăm*
(Trời Cuối Năm ở Issaquah)

Thơ gần gũi, kề cận. Thơ len cả vào phòng tắm.

*Nước chảy trên hai bờ vai nhỏ
nghe mòn quá khứ dưới làn da*
(Ngày Đã Qua Biên Biệt)

Thơ rón rén đi vào phòng ngủ.

*Buổi sáng
thức dậy chàng hỏi
em ngủ ngon không
anh ngáy to quá
họ lẫn vào nhau
con chim hót ngoài cửa sổ
ngày bắt đầu*
(Cũng Có Hôm Như Thế)

Thơ nhẹ nhàng đến bên giường bệnh.

*Thôi thì là một giọt sương
chiều tan sáng động chẳng vương bạn gi*
(Thơ và Bệnh)

Trần Mộng Tú không “làm thơ”, làm như thơ sẵn đâu đó từ trong máu trong tim chị, làm như mạch thơ chị lúc nào cũng lai láng, tứ thơ chị lúc nào cũng dạt dào. “Tôi không làm thơ, thơ làm tôi”, nói như chị. Dòng thi hứng trong chị bắt nguồn từ bất kỳ một cảm xúc, một rung động, một câu chuyện, một đề tài nào. Thơ từ những đồ vật, sự vật tầm

thường: một đôi giày cũ, một viên gạch vỡ, một tấm bảng chỉ đường, một cánh đồng cỏ non, một bữa điểm tâm, một buổi làm vườn, một mẩu chuyện nhỏ, một người mù qua đường, một cây đàn cũ kỹ ai đó bỏ quên nơi góc phố... vân vân và vân vân. Những giác quan của nhà thơ thật tinh tế, thật bén nhạy.

Những vật nhỏ nhoi, những chuyện thường ngày, nhưng rất sống, rất thực, vì đây là cuộc sống. Thơ như nhịp đập của trái tim, như hơi thở của cuộc sống. Thơ Trần Mộng Tú, vì thế, đầy sức sống.

Lời tỏ tình của bông cúc vàng

*Hồn em giờ rất lạ
một chiếc bình đầy anh
(Hồn Em Giờ Rất Lạ)*

Chiếc bình chứa ấy cũng rót ra những câu thơ “rất lạ”. Thơ Trần Mộng Tú lúc nào cũng mới, dường như chị không thích sự lặp lại và luôn muốn khám phá, muốn tìm kiếm những đổi thay. Trần Mộng Tú là vậy, phía sau sự bình dị của đời thường là những nhạy bén trong sáng tạo chữ nghĩa và ý tưởng. Những sáng tạo đôi lúc ánh lên một vẻ tinh nghịch.

*Anh nằm trong thỏi son
em dùng tô môi nữa
Tôi chạm ngón tay mình lên môi
nụ hôn chàng còn đó
(Trong Suốt)*

Em và chàng, và những thỏi son môi, và những đường kẻ mắt... Những câu thơ trẻ trung, ngộ ngộ và đầy vẻ nữ tính.

Tôi nhớ bắt đầu làm quen với thơ chị khi “bắt” được những câu lục bát trên trang báo nào.

*Tôi vào chùa, thấp nén nhang
Phật ngồi yên lặng, liễu bàng hoàng xanh*

*Tôi vào chùa, tâm phân vân
tiếng chuông vỡ giữa thực, không đôi bờ*
(Thực, Không Đôi Bờ)

Những câu thơ đọc lên nghe “bàng hoàng”, nghe như có âm vang “tiếng chuông” ngân nga trong đầu... Những câu lục bát thật bất ngờ, thật thú vị như thể có thể tìm thấy rai rác đâu đó trong những trang thơ Trần Mộng Tú.

*Em đi đuôi mắt ngậm ngùi
rừng phân ưu đứng, lá ngồi tịnh tâm*

*Em đi sông gọi tiếng thâm
lục bình chia nhánh, đá trầm mình đau*

*Em đi trời xuống thật sâu
mây chia trong tóc, gió nhàu trên vai*
(Xóa Bình Minh)

Tôi chưa nghe ai nói thế bao giờ, “Mây chia trong tóc, gió nhàu trên vai”. Không riêng gì lục bát, nguồn thi hứng với ngôn ngữ thơ rất “mới” ấy còn chảy tới những dòng thơ nào khác nữa. Thơ ngũ ngôn chẳng hạn, vừa lạ, vừa rất... Trần Mộng Tú.

*Ai có cầm chai rượu
xin rót hộ vào đêm
những giọt mưa say khướt*
(Thèm Khóc Như Thèm Mưa), hoặc

*Anh trốn vào trong em
len qua từng tĩnh mạch*

*theo máu ghé vào tim
em, chao đi một nhịp*

Cái nhịp “chao đi” ấy là gì, nếu không phải là nhịp đập xao xuyên của tình yêu. Chưa hết:

*Anh hòa tan trong máu
như suối chia muôn nơi
dòng nào lạc qua phổi
cho em thở bồi hồi*

Cái nhịp thở “bồi hồi” ấy là gì, nếu không phải là hơi thở rạo rục của tình yêu. Vẫn chưa hết:

*Anh ném vào lò sưởi
những viên hạt dẻ tròn
trái tim em nhóm lửa
mùa đông bén trong hồn*

*Hai bàn tay em đỏ
môi em hương nhựa thông
cổ em thơm mùi khói
cánh tay em củi trầm
(Mùa Đông)*

Thơ Trần Mộng Tú bao gồm mọi thể loại, mọi đề tài, tựa như chị muốn ôm hết cuộc sống vào lòng vậy. Ở bất kỳ thể thơ nào, những người yêu thơ chị cũng nhận ra được chất thơ Trần Mộng Tú, cũng nhận ra được cái mới, cái lạ, cái đẹp trong thơ chị.

*Vườn tôi gầy quá hoa không nở
tóc người thức giấc giữa đêm xuân
bão gió thổi trắng không rằm nữa
nghiêng tai nghe lá gọi chỗ nằm
(Bão Gió Tháng Giêng)*

*Em giấu em ở trong hạt gạo
nằm rất ngoan giữa những chân nhang
đợi tiếng giấy anh chạm bực cửa
về chia nhau một thế kỷ tàn*
(Nhìn Nhau Rất Xa)

Những cách định nghĩa tình yêu còn “lạ” hơn nữa.

Tình yêu như vết bớt trên lưng
(Thế Kỷ), hoặc

*Ngực em chỉ là căn nhà cho mượn
tình yêu là khách trọ của trái tim*
(Đừng Hỏi Em), hoặc

*Đêm qua trở gối nghe mưa
Tình như chăn hẹp không vừa ấm tôi*
(Mưa Seattle)

Sau hết, đọc lại một lần nữa, một đoạn trong “bài thơ hoa cúc”, hay bài “thơ tình tháng Mười” ấy, để thấy được, để nghe ra cái hương vị ngọt ngào, cái dịu dàng đầy nữ tính xen lẫn chút mơ mộng của tình yêu trong thơ Trần Mộng Tú, và để nghe tiếng thơ chị như lời thì thầm, như lời tỏ tình thầm kín của... bông cúc vàng.

*Bây giờ là tháng Mười
em hiền như hoa cúc
Sao anh không là đất
cho em ngã vào lòng*

*Bây giờ là tháng Mười
em gầy như nhánh cúc
Sao anh không là mưa
cúi hôn từng cánh lá*

Bây giờ là tháng Mười

em mong manh như cúc
Sao anh không là nắng
ôm em ấm một ngày
(Tháng Mười Hoa Cúc)

* * *

Tôi nhớ, buổi chiều ở thư viện, buổi chiều hội luận về thơ, văn, về sinh hoạt văn hóa văn nghệ của người Việt ở hải ngoại với những dây ghế chật kín người. Những sinh hoạt như thế không có nhiều ở thành phố này. Khởi đầu là giới thiệu tác giả tác phẩm, rồi những chia sẻ kinh nghiệm viết văn, rồi những trao đổi ý kiến, những tranh luận, đôi lúc khá gay gắt, sôi nổi... Cho đến một lúc, người ta nghe giọng đọc thơ dịu dàng của Trần Mộng Tú cất lên, và tất cả bỗng dưng lắng xuống. Và không gian, thời gian như đọng lại. Chiều Văn Chương Việt Nam bắt đầu từ đó.

Tôi cũng nhớ, không khí lúc ấy yên lặng quá. Không còn thứ tiếng động nào khác ngoài “tiếng thơ” ấy. Mọi người đã tạm ngưng những câu chuyện, chăm chú lắng nghe thơ. Tôi cũng chăm chú lắng nghe thơ. Thơ nói về những ngọn nến, về những ngọn lửa nhỏ được thắp lên đâu đó trong tình yêu, trong cuộc sống. Chỉ là những ngọn nến, chỉ là những ngọn lửa nhỏ thôi, nhưng cũng đủ tỏa ra chút ánh sáng, tỏa ra chút hơi ấm của tình người, và cuộc sống nhờ vậy vẫn còn đáng yêu, đáng sống. Ngọn lửa nhỏ đã cháy lên, những câu thơ đã cháy lên. Mọi người dường như đã quên hết mọi chuyện, quên cả buổi chiều đang trôi qua chậm chậm bên ngoài... Chỉ còn lại thơ và thơ. Thật kỳ lạ, thơ như đem lại cảm giác ấm áp và dễ chịu, như đem mọi người lại gần với nhau, trong một không gian rất “thơ”.

Trần Mộng Tú, chị đã lấy “*miếng thơ*” nào “*giấu ở trong túi áo*” ra, và bẻ ra, chia cho mỗi người một mẩu. Bằng những mẩu thơ ấy, và bằng giọng đọc thông thả, dịu dàng ấy, chị cũng đã thắp lên ngọn nến lung linh cho buổi “chiều văn chương” của người Việt.

Những ngọn nến ở trong thơ sau cùng đã được thắp lên và tỏa sáng. Những ngọn nến mang đến tin vui.

*Tôi thắp lòng tôi bông hoa nến
gửi người một đóa tháng Giêng xuân*
(Bão Gió Tháng Giêng)

* Thơ trong bài trích từ các thi tập *Ngọn Nến Muộn Màng* và *Thơ Tuyển Bốn Mươi Năm* của Trần Mộng Tú

Hương Kiều Loan, con mắt trời cho



Potomac River, VA

*“Nghệ thuật nhiếp ảnh là nghệ thuật
ngắm nhìn cuộc sống ở cận cảnh.”*

“Hãy cho tôi xem tấm ảnh bạn ưng ý nhất trong số những ảnh bạn đã chụp, tôi sẽ nói cho bạn biết bạn là người như thế nào.”

Câu ấy tôi vẫn thường nói với những người bạn thích chụp ảnh, chuyên nghiệp hay tài tử. Không rõ việc tiết lộ “bạn là người như thế nào” có giúp được gì cho tác giả của những bức ảnh, nhưng có giúp cho tôi... xem được nhiều ảnh đẹp.

Thực sự, ai cũng biết rằng “hiểu” được một con người không đơn giản và dễ dàng chút nào. Qua những bức ảnh, nhiều lắm ta chỉ có thể “đọc” được phần nào tính cách, sở

thích và khuynh hướng thẩm mỹ của người cầm máy. Vì thế, câu ấy chỉ là cái *test* nho nhỏ cho cả người chụp ảnh lẫn người xem ảnh: thứ nhất, liệu người chụp ảnh có thể hiện được cái ý tưởng muốn gửi vào bức ảnh; thứ hai, liệu người xem ảnh có “bắt” đúng được cái ý tưởng ấy.

Tặng vật của thượng đế

Riêng với chị Hương Kiều Loan, nhà nhiếp ảnh quen tên và có nhiều ảnh được nhiều người yêu thích, tôi lại nói khác đi một chút, “Cho tôi xem bất kỳ tấm ảnh nào của chị, tôi sẽ ‘đặt tên’ cho tấm ảnh ấy.”

Tôi nói thế là có lý do, chị vẫn thường đặt tên cho các tác phẩm nhiếp ảnh của chị. Cách nói ấy cũng là một trò chơi “trắc nghiệm” khá thú vị, tựa như hai người cùng viết vào lòng bàn tay mình cái gì đó, không cho người kia biết, rồi cùng xòe tay ra một lúc xem thử (những) chữ ấy có giống nhau hoặc khác nhau như thế nào. Kết quả cho thấy chị và tôi nhiều lần “gặp” nhau, chẳng hạn tấm ảnh chị đặt tên là *Thấp sáng* (chụp những ngọn đèn vàng ngoại ô trong đêm khuya vắng) thì tôi gọi là *Nỗi buồn thấp sáng* (mượn tên một truyện của Cung Tích Biền), hoặc tấm ảnh chị đặt tên là *Rời như tơ vò* thì tôi gọi là *Ngón ngang trăm mối*, hoặc chị đặt tên *Thời xuân xanh nay còn đâu!* thì tôi gọi là *Tiệc một thời xuân!* (mượn tên bài nhạc của Dương Thiệu Tước), hoặc chị đặt tên *Trời xanh có thấu?* thì tôi gọi là *Ngửa mặt kêu trời!*, hoặc chị đặt tên *Giá buốt* thì tôi gọi là *Giá băng* (khác một chữ, tên của chị nghe... “lạnh” hơn), hoặc chị đặt tên *Nắng sớm* thì tôi gọi là *Nắng mới* (khác một chữ, nắng của chị đến... “sớm” hơn). Ở đây không phải là chuyện đặt tên sao cho hay mà là sao cho đúng với nội dung, ý tưởng mà nhà nhiếp ảnh muốn gửi vào bức ảnh.

Đôi lúc chị và tôi cũng chia sẻ những mối đồng cảm giữa người chụp ảnh và người xem ảnh. “Không phải là đặt vào tay ai chiếc máy ảnh đắt tiền, bảo người đó chạy ra ngoài bấm lách cách là mang về được những tấm ảnh đẹp,” chị vẫn nhắc câu tôi nói đùa. Hoặc, một vài “định nghĩa” linh tinh của tôi cũng được chị tán đồng, chẳng hạn:

“Nghệ thuật nhiếp ảnh là nghệ thuật ngắm nhìn cuộc sống ở cận cảnh.”

“Nhà nhiếp ảnh là người đã đặt tên cho bức ảnh trước khi bấm máy; nói cách khác, đã ‘chụp’ bức ảnh ở trong đầu trước khi làm động tác bấm máy.”

“Tấm ảnh đẹp là tấm ảnh nói với ta điều gì và ‘động’ lại lâu dài trong ký ức người xem.”



“Bé học bài”, ảnh Hương Kiều Loan

Tất nhiên vẫn có những lúc chúng tôi không “gặp” được nhau, như có lần chị cho tôi xem một bộ ảnh và hỏi tôi thích tấm nào hơn cả. Tấm ảnh tôi chọn không phải là tấm chị ưng ý nhất. Chị thường cho tôi xem ảnh không phải vì tôi khen

ảnh đẹp cho chị vui mà vì khi nói “đẹp” thì tôi cũng nói thêm là “đẹp ở chỗ nào”.

Chị có cái thú chụp ảnh, tôi có cái thú xem ảnh. Có đôi lúc tôi nhìn thật lâu vào một tấm ảnh, cố đoán xem tác giả nghĩ gì vào thời khắc bấm máy. Trong nghệ thuật nhiếp ảnh, tôi cho rằng trên hết vẫn là ý tưởng nằm trong tấm ảnh. Ý tưởng có được từ “con mắt nhiếp ảnh” ở phía sau ống kính. Không phải ai cũng có được “con mắt nhiếp ảnh” ấy. Người ta có thể sắm được chiếc máy ảnh đắt tiền nhất, nhưng không sắm được cho mình “con mắt nhiếp ảnh”, để có được những bức ảnh “đắt tiền”.

“Chị có con mắt trời cho,” tôi nói với chị Hương Kiều Loan.

“Con mắt” ấy là có thật, từ câu chuyện có thật. Nhiều năm trước rất ít khi chị cảm đến chiếc máy ảnh. Những cô bạn học Trưng Vương ngày xưa vẫn nhắc tên chị như con người nghệ sĩ đa tài, nào vẽ tranh, nào viết văn, nào làm thơ..., nhưng chưa nghe ai nói đến tài nhiếp ảnh của chị. “Hương Kiều Loan nhiếp ảnh” là một khám phá lý thú, cũng lý thú như câu chuyện được chị kể lại: sau một cơn bệnh thập tử nhất sinh, tưởng đã phải chia tay với cuộc sống, chị như được “tái sinh”, như hóa thành một... Hương Kiều Loan khác. Cũng kể từ đó, chị có cái nhìn khác về cuộc đời này, và cũng nhìn ra được bao điều kỳ diệu của thiên nhiên mà tạo hóa đã ban tặng cho con người. “Làm cách nào để ghi lại được những khoảnh khắc kỳ diệu ấy?” chị tự hỏi, và rồi tìm đến chiếc máy ảnh, một phát minh cũng được xem là “kỳ diệu” của con người.

“Đường như sau cơn bệnh chết đi sống lại ấy,” chị nói, “thượng đế cho mình cái *gift*. Đôi mắt mình như được sáng

ra, được mở to hơn. Mình ngắm nhìn cảnh vật, con người khác với ngày xưa và cũng biết yêu quý mọi loài, mọi vật ở quanh mình. Thế nhưng, không phải là thượng đế cho không đâu mà muốn mình phải sử dụng cái *gift* ấy. Ngày nào mình ra khỏi nhà với chiếc máy ảnh thì thấy khỏe hẳn ra, ngày nào ngồi nhà thì muốn... phát bệnh.”

“Nhu vậy thì chị được thượng đế ban cho tặng vật ấy để thi hành sứ mạng của Ngài,” tôi nói đùa.

“Nói vậy thì hơi quá,” chị cười, “nhưng đúng là chiếc máy ảnh cho mình thấy cuộc sống ý nghĩa hơn.”

Với con mắt trời cho ấy, chị “bắt” được những rung cảm của thiên nhiên (bằng sự rung cảm của tâm hồn), và thu gọn thiên nhiên muôn màu muôn vẻ vào trong ống kính.

Với con mắt trời cho ấy, chị nhìn thấy những vẻ đẹp mà “mắt thường” khó mà thấy được: một bụi cỏ khô, những bông hoa dại, những xác hoa tàn, cánh đồng hoang vu, ngọn đèn leo lét trong đêm tối, cụm rác vật vờ bên dòng nước, sóng tình trong ánh mắt hay nỗi buồn trong khóe mắt.



“Hoa mơ dại bên lối mòn”, ảnh Hương Kiều Loan

Con mắt trời cho ấy là ân sủng, là tặng phẩm của thượng đế dành cho chị.

Làm bạn với chiếc máy ảnh, chị len lỏi đến mọi góc ngách, mọi góc cạnh của cuộc sống. Chị nhìn ra cái đẹp ẩn giấu nơi mỗi sự vật, mỗi cảnh vật, mỗi con người trong những mảng đời sống tầm thường, nhỏ nhặt nhất để thu vào ống kính mình. Cái đẹp trong một bức ảnh không luôn luôn là cảnh sắc thiên nhiên, một đóa hoa hay một nhan sắc. Cái xấu được nhìn dưới một góc độ, một cách nhìn nào đó hóa ra lại là đẹp. Dưới ống kính của người cầm máy có tay nghề, cái xấu xí bị người đời chê bỏ, ngoảnh mặt quay lưng, lấm khi lại trở thành bức ảnh đẹp và gọi là “tác phẩm nghệ thuật”. Tất nhiên chị Hương Kiều Loan không thể biến chim cú vọ thành phượng hoàng, biến chú vịt xấu xí thành thiên nga xinh đẹp, thế nhưng người xem ảnh chị đôi lúc có cảm giác thật bất ngờ vì đối tượng ấy không xấu như người ta tưởng; hơn thế nữa, còn tìm thấy những nét đẹp thú vị hiện ra trong ống kính chị. Có thể nói, những bức ảnh ký tên Hương Kiều Loan là minh chứng rõ nét nhất cho câu nói, “Không có gì là xấu xí trên đời này cả, mà chỉ là chưa được làm đẹp qua ống kính của nhà nhiếp ảnh.”

Đôi lúc tôi cũng gọi chị Hương Kiều Loan là “Người thợ săn ảnh”. Khẩu súng săn của chị không phải lúc nào cũng kèn càng, có khi chỉ là chiếc máy ảnh mỏng, gọn và nhẹ, tiện cho chị giắt theo bên mình. Người thợ săn Hương Kiều Loan có năng khiếu đặc biệt là bấm máy nhanh như chớp. “Có những cảnh vụt hiện ra chỉ trong vài tích tắc, nếu không nhanh tay lẹ mắt thì không tài nào bắt kịp,” chị nói. Tôi chắc ít ai “tác xạ” nhanh hơn chị. Chị làm công việc săn ảnh ấy

không mệt mỏi, và cũng không hề cạn đề tài vì cuộc sống đổi thay từng ngày, từng giờ, từng phút giây.

Không chỉ bằng những giác quan thật tinh tế, thật bén nhạy, chị còn có “góc nhìn” độc đáo để cho ra những ảnh thật độc đáo. Những ảnh chụp của chị hiếm khi phải vay mượn đến các thủ thuật *computer*. Ảnh chị không có những chi tiết thừa mà người cầm máy thường tham lam đưa hết vào ống kính khiến người xem chẳng biết nhìn vào đâu, chẳng biết đâu là chủ thể chính của bức ảnh. Chính vì vậy, không khó lắm khi đặt tên cho những bức ảnh của chị.

Thực sự, có những bức ảnh không cần phải đặt tên. Người xem thoát nhìn vào đã “bật” ngay ra được cái tên cho ảnh, chẳng hạn bức ảnh chụp chiếc bóng mờ mờ của cô gái Mỹ ngồi gục đầu in hình trên Bức Tường Đá Đen (Washington, DC), như lẫn vào trong phiến đá đen tuyền, lẫn vào sau một rưng chữ ghi khắc chi chít bao nhiêu tên tuổi lính Mỹ đã nằm xuống hay mất tích trong chiến tranh Việt Nam.



“Chiếc bóng”, ảnh Hương Kiều Loan
(PPS “Dấu tích thương đau”)

Một bức ảnh khác là một *super shot* được nhiều người tán thưởng: chị đã nhanh tay “bắt” được mặt trăng; nói đúng hơn, chị đã “điều khiển” bức tượng bằng sắt khổng lồ *The Keeper of the Plains* biểu diễn một “pha” rất ngoạn mục là đón bắt kịp thời vàng trăng tròn vàng vặc rơi xuống dòng sông Arkansas River lung linh vắt ngang thành phố Wichita (Kansas), vào đúng khoảnh khắc mặt trăng thật gần quả đất (*Supermoon Time*), để không cho “trăng rụng xuống cầu” và nhân loại không phải chìm đắm trong đêm tối mịt mùng.



“Supermoon Time”, ảnh Hương Kiều Loan (5/5/12)

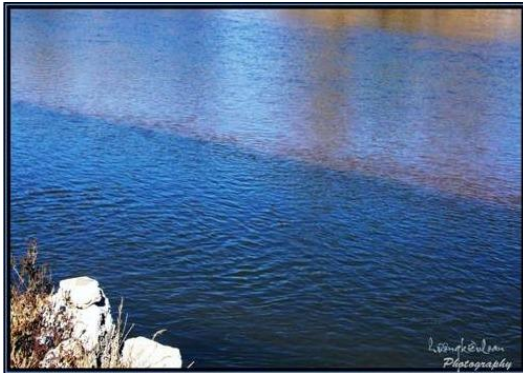
Phòng triển lãm ảnh thu nhỏ

“Có những ngày tôi ‘một mình một máy ảnh’ đi dọc theo những lối đi ven sông khi mà thu đã gần tàn, những rặng cây bên con dốc lá đã đỏ rực như màu phượng chín. Tôi đã say mê ghi lại những hình ảnh đó, từ những cành thu hồng lá ngọn xuống hàng liễu xanh đến những cánh lá thu lìa đời phủ ngập nền cỏ. Thu đủ màu, đủ nhan sắc. Và cứ thế... tôi lang thang suốt mấy dặm đường, đi không biết mỏi, đi không biết mệt. Thế giới riêng của tôi là những lúc như vậy. Tôi tìm thấy chính mình, chỉ mình tôi với cảnh vật vắng lặng, với

tiếng nước trôi, với tiếng chim hót, với gió rì rào, với mây trên đầu, với lá dưới chân.

Tôi nhìn thiên nhiên thay đổi từng ngày mà lòng băng khuâng. Tôi lưu luyến nét đẹp hôm trước và ngẩn ngơ trước vẻ đẹp hôm nay. Cây aspen mới hôm qua thân trắng màu sữa, hôm nay dưới ánh nắng, lá đã khoe sắc vàng óng màu tơ... Thế rồi cỏ hết xanh, chuyển màu nâu khô, màu trắng ngà. Những đám cỏ dại ven sông trở màu khô trắng, chúng chả còn gì ngoài cái thân khô héo. Sức sống đã hết, chỉ còn lại những xác lá trở xương, thế nhưng tôi vẫn thấy chúng đẹp trong cái tàn tạ hết một đời lau lách, không tên.

Khi không còn gì trên lối đi để thu vào ống kính, tôi tìm cái đẹp trên con nước bên dòng. Có những khúc sông nước đổi màu. Một con sông mà hai dòng nước, tuy cũng là xuôi dòng nhưng đã khác màu, có khác chi đời sống lứa đôi khi đã hết mặn nồng, hai kẻ vẫn đi cùng chiều nhưng tâm tư thì đã khác biệt...”



“Đôi dòng”, ảnh Hương Kiều Loan

Những dòng trên có thể gọi là những dòng nhật ký về “Một ngày của người thợ săn ảnh Hương Kiều Loan”. Người ta “đọc” thấy ở chị một tâm hồn phong phú và nhạy cảm.

“Hai kẻ vẫn đi cùng chiều nhưng tâm tư thì đã khác biệt,” một trong những cảnh đời ngang trái. Có những mẫu chuyện thực ở ngoài đời còn ly kỳ, gay cấn, bi thảm... hơn cả tiểu thuyết nữa. Người viết văn chỉ việc ghi lại câu chuyện ấy trên giấy là có được một tác phẩm làm “chạm đến trái tim” người đọc. Chị Hương Kiều Loan đã làm công việc tương tự với chiếc máy ảnh, thay cho cây cọ, giá vẽ và những hộp màu. Trong mỗi nhà nhiếp ảnh có một nhà họa sĩ. Với “con mắt trời cho” phía sau ống kính, chị đã “vẽ” lên những cảnh thực ở ngoài đời. Điểm khác biệt giữa bức ảnh đẹp như tranh vẽ và bức họa đẹp như cảnh thực là bức ảnh bao giờ cũng “thật” hơn.

“Thế thì họa sĩ còn biết vẽ gì bây giờ?” chị Hương Kiều Loan hỏi.

“Chị từng là họa sĩ, chị biết rõ hơn tôi mà. Họa sĩ vẽ những gì mà... ống kính máy ảnh không ‘chụp’ được.”

“Một tấm ảnh mà không có nắng,” có lần tôi nói với chị, “giống như biển không tiếng sóng, như rừng không tiếng chim, như... chai bia không ướp lạnh.” Nghe vậy chị bèn gửi tôi xem bộ ảnh có rất nhiều... nắng với những cái tên “Nắng xuân”, “Nắng thu”, “Nắng tươi”, “Nắng sớm”, “Nắng soi”, “Bóng nắng”, “Hoa nắng”, “Loang nắng”, “Trón nắng”, và cả những “Nắng lạ”, “Nắng ngọt”, “Nắng khuya”... Nắng đủ kiểu, nắng chan hòa, nắng rực rỡ, nắng lung linh. Những tấm ảnh lấp lánh những đốm sáng như có một sức sống, một linh hồn.

Chị Hương Kiều Loan không triển lãm, trưng bày ảnh của mình. Chị chỉ “trưng bày” trong các PPS ảnh do chị thực hiện. Xem các PPS này của chị có cảm giác như đi dạo một vòng “phòng triển lãm ảnh nghệ thuật”. Các PPS ảnh Hương Kiều Loan, trong một nghĩa nào đó, có thể gọi là “Phòng triển lãm ảnh thu nhỏ” (*Mini photo exhibition*), là một chuỗi những tác phẩm nhiếp ảnh xoay quanh một chủ đề hoặc hình thành một chủ đề.



“Hoa nãng”, ảnh Hương Kiều Loan (PPS “Trái đắng”)

Các PPS ấy cũng cho thấy sự dụng công đến từng chi tiết của tác giả: từ việc sắp xếp, trình bày các bức ảnh theo một trình tự hợp lý sao cho vừa đẹp mắt vừa thể hiện được nội dung, cho đến việc lọc lựa lời thơ, ý nhạc sao cho phù hợp với chủ đề và ý tưởng của từng bức ảnh. Có những chi tiết thật “đắt” tô đậm thêm những cảm xúc mà người xem có khi không để ý, chẳng hạn nốt nhạc cuối cùng của bài nhạc rơi đúng vào bức ảnh cuối cùng đang lung linh mờ nhòe và... biến mất, như tan theo gợn sóng.

Với khuynh hướng thẩm mỹ đầy cá tính và cách thể hiện nhiều sáng tạo, những bức ảnh mang chữ ký Hương Kiều

Loan như có dấu ấn riêng, đẹp và lạ. Cũng là mùa thu nhưng mùa thu trong các PPS của chị thì đúng là “thu quyến rũ” và cho thấy mùa thu “nói” với ta rất nhiều. Cũng là những bông hoa nhiều màu sắc, nhưng trong các PPS của chị ta như đọc được “ngôn ngữ của loài hoa”. Nhiều bức ảnh làm người xem phải dừng mắt khá lâu. PPS nhiếp ảnh được tán thưởng nhất thường là những PPS gợi nhiều cảm xúc, xem xong vẫn như còn “động” lại chút gì.

“Ảnh của chị là ảnh biết nói,” tôi nói với chị, “là ảnh mang hơi thở của cuộc sống.”

Trước sau chị Hương Kiều Loan vẫn không nhận mình là người cầm máy ảnh chuyên nghiệp. “Điều đó không mang ý nghĩa gì nhiều lắm,” tôi nói. “Chị có sống bằng nghề nhiếp ảnh đâu. Hơn thế nữa, một nhà nhiếp ảnh chuyên nghiệp được nhận biết qua tác phẩm hơn là những kiến thức về kỹ thuật nhiếp ảnh.” Các PPS ảnh của chị tự lúc nào đã trở nên quen thuộc và được gọi bằng cái tên quen thuộc “PPS Hương Kiều Loan”, là những tác phẩm được cả người xem ảnh lẫn người chụp ảnh yêu thích như những công trình sáng tạo có giá trị nghệ thuật.

Chị Hương Kiều Loan không nhớ nổi đã thực hiện bao nhiêu PPS nhiếp ảnh. Mỗi PPS mang cái tên của mỗi chủ đề, mỗi câu chuyện, như “Chút đó đây”, “Chút hồng xưa”, “Chút giá băng”, “Một chút bên đường”, “Một chút quanh tôi”... Chỉ là chút chút thôi, không nhiều lắm, nhưng mà những nỗi niềm bày tỏ thì rất nhiều. Tất cả được chị gọi bằng cái tên chung là “Theo những bước chân”, với ý nghĩa là những tác phẩm được thực hiện sau những chuyến đi “săn ảnh” xa, gần.

Tôi chắc nhiều người yêu nghệ thuật nhiếp ảnh cũng muốn lần “theo những bước chân” ấy trong lúc dạo một vòng qua “Phòng triển lãm ảnh thu nhỏ” của chị để có được “Chút niềm vui”—như cách gọi của chị—nhìn thấy cuộc sống kỳ diệu mỗi ngày ở quanh ta được “nhà PPS nhiếp ảnh” Hương Kiều Loan thu gọn vào ống kính bằng... con mắt trời cho.

Cung Tích Biền, giấc mộng rỗng không



“Feeling of emptiness”, *Ben Goossens*

Viết, với tôi, là vừa giải cứu vừa tự hủy.⁽¹⁾

~ Cung Tích Biền

“Truyện Cung Tích Biền rất... không nên đọc,” một bạn văn của tôi nói thế.

“Sao vậy?” tôi hỏi. “Truyện... kinh dị, không nên đọc ban đêm?”

“Ban đêm ban ngày gì cũng không nên đọc,” người bạn nói. “Truyện không mở cho người ta một cái *exit* nào cả, mọi cánh cửa đều đóng chặt, kín bưng, tối om. Truyện làm cho con người ta bị quan, chán sống thì... đọc làm gì!”

Tôi ngẫm nghĩ, thấy người bạn nói không phải là không đúng. Có điều, lời khuyên ấy có hơi... muộn màng vì tôi chẳng may đã trót đọc Cung Tích Biền (CTB) từ những ngày xa xưa, và gần đây nữa. Quả có đúng như anh bạn nói, truyện CTB tựa như bức tranh âm đạm, u tịch, không ai muốn treo ở trong nhà mình. Cây cọ CTB vẽ lên những mảng tối, những màu sắc lạnh và buồn. Những nhân vật, những con người trong truyện CTB chết mà không nhắm mắt, không “siêu thoát” được.

Nói thế có hơi quá chăng? Tôi chắc những ai cũng “trót” đọc CTB như tôi có thể chia sẻ ít nhiều. Những ai chưa từng đọc ông cũng nên đọc thử qua một lần cho biết (chắc chắn không phải là cách người ta vẫn nói để quảng cáo một cuốn sách).

1. Những “cột mốc thời cuộc”

Thành thực mà nói, tôi không thích truyện CTB lắm. Không thích, nhưng vẫn đọc. Đọc rồi, vẫn... không thích. Đúng là truyện CTB không mở cho người ta một lối thoát nào, và cũng chẳng có chút ánh sáng le lói nào ở cuối đường hầm. Những cánh cửa vẫn cứ đóng im ỉm, vẫn cứ tối mù tối mịt. Như buổi hoàng hôn của một thế giới đang lụi tàn. Như con tàu đang từ từ chìm dần, chìm dần giữa biển khơi mênh mông, mịt mùng, không một ai cứu vớt.

CTB đến với người đọc từ ít truyện ngắn đăng rải rác trên các tạp chí văn chương ở miền Nam trước năm 1975. Theo sự “đánh giá” của riêng tôi vào thời ấy, ông là một trong những tác giả viết truyện về chiến tranh hay nhất. Có vẻ CTB được người đọc biết đến qua các truyện ngắn nhiều hơn

là truyện dài, và phạm vi bài này cũng chỉ đề cập đến truyện ngắn CTB.

Tôi ít có dịp nào đọc ông sau năm 1975, ngoại trừ một vài truyện tình cò gặp đâu đó trên những trang mạng. Bút pháp, văn phong không thay đổi bao nhiêu mặc dầu có vẻ như “khó đọc” hơn vì những ẩn dụ, ẩn tàng, ẩn mật... Điều này có thể hiểu được, và tôi cho đây cũng là một trong những cách chọn lựa của nhà văn còn ở lại trong nước như ông (để còn có thể tiếp tục viết). Có điều “ẩn” gì thì “ẩn”, người đọc CTB đứng trước vẫn nhận ra ông, vẫn nhận ra văn CTB, tuy có phần sắc hơn, lạnh hơn và “độc” hơn.

Truyện CTB là những truyện viết về một thế giới không có trái tim, hoặc nếu có, chỉ có ở lớp người cùng khổ, lớp người không được sống cho ra con người. Truyện của ông đọc muốn ứa nước mắt, muốn khóc mà không khóc được, nước mắt như hóa thành giọt lệ khô.

Truyện CTB chiếu rọi xuống những nấc thang cuối trong xã hội loài người. Ông chịu khó sục sạo, len lỏi đến tận cùng những góc ngách, hẻm hóc của đời sống. Ông chịu khó lặn mò đến những con hẻm lầy lội, những ngõ vắng tối tăm, những số phận đen đui, những mảnh đời khuất lấp mà tia nắng mặt trời chẳng bao giờ soi rọi đến.

“Mỗi truyện của tôi thường gắn với một cột mốc thời cuộc,”⁽²⁾ CTB cho biết như vậy, và kể ra ít cái tên truyện ngắn, truyện dài. Tôi đã chọn ra trong số ấy hai truyện ngắn tiêu biểu cho hai “cột mốc” đặc biệt, và qua hai truyện ấy cũng phác qua đôi nét về văn chương CTB. Gọi là “tiêu biểu” với cái nghĩa là hai truyện ngắn của hai thời kỳ trước và sau năm 1975—một được viết trong chiến tranh, và một được viết sau chiến tranh—và là những truyện ngắn được

hiều người biết đến, nhiều người tìm đọc. Tất nhiên, chỉ qua một vài truyện thì cũng khó mà có được cái nhìn thấu đáo về văn và người, nhất là khi nhà văn vẫn còn đang viết, và những truyện của ông càng về sau càng có vẻ “mới”, càng có nhiều điều để nói thêm.

Truyện thứ nhất, “Ngoại ô, Dĩ An, và linh hồn tôi”, được CTB viết khoảng cuối năm 1965, đánh dấu thời điểm từng đoàn quân ngoại nhập “đổ bộ” lên Đà Nẵng và các trại lính viễn chinh mọc lên khắp miền Nam. Truyện thứ hai, “Thằng bắt quỷ” (1991), được viết ra nhiều năm sau ngày chiến tranh Nam-Bắc kết thúc và miền Nam thay tên đổi chủ. Truyện đầu CTB viết năm ông 28 tuổi, truyện sau năm ông 54 tuổi. Khoảng cách thời gian giữa hai truyện ngắn, hay khoảng cách giữa hai “cột mốc thời cuộc” ấy, là hai mươi sáu năm.

Hai truyện đều được thuật lại qua lời kể của nhân vật chính xưng “tôi”, xoay quanh số phận của hai cô gái cùng độ tuổi đôi mươi. Có khác một chút, “tôi” trong truyện đầu là nhân vật nữ; “tôi” trong truyện sau là nhân vật nam (có thể là tác giả). Số phận hai cô gái, nói là số phận của một dân tộc thì hơi quá, nhưng ít nhiều phản ánh thực trạng đất nước và thân phận người dân Việt khốn khổ của hai thời kỳ: những năm dài chinh chiến điêu linh, và những năm sau “ngày tàn chinh chiến”.

1.1. Ngoại ô một khung trời buồn

Truyện đầu tiên (không phải là truyện đầu tay) được nhà văn ký bút hiệu Cung Tích Biền là “Ngoại ô, Dĩ An và linh hồn tôi”, đăng trong tuần báo *Nghệ Thuật* ở Saigon, số tháng 3/1966. Bối cảnh của truyện, theo lời CTB:

Năm 1965 Quân đội Mỹ đã có mặt ở Đà Nẵng, các trại lính viễn chinh đã hình thành khắp miền Nam, tôi viết truyện ngắn ‘Ngoại ô, Dĩ An, và linh hồn tôi’. Không gian truyện là Đà Nẵng, với cảng, với biển, với núi Sơn Trà, nhưng nhân vật nữ mang tên Dĩ An, một địa danh ở Bình Dương. ⁽²⁾

Tại sao “không gian truyện là Đà Nẵng” nhưng nhân vật nữ lại mang tên “một địa danh ở Bình Dương”?

Đến sự khổ đau cũng phải có tên gọi,” Dĩ An nói với em gái. “Người ta đã tìm ra chị nơi cái xóm Dĩ An hèn mọn. Người ta thay nhau ngủ với chị, xem chị như mảnh đất có hoa màu và cần phải đặt tên cho nó.

Tên truyện đã buồn, câu chuyện càng buồn hơn. Không khí truyện lạnh tanh, như người ta vẫn lạnh lùng bắn giết nhau trong chiến tranh, và vẫn dẫm đạp lên nhau mà sống, vẫn đứng dưng trước những nỗi đau của đồng loại trong thời bình.

Nơi Dĩ An cư ngụ là một khu xóm lao động ở “một ngoại ô đầy bùn lầy và dấu chân bò”. ⁽³⁾ Bố mẹ cô phải lao động hết sức cực nhọc để kiếm từng đồng bạc nhỏ nuôi sống cả gia đình.

Cha tôi thường đẩy xe về nhà khoảng mười giờ đêm. Mẹ tôi về nhà khuya hơn với đôi chân mỏi mết và gánh chè có khi mười một giờ đêm bán chưa hết. Một đêm trời mưa lớn, các em tôi đã ngủ yên, mẹ tôi vẫn còn đi giữa đường phố. Hôm sau về nhà mẹ đau nặng.

Thế nhưng, đây chưa phải là thảm họa. Thảm họa đến từ nơi khác.

Rồi chiến tranh mỗi ngày một lan rộng. Thành phố mở cửa đón những đoàn quân nước bạn.

Chiến tranh như cơn lốc ập đến. Ngoại ô ấy bỗng chông chênh thức giấc. Tất cả đều xáo trộn, đảo lộn, đổi thay đến toàn diện.

Sáng hôm đó chuyến tàu đầu tiên rẽ sóng chạy vào. Những người lính viễn chinh lên bờ mang theo tấm thân lực lưỡng, những thềm muộn và tiền bạc... Tiền bạc tràn ngập. Đó là đắp lên thành phố khô cằn này. Ngoại ô tôi chìm trong giấc ngủ bỗng thức giấc xao xuyến.

Ngoại ô của Dĩ An, như bao nhiêu ngoại ô và thành thị khác, cũng chìm nổi theo dòng định mệnh của đất nước.

Ngoại ô tôi bắt đầu có những chàng Mỹ trắng Mỹ đen lừng lội tìm của lạ. Linh cảm cho tôi biết ngoại ô này cũng theo thân phận của đất nước. Mọi nếp sống sẽ đổi thay. Mọi tâm hồn sẽ bị lung lay trước sự lung lạc của vật chất.

Ngoại ô “vươn lên một cách học đòi, què mùa giả tạo. Những chiếc jupe chật, những chiếc áo dài lờ lợt, những chiếc dù sặc sỡ thấp thoáng trong các con hẻm xưa kia đàn bò lội qua”⁽³⁾. Cái quận lỵ nghèo nàn, nhỏ bé, hiền lành ấy bỗng thoát xác chỉ trong một ngày một đêm. Cô nữ sinh trung học xinh đẹp và hiền lành ấy cũng thoát xác.

Dĩ An, cô gái mới lớn như hoa mới nở ấy, có một tình yêu đầu đời, một người tình để nhớ để thương.

Một hôm Lân từ Pleiku về thăm chị Dĩ An. Tình yêu nở ra mãnh liệt. Hôm lên đường đáo nhận đơn vị anh mang theo niềm vui chị Dĩ An đã nhận lời làm vợ chưa cưới của anh.

Mối tình ấy sớm nở tối tàn.

Nhưng một tuần sau thì Lân tử trận trong một cuộc hành quân lớn. Thi hài anh Lân được chở về thành phố tràn ngập cuộc vui của gái điếm và du đấng.

Lân chết, Dĩ An như cũng chết theo. Và Dĩ An “bắt đầu lập cái vạch nối giữa sự thất vọng cùng những cuộc trác táng”.⁽³⁾

Rồi cái chết của ông bố theo sau cái chết của người tình. Những bất hạnh, tai ương lần lượt phủ trùm lên số phận nghiệt ngã của một dân tộc, phủ trùm lên số kiếp không may của mỗi con người. Hai chị em Dĩ An bằng mọi cách phải kiếm cho ra tiền để cuu mang mẹ già và để lũ em thơ dại còn được cắp sách đến trường.

- *Chị Liêm (tên cũ của Dĩ An), em phải xin việc làm thôi.*
- *Thôi đi em, chị lớn để chị lo.*

“Để chị lo”, đó là bước ngoặt đầu tiên cho cuộc “đòi đòi” của Dĩ An.

Chị Dĩ An thì không có bằng cấp. Với cái chứng chỉ lớp đệ Tứ chị chỉ được làm ở sở Mỹ nhờ một người quen bảo lãnh. Nội cái việc bảo lãnh cũng phải trả một giá quá đắt rồi. Thằng khôn nạn nói bóng gió nhưng chị Dĩ An thừa hiểu một cách cay đắng rằng: cho nó ngủ một đêm.

Đó là lần “trả giá” đầu tiên, và còn những lần tiếp theo, tiếp theo sau đó nữa. Dĩ An đã lột xác thành cô gái bán phần buôn hương tự lúc nào.

Nhiều chàng trai đã ôm chị tôi trong lòng, họ hôn chị sau đêm hành quân về...

Dĩ An đã buông thả hoàn toàn, cô không còn gì để giữ gìn nữa. Cô đã “tiêu phá đời mình”, đã “trôi chơi vui trong dòng băng rã cuộn cuộn...”⁽³⁾

“*Chị bán linh hồn chị rồi,*” Dĩ An nói với em gái. Cô bán linh hồn bằng “những tờ giấy trăm sột soạt trao nhau trong

phòng tối”.⁽³⁾ Cô đã bán linh hồn cho quỷ dữ, hay đúng hơn, cho con quái vật chiến tranh.

Không phải chỉ Dĩ An mất linh hồn mà “ngoại ô tôi bây giờ cũng mất linh hồn như chị”.⁽³⁾

Thành phố này đối với chị là một nghĩa trang. Chị thường ra sân ga nhìn những toa tàu nằm chết trong đường... Chị đến bãi biển ngồi trầm lặng. Hoàng hôn xuống buồn.

Đằng sau mảnh linh hồn chết ấy là một tâm hồn bão nổi, một tâm hồn nổi loạn. Cô gái hai mươi tuổi mà như đã già dặn, đã “dạn dày sương gió” và “nhiều kinh nghiệm tác chiến”, nói như ngôn ngữ chiến tranh thời ấy.

“*Chị thích đi ngược chiều gió*”, cô em gái của Dĩ An nói về người chị mình.

Sau cùng là “tiếng cười điên loạn” của Dĩ An, của bao nhiêu Dĩ An khác, và của bầy quỷ dữ chiến tranh.

Dĩ An, nhân vật nữ ấy, mang thân phận của một quẻ hương rách nát vì bị chiến tranh tàn phá và hủy hoại đến tận gốc rễ. Có rất nhiều “Dĩ An” như thế, có rất nhiều “khách má hồng nhiều nổi truan chuyên” như thế, và có rất nhiều “ngoại ô”, nhiều “khung trời buồn” như thế trong thời buổi chinh chiến điêu linh.

Chiều nay tôi âm thầm đạp xe đến cổng một hotel mà cuộc đời chị ném sâu trong đó. Hoàng hôn xuống thành phố. Trên tầng lầu thứ ba đèn sáng qua các ô cửa. Chị Dĩ An tôi trên đó. Tiếng cười điên loạn trên đó...

Ôi, ngoại ô một khung trời buồn.

CTB hạ một câu như vậy. Đây là câu kết của truyện, nghe như là một câu thơ buồn hay như tiếng thở dài thật nhẹ.

“Ngoại ô, Dĩ An và linh hồn tôi” là bức tranh tang thương của một đất nước tang thương thời ly loạn.

1.2. “Em ra đi nơi này vẫn thế”

Câu kết của “Ngoại ô, Dĩ An và linh hồn tôi” như một câu thơ buồn thì câu kết trong truyện “Thằng Bất Quỷ” của CTB lại là một câu hát quen thuộc.

Em ra đi nơi này vẫn thế...

Câu kết nào nghe cũng... buồn, cũng ngậm ngùi như tiếng thở dài.

“Em” ở đây là Trinh, nhân vật nữ chính trong truyện. Trinh chết đi, “nơi này vẫn thế”, cái Xóm Nhà Ma, nơi trú ngụ của cô, vẫn thế, cái đất nước này vẫn thế. “Vẫn thế” có nghĩa là vẫn không hề đổi thay, vẫn y chang trước sao sau vậy. Dòng đời vẫn thản nhiên trôi đi, như dòng sông vẫn lặng lẽ trôi, chỉ khác là không có Trinh mà thôi.

Bao nhiêu cô Trinh đã ra đi, bao nhiêu người đã ra đi (đã bỏ nước mà đi hay đã đi về bên kia thế giới) thì “nơi này vẫn thế”, vẫn ngày lại ngày diễn ra những tấn tuồng như thế, vẫn “một ngày như mọi ngày”, nói vắn vè là vẫn “muôn-đời-muôn-kiếp-không-phai”.

“Thằng Bất Quỷ” nói về những chuyện diễn ra trong khu “Xóm Nhà Ma, nơi tụ hội của đám lưu dân sống vô gia cư, chết vô địa táng”,⁽⁴⁾ và số phận cay nghiệt, tình cảnh cùng quẫn của những con người sống trong khu xóm ấy.

Thằng Bất Quỷ là ai? Sao gọi là “bất quỷ”? “Có lẽ quỷ nó siêu đẳng,” CTB nói, “ngang với chỗ vô vi, nên người ta gọi ghép ‘quỷ thần’. Quỷ là chỗ vô ngôn tương, thế mà có người lại đi bắt quỷ được.”⁽⁴⁾

Nghe đầu Thăng Bất Quỷ ngày trước “đậu cử nhân Triết, từng vào chùa tu”.⁽⁴⁾ Thăng Bất Quỷ nhất định phải là tay cao thủ thuộc dạng tinh ma quỷ quái và nội công thâm hậu tới cỡ nào mới dám ra tay “bắt quỷ”, chẳng hạn như có khả năng sáng chế nhiều trò “quỷ thuật”, nói theo ngôn ngữ thời thượng là có “kỹ năng tư duy sáng tạo”.

- Anh làm cái trò gì vậy anh Bất Quỷ?

- Anh làm ăn.

- Nói chi kỳ vậy, nói lại nghe.

Bất Quỷ giảng giải:

- Công việc này anh đang làm ăn phát đạt, nếu được phép anh có thể lập hẳn một Công-Ty-Ăn-Mày. Có thể tạm gọi là AMACO.

Trình lại tưởng Bất Quỷ nói giỡn, nên tùm tùm cười.

- Cười cái gì? Bộ đi ăn mày là nhục lắm sao? Là vui sướng lắm sao? Ăn mày khi đã là một cái nghề thì không là ăn mày nữa. Này, có bông băng, ruột heo, thuốc đỏ. Muốn ăn mày sáng mai lại đây anh hoá trang cho. Em muốn giả đui giả cùi, câm điếc cũng được. Anh có nhiều đệ tử, sáng hoá trang xong, vào thành phố ăn xin. Tùy nghệ thuật xin xỏ, chiều về mỗi đứa nộp cho anh ba nghìn đồng. Đó là thời giá hôm nay, mai mốt có thể tăng lên.

Ngoài Thăng Bất Quỷ, chuyên trị nghề “bắt quỷ”, những người khác trong truyện đều bị “quỷ bắt”.

Như ông Chiêu, người bị quỷ tha ma bắt, hóa thành “quỷ”, chuyên rình rập hút máu, bắt linh hồn những kẻ xấu số khác. Bộ mặt của ông Chiêu, bộ mặt giả nhân giả nghĩa, làm ra vẻ trí thức, nghệ sĩ (thực chất là một “con chồn tinh

quái”), là một trong những bộ mặt tiêu biểu trong cái “Xứ động vật”⁽⁵⁾ ấy.

Như Trinh, người bị ma đưa lối quỷ dẫn đường, “cũng liều nhắm mắt, đưa chân” để biểu diễn một màn triển lãm thân xác theo lời dỗ ngon dỗ ngọt của quỷ.

Như Liệng, chị của Trinh, phải đi bán máu để kiếm chút tiền thuốc thang cho đứa con tám tháng tuổi. Hay như đứa con trai lớn của Liệng, chém người, giựt xe để “kiếm tiền” về cho mẹ.

- *Mẹ yên chí, con sẽ làm rất nhiều tiền.*
- *Sẽ làm gì mà nhiều tiền, con?*
- *Tiếp tục ăn trộm.*

Thằng nhỏ nói là làm. Mừng năm Tết hấn chém người ở xa lộ, giựt xe. Lại vào tù.

“Dù sao hấn vẫn có chỗ êm ấm hơn ở Xóm Nhà Ma,” Trinh tự nghĩ.

“Cùng tắc biển, biển tắc thông”, Kinh Dịch đã dạy như vậy. Trong cảnh cùng quẫn, mọi chuyện đều có thể xảy ra một cách bình thản, tự nhiên.

Nhân vật chính xưng “tôi”, người thuật chuyện, để cho các nhân vật của mình hoặc đi “bắt quỷ”, hoặc bị “quỷ bắt”, riết rồi cũng thành ra bị... quỷ ám. Đôi lúc ta nghe tiếng nói của CTB cất lên, có lúc là lời của Thằng Bắt Quỷ, có khi là lời của Trinh. Tác giả để cho những nhân vật ấy phát ngôn thay cho mình.

Lời Thằng Bắt Quỷ:

- Nghệ thuật phải thật sự phát khởi từ tâm lòng, cho dù u tàng thâm đát, dù sự thật đó toát ra từ bùn đen hay rượu đỏ.

Lời Trinh:

- Là thực hay là ảnh, tôi vẫn là tôi, vẫn phải làm cái điều ngoài ý muốn. Người ta có thể thấy trăng đáy nước đẹp hơn trăng đỉnh trời, nhưng nội dung cái nhìn ấy chính là sự man trá, tự trang trí ảo tưởng cho mình.

Kể ra thì một cô gái thơ ngây, học hết lớp đệ Tứ (tương đương lớp 9 bậc trung học) như Trinh thì khó mà có thể phát biểu những lời trên.

Ồ “Thằng Bất Quỷ” bộc lộ đầy đủ mọi tính cách của con người, thể hiện đầy đủ những “đặc trưng” của “con người mới” trong một xã hội mới: lạnh lùng, luồn lách, mãnh mung, điếm đàng. Tất cả, để có thể sinh tồn, tự vệ, và... vươn lên trong “Xứ động vật”.⁽⁵⁾

Trinh, cô gái có tâm hồn trinh trắng như tên cô vậy, không được trang bị những “đặc trưng” ấy, không hội nhập được vào cái xã hội mới ấy. Cô đứng chơ vơ giữa dòng đời ngược xuôi điên đảo, như những dòng xe gắn máy cuộn cuộn, luồn lách, rượt đuổi nhau, bóp kèn inh ỏi, chạy như điên trên những đường phố. Không có chỗ đứng nào cho Trinh trong xứ sở gồm những con người mới tiên tiến ấy. Hoặc lừa người, hoặc bị người lừa, không có sự lựa chọn nào khác. Không thể đứng ở giữa, lưng chừng, hoặc suy nghĩ đơn giản kiểu “Tôi chẳng làm gì ai thì chẳng ai làm gì tôi”. Ở Trinh là một mảnh hồn bơ vơ không lối thoát trong một đất nước “đổi mới” thời hậu chiến.

Trinh thức tỉnh, nhận ra chân lý ấy khi bàng hoàng trông thấy cái phần thân thể lồ lộ của mình hiện rõ trong tấm gương soi bị nứt một đường dài, rạch hình hài cô làm đôi. Cái lằn nứt ấy phân chia ranh giới giữa “thực và ảnh”, giữa thánh hóa và dung tục. “Phía kia xem Trinh là một thần

tượng, phía này muốn biến Trinh thành ăn mày.”⁽⁴⁾ Cái lần nức ấ ý ném trả Trinh về với hiện thực rỗng không.

CTB không cho biết vì sao mà Trinh chết, vì hồ thẹn, nhục nhã, vì đi tìm một lối thoát cuối cùng, hay vì lý do nào khác. Chỉ nghe ông nói, “Cô Trinh chết giữa sức ép một bên là *Nghệ thuật vị nghệ thuật Cởi Truồng*, bên kia là *Nghệ thuật vị nhân sinh Ăn Mày*.”⁽¹⁾

Dẫu sao cái chết của Trinh, cách này hay cách khác—như kết thúc một tấn thảm kịch—là điều tất yếu không tránh khỏi. Trinh chết là phải thôi. Để cô Trinh chết đi thì dễ chịu hơn là kéo dài một cuộc sống không ra sống, đã vậy lại còn bị bủa vây bởi lũ quỷ ác ôn, man rợ lúc nào cũng rình rập để “bắt” cô.

Đọc “Thằng Bắt Quỷ”, thấy CTB “quỷ quái” thật, nhân vật Thằng Bắt Quỷ có khi là chính ông không chừng. Như vậy thì ông phải đóng một lúc hai vai, người kể chuyện và người chuyên trị “bắt quỷ”. CTB nhập vai Thằng Bắt Quỷ, hay Thằng Bắt Quỷ nhập vào CTB.

“Thằng Bắt Quỷ” là bức tranh bao phủ bởi bầu khí lạnh lẽo, thê lương như Xóm Nhà Ma, như “những vũng nước bên mồ mả phản chiếu ánh trăng non loang loáng”.⁽⁴⁾

1.3. Không có tấm bảng exit nào

Hai cô gái—nhân vật ở hai truyện—tuy ở hai thời điểm lịch sử khác nhau, trong và sau chiến tranh, đều là nạn nhân của những tấn bi kịch diễn ra trên đất nước mình. Truyện trước là thảm kịch về sự phá sản những giá trị luân lý, đạo đức của một nền văn hóa truyền thống. Truyện sau là thảm kịch về sự quản lý, điều hành đất nước tồi tệ của những người chủ mới sau chiến tranh.

Cả hai cô gái đều ở tuổi đôi mươi, tuổi của những năm tháng vẫn được gọi là “tươi đẹp nhất của một đời người”. Từ Dĩ An đến Trinh là một chiều dài lịch sử gần ba mươi năm. Trinh lớn lên khi chiến tranh đã kết thúc, khi đất nước đã sạch bóng quân ngoại nhập.

“Rồi ba mươi năm sau...,” sân khấu chuyển đổi phong màn, chuyển đổi không gian, thời gian, và nhân vật cũng chuyển đổi từ Dĩ An sang Trinh, như trong một vở tuồng cải lương hay thiên trường kịch.

Trong lúc Dĩ An như “một bầu trời đầy giông bão”,⁽³⁾ Trinh lại khác. Sống giữa những bùa vây của giông bão cuộc đời, cô vẫn là cô gái hiền lành, trinh trắng như cái tên của cô.

Dĩ An bỏ học đi làm để nuôi ba em đi học, cha già mẹ yếu; nàng sa đoạ cùng số phận ngoại ô của nàng; sau cùng, tiếng cười chiều tà trong một building đầy gái, hoang loạn, rượu và lính Mỹ.⁽²⁾

Trinh không làm đi như Dĩ An, cô chỉ “làm nghệ thuật cải quần áo” (như cách nói của người dẫn dắt cô đi vào con đường ấy), nhưng cô vẫn bị công an bắt với tội danh là gái bán dâm. Cô không biết rằng “làm nghệ thuật” kiểu ấy hay “làm đi” thì cũng chẳng khác nhau bao nhiêu, hay chỉ khác cái tên gọi.

Dĩ An có một tình yêu thoáng chốc, Trinh chỉ có tình thương yêu của người chị nghèo khổ, của Thăng Bất Quý và của đám “lưu nhân giang hồ”.

Trong “Ngoại ô, Dĩ An và linh hồn tôi” không nói đến quý như trong “Thăng Bất Quý”, nhưng có con quý chiến tranh còn dử dằn, kinh khiếp gấp nhiều lần những dạng quý

thần khác, đã nuốt chửng bao nhiêu sinh linh như là Lân, đã bắt đi bao nhiêu linh hồn như là Dĩ An.

Dĩ An và Trinh đều cùng một thân phận bị đọa đày, đều cùng hứng chịu những cay nghiệt của cuộc sống. Nhiều Dĩ An, nhiều Trinh như thế vẫn đang sống lây lất, vất vưởng ở trong nước, vẫn đang phải đánh đổi thân xác mình để “cải thiện” kinh tế gia đình. Dĩ An và Trinh có khi chỉ là một. Trinh có khi là hóa thân của Dĩ An. Nói khác đi, “Thằng Bất Quỷ” là “Ngoại ô, Dĩ An và linh hồn tôi” nói dài.

Đọc “Ngoại ô, Dĩ An và linh hồn tôi” cũng như “Thằng Bất Quỷ”, thấy lòng buồn rười rượi, thấy đời buồn như những “mộ bia bằng đá ong đen” trong Xóm Nhà Ma, thấy muốn bật ra tiếng khóc rồi cười khan, muốn ngửa mặt lên trời mà than rằng: “Tại sao thân phận nào cũng dai dẳng những đau khổ triền miên, cũng vương lầy nợ nần trả trọn đời không hết.”⁽³⁾

“Thực tại là một giấc mơ kinh hoàng”,⁽³⁾ câu nói ấy của Bích Ty, em gái Dĩ An, quả có đúng cho cả hai truyện.

Đời sống như một bãi tha ma u tịch, mịt mờ âm khí của những linh hồn vật vờ, không siêu thoát được. Không khí chết chóc, ngột ngạt, khó thở ấy đè nặng lên hầu hết những truyện của CTB, đặc biệt ở phần kết của truyện, mang đậm dấu ấn CTB hơn cả. Thử đọc vài câu kết ở một vài truyện khác:

Cớ sao tôi cứ ngồi mong trong bao tháng ngày, mọi người lưu lạc hãy còn đâu đó trên cõi đời? Có bao người trong đáy sâu vực đau, bên bờ nổi chết... Chao ôi, tôi vẫn mong một ly rượu sau những tháng ngày thù hận, chia phôi. (“Hình như còn đâu đó”)

Vẫn là chờ mong và chờ mong. Biết đến bao giờ!?!...

Vợ tôi ôm Bi và vuốt mặt. Chao ôi, như một con người chờ đợi một kẻ thân yêu đang phiêu bạt đầu đó, phải quay về vuốt mặt mới chịu vĩnh viễn Ra Đi.

Bi từ từ nhắm mắt. Nắng cuối đông vàng tênh. (“Giác hồn”)

Có khi là những câu hỏi và câu hỏi chẳng bao giờ có lời giải đáp.

Chao ôi tại sao có những có những thứ hào quang chỉ nên đứng xa mà nhìn, không hề cầm nắm được trong lòng tay? Tại sao lại có một chốn lưu đày dành cho cái đẹp cùng ước mơ? (“Rừng đom đóm”)

Quả đúng như lời anh bạn tôi nói, tôi chịu không tìm thấy tấm bảng *exit* nào ở cuối đường, trong những truyện của CTB.

2. Bản tin thời sự và những tấn bi kịch

Ngày trước tôi có anh bạn, vốn không hứng thú gì lắm đề tài âm nhạc, nghe bạn bè bình phẩm về nhạc Trịnh Công Sơn, anh cũng lừng khừng góp chuyện:

“Nhạc Trịnh Công Sơn là nhạc thời sự.”

“Ý ông muốn nói ‘nhạc thời trang?’” tôi hỏi.

“Không, thời sự. Nhạc thời sự.”

Thấy tôi có vẻ chậm hiểu, anh ta bèn giải thích:

“Thì cứ nghe là biết thôi. Này nhé, ‘*Một ngày mùa đông / trên con đường mòn / một chiếc xe tang / trái mìn nổ chậm /*

người chết hai lần / thịt da nát tan...’ Không phải thời sự là gì?”

Cứ theo cách nói của anh bạn tôi thì những câu hát ấy rất gần với một bản tin thời sự rút ngắn.

Văn CTB, hiểu theo cách ấy, không chừng cũng có thể gọi là “văn thời sự”, tựa tựa như một bản tin hay bài tường thuật của một phóng viên.

Một chiếc khăn tay nhỏ một đô la. Một cuốc xe ngăn một đô la. Nói được một tiếng “Hello”, chỉ được con đường tới xóm bình kang một đô la. Tiền bạc tràn ngập.⁽³⁾

Viết bản tin hay bài tường thuật chỉ là ghi lại những gì mắt thấy tai nghe, có sao ghi vậy, không có nhận xét, ý kiến này nọ, không tả tình tả cảnh chi nhiều. Chuyện như thế nào thì cứ tái hiện lên trang giấy như thế ấy, như thể cuộc sống thế nào thì cứ bày ra như vậy. CTB làm công việc “tường thuật” bằng óc quan sát tinh tế và bằng cái nhìn sắc bén, không bỏ sót chi tiết nào, kể cả những góc cạnh sần sùi, thô nhám nhất, như thể ống kính đặc tả chân dung của nhà nhiếp ảnh chuyên nghiệp. Phía sau ống kính ấy là vẻ mặt tỉnh queo, là đôi mắt ráo hoảnh, là trái tim chai cứng cảm xúc.

Văn phong CTB từ tốn, “thung thà thung thỉnh” như câu kết trong một truyện ngắn của ông, *“Lịch sử từ lâu nhưng bước cho một đám sinh vật bốn chân thung thỉnh đi qua.”* (“Thừa dư”). Chuyện đâu còn đó, chuyện gì tới sẽ tới, không đi đâu mà vội mà vàng. Ngay cả khi ông mô tả những cảnh chết chóc, những nổi thống khổ:

Người mẹ ra đi hơn một giờ sau thì thằng Cu Nhỏ tắt thở.⁽⁴⁾

Câu văn bình thản, như nói về chiếc bong bóng bị nổ, chiếc bánh xe bị xẹp lốp, hay con chó nhỏ bị xe cán. CTB như người có máu lạnh, vô cảm (nhưng người đọc ông thì lại quá mẫn cảm).

Văn CTB là giọng văn cay nghiệt (chữ ông hay dùng), cay nghiệt với cuộc sống, cay nghiệt với chính mình, và cay nghiệt với độc giả nữa. Văn ông thời chiến đã sắc, đã lạnh, thời hậu chiến càng sắc, càng lạnh hơn.

Đọc CTB, như nhấm nháp từng ngụm café đắng nghét. Văn ông gọn ghẽ, cô đọng như những giọt café đặc quẹo nơi xứ sở ông đang sống. CTB tiết kiệm từng lời, dè sẻn từng chữ. Ông không chịu “thừa, dư”⁽⁵⁾ một chữ, không phí phạm thì giờ để tả tình tả cảnh dông dài. Những câu, chữ ngắn, gọn, đến không thể ngắn, gọn hơn.

Lốp-Bơ vẫn đến mỗi tối. Lốp-Bơ cỡ người cao lớn. Ông đeo kính cận, tóc quăn, khuôn mặt đẹp, trông thông minh. Lốp-Bơ yêu thương chị, muốn cưới chị mang về Hoa kỳ. Dĩ An từ chối.⁽³⁾

Đôi lúc thật ngắn, thật gọn như một bức điện tín.

- Ông là kẻ bệnh hoạn. Thôi, chia tay.⁽⁴⁾ Hoặc:

Linh hồn tôi đã lạnh.⁽³⁾

Một câu thơ khác của CTB. Câu thơ nghe “lạnh” và buồn.

Văn chương CTB, trên hết, vẫn là ý tưởng hơn là bút pháp, văn phong. Chữ nghĩa của ông chỉ để tải những ý tưởng. Ông không phải là “nhà văn” của những câu văn hoa mỹ, bóng bẩy, làm duyên làm dáng. Ông không “hành văn” theo nghĩa ấy. Văn ông ngòn ngòn, âm ập những ý tưởng. Nhà văn ở nơi ông là “nhà suy tưởng” (*thinker*).

“Tôi thường nghĩ tới công việc của một nhà điêu khắc,”⁽⁶⁾ CTB từng nói về kỹ thuật viết truyện ngắn. Với lưỡi dao bén ngọt của nhà điêu khắc, với những nét khắc, chạm chắc nịch, ông đã khắc họa nên những nhân vật như Dĩ An, như Trinh, như ông Chiêu, như Thăng Bất Quỷ... thật sắc nét.

Văn CTB như những vết khắc bén, ngọt, vừa đủ sâu, chắc tay, không quá đà.

Trong quán cà phê. Đèn vừa đủ sáng. Nhạc nhẹ.

Một ly cà phê đen. Một bao thuốc lá hiệu Con Mèo. Một ly sữa đá. Cô gái ngại ngần cầm cái thìa khuấy lạnh canh, có lần suýt đổ ly sữa. Người đàn ông rít thuốc. Một hồi chuông chiều từ đâu vọng lại...⁽⁴⁾

Người đọc dễ nghĩ rằng đoạn văn trên là lời dẫn nhập của một màn kịch nào, và hiểu theo nghĩa nào đó thì cũng đúng thôi. Đây là một đoạn trong “Thăng Bất Quỷ”. CTB viết văn như viết kịch. Câu cú thật ngắn, thật gọn, không thừa không thiếu, không màu mè hoa lá cành. “Kịch” là các vai diễn cứ diễn, bằng lời nói, bằng nét mặt, bằng dáng điệu, cử chỉ, và bằng những khoảng trống im lặng. Mọi hoạt cảnh cứ tuần tự diễn ra trên sân khấu.

Thử đọc qua một vài đoạn trong những “kịch bản” của CTB. Sân khấu chuyển sang màn khác, cảnh khác. Có khi là những bày biện, thiết trí trên sàn diễn:

Mãi mười giờ sáng vẫn chưa thấy Trinh tới. Chiêu khắc khoải mong đợi, đi đi lại lại, rít thuốc liên hồi. Căn phòng hôm nay được bày biện lại gọn ghẽ, mỹ thuật hơn. Lọ hoa được thay mới. Rượu đã được đựng trong chiếc bình đựng rượu cổ. Tám gương soi chân dung được đặt ở xéo xéo góc

phòng, trước có một chiếc ghế cao, phủ ở thành ghế là chiếc khăn lớn màu hồng.⁽⁴⁾

Có khi là diễn tiến những động tác, những lời đối thoại của các vai kịch:

Mưa lạnh. Chiều lên. Cô gái bước chậm bên vệ đường, tránh những làn nước bắn ra từ lòng đường, mỗi lần xe qua. Người đàn ông đi theo sau cô. Cô dừng lại ở trạm xe buýt. Người đàn ông cũng tới đó, đứng cạnh cô. Trong lúc chờ xe, người đàn ông gọi chuyện. Ông nói:

- Chào cô.

- Vâng, chào ông.⁽⁴⁾

“Thằng Bết Quỷ” đúng là một vở kịch trên sân khấu cuộc đời, gồm các phân đoạn, phân cảnh có lớp có lang, có các vai chính vai phụ với những tính cách khác biệt. Mỗi vai kịch hoàn thành xuất sắc vai trò của mình, bộc lộ rõ nét tính cách nhân vật. Tất cả, hiện ra trước mắt người đọc một sân khấu, một không gian kịch, những diễn viên và những tình tiết gay cấn, bất ngờ.

Viết kịch thì không đưa tình cảm của người viết vào, không có ý kiến, không có bình phẩm hay lời bàn chi chi cả. Những diễn biến và cách dàn trải trong truyện CTB rất gần với những hoạt cảnh sân khấu. Rất hiếm khi ông phân tích cặn kẽ tâm lý tình cảm hoặc đào sâu suy nghĩ của nhân vật. Lâu lâu ta mới nghe ông tả tình tả cảnh chút chút như để dựng thêm ít phong màn cho vở kịch:

Ngọn đèn pha trên núi Sơn Trà vàng vọt cô đơn. Đêm tối đã bắt đầu trong vùng biển. Gió ngọt xua trên bãi cát vắng.⁽³⁾

Trăng hạ tuần cheo leo, tỏa ánh sáng vàng vọt xuống hàng mù u, trên những ngọn khô, lạnh lẽo nơi những bãi cỏ may tóc mộ... Có tiếng chim đêm đầu đó. ⁽⁴⁾

Thỉnh thoảng tác giả kịch bản cũng nổi hứng nhảy lên sân diễn để diễn chung với các nhân vật của mình. Việc này đôi lúc khá mạo hiểm, mất mạng như chơi, như có lần ông suýt bị các vai diễn của mình giết chết:

- Ai hỏi con Trinh đó? Có phải thằng Chiêu thì giết nó đi.

Tôi rợn người, lùi lại. Chỉ một loáng, quanh tôi đầy người. Có những mũi dao lòi ra, những cây gậy chực có dịp để phang.

Văn “kịch” là văn ngắn, thật ngắn, thật cô đọng.

Ngay lúc đó có tiếng gõ cửa. Nhà chức trách xuất hiện. Nói:

- Cô làm người bán dâm. Cô bị bắt. Ông mua dâm đi theo chúng tôi. ⁽⁴⁾

“Nhà chức trách” là vai phụ, có thể là tay công an phường, chỉ xuất hiện một vài phút, chỉ nói một câu ngắn, nhưng đã đốn ngã cuộc đời Trinh, như một cú “knock-out” thật ngoạn mục ở hiệp chót, ném Trinh xuống hố sâu của thảm kịch, dẫn đến cái chết của cô gái thơ ngây vừa tròn hai mươi tuổi, và cũng đặt dấu chấm hết cho câu chuyện.

Vở kịch kết thúc bằng cảnh Mậu đui chậm rãi cầm lấy cây đàn, dạo lên vài nốt nhạc vu vơ, đờng hăng lấy giọng, hát “*Em ra đi nơi này vẫn thế...*” Màn từ từ hạ trong tiếng hát nghêu ngao và tiếng đàn guitar phùng phùng...

Truyện CTB, là những bi hài kịch thời đại, là những tấn tuồng dở khóc dở cười. Trong cái “bi” phần đến tột cùng vẫn có pha trộn chất “hài” chua cay và thâm thúy.

Không ngạc nhiên biết CTB có máu mê kịch nghệ và từng viết kịch, dựng kịch, diễn kịch từ thuở còn ngồi ghế nhà trường. Bằng thủ pháp cao tay của một nhà biên kịch, ông đã “biên tập” những tấn tuồng, hầu hết là những tấn bi kịch diễn ra trong đời thường. Đôi lúc, khá hiếm hoi, ông cũng dựng những vở hài kịch cười ra nước mắt, “Hình như còn đầu đó”⁽⁵⁾ hay “Thừa dư”⁽⁵⁾ chẳng hạn:

Buổi trình diễn có một màn khá độc đáo, mang chủ đề “Anh em một nhà, chúng ta cùng tiến bước”, do Dư và Thừa thủ diễn.

Dư và Thừa, không ai dùng nạng, cùng dìu nhau lên sân khấu. Hai anh ghép lại thành một, tạo ra một hình nhân đủ cả hai chân nhưng bên trên có hai thân hình, hai cái đầu; đó là chưa kể những chi tiết lật vật như bốn con mắt, hai cái miệng, hai quả tim, hai bộ não, bốn cái hòn... Người nào chủ trương mỗi con người chỉ nên có mỗi cái đầu thì rất khó chịu về hình tượng lắp ghép đa nguyên này.

Thân hình kép đó bước đi trên sân khấu rất dịu dàng, rất nhịp nhàng. Kinh ngạc hơn cho đám khán giả khi Dư đánh đàn guitar, Thừa thổi kèn cầm hòa điệu bài The Longest Day. Ngày dài nhất của Normandie đã qua, nhưng trong âm nhạc, cái nhịp điệu trần gian, ngày dài nhất vẫn còn. (“Thừa dư”)

Người đọc CTB khoái trá vì được ông nói giúp, nói thay những ả ức bị dồn nén lâu ngày, nói nôm na là “gãi đúng chỗ ngứa”. Văn “kịch” của CTB phơi bày một đời sống kịch cợt, giả trá và những con người giả hình.

Người ta nhận ra được, phía sau nhà văn CTB, nhà viết kịch; hơn thế nữa, nhà đạo diễn kịch “tâm cỡ”. Truyện CTB, vì thế, đầy “kịch tính”.



Cung Tích Biên và Dương Nghiễm Mậu
(Buổi tưởng niệm nhà thơ Hoàng Trúc Ly, 12/2013)

3. Nhà văn quý tha ma bắt

Không chỉ khuyên không nên đọc CTB, anh bạn tôi còn gọi CTB là “nhà văn quý ám”. “Nếu không phải ‘quý ám’ thì cũng là quý tha ma bắt,” anh ta nói.

Đúng, sai thế nào, chắc là phải hỏi qua ý kiến của những ai từng đọc CTB. Giả sử có ai đó đề nghị người đọc, chỉ trong một hoặc hai chữ, cho nhận xét và cảm tưởng sau khi đọc CTB, tôi chắc những câu trả lời có thể là (thứ tự ABC...):

- Ác / Bạo / Bịnh / Diểu / Đã / Đau / Đều / Điên / Độc / Ghê / Hận / Khiếp / Kinh / Lạ / Lạnh / Mệt / Ngẫu / Oải / Quạu / Sắc / Sâu / Thảm / Thâm / Thẳng / Thực / Tinh / Tội / Tục / Túc.

- Âm đạm / Ân ức / Bàng hoàng / Bi quan / Bí hiểm / Chán đời / Chết chóc / Dẫn vật / Dữ dội / Dũng dung / Đau xót / Khó thở / Khốn nạn / Ngậm ngùi / Ngán ngẫm / Nhưc nhối / Quỷ quái / Rã rời / Rùng rợn / Tàn bạo / Tàng tàng / Thương tâm / Tiểu lâm / Tội tăm / Tội tình / Trần trụi / Trống rỗng.

Đây là trả lời ngắn. Còn trả lời dài (nói theo lối CTB, có “trả lời ngắn” và “trả lời dài” cho một câu hỏi), có thể là:

- Đọc CTB, thấy khó chịu, thấy tức ngực, thấy nặng nề như có khối đá đè lên ngực.

- Đọc CTB, thấy đời chó má, thấy muốn nguyên rửa, thấy muốn chửi thề.

- Đọc CTB, thấy ngao ngán, thấy bản thân, thấy bãi hoải tay chân.

- Đọc CTB, thấy tê dại, thấy nổi da gà, thấy tim co thắt.

- Đọc CTB, thấy cay mắt, thấy cười ra nước mắt.

- Đọc CTB, thấy... hết muốn đọc.

Tất cả, trộn lẫn vào nhau, cho ra cảm xúc của người đọc văn chương CTB.

Truyện CTB đôi lúc đọc thấy khó hiểu vì là những chuyện “liêu trai tân thời”.

Thế giới trong truyện CTB là thế giới hắt hieu, mờ mờ nhân ảnh. Truyện CTB như chìm đắm trong một không gian âm đạm, như bao phủ bởi một màn sương âm u. Cây cọ CTB có xu hướng nghiêng về những màu sắc tối như tím thẫm, xám ngoét, đỏ bầm... như màu của xác chết, hay “màu hoàng hôn rắng chiều đỏ máu”.⁽²⁾

Thế giới trong truyện CTB là thế giới băng đảng của âm binh. Truyện CTB ngai ngái, lung lung (chữ của CTB) mùi

âm khí. Hầu như truyện nào của ông cũng chập chờn bóng dáng quỷ thần, cũng lẫn khuất lữ quỷ vô hình vô tướng. Có khi người hóa thành quỷ, có khi quỷ giả dạng người. Quỷ và người chung sống với nhau. Bầy ngạ quỷ ác ôn, nhảy nhót, múa may chờn vờn bên cạnh những người sống, vây quanh những xác chết.

Truyện CTB là truyện “xác chết loạn giang hồ”. Hầu như không truyện nào mà không có thầy ma, xác chết. Có truyện không phải một mà có đến mấy xác chết. Có xác chết người cha già được tô màu, phấn son kỹ lưỡng, đặt nằm trong lồng kính như trong “Nhạc điệu của bầy ong”. Có xác chết người mẹ già trong hang đá lạnh lẽo nơi hoang đảo như trong “Qua sông”. Có xác chết nhào nhoẹt của người vợ chết trôi trong “Kẻ ngoại lai”. Có xác chết nằm dưới mồ được bươi bới lên để xem cho rõ mặt mày như trong “Nghiep chưa hề an nghỉ”. Có xác chết đi rồi sống lại, lồm cồm ngồi dậy trong quan tài như trong “Dị mộng”. Có xác người cha được đưa con lạnh lùng vung mã tấu chặt đầu sau khi ban “lệnh hành quyết” như trong “Bạch hóa”. Có xác người vợ được người chồng phanh da xẻ thịt, tháo rời từng bộ phận, “chọc cho hết huyết trong người” như trong “Xử động vật vào ngôi”. Có xác bị đâm đông xúm lại đập hội đồng thành đồng thịt toi tả bầy nhầy như trong “Xử động vật mưa hồng”...

Hiếm có nhà văn nào “giết” nhân vật của mình nhiều như CTB, giết thoải mái, giết không chùn tay, không thương tiếc. Không thiếu kiểu giết chóc nào trong truyện CTB, từ những pha thanh toán đẫm máu giữa những tay anh chị trong chốn giang hồ đến những pha bắn giết lạnh lùng, tàn bạo như những tay sát thủ trong phim *gangster*:

Gấu Chúa thọc thẳng lưỡi dao vào cần cổ Đại ca, ngoáy mạnh một cái, kỹ thuật dứt khí quản cổ gà khi cắt tiết, là xong. Ngoẻo. Hấn đặt cái dao nằm cạnh Đại ca. Cởi áo khoác đắp lên thi hài kẻ đã bị chính hấn thọt. (“Đêm hoang tưởng”)

Bỗng ông sĩ quan viễn chinh xuất hiện ngay bậc cửa. Cô gái thả người chú ra, và nói:

- Chồng cháu đó. Anh không biết nói tiếng Việt.

Giọng cô khá nhẹ nhàng, thân ái. Nhưng liền đó, người viễn chinh nhấc ngang mũi súng, khuôn mặt lạnh lùng. Và, một loạt đạn nổ giòn. Nổ thẳng vào người cô gái và người chú già nua. (“Kẻ ngoại lai”)

Có những cảnh giết chóc được mô tả cận kề đến từng chi tiết, hơn cả phim kinh dị:

Bây giờ người đàn ông khởi đầu cuộc tháo rời một con người. Ông ta phập một ngọn dao thẳng, nhanh, vào ngực, nạn nhân gục ngay... Người đàn ông bé xác người phụ nữ từng ôm nựng hôn hít làm tình đặt trên chiếc giường sạch sẽ. Ông ta hôn lên xác người... Người đàn ông vừa cười vừa cắt khoanh vòng cái cần cổ người phụ nữ ốm nhỏ, trắng màu da thiếu máu. Những ống thực quản khí quản chòi lòi... Ông làm rất chậm, bình thản như anh thợ sửa xe rã từng phần chiếc xe trước khi làm máy...

Mỗi phần người được đặt mỗi nơi trong phòng. Ông gói một vài vật thọt nhỏ như các ngón tay, hai đầu núm vú, hai con mắt, đặt trong cái tủ gỗ trước đó bọn chợ trời chê không mua, vì tủ đã hư mục...

Trên nền nhà là chùng vài chục cái bao nhỏ, loại vải bố. Người đàn ông bỏ mỗi phần người vào mỗi bao. Bao có hai

cánh tay. Bao đựng cái đầu. Bao vú ngực - hai núm vú đã ủ trong tú. Bao lườn bụng phèo ruột. Hai bắp vế được cắt rời khỏi cẳng chân. Cẳng chân trái và bắp vế phải nằm chung một bao, và ngược lại. (“Xử động vật vào ngôi”)

Chết đủ kiểu. Chết lành, chết dữ. Chết đẹp, chết bạo. Chết từ tốn, chết trở tay không kịp. Chết tàn khóc, chết độc địa, chết ngang tàng, chết không giống ai. Có xác chết buồn bã, có xác chết tươi tỉnh. Có người lấy chết làm vui, có kẻ *enjoy* những “bữa tiệc máu”.

Chết là nỗi ám ảnh hay là một triết lý? Thử nghe CTB “tản mạn” về cái chết:

Sống nơi này Sống cách nào cũng là một cách Chết. (“Xử động vật vào ngôi”)

Chết là “*món quà tặng không phát lần thứ hai*”.⁽¹⁾

Trong một chế độ mà người Sống nơi này phải im re như gõ đá thì chế độ ấy phải nhận hậu quả từ đồng loạt những cái Chết phát biểu.⁽¹⁾

Chết, như thế, là một cách phát biểu. Người sống “*không lên tiếng được thì nhờ cái Chết lên tiếng*”.⁽¹⁾

Người chết là vậy, người sống trong truyện CTB cũng chẳng khá gì hơn, cũng chỉ là những xác chết chưa chôn, cũng sống dở chết dở, sống không ra sống, chết không ra chết, như những Dĩ An, những Trinh...

Từ những nghiên ngẫm về cái chết cho đến việc thể hiện những cảnh giết chóc ngoạn mục, CTB “có khả năng” bị ma nhập, quỷ ám chứ không phải chơi.

Không “quỷ ám” mà lại dựng truyện ông Chiêu chịu chi đẹp để dụ dỗ Trinh “bày hàng” (gọi là “làm nghệ thuật cõi

quần áo”), lại còn bày đặt tán tụng “Cô là hình bóng của cứu rỗi”, là thánh nữ, là thần tượng (“thần tượng” mà đôi nhãn rãng, suýt phải đi ăn mày, đi bán trôn để nuôi miệng). Ông Chiêu là một dạng quỷ sứ đội lột thầy tu, là con người giả trá, đều cẳng, bệnh hoạn, nhưng làm ra tuồng nhân nghĩa, trí thức, hào phóng.

Không “quỷ ám” mà phát ngôn khơi khơi thế này:

- *Một nước có thể có hai anh hùng nhưng trong nhà hai chị em không nên làm dĩ cả hai, mày hiểu chưa?*⁽³⁾

Ít thấy ai ví von kiêu ấy, người hùng đi với ma cô, dĩ dĩm.

Không “quỷ ám” mà hạ bút viết những câu đối thoại như thế này:

- *Tao “ăn” cái nước rửa của người mày đây Trinh ơi.*⁽⁴⁾

- *Tớ biết trong cái tô cháo tanh loãng này có máu kinh nguyệt của đàn bà. Ta đang nhâm nhi kinh nguyệt.* (“Xử động vật vào ngôi”)

CTB trộn lẫn, nhào nặn thanh khiết với tục tằn (như cuộc sống luôn luôn có hai mặt).

“Văn chương tôi là *văn chương kinh nguyệt*. Một loại máu đi ra từ cơ thể Mẹ... *Văn chương kinh nguyệt* là thứ văn chương cam uất, hóa mình tẩy rửa, để sau đó cru mang tinh hoa truyền đời qua trứng.”⁽¹⁾

Văn chương kinh nguyệt ấy cũng tràn vào những dòng thơ CTB. Đôi lúc ngẫu hứng CTB quay ra làm thơ. Từ những câu lục bát mượt mà...

*Từ hôm Em đến Tiên Đường
nước thiên thu, vẫn một dòng buồn tênh* (Nhớ Kiều)

đến những câu thơ ngai ngái, lung lung “mùi của gió mùa”.⁽⁵⁾

*Trời đang mưa
có bao giờ mưa kinh nguyệt.
Nhưng tiếng đàn bờ cò lối thơ
đã rẩy màu
Kinh và Nguyệt (“Xứ động vật vào ngôi”)*

CTB viết khỏe, viết bạo, viết cực nhanh, viết như bị quỷ ám. “Ngôi vào trước máy chữ–bây giờ là máy vi tính–hít thở mạnh, là nhập hồn. Mỗi lần tôi nhập hồn bên máy vi tính thì coi như tôi ‘chết’ rồi,”⁽²⁾ ông nói.

CTB viết như cào rách mặt giấy, viết như ném những cảm xúc bùng bùng lên trang chữ, như người họa sĩ ném tới tấp những tảng màu lên khung bố, như người nhạc sĩ nện thành thành những nắm tay lên bàn phím dương cầm, như người võ sĩ nện bình bịch những nắm đấm cắm hờn lên bao cát.

Đọc CTB riết có khi bị quỷ ám lúc nào không hay.

3.1. “*Ai tỉnh, ai điên*”⁽⁷⁾

Một trong những thủ pháp của nhà văn có bản lĩnh là cách xây dựng nhân vật truyện. Nhân vật phải “sống”; hơn thế nữa, phải “sống” trong người đọc về lâu về dài. Ở CTB, mỗi nhân vật là mỗi nhân dáng, mỗi tính cách khác biệt, không trùng lặp, vai nào ra vai nấy, từ vai chính đến các vai phụ. Vai chính thì không phải bàn, vì không “sống” được thì truyện cũng không sống nổi. Vai phụ của CTB xuất hiện khi cần thiết, đúng lúc, đúng chỗ. Xong, biến đi, nhường chỗ cho vai khác.

Như vai Lâm, em trai của Dĩ An trong “Ngoại ô, Dĩ An, và linh hồn tôi”:

Lâm từ quân trường viết thư về bảo tôi tìm cách giết chị Dĩ An đi. Tôi đọc thư bằng nước mắt.

Cũng vai Lâm:

- Chị Bích Ty ạ, Dĩ An mà chết đi chắc chúng ta phải ân hận suốt đời.

Tôi nghe câu nói của Lâm như nghe điệu buồn vô tận.

Cũng lại vai Lâm:

- Em van chị, đừng làm em buồn.

Nói xong Lâm quay mặt đi, giấu những giọt nước mắt lăn trên má. Đứa em ngang tàng của tôi hôm nay trở về chứng kiến sự tang tóc của gia đình.

Rồi Lâm lên đường. Người lính trẻ tìm cuộc hành trình riêng cho mình.

Chàng thanh niên ấy làm lui đi vào cuộc chiến mang theo nỗi đau của quê hương rách nát hòa lẫn nỗi đau của riêng mình.

Hoặc như vai Mậu Đui (đui, nhưng “sáng mắt sáng lòng” gặp nhiều lần những kẻ có hai mắt mà như đui) trong “Thằng Bắt Quỷ”. Mậu Đui chỉ xuất hiện ở màn cuối vở bi hài kịch, ôm đàn cát cao tiếng hát trong đêm thanh vắng dưới “vàng trăng mọc cheo leo”⁽⁴⁾, khi sương khuya ướt đẫm nhà mồ, bên ngôi mộ của Trinh và giữa đám cái bang đệ tử của Thằng Bắt Quỷ.

Đọc CTB, lắm khi bắt được những chi tiết khá thú vị. Có khi là cái nhìn sắc bén và giác quan tinh tế của nhà văn, như trong “Thằng Bắt Quỷ”:

“Đến trong tia nắng cũng mang một tiếng thở dài”.⁽⁴⁾

“Chiêu như một bóng quạ lớn xăm xăm đi tới”.⁽⁴⁾

Có nhiều “quạ” như thế trong truyện CTB. Quạ rình rập chực bắt gà con ngây thơ như Trinh.

“Trinh ngồi sau yên xe, nghe mùi tóc của Chiêu như mùi một bụi tre già”.⁽⁴⁾

Cái “mùi một bụi tre già” ấy phả ra từ cơ thể một người đàn ông luống tuổi, nhiều phần không phải là mùi dễ chịu.

Có khi là những chữ và nghĩa mới mẻ đến lạ lùng, như cách gọi của CTB, “những vì sao lạ trong ngôn ngữ”.⁽⁶⁾ “Những vì sao lạ” khi ẩn khi hiện, tìm thấy rải rác trong bất cứ truyện nào. Cũng “Thằng Bất Quỷ”:

“Vàng trắng mọc cheo leo”

“Những suy nghĩ nát vụn”

“Bầu trời đầy mây khô và đen, như ung bươu lang thang”

“Tất cả toát ra một tiếng sét hoang đường”

“Phải chăng nhật nguyệt phai màu, âm dương thượng hạ bất phân”

“Trước mặt Trinh, Bất Quỷ là một đấng Thần-Linh-Xuống-Cấp”

“Nghệ thuật phải thật sự phát khởi từ tấm lòng, cho dù u tàng thâm đất”

“Phút giây ngắn ngủi đó trở thành miên trường”...

Chữ “miên trường” của “trung niên thy sỹ” Bùi Giáng không dễ hiểu chút nào nên ít ai dám xài, CTB thì... chơi luôn. Nhà văn có vẻ chịu cái điên và “thơ điên” của Bùi Giáng.

Điên chơi cho bớt điên đầu

Điên đầu cho bớt điên rầu rĩ chơi

“Điên chơi” chứ không điên thiệt. Điên để giải phóng đầu óc. Người điên, ta cũng điên.

*Gặp người tôi tưởng người điên
Gặp tôi tôi tưởng tôi điên như người*

CTB không giấu vẻ ngưỡng phục Bùi Giáng. “Sức điên, sức rong chơi, sức đọc, sức làm việc của Bùi Giáng là vô cùng tận,” ông nói. “Bùi Giáng giàu ngôn ngữ như cát bãi biển. Mỗi chữ lại ẩn tàng nhiều mặt biểu hiện, đa dung mạo, đa nội lực.”⁽⁸⁾ Ông gọi Bùi Giáng là “Tề thiên ngôn ngữ”.

Chữ nghĩa CTB lắm lúc cũng “lóc cóc tiên sinh” không khác chi văn chương Bùi Giáng.

“Không có mấu chốt nào cả khi cái Mới phủ nhận ngay cái Chưa-qua. Không hề có cái Đứng-yên, trong văn chương nghệ thuật, khi bao tư trào lưu cháy nổi lửa sóng cuông cổ điển hiện đại tiền hậu tân cựu nội ngoại tâm diện được mau chóng nhận diện tức tốc hình thành tức tốc ảnh hưởng phủ trùm rồi chớp nhoáng chui vào cửa hầm quá khứ.”⁽²⁾

CTB, ông có “điên” không? Tôi nghĩ là không (hoặc nếu có điên, tôi chắc ông phải điên kiểu khác chứ không như Bùi Giáng). Ông tinh táo hơn ai hết. Tinh như sáo. Phải hết sức tinh táo mới viết được tinh rụi, tinh queo như thế.

Ông không điên đâu, mặc dầu nơi ông đang sống ai cũng dễ “dở điên dở khùng”, và khó mà biết được đích xác ai sáng, ai mù, “Ai tinh, ai điên” (tên một truyện dài trước 1975 của CTB). Nhiều lắm ông chỉ đôi lúc “điên chơi cho bớt điên đâu” thôi.

“Tôi có một kho tàng sống qua mấy thời kỳ. Chỗ giáp ranh của thực hư, chính tà. Nửa tỉnh nửa điên.”⁽²⁾

Ông “điên chơi” mà rất “tĩnh”. Ông chỉ “điên” nếu không viết xuống được những dồn nén, chật ních ở trong đầu.

“Không viết thì tôi điên. Tôi viết nhiều, viết mịt mù. Tôi phải có chỗ mà trải ra chớ.”⁽²⁾

Cái chỗ nhà văn “trải ra” ấy làm nên cõi văn chương “mịt mù” CTB. Trong đó, là những nhào lộn của chữ và nghĩa, những pha trộn giữa thực và hư, giữa tĩnh và điên, tựa như đời sống ấy, những tình tiết, những nhân vật ấy vừa có thật lại vừa không có thật. Bước vào cõi văn chương ấy là bước vào thế giới kỳ bí, chưa hề có dấu chân người, như thực như mơ, như ngọn đèn hắt hiu leo lét, như ánh nền lung linh chập chờn.

CTB viết văn như người làm trò quỷ thuật.

Đọc CTB riết cũng muốn “điên đầu” thiệt chứ không phải chơi.

3.2. Nhà viết truyện tiểu lâm thời đại

Lịch sử từ lâu nhường bước cho một đám sinh vật bốn chân thủng thỉnh đi qua. (“Thừa dư”)

Đọc “sinh vật bốn chân” thì còn ngờ ngờ, nhưng đọc tới “thủng thỉnh đi qua” thì không còn chỗ nào ngờ vực nữa.

CTB có máu khô hài lạnh. Ông viết truyện như người kể chuyện tiểu lâm, những chuyện tiểu lâm siêu thực. Ai muốn hiểu sao thì hiểu. Ai hiểu thì cười, ai không hiểu thì không cười. Ai cười thì cười, mặt mũi ông vẫn lạnh như tiền.

Đọc truyện CTB cần đọc kỹ, thật kỹ, để “bắt” được, hay để “phát hiện” (từ ngữ ở trong nước) những chuyện “tiểu

lâm” ẩn tàng trong mỗi truyện. Có khi cả cái truyện là câu chuyện tiểu lâm thời đại.

Đọc truyện CTB là luôn phải “đề cao cảnh giác”. “Ý đồ” gì đây? Có gì lấp lửng, chập chờn, ẩn nấp giữa những trang chữ, những hàng chữ. Truyện CTB cần đọc “*between the lines*” và “*behind the lines*”, cần đọc ngược, đọc xuôi, cần đào xới, lật tung các câu, chữ lên để lục soát kỹ càng, kiểm tra cẩn thận xem có gì lẫn khuất phía sau những ngôn từ ấy.

Đọc truyện CTB là tập trung tư tưởng để tham dự vào trò chơi “đố vui để học”. Nhà văn “dziết dzậy mà hong phải dzậy”. Người đọc tự đặt ra những câu hỏi và tự tìm ra câu trả lời.

Đọc truyện CTB là đọc đi rồi đọc lại. Đọc lần đầu chưa “thấy” thì đọc lần thứ hai, thứ ba... tới khi thấy hiện ra lần lần, rồi... bật ra tràng cười sáng khoái vì câu “chuyện ‘tểu lâm’ CTB”.

Tôi đã và vẫn đang đọc truyện CTB theo lối ấy. Đọc một lần, cười mỉm mỉm, rồi để đó. Lúc rảnh rảnh, buồn buồn, đọc lại. Mỗi lần đọc lại, “phát hiện” thêm điểm sáng bất ngờ, cười sằng sặc. Truyện CTB làm như lúc nào cũng “mới”.

Ngày xưa tôi từng “châm” CTB là một trong những tác giả viết truyện thời chiến hay nhất, ngày nay lại phải thêm rằng, “truyện thời bình” của CTB ít có ai viết hay hơn. Truyện CTB là bức tranh hí họa phản ánh rõ nét “hiện tình đất nước”. Nhà văn CTB còn là “nhà kể chuyện tiểu lâm có đẳng cấp”. Những chuyện khôi hài đen của CTB thường là “chuyện cảm cười”. Thử đọc bất kỳ một “truyện ngắn tự chọn” nào của CTB cũng thấy được cái phong cách tiểu lâm rất “Cung Tích Biền” ấy. “Rừng đom đóm”⁽⁵⁾ chẳng hạn. Chuyện kể một anh chồng thuê người sơn phết, tô son điểm

phần cho cái xác chết của vợ mình, và đòi phải chơi toàn “màu hồng”. Môi hồng, má hồng, móng tay móng chân tất cả đều phải tô hồng.

- Đẹp đẽ gì khi đã nằm thẳng cẳng trong quan tài!

Người đưa ra câu bình phẩm ấy nhận được lời giải thích:

- Vua Chúa vẫn thường kẻ mắt vẽ mày cho người thân yêu trước khi tẩm liệm. Họ muốn người chết nằm đó để người sống nhờ oai linh.

Chưa hết, anh chồng trong truyện ấy có một biệt tài: giả lé.

Mạnh có một kỹ năng kỳ lạ là đột ngột trợn ngược con mắt, tức thì đảo cái lòng đen vào mí mắt. Lúc ấy một mắt của Mạnh chỉ toàn lòng trắng, trông dễ sợ. Mạnh có thể lé-tự-do như thế hằng giờ... Ở chốn đấu tranh, thực tình người ta rất sợ anh lé. Có thể rõ ràng anh ta đang nhìn thẳng vào mặt bạn nhưng lại đối thoại với kẻ khác. Nghĩa là anh ta rất thực tình để công hiến một sự dối trá.

“Rất thực tình để công hiến một sự dối trá” (được hiểu là “dối trá một cách thành thực”), còn lời nào chính xác hơn? Chưa hết, CTB kể tiếp:

Tôi tìm tới Mạnh học “giả lé”... Suốt một tuần lễ, theo lời chỉ giáo của Mạnh, trước tấm gương soi, tôi trợn trừng sưng cả mắt, vẹo cả đầu, sái quai hàm, cứng đờ cần cổ mà không tài nào lé được như Mạnh. Tôi than phiền. Mạnh nói: “Như vậy là cậu chưa định thần được. Trước tiên cậu phải lé-tư-tưởng, sau mới lé-thể-chất. Không hiểu biện chứng là tư tưởng chỉ đạo hành động à?”...

Tôi hiểu, ngoài tính ác, cái gian, Mạnh còn giàu ảo tưởng. Đúng hơn, Mạnh chế ngự người khác bằng cách

thánh hóa những điều ngu dốt của mình; dần dà Mạnh quen với sự lộn ngược đó.

“Chế ngự người khác bằng cách thánh hóa những điều ngu dốt của mình”, còn lời nào chính xác hơn? Vẫn chưa hết, CTB kể tiếp:

Con cái Mạnh rất kháu khỉnh, nhưng lạ thay, một trong ba cháu, Hà Yên, có một đôi mắt làm sao ấy. Lúc chào, một con mắt Hà Yên nhìn thẳng vào tôi, còn con mắt kia rõ ràng là nhìn ra hiên ngoài. Độ nhìn hai mắt ánh lên khác nhau; một con rất thực rành đời, còn thị lực con kia mơ màng, như mơ nghĩ một tiền kiếp nào đó. Vì vậy mà khuôn mặt trẻ thơ của cháu dường như có sự phân ly giữa ảo và thật, con mơ hoang vật vờ đang trôi nổi trên một tương lai sẽ tới.

Tôi suy nghĩ mãi về khuôn mặt Hà Yên. Thế đó, một đời cha lấy-giả-làm-thật; một đời con có cái thật đó mà mãi mãi khó hoàn chỉnh. Lộng giả thành chân.

“Lấy-giả-làm-thật”, “lộng giả thành chân”, chẳng biết đâu là thực là ảo, là thiện là ác. Vẫn chưa hết, cũng anh chồng ấy đóng vai ông bố giáo dục con cái:

Mạnh phán: “... Tao rộng lòng tặng luôn chúng mày cả một bầu khí quyển. Tao có bắt buộc chúng mày phải thở hít theo kiểu nào đâu. Tha hồ thở. Nhưng sống thì phải ở dưới quyền tao.” Nghĩa là Mạnh tặng những thứ rỗng không nhưng rất đắt chỉ ở chỗ trừu tượng đó.

“Tha hồ thở”, cũng tựa như tự do... lé. Cái quyền tự do quý báu mà anh chồng được thừa hưởng trong một đất nước tự-do-hạnh-phúc là tự do lé. Anh chàng tha hồ triển lãm quyền tự do phơi phới của mình cho bà con cô bác thưởng

ngoạn mà không hề bị cảm cản. Đây cũng là những thời khắc hiểm hoai mà anh ta có thể *enjoy* quyền làm người của mình.

Người đọc sẽ tự đi tìm câu trả lời cho những câu hỏi “đồ vui để học”: “Anh chồng ấy là ai?”, “Đứa con ấy là ai?”, “Cái xác chết ấy là của ai?”... và sau hết, “Cái tên truyện ấy mang ý nghĩa gì?” (Người ra câu đố có thể cho cái *hint* để mách nước: “Người ta hay nói ‘đom đóm...’ làm sao?”... “Đúng rồi! ‘Đom đóm lập lòe.’”).

Có vẻ CTB luôn muốn khai phá, muốn tìm kiếm những thử nghiệm mới mẻ trong cách viết. Thế giới trong truyện CTB ngày càng thâm u như khu rừng nhiệt đới. Tôi không chắc liệu những truyện của ông về sau này (với những huyền hóa, huyền hoặc, những ẩn ngữ, ẩn dụ, ẩn tàng, ẩn mật... mà không chắc ai cũng giải mã được) có “hút” độc giả bằng những truyện ngày trước. Nếu ngày trước Võ Hồng—một trong vài nhà văn viết truyện ngắn hay nhất ở miền Nam—nói rằng ông rất chịu văn CTB, thì ngày nay Vũ Hạnh, ông thầy dạy mấy-giờ-Việt-văn của CTB lại nói khác: “Cái thằng sĩ quan Ngụy này dựng hình tượng ẩn dụ phủ nhận hiện thực quang vinh, để chống Đảng ta.”⁽¹⁾ Phê phán cái tên truyện “Vỡ hoang trước bình minh” của CTB, thầy giáo Vũ Hạnh châm biếm, “Cung Tích Biền là một *hoàng hôn*, một chút hơi tàn phản động của văn học ngụy quân ngụy quyền rơi sót, chứ *bình minh* nổi gì.”⁽¹⁾

(Cái gì chứ gọi CTB là “một hoàng hôn” thì tôi hoàn toàn “nhất trí”. CTB, trong buổi hoàng hôn của đời người, ông đã mày mò để cho ra đời những kiệt tác, những bức họa nhuốm “màu hoàng hôn rắng chiều đỏ máu”⁽²⁾, vẽ ra buổi hoàng hôn của một thế giới đang lụi tàn).

Không rõ nguồn cơn nào khiến thầy giáo Vũ Hạnh lại tỏ ra hằn học với CTB đến thế (trong lúc môn sinh CTB thì vẫn một mực tôn kính ông thầy, “Dù nửa chữ, tôi vẫn luôn gọi ông là Thầy”⁽¹⁾), chả nhẽ chỉ vì cái bút lực của tay “học trò” mấy-giờ-Việt-văn ngày nào nay đã đạt mức cao diệu đến “bóp kèn qua mặt” cả ông thầy. Tôi tin là CTB ít nhiều đã “vận dụng một cách sáng tạo” thủ pháp văn chương của tác giả “Bút máu”; hơn thế nữa, lại còn vượt xa hơn, táo bạo hơn, độc địa hơn (như một phương cách “dĩ độc trị độc” và “gây ông đập lưng ông”) qua những câu chuyện tiêu lâm thời đại ấy.

Người đọc tìm đến văn chương CTB một phần cũng do bị hấp dẫn bởi nghệ thuật trào lộng đến cười ra nước mắt của ông.

4. Mênh mông những bến bờ

CTB ở lại trong nước, có khi mà lại hay. Ra nước ngoài, biết ông có còn sung sức hoặc còn hứng thú để mà “hành nghiệp” (chữ của CTB), hay lại cũng đến như phần lớn các nhà-văn-trước-75, ở nhà thì còn viết lách này nọ, ra ngoài là thôi, chẳng viết gì thêm được, hoặc có “viết” cũng chẳng “đọc” được.

Nhiều truyện ngày trước đọc thấy hay, thấy thích, nay đọc lại không thấy hay nữa hoặc kém hay (vì thời thế đã khác, vì cảm quan về thẩm mỹ, về giá trị văn học đã khác, hoặc vì trình độ nhận thức, thưởng thức của người đọc đã được “nâng cấp”). Thời gian luôn là thử thách, là thước đo, là sàng lọc cho những tác phẩm văn học và nghệ thuật.

Những sách, truyện của các tác giả tên tuổi ở miền Nam Việt Nam trước năm 1975 bị cấm đoán hoặc tái bản rất hạn

chế ở trong nước, giả dụ nay được phép lưu hành, trừ một số ít, tôi không chắc sẽ được nhiều người tìm đọc, vì thời thế đã thay đổi và lòng người cũng đổi thay. Người đọc bây giờ đọc những cái khác, những tác phẩm ấy không còn “hợp thời trang” nữa. Chỗ tương đối thích hợp cho những tác phẩm ấy là những kệ “sách tham khảo” trong các thư viện, cho những ai có nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu.

Truyện CTB trước 1975, nếu có được tái bản, ngoài những tác phẩm “cùng chung số phận”, tôi tin là ít truyện trong số ấy vẫn được người đọc “chiếu cố”, và đọc lại vẫn thấy “thấm”. Hơn thế nữa, ông có cái lợi thế hơn các nhà-văn-trước-75 ở miền Nam là vẫn còn viết được và vẫn có độc giả. Người “chịu” văn ông, sẽ quay lại tìm đọc những gì ông viết ngày trước để xem... ông viết cái gì. Không rõ ông còn viết được tới khi nào, có điều hiếm thấy nhà-văn-trước-75 nào hiện sống trong nước vẫn còn viết được ngon lành như ông.

CTB không phải là tác giả có số lượng đông đảo người đọc. Có người thích đọc ông; có người không thích đọc, vì... mệt óc. Có người thích truyện này, có người thích truyện khác. Được cái là ông có một đối tượng độc giả nhất định và chọn lọc ở trong và ngoài nước. Những ai thích đọc ông ngày trước, ngày nay vẫn muốn tìm đọc ông. Số lượng độc giả này không mất đi, trong lúc ông lại có thêm lớp độc giả mới. Chỉ hiếm một nổi, những tác phẩm của CTB có vẻ ít được phổ biến rộng rãi, đôi lúc thấy xuất hiện đâu đó ở “diện bán chính thức” vì những lý do này nọ. Và đường như tác giả cũng chẳng bận tâm lắm về điều này.

“Đúng, tôi là một nhà văn Độc Lập. Nói cho chính xác tôi *tự cô lập* bằng cách sống ẩn mình, và thành tâm đoạn tuyệt

những mối quan hệ không cần thiết, trong hòa đồng xã hội. Tôi chú mục giữ cái *vị thế cô đơn* để trọn vẹn cuộc Hành Nghiệp.” Những lời giải bày ấy đọc thấy trong loạt bài phỏng vấn nhà văn.⁽¹⁾

Cái “Nghiệp” (chắc là nghiệp... chướng) ấy chắc phải khá nặng chứ không phải chơi.

“Từ trước 1975, tôi không gia nhập hội Văn Bút của Việt Nam Cộng Hòa... Sau 1975, tôi chưa hề là hội viên bất cứ hội nhà văn nào từ địa phương đến trung ương, mặc dù có lúc tôi được vận động để vào Hội.”⁽¹⁾ CTB hơn một lần giải thích về chuyện “độc lập” và “tự cô lập” của ông, một nhà văn không giống ai, và... không ai giống.

“Sống ẩn mình” và “tự cô lập” giữa trùng trùng vây bủa của cuộc sống cay nghiệt, đây là cách thế mà ông chọn lựa để sống, để tồn tại và để có thể tiếp tục viết. Liệu cái “vị thế cô đơn” đến tận cùng sâu thẳm ấy có giúp ông đi trọn đường trần của “cuộc Hành Nghiệp”? CTB, ông thật cô đơn biết chừng nào. Ông thật cô đơn giữa đám đông “lô nhô loài người”, giữa anh em bầu bạn, giữa những người thân kẻ lạ, tưởng như thế gian này chỉ “còn ta với ta”.

“Viết, với tôi, là vừa giải cứu vừa tự hủy,”⁽¹⁾ ông có lần bộc bạch. “Giải cứu” thì còn hiểu được, nhưng sao lại “tự hủy” mà không phải là cứu rỗi, là tìm sự “bình an trong tâm hồn”? Viết là đi tìm sự giải thoát, là tìm một *exit*; thế nhưng, truyện của ông thì chẳng có lấy một... *exit* nào. Nhà văn lại quay về khởi điểm, quay về cái vòng loanh quanh luẩn quẩn.

Đã có người đặt câu hỏi với nhà văn:

- Anh viết văn bằng gì?

Nhà văn cần trọng và trâm tĩnh. Vì câu hỏi, trong suy nghĩ của nhà văn, nó không gọi ra hình tượng của viết và mực, của máy đánh chữ, hay cái laptop. Không phải là Viết, mà là tra vấn cái Viết Văn. Không là cái phương tiện hành động mà truy tìm cái uyên nguyên, cái ngẫu nhĩ tương phùng giữa mộng và thực. Nên câu trả lời sẽ có khi treo móc vào khoảng trống. Nhà văn nói:

- Bằng thế giới ảo.

- Vậy hôm nay là ngày mồng tám Tết, có bọn trẻ nhỏ áo mới đùa vui, có cơn mưa xuân đổ ở xa xa kia ngoài khung cửa kia, có là ảo?

- Nơi mỗi tâm thức. Có thể đó là cái có thực trong một Xứ Sở luôn Mùa Đông. (“Mùa xuân cô mơ bay”)

“Thế giới ảo” là thế giới rỗng, là thế giới chấp chờn giữa mộng và thực. Viết văn bằng thế giới ảo là chuyện không tưởng, là viết vào khoảng trống, là phù phiếm và vô nghĩa, như lời đối đáp giữa nhà văn và Thăng Bất Quỷ:

- Anh viết truyện làm chi? Đăng đâu? Nghĩa lý gì chỗ vẽ rần thêm chân khi thế gian đang biến thành nước thành lửa cả rồi.

Nhà văn trả lời:

- Ta muốn biến Nước - Lửa thành Lời.

“Biến Nước - Lửa thành Lời”, nghe như chuyện phù phép, mộng mị. Cuộc hành nghiệp (hay “hành hiệp”) của người cầm bút CTB có vẻ không dễ dàng chút nào.

Bất Quỷ cười, nói:

- Tao ía vào bất cứ gì gọi là ngôn với ngữ. Thấy sóng đó không? Hữu âm vô ngôn, vậy mà nó muôn đời.

Quả là vậy. Có ngôn với ngữ nào bằng tiếng sóng, tiếng gió... Sóng rì rào đến muôn-thuở-muôn-đời. CTB, không phải là ông cũng đã hơn một lần “mặc áo Lặng Thinh” đó sao? Ông cô đơn đến mức chỉ còn trò chuyện được với chính mình, đến mức phải tìm đến nhân vật của mình để chuyện trò, giải bày và tranh biện. Đối thoại với Thăng Bất Quý là đối thoại với chính mình. CTB đã làm cuộc đối thoại với chính ông, để tìm được nổi... rỗng không.

“Đôi khi văn chương tôi là Trống Rỗng,” ông nói, “một cái Lỗ Đen ‘thiếu khả năng nhận ánh sáng’, nên chẳng có gì để rọi soi.”⁽¹⁾

CTB có vẻ yêu cái “rỗng”. Ông hay nói “rỗng”. Bao thuốc lá rỗng, cái bụng rỗng, con mắt rỗng, bao tử rỗng, trái tim rỗng... Có rất nhiều rỗng và rỗng trong truyện CTB.

Nàng nhặt trái tim ra. Nhìn. Than thở:

- Rỗng Không hà. Khô cả máu. (“Âm bản 3”)

Xã hội bao trùm một bầu đặc sệt những mùi. Rỗng và lạnh ón. (“Nhạc điệu của bày ong”)⁽¹⁾

Rỗng là sao? Sao gọi là rỗng? Rỗng là lỗ hổng, như cái bình rỗng ruột, như cái hộp rỗng không, như cái đầu rỗng tuếch, như cõi lòng rỗng tênh, như chiếc quan tài rỗng.

Rỗng là trống trơn, là trần trụi, là vô nghĩa.

Rỗng là không cảm giác, không màu sắc, không mùi vị.

Rỗng là giả, là ảo, là nhảm nhí, là vớ vẩn.

Rỗng không đẹp, không xấu, chỉ là... rỗng.

Chiến tranh có rỗng không? Rỗng chứ. Vì... vô nghĩa. Bao nhiêu là sinh linh, bao nhiêu là xương máu đã đổ ra oan uổng cho những chủ nghĩa, những khẩu hiệu “rỗng” tuếch.

Hòa bình có rỗng không? Rỗng chứ. Vì hòa bình là chuẩn bị chiến tranh, mà chiến tranh thì... rỗng. Rỗng như “Hòa bình nàng tình rỗng” (tên một truyện dài trước 1975 của CTB), rỗng như “người tình không chân dung”. Hòa bình, hay độc lập, hay tự do, hay hạnh phúc, thấy đều rỗng, thấy đều là hàng dỏm, hàng giả, hàng nhái, là xác chữ, là những mỹ từ “rỗng” ruột, là “cái ‘giẻ rách’ được gọi là lý tưởng”, nói như CTB. Tất cả đều rỗng, rỗng, rỗng.

Còn gì nữa đâu mà không rỗng, cả “thế gian đang biến thành nước thành lửa cả rồi”.⁽⁴⁾

CTB là vậy. Đầy tràn hay rỗng không cũng là ông. Tiếu lâm hay kịch cợt cũng là ông. Văn vẻ hay tục tằn cũng là ông. Bất quý hay quý tha ma bất cũng là ông. Cũng chỉ là một người, CTB.

Có người gọi ông là “nhà văn phản kháng”. Tôi không thấy ông phản kháng, phản tỉnh ồn ào chi cả. Có người gọi ông là “chứng nhân của thời đại”. Nhà văn nào, xét cho cùng, lại chẳng là nhân chứng cho cái thời đại mình đang sống, lại chẳng muốn “chụp” bằng được những bức ảnh trung thực và sắc nét phô bày bộ mặt tốt xấu, đáng yêu đáng ghét của cái thời đại ấy.

“Phù thủy cao tay ả”, tôi muốn gọi CTB bằng cái tên ấy. Không phải là ông từng muốn “biến Nước - Lửa thành Lời” đó sao?

CTB, ông đã bao lần “chạm mặt một ảo ảnh”? Ông đã bao lần đặt câu hỏi “Đâu là bến bờ của niềm hy vọng?” như đặt dấu chấm hết cho “Dị mộng”, truyện ngắn khá lạ lùng của ông. Hơn ai hết, ông biết mình đang đứng nơi đâu, nơi những bến bờ nào. Bên này bờ trống không, bên kia bờ có gì? Những bến bờ mênh mông, bát ngát, chập chùng.

CTB, cho dù ông có muốn viết như thế nào, ẩn dụ hay “bạch hóa”,⁽⁷⁾ đồng sàng hay “dị mộng”,⁽⁵⁾ thiếu đủ hay “thừa dư”,⁽⁵⁾ cho dù ông có muốn tô vẽ, muốn sơn phết màu mè như thế nào (màu hồng, màu huyết dụ..., hay màu gì gì khác) cho cái “Xứ động vật”⁽⁵⁾ của ông, thì nơi ấy vẫn không hề đổi thay, vẫn trước sao sau vậy, vẫn muôn-đời-muôn-kiếp-không-phai.

Rồi mai kia một nọ, ông có âm thầm lặng lẽ nhắm mắt xuôi tay từ biệt thế gian này thì cái điệp khúc ấy vẫn còn vang vọng mãi, vẫn cứ ngân nga hoài, “*Anh ra đi nơi này vẫn thế...*” Và tôi chắc rằng ông cũng chẳng mang theo được gì, ngoài nỗi trống rỗng mệnh mông đến vô cùng tận.

Như ông đã để một vai kịch trong “Thằng Bắt Quỷ” phát ngôn thay cho mình:

“Tôi hòa tan cùng giấc mộng rỗng không.”

(1) Cung Tích Biên trả lời phỏng vấn, “*Cung Tích Biên nói chuyện với Đặng Thơ Thơ*”, Đặng Thơ Thơ thực hiện, www.damau.org, 24-27/3/2008

(2) Cung Tích Biên trả lời phỏng vấn, “*Đành lòng sống trong phòng Đợi của lịch sử*”, Lý Đợi thực hiện, www.talawas.org, 1/2/2007

(3) *Ngoại ô, Dĩ An, và linh hồn tôi*, truyện ngắn Cung Tích Biên

(4) *Thằng Bắt Quỷ*, truyện ngắn Cung Tích Biên

(5) Tên một truyện ngắn sau 1975 của Cung Tích Biên

(6) Cung Tích Biên nói về truyện ngắn, “*Những truyện ngắn hay nhất trên quê hương chúng ta*”, nxb Sóng, Saigon, 1973

(7) Tên một truyện trước 1975 của Cung Tích Biên

(8) Cung Tích Biên, “*Bùi Giáng, nhà thơ của ngày tháng ngao du*”, Tạp chí *Hợp Lưu*, CA, 12/98 & 1/99

Từ “Diễm xưa” đến “Một cõi đi về”



*Gió trời xin ngủ bình yên
coi như giấc mộng ưu phiền đây thôi*
(“Ru”, Nguyễn Đình Toàn)

Nói về Trịnh Công Sơn (TCS) thì chẳng bao giờ hết chuyện. Chỉ cần ghi lại một buổi tranh luận giữa bạn bè về nhạc, về con người TCS, là đã có biết bao điều để nói. Người ta cũng có thể viết những cuốn sách rất dày nói về ông, về nhạc của ông, với những phê phán, nhận định, khen chê hay dở... Cái khó bao giờ cũng vẫn là bắt đầu như thế nào.

Khi ấy là vào những năm 66–67 thì phải. Tôi nhớ, lần đầu nghe tình khúc TCS, cái cảm giác ấy lạ lắm, thú vị lắm. Một vài ca sĩ đã trình bày “Diễm xưa” trước đó, nhưng phải đợi đến lúc TCS tìm ra được Khánh Ly, người nghe mới thực sự nghe ra “Diễm xưa”. Sau đó là những “Nhìn những mùa thu đi”, “Lời buồn thánh”, “Tuổi đá buồn”, “Hạ trắng”, “Mưa hồng”, “Nắng thủy tinh”..., tất cả đều rất mới, rất lạ, rất là cuốn hút người nghe. (Những “Ướt mi”, “Thương một người” trước đó ít được biết đến dù được thể hiện qua những giọng ca khá nổi tiếng thời ấy).

Người ta chờ đón những tình khúc tiếp theo nữa của TCS, và ông đã không làm mọi người thất vọng. Những “Biên nhớ”, “Tình nhớ”, “Tình xa”, “Tình sâu”, “Nhu cánh vạc bay”, “Ru ta ngậm ngùi”... lần lượt theo nhau ra đời, lần lượt được người nghe tán thưởng. Có thể nói đây là thời kỳ viết nhạc sung sức nhất của TCS, và những tình khúc hay nhất, phổ biến nhất, quyến rũ người nghe nhất đã ra đời trong thời kỳ này. Nhạc tình TCS đã hoàn toàn chinh phục trái tim người nghe vì cái mới, cái lạ, cái đẹp, đến mức có một lúc nào đó mọi người tưởng như đã quên đi tên tuổi của các nhạc sĩ khác, quên đi những ca khúc thịnh hành trước đó, và chỉ còn lại có nhạc TCS. Ở mỗi quán café, mỗi góc phố, mỗi con đường đều nghe văng ra tiếng đàn guitar bập bùng, những nốt nhạc đệm rời rạc, và giọng hát khao khao cất lên những lời buồn bã kể lể về thân phận, về quê hương chiến tranh và cả về tình yêu của những lứa đôi trong thời buổi ấy. (Ngày nay không còn ai hát nữa những Ca Khúc Da Vàng của một thời, chỉ nhạc tình TCS là còn ở lại).

Nhạc TCS có ma lực gì mà cuốn hút, mê hoặc người nghe đến như vậy. Chắc không phải là một loại “thời trang nhạc tuyền”. Nếu chỉ là nhạc thời trang hoặc cái mốt thời thượng

thì đâu có sống lâu đến vậy, nhiều lắm cũng chỉ qua được mấy mùa.

Thử nghe lại bài “Diễm xưa” xem sao. Về giai điệu, cũng chẳng có gì đặc biệt lắm, cũng là tiết tấu chậm chậm, dễ dãi, những ngắt câu ngắt nhịp, lặp đi lặp lại. Câu nhạc đầu lại na ná câu đầu một bài hát thể điệu slow rock phổ biến từ những năm trước đó (“Bước chân chiều Chủ Nhật”, Đỗ Kim Bảng). Không có gì đặc biệt. Vậy thì cái hay, cái lạ của nhạc TCS, của bài hát, là ở lời chứ đâu phải ở nhạc. Đến cái tựa “Diễm xưa” cũng đã là lạ, cũng đã gợi ra nhiều dấu hỏi. Tại sao là Diễm, Diễm nào vậy? Diễm xưa thế nào, Diễm nay ra sao? “Diễm xưa”, mà sao lại chỉ kể toàn chuyện mưa? (“Hạ trắng”, mà sao lại chỉ kể toàn chuyện nắng?). Mưa TCS cũng lạ, không giống những cơn mưa trong những bài nhạc khác. “*Nghe lá thu mưa reo mơn gót nhỏ...*”, rồi lại “*trên bước chân em âm thầm lá đổ...*” Vậy thì mưa rơi hay lá rơi, nghe tiếng mưa hay nghe tiếng lá?

Ngôn ngữ TCS nghe cũng lạ với những “tàng tháp cổ, vết chim di, xanh buốt, đau vùi, bia đá, đá sỏi, phiêu lãng, lãng du...” Người ta vẫn nói chuyện xe, chuyện tàu, chuyện đò, chuyện phà, chứ chưa thấy có ai nói “*Buổi chiều ngồi ngắm những chuyện mưa qua*”. Lại còn những câu hỏi, “*Làm sao em biết bia đá không đau?*”, “*Làm sao em nhớ những vết chim di?*” Biết đâu mà trả lời. Những ý tưởng có khi chẳng dính dấp, liền lạc gì với nhau. “*Mưa vẫn hay mưa cho đời biển động*” thì có liên hệ gì đến chuyện bia đá đau hay không đau. “*Xin hãy cho mưa qua vùng đất rộng*” thì có liên quan gì tới vụ “*người phiêu lãng quên mình lãng du*”. Nghe như ông nói gà bà nói vịt, hoặc lấy câu trong bài hát này bỏ vào bài hát kia vậy. Vậy mà tuổi trẻ ngày ấy đã phải lòng “Diễm xưa”, đã nghe đi nghe lại, nghe mãi nghe hoài không biết

chán. Diễm Xưa, Trịnh Công Sơn. Trịnh Công Sơn, Diễm Xưa. Tôi không rõ từ thành đến tỉnh đã có bao nhiêu quán café mang tên Diễm Xưa, bao nhiêu quán café mang tên Tình Nhớ, Biển Nhớ, Hạ Trắng, Mưa Hồng..., và những cô chủ quán hay những cô cashier xinh đẹp không đợi khách yêu cầu đã tự động cho chạy liên tục hết cuốn băng này đến cuốn băng khác những Ca Khúc Da Vàng, những Tình Khúc Trịnh Công Sơn, mà không cần phải bận tâm lắm đến chuyện café ngon hay không ngon.

Nhạc TCS quyến rũ người nghe đến như vậy, nhưng có một điều lạ là không phải ca sĩ nào cũng hát được nhạc TCS. Con số những ca sĩ hát nhạc họ Trịnh này nghe được không có nhiều, chỉ một vài. Ngay cả những ca sĩ tên tuổi thời ấy, hát thử TCS vài bài, cũng không thành công, cũng không nghe ra TCS. Từ đó, biết là không ăn, thôi không hát thêm nữa. Những ca sĩ khác, tự lượng sức mình, không chơi nhạc TCS, vì không muốn “*như cánh chim chìm xuống*”. Làm sao biết được giọng hát nào là thích hợp, là thể hiện được nhạc TCS? Cứ thử hát đi, thính giả sẽ nói cho biết, người nghe sẽ trả lời. Nghe nhạc TCS từ một giọng ca không phải để hát nhạc TCS giống như là uống rượu giả vậy. Từ khi những giọng ca chuyên hát nhạc TCS bỏ nước ra đi, ở trong nước người ta vẫn loay hoay tìm kiếm, cố gắng tìm cho bằng được những giọng ca khác để thay thế, cố gắng lãng-xê một vài tên tuổi, nhưng kết quả vẫn là “*gần như niêm tuyệt vọng*”, và người nghe vẫn nhắc nhở đến tên những ca sĩ ngày trước từng gắn liền với những bài TCS. Có vẻ nhạc TCS thích hợp với giọng nữ nhiều hơn, chỉ một vài nam ca sĩ thể hiện được một đôi bài... Phải nghe Khánh Ly hát “*Diễm xưa*” mới biết thế nào là “*trong cơn đau vùi*”, mới thấy đau xót “*làm sao có nhau*”, mới thấy “*hần lên nổi đau*”, mới hiểu được vì sao

“sỏi đá cũng cần có nhau”. Và còn phải nghe “sầu thôi xuống đây” bằng những nốt nhạc luyến láy mềm mại ở chữ “xuống” bằng chính giọng hát ấy nữa, mới “thấy” được cánh lá khô lá tả xoay vòng trước khi chạm đất, là dấu chấm “Cuối cùng cho một tình yêu”. Phải nghe Lê Thu hát “Hạ trắng” mới nghe ra được tận cùng cái mê thiết của “*Gọi tên em mãi suốt cơn mê này*” trong tiếng kèn saxo réo gọi. Và còn phải nghe cả “Ru ta ngậm ngùi”, bằng chính giọng hát ấy nữa, mới nghe ra nỗi cô đơn sâu thẳm của “*Người về soi bóng mình / giữa tường trắng lặng câm*”. Phải nghe Carol Kim hát “*Hãy khóc / hãy khóc đi em!... cuối cuộc tình*” bằng chất giọng khàn đục và bằng những chuỗi láy uyển chuyển trong từng câu nhạc, mới hình dung được khuôn mặt tình yêu ràn rụa nước mắt, mới hình dung được những “*Dòng nước mắt sẽ bay trong trời / làm cơn mưa rớt trên chân gối...*”

Cái mới trong ngôn ngữ TCS

Trong những lời nhạc TCS, người ta nhận ra được rất nhiều cái mới, từ cách dùng chữ cho đến những ý tưởng và hình ảnh. Về màu sắc chẳng hạn, trước đây ta đã có xuân hồng, hạ đỏ, thu tím, thu vàng... thì nay lại có thêm “hạ trắng”, và cả những cơn “mưa hồng” (của những cánh phượng rơi), “mưa xanh” (của những lá me bay) cho đủ sắc màu. Về nắng thì có “nắng thủy tinh vàng”. Sau tóc mềm, tay mềm, vai mềm, nay lại có thêm “*Ngoài kia không còn nắng mềm*” (“Chiều một mình qua phố”). Đôi lúc cái mới được đẩy đi quá đà: hết nắng sớm, nắng chiều, lại đến “*Có khi nắng khuya chưa lên*” (“Chiều một mình qua phố”). Tại sao không? Nhạc sĩ họ Trịnh có thể nói, “Có mưa khuya thì cũng phải có nắng... khuya chứ.” Và “*Nắng như môi hoàng*

hôn trên phớ” (“Chiều trên quê hương tôi”) cũng phải được kể là... nắng mới.

Ta có nghe bẻ mắt, hồ mắt, giềng mắt, dòng mắt... chứ chưa nghe ai nói “*Chiều đã đi vào vườn mắt em*” (“Nắng thủy tinh”).

Ta có nghe giọt buồn (chắc là giọt café), sợi buồn (“... con nhện giăng mau”, trong thơ Huy Cận) chứ chưa nghe ai nói “*Ta thấy em trong tiền kiếp với cọng buồn cỏ khô*” (“Rừng xưa đã khép”), nghe hay hơn là... “cọng cỏ khô buồn”. Tương tự, “tóc xanh mấy mùa”, “hoa vàng mấy độ”, “sen hồng một nụ”, “quỳnh hương một đóa”, nghe hay hơn là... “mấy mùa tóc xanh”, “mấy độ hoa vàng”, “một nụ sen hồng”, “một đóa quỳnh hương”.

Ta cũng đã nghe giọt mưa, giọt nắng, giọt đấng, giọt sầu... nay lại có thêm “*Giọt chiều trên lá / như mắt người cười giữa chiều phai*” (“Chiều trên quê hương tôi”).

Có rất nhiều cái mới như thế trong lời nhạc TCS.

Lối sử dụng tính từ như một danh từ, và ngược lại, trước ông vẫn có người dùng, thế nhưng những chữ ông dùng nghe vẫn cứ mới và thú vị, như là “*Nghe những tàn phai*” hay “*Tôi là ai mà còn trần gian thế?*”...

Có những chữ dùng rất cũ, qua tay TCS, như được làm mới lại, vì được sử dụng với những ý mới mẻ.

*Trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt
rọi suốt trăm năm một cõi đi về...* (“Một cõi đi về”)

“Nhật, nguyệt” là những chữ thật xưa cũ, đi với “trên hai vai ta” và “rọi suốt trăm năm” lại nghe như có vẻ mới.

Chữ “cõi” trong cõi sống, cõi chết, cõi nhân gian, cõi người ta, cõi vĩnh hằng... nay dùng cho “một cõi đi về” như được khoác cho tấm áo mới. (Nói “một chốn đi về” nghe vừa “hẹp”, vừa không được trọn ý).

Đôi tay nhân gian chưa từng độ lượng... (“Một cõi đi về”)

“Nhân gian” thì cũ, nhưng “đôi tay nhân gian” quả là chưa có ai dùng, và cũng khó tìm được chữ nào hay hơn để thay thế.

Em theo đời com áo

mai ra cùng phố xô xao... (“Yêu dấu tan theo”)

“Com áo” là chữ dùng quá thường, nhưng “đời com áo” thì nghe lại mới, lại hay, nhất là đi với “phố xô xao”.

Thôi em đừng khóc nuôi

cho môi còn chút thanh tân... (“Yêu dấu tan theo”)

Thực khó tìm ra được chữ nào hơn “thanh tân” để chỉ đôi môi chưa hôn ai một lần.

Chữ “chút” ở câu trên cũng hay được ông dùng. Cái gì cũng chỉ chút chút thôi, không nhiều lắm, chỉ là một thoáng mong manh. Chữ ấy tuy cũ mà lại mới, làm đẹp thêm câu hát.

Có chút lệ nhòa trong phút hôn nhau... (“Bay đi thâm lãng”)

Có chút tình thoảng như gió vội... (“Như một lời chia tay”)

Có chút nắng trong tiếng gà trưa...

(“Em còn nhớ hay em đã quên”)

Đi về đâu hồi em / khi lòng không chút nắng...

(“Đời gọi em biết bao lần”)

Tôi xin làm chút gió / mát thêm những bờ vai...

(“Vi tôi cần thấy em yêu đời”)

Tóc nào hãy còn xanh / cho ta chút hồn nhiên...

(“Ru ta ngậm ngùi”)

Địu dàng trao chút hương hoa mùa xuân...

(“Vẫn có em bên đời”)

Cho ta còn mãi mãi / chút mùi phấn hương bay...

(“Yêu dấu tan theo”)

Có rất nhiều, rất nhiều “chút” như vậy trong những lời nhạc TCS.

Khi nói “tự do như gió thổi trên đồng rộng”, hoặc “hạnh phúc như đón mẹ đi chợ về” là mượn hình ảnh để cụ thể hóa những ý niệm trừu tượng. Ở TCS, ta gặp rất nhiều những lối diễn đạt như vậy. Sau mỗi chữ “như” là mỗi hình ảnh, mỗi ý tưởng giàu tính sáng tạo.

Buồn như giọt máu... (“Lặng lẽ nơi này”)

Tôi như từng cánh diều vui... (“Nguyệt ca”)

Đời sẽ buồn như một vết thương... (“Như một vết thương”)

Tám lòng em như lá kia còn xanh... (“Vẫn có em bên đời”)

Có người lòng như khăn mới thêu...

(“Có một dòng sông đã qua đời”)

Nắng vàng phai như một nỗi đời riêng...

(“Tôi ơi, đừng tuyệt vọng”)

Chuyện trò với lá cây / rồi buồn như lá bay... (“Tình sâu”)

Em cười em nói / như sóng đùa biển khơi...

(“Tuổi đời mệnh mông”)

Cho con mắt người tình / ám như lời hỏi han...

(“Những con mắt trần gian”)

Đời sao im vắng như đồng lúa gặt xong

như rừng núi bỏ hoang... (“Ru ta ngậm ngùi”)

Có rất nhiều, rất nhiều những cái “như” như vậy trong lời nhạc TCS.

Ta còn gặp những cách ví von khác, chẳng hạn “*Chiều nay em ra phố về / thấy đời là những quán không*” (“Nghe

những tàn phai”), hoặc “*Đời ta có khi tựa lá cỏ / ngòi hát ca rất tự do*” (“Đêm thấy ta là thác đổ”).

Những cái mới bất ngờ và thú vị như thế có thể tìm gặp rất nhiều trong những lời nhạc TCS. Thử lấy một chữ nào đó vẫn hay được TCS sử dụng, chữ “phơi” chẳng hạn:

*Môi nào hãy còn thơm
cho ta phơi cuộc tình...* (“Ru ta ngâm ngùi”)

Đem tình ra phơi (để làm cho khô ráo) đã là chuyện lạ, lại còn phơi trên cánh môi thơm thì... không còn chỗ nào tốt hơn! Phơi thế nào mà lại... khô nắng chứ không khô tình.

Phơi tình cho nắng khô mau... (“Tình xót xa vừa”)

Ở đây là “nắng phơi” chứ không là “phơi nắng”:

Nắng phơi trên mầu ngói non tươi...
 (“Chiều trên quê hương tôi”)

Tùng ngày qua nắng phơi trên đầu cỏ non...
 (“Tùng ngày qua”)

Nhiều lắm, kể mãi không hết những sáng tạo trong “ngôn ngữ TCS” rải rác trong từng câu hát, trong mỗi lời nhạc. Những tính từ như “đôi môi lửa cháy”, “đôi môi rồ dại”, “đôi vai lụa mát”, “da thơm quả ngọt”, “mi cong cỏ mượt”, “biển rộng hai vai”, “biển hẹp tay người”, “giọt máu cuồn điên”, “giọt máu trở bông”.... Những động từ như “vết buồn khắc trên da”, “đời đốt nén chia phôi”, “sương khoác mềm vai phở”, “mưa đêm trời chân”, “trăng treo đầu con sóng”, “bình minh thấp trên ngọn lá”, “nắng vàng lạc trên lối đi”...; những trạng từ như “cỏ xót xa đưa”, “tay rong rêu muện màng”, “ta ru ta ngâm ngùi”, “sương khuya vội vàng buông”...

Trái tim TCS dễ bắt được những rung động của thiên nhiên. Trong những lời nhạc của ông, hoa cỏ, núi đồi, sông

suối, nắng gió, mùa màng... cũng đều biết cảm xúc, biết nhớ biết thương, biết cười biết khóc, biết vui biết buồn...

Tóc em cười trong gió... (“Yêu dấu tan theo”)

Ngập ngừng lá hôn vai... (“Thương một người”)

Gió đến chơi từ bờ biển xa... (“Chiều trên quê hương tôi”)

Dưới chân ngày cỏ xót xa đưa... (“Cỏ xót xa đưa”)

*Gió sẽ mừng vì tóc em bay
cho mây hôn ngủ quên trên vai...*

Suối đón từ bàn chân em qua

lá hát từ bàn tay thơm tho... (“Như cánh vạc bay”)

*Ngày mai em đi / đồi núi nghiêng nghiêng đợi chờ
sỏi đá trông em từng giờ...* (“Biển nhớ”)

*Nhớ gì mà nắng vàng cánh rừng
thương ai mà sương khuya vội vàng buông...*
 (“Vẫn có em bên đời”)

Phải có một trái tim thật là nhạy cảm, những giác quan thật là bén nhạy, mới có thể đọc được, nghe được và hiểu được ngôn ngữ kỳ diệu của thiên nhiên, mới có thể “*chuyện trò với lá cây*”, hay “*hôn một nụ hồng / hỏi thăm về giọt nắng*”, hay “*đi trong sương mù / gọi cây lá vào mùa*”.

Thử làm một sự so sánh giữa TCS và các nhạc sĩ khác trong cách diễn đạt lời nhạc: Trong lúc Phạm Duy viết “*Nghìn trùng xa cách / người đã đi rồi...*” (“Nghìn trùng xa cách”), thì ông viết: “*Từ lúc đưa em về / là biết xa nghìn trùng...*” (“Như cánh vạc bay”). Trong lúc Cung Tiến viết “*Lòng cuồng điên vì nhớ...*” (“Hoài cảm”), thì ông viết “*... vì từng bước em / là từng mũi đinh cuồng điên*” (“Tuởng rằng đã quên”). Trong lúc Phạm Đình Chương viết “*Người đi qua*

đòi tôi...” (“Người đi qua đòi tôi”, thơ Trần Dạ Từ), thì ông viết “Đòi tôi có ai vừa qua...” (“Đêm thấy ta là thác đổ”).

Ngôn ngữ TCS đôi lúc cũng đi vào những sinh hoạt trong cuộc sống thường ngày. Bạn hỏi thăm sức khỏe, “Hồi này có gì lạ?”, trả lời “Thì cũng *một ngày như mọi ngày* thôi.” Bạn rủ ra quán nhậu, không muốn đi, lắc đầu nói “Ngồi nhà nhậu thoải mái hơn, *đi đâu loanh quanh cho đòi mỗi mẹt*.” Hoặc, những tay ăn nhậu vẫn nhêu ngoa “Mỗi ngày tôi nhậu một lần thôi, từ sáng tinh mơ cho tới chiều tà” (nhại câu hát trong bài “Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui”).

Cái lạ trong ngôn ngữ TCS

Cái mới được đẩy đi xa chút nữa dễ trở thành cái lạ. Cái lạ dễ thấy trong lời nhạc TCS trước tiên là những điều không lý giải được. Những ý tưởng trong một bài nhạc lại như có vẻ chấp vá, thiếu mạch lạc, thậm chí đứt đoạn, rời rạc, thường tạo những khó hiểu hoặc bất ngờ cho người nghe.

“*Tim nào có bình yên*” mà sao lại “*ta rêu rao đòi mình*”?

“*Từ khi trăng là nguyệt*” mà sao lại “*trong tôi có những mặt trời*”? (phải là “mặt trăng” chứ!).

“*Đôi khi thấy trăm vết thương*” mà sao lại “*rời như đá ngâ ngô*”?

“*Mặt trời nào soi sáng tim tôi*” mà sao lại “*để tình yêu xay mòn thành đá cuội*”?

“*Xin hãy cho mưa qua miền đất rộng*” mà sao lại “*ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau*”?

Người nghe tuy có thích nhạc TCS nhưng lại ít khi thuộc được trọn bài nào của ông cũng vì những chỗ khó hiểu và những ý tưởng không liên lạc như vậy. Điều này cũng khiến phát sinh những kiểu chế biến trong lối trình diễn nhạc TCS

như là “Liên khúc TCS”, hoặc ghép chung hai bài nhạc (ý tưởng chẳng có chút gì liên hệ với nhau) thành một bài (“Cát bụi–Tình xa” chẳng hạn) và người nghe vẫn cứ dễ dàng chấp nhận.

Cái lạ còn là những cái bất ngờ thú vị trong lời nhạc. “*Sống trong đời sống cần có một tấm lòng / để làm gì em biết không?*” Ông hỏi vậy, và người nghe chưa kịp suy nghĩ để trả lời thì ông đã giải đáp luôn: “*Để... gió cuốn đi*”. Một người bạn tôi gọi những câu hát này là “Đố vui để học”.

Đến cả những cái tựa bài hát nghe cũng là lạ. “Gần như niền tuyệt vọng” nghĩa là sao? Mới chỉ gần gần thôi, chưa đến nỗi tuyệt vọng lắm, vẫn còn chút hy vọng chẳng(?). Vậy thì cũng được an ủi phần nào. “Cỏ xót xa đưa” nghe cũng hay hay (thay vì “cỏ đưa xót xa”) hoặc “lá xác xơ cây” (thay vì “cây xơ xác lá”), nhưng đến “Tình xót xa vừa” thì lại hơi... khó hiểu. Biết thế nào là “vừa”? Là xót xa... vừa phải thôi, không nhiều lắm(?). “Nghe những tàn phai” nghe cũng hay hay, nhưng đến “Xanh lòng phai tàn” thì lại hơi lẩn cẩn. Nghe giống như trái... dưa hấu “xanh vỏ đỏ lòng”.

Có những chữ TCS dùng đi dùng lại nhiều lần, đôi lúc có hơi lạm dụng, nghe không được ổn lắm. “*Khói trời mênh mông*” hoặc “*Tuổi đời mênh mông*” nghe vẫn hay và dễ hình dung hơn là “*Mắt cười mênh mông giữa đôi bàn tay*” (“*Vẫn có em bên đời*”). Dù là mắt cười hay môi cười thì cũng khó mà... mênh mông được (không giống như “*mắt em mênh mông buồn*”). Tương tự, không dễ gì hình dung được thế nào là một tiếng hát... xanh xao, hay vàng vọt... như là “*Nghe tiếng hát xanh xao của một buổi chiều*” (“*Lời buồn thánh*”). Nhưng cũng không hề chi, người hát vẫn cứ hát, người nghe vẫn cứ nghe, có khi lại thấy thích vì những cái là lạ ấy.

Có khi những cái sai vẫn cứ được mọi người chấp nhận, và đấy cũng là một cái... lạ nữa. “*Một trăm năm đô hộ giặc Tây*” (“Gia tài của mẹ”), một đĩa bé lên mười ở Việt Nam cũng biết câu ấy là sai, vậy mà vẫn cứ được hát đi hát lại, hát tới hát lui một thời nào ở trong nước. Lỗi ấy hoặc vì thiếu chữ (để sánh đôi với “*Một ngàn năm nô lệ giặc Tàu*” ở câu trước), hoặc vì trong lúc đặt lời phải chịu gò ép theo những nốt nhạc thấp cao, trầm bổng. (Nhạc sĩ Phạm Duy chẳng hạn, cũng không vượt qua được cái khó tương tự. “*Chuyện đôi ta... buồn ít hơn vui*” là câu hát mà ông rất muốn viết... ngược lại để kể về một chuyện tình buồn thảm mà hai kẻ yêu nhau đành phải “Nghìn trùng xa cách”). Người nghe có vẻ dễ chịu, dễ chấp nhận những lời nhạc TCS, đâu có... sai cũng chẳng sao (có lẽ vì những lời nhạc ấy vốn đã khó hiểu rồi, nên cũng... không cần tìm hiểu).

Sau một quá trình nhiều năm nghe nhạc TCS, và lắm lúc còn hát ngheu ngao nữa, tôi thấy cần phải thú nhận một điều, có đôi khi nghe những lời nhạc của ông, tôi thực tình không hiểu ông muốn nói điều gì, và tôi nghĩ may ra chỉ có ông mới giải thích nổi. Tôi nói “may ra” là bởi vì, nói thật, nhiều khi tôi chắc ông cũng không hiểu gì... hơn tôi lắm. Có khác một điều, ông viết ra những lời ấy là xong, là khỏe khoắn, là “*thân nhẹ nhàng như mây*”, còn lại người nghe là chúng tôi thì cứ phải suy gẫm, phải loay hoay giải đoán này nọ, thật là mệt mỏi.

Tôi có cô cháu thích nhạc TCS. Có hôm cháu hỏi, “Cháu thích bài này, nhưng mà có mấy câu cháu thấy khó hiểu. Tại sao ‘*Trong khi ta về lại nhớ ta đi*’? Nghe giống như ‘Vân Tiên công mẹ chạy vô, chạy ra’ quá! Rồi lại ‘*Từng lời bể sông nghe ra từ độ suối khe*’ nghĩa là sao?” Sau khi loay hoay giải thích những đối nghịch và tương quan giữa đi, về,

sông, biển mà cô cháu vẫn có vẻ không chịu hiểu, tôi đành phải nói, “Vấn đề là cháu thích nghe hay không thích nghe, thế thôi. Nếu thích thì cứ tiếp tục nghe, đừng bận khoăn, ‘*đừng nghi ngại*’. Nhạc TCS là nhạc ‘*đừng hỏi tại sao*’.” Tất nhiên là câu trả lời không làm đối tượng thỏa mãn, nên sau đó tôi lại phải đưa ra lối giải thích khác, “Câu hỏi của cháu là những ‘*lời bẻ sông*’ mà cách đây ba mươi năm, nghĩa là ‘*từ độ xuôi khe*’, chú cũng đã từng hỏi như vậy.” Không rõ đối tượng có thỏa mãn hơn, nhưng từ đó không thấy cô cháu hỏi han gì thêm nữa, trong lúc nghe thì vẫn cứ nghe. Nói điều này cũng để thấy rằng đã có đến hai thế hệ nghe và yêu thích nhạc TCS, trong lúc vẫn chưa thực sự hiểu rõ những cái “*lạ*” trong những câu hát của người nhạc sĩ này.

Nhạc TCS, đôi lúc quả có vậy, mỗi người hiểu một cách, muốn hiểu sao thì hiểu, không hiểu cũng không sao, miễn cứ thấy... hay là được! Tưởng thật mà giả, tưởng giả mà thật, hiểu mà không chắc là hiểu, không hiểu mà làm như hiểu, nếu không phải “*mình tự đánh lừa mình*” thì cũng là những lầm lạc trong nhận thức hoặc “*ảo giác của trí tuệ*”, nói như nhà văn Nguyễn Mộng Giác. Đấy không phải cũng là cái “*lạ*” nữa của nhạc TCS sao?!

Cái lạ được nâng lên một bậc nữa để đi đến chỗ cầu kỳ, lập dị, hoặc sáo rỗng, vô nghĩa, thường thấy trong những bài nhạc TCS viết ở thời kỳ đầu.

Ôi nhân loại / mặt trời trong tôi!...

Ngựa hồng đã mỏi vó / chết trên đồi quê hương...

Người hãy nhớ mang theo hành trang

qua khoang trời vắng chân mây địa đàng...

(“*Xin mặt trời ngủ yên*”) hoặc

Có khi nắng khuya chưa lên

mà một loài hoa chợt tím... (“Chiều một mình qua phố”) hoặc

*Tôi xin nắm ngón tay em thiên thần
trên vùng ăn năn /qua cơn hờn dỗi...* (“Lời buồn thánh”) hoặc

Bài ca dao trên cồn đá / trên gai vàng quê nhà...
 (“Vết lấm trâm”) hoặc

*Rồi dòng sông cũng mang theo tên người vào huyền thoại
/ tay hư vô che dấu / chiều qua trường mây sâu...*
 (“Lời của dòng sông”)

Những lời lẽ đôi lúc tối tăm, bí hiểm như những lời...
sấm hoặc thần chú khiến người nghe cứ phải suy gẫm mãi và
dễ cảm thấy mình... “*như đá ngậy ngô*”.

Tôi nhớ có lần nghe TCS loay hoay giải thích ý nghĩa về
cái tựa một bài hát của ông, “Chiếc lá thu phai”, và câu hát
“*Giật mình ôi / chiếc lá thu phai*”, hoặc về chữ “da du” do
ông sáng chế trong câu “*Chờ ta da du một chuyến*” (“Vết lấm
trâm”). Ông sợ người nghe không hiểu rõ ý nghĩa những từ
ngữ này; thế nhưng, ông càng cố gắng giải thích, người nghe
là tôi lại càng thấy... khó hiểu. Ông muốn nói gì thì nói, với
tôi, chiếc lá thu phai là... chiếc lá thu phai. Như thế là đủ, là
hay rồi, đâu có cần lời giải thích nào thêm nữa. Ngày xưa
chúng tôi đã không đòi ông phải cắt nghĩa thế nào là “lời
buồn thánh”, là “vết lấm trâm” thì bây giờ có lẽ nào lại đi
thắc mắc vớ vẩn về chữ nghĩa của TCS.

Cái đẹp trong ngôn ngữ TCS

Có nhiều người gọi TCS là thi sĩ. Không hẳn là như vậy,
tuy đôi lúc ông có làm thơ lai rai. Trong những câu nhạc của
ông ta nhặt được những ý thơ và cả những câu thơ thật là đẹp
nữa, thế nhưng ông mãi mãi là nhạc sĩ, không phải là thi sĩ.

Cũng như ông có vẽ tranh, nhưng không phải là họa sĩ. Nếu ông chỉ làm thơ, tôi không chắc ông được bao nhiêu người biết tên. Không có ông, ta còn nhiều thi sĩ khác. Nhưng chỉ có một TCS thôi. Tôi có đọc ít bài thơ ông, ở một đôi bài có nhật ra được ít câu hay, những bài khác hầu hết cũng “thường thường bậc trung”, và không gây cho tôi ấn tượng nào rõ nét lắm, nghĩa là dưới mỗi bài thơ ông không để lại dấu ấn nào sắc nét có khắc tên ông. Thế nhưng nhạc của ông thì đúng là nhạc... TCS. Dường như chỉ khi ông viết lời nhạc, cái thi tứ ấy mới trào ra, những lời ấy như hóa thành thơ, và nhạc lẫn thơ bay lên. Người nghe đôi lúc khó phân biệt những câu dưới đây là nhạc hay thơ, là thơ hay nhạc, vì nhạc thơ, thơ nhạc quyện lẫn vào nhau.

*Người phu quét lá bên đường
quét cả nắng vàng / quét cả mùa thu...* (“Góp lá mùa xuân”)

*Những giọt mưa / những nụ hoa
hẹn hò gặp nhau trước sân nhà...* (“Bón mùa thay lá”)

*Vườn năm xưa em đã đến
nay trắng quá vô vi
giọt sương khuya rụng xuống lá
như chân ai lần về...* (“Nguyệt ca”)

*Sau lưng ngày con gái
môi son đừng biếng lười
cho ta còn mãi mãi
chút mùi phấn hương bay...* (“Yêu dấu tan theo”)

*Tôi xin làm sương thu
hay làm mưa bụi nhỏ
mai em về giữa phố
sẽ yêu những hàng cây...* (“Vì tôi cần thấy em yêu đời”)

*Tôi nhật gió trời mời em giữ lấy
để mắt em cười tựa lá bay...*

(“Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui”)

*Ta nghe nghìn giọt lệ
rớt xuống thành hồ nước long lanh...* (“Như cánh vạc bay”)

Ta vẫn mong / ta chờ mãi trong từng ngày quạnh hiu

Ta vẫn mong em về đây cho đời bày cuộc vui...

(“Rừng xưa đã khép”)

Lời TCS hay đến mức, ở một đôi bài, nhạc không bắt kịp lời. Gặp phải những bài như thế tôi vẫn cứ tiếc, và đôi lúc nghĩ rằng ông ghép nhạc vào lời hơn là ghép lời vào nhạc, chỉ vì giai điệu tầm thường hoặc lời một đàng nhạc một nẻo, không có được sự hài hòa tương xứng, tự nhiên. Những “Như cánh vạc bay”, “Ru ta ngậm ngùi”, “Yêu dấu tan theo”, “Nguyệt ca”, “Đêm thấy ta là thác đổ”... nghe như những bài thơ hơn là bài nhạc. “Nắng thủy tinh” hoặc “Nhìn những mùa thu đi” chẳng hạn, là những bài đẹp cả về lời thơ lẫn ý nhạc. Những nốt nhạc mềm mại rớt xuống ở cuối câu “*đưa em về nắng vương nhẹ nhẹ...*”, nghe sao mà... nhẹ nhẹ. Và tiếng hát Khánh Ly, Lệ Thu quán quýt, đan quyện vào nhau đã luôn luôn là những tiếng hát của một mùa nào lãng mạn, ru tôi trong chiếc nôi đời êm ái, nhìn những cụm mây mùa thu bay đi, bay đi...

Trong nhạc TCS không phải chỉ có thơ mà còn có cả tranh vẽ nữa, và những bức tranh sinh động của ông cũng thể hiện qua những lời nhạc giàu hình ảnh, có khi chỉ là những nét ký họa, có khi là những bức tranh cảnh vật đầy màu sắc, có khi là những bức chân dung của... “*Người về soi bóng mình / giữa tường trắng lạng cầm*”, hoặc những bức tĩnh vật

như “... *thấy đời là những quán không / bàn im hơi bên ghé
ngồi*”, và có cả những bức vẽ lập thể hay trừu tượng nữa.

Thử dạo một vòng qua phòng tranh TCS:

*Hồ Tây chiều thu mặt nước vàng lay / bờ xa mời gọi
Mẫu sương thương nhớ*

bầy sâm cầm nhỏ vỗ cánh mặt trời... (“Nhớ mùa thu Hà Nội”)

Mây và tóc em bay trong chiều gió lộng

Trời làm cơn mưa xanh dưới những hàng me...

(“Tuổi đời mệnh mỏng”)

Một đoàn tàu đi nhả khói ám hai rừng

Một đàn gà cao tiếng gáy đánh thức bình minh...

(“Ta đã thấy gì trong đêm nay”)

Trong lòng phố mưa đêm trời chân

Dưới hiên nhìn nước dâng tràn

Phố bỗng là dòng sông uốn quanh...

(“Em còn nhớ hay em đã quên”)



Nhạc sĩ TCS & họa sĩ Bùi Xuân Phái

Một vài bức họa khác, đòi hỏi trí tưởng tượng... bay bổng một chút:

Có sợi tóc nào bay / trong trí nhớ nhỏ nhoi...

(“Ru ta ngâm ngủi”)

Ta thấy em trong tiền kiếp với cọng buồn cỏ khô

Ta thấy em đang ngồi khóc khi rừng chiều đổ mưa...

(“Rừng xưa đã khép”)

Dòng nước mắt sẽ bay trong trời

làm cơn mưa rớt trên chấn gối

lời cỏ cây hát trên da người... (“Hãy khóc đi em”)

Có rất nhiều, rất nhiều bức vẽ giàu hình ảnh và màu sắc như vậy.

Cái đẹp, cái hay có khi chỉ nằm ở một chữ trong câu hát, như là chữ “suốt” trong những câu:

Đường đi suốt mùa nắng lên thấp đầy...

Gọi tên em mãi suốt cơn mê này... (“Hạ trắng”)

Lá hát như mưa suốt con đường đi...

(“Em còn nhớ hay em đã quên”)

Ngọn gió hoang vu thổi suốt xuân thì... (“Một cõi đi về”)

(Không phải là “thổi... buốt xuân thì”)

Hãy nghiêng đời xuống / nhìn suốt một mối tình...

(“Đề gió cuốn đi”)

(Không phải là “nhìn... xuống một mối tình”)

Rơi suốt trăm năm một cõi đi về... (“Một cõi đi về”)

Chữ “suốt” rất là “đắt” ở câu trên lại được/bị một số ca sĩ đổi thành “rơi xuống trăm năm...” thì quả là “nổi đầu phiền muộn” cho những người yêu nhạc TCS. “Rơi suốt” mới là hay chứ “rơi xuống” thì... thường quá! Chuyện này làm tôi nhớ, cứ mỗi lần nghe vài ca sĩ hát “Hương về Hà Nội” của Hoàng Dương—một ca khúc đẹp cả nhạc lẫn lời—tôi cứ tiếc và

tội nghiệp cho tác giả bài nhạc khi câu hát “*Thanh bình tiếng guốc reo vui...*” được/bị đổi thành “... *tiếng hát reo vui*”, vừa vô nghĩa (tiếng “hát” làm sao mà... reo được) lại vừa không nghe ra được âm thanh rộn rã rất “thanh bình” trong tiếng guốc khua trên những hè phố Hà Nội, đi cùng với hình ảnh thướt tha của những tà “*áo mầu tung gió chơi vui*”... Khi mà người hát không hiểu được ý nghĩa, không nhận ra được cái hay, cái đẹp của câu hát thì khó mà “chở” được cái hồn của bài hát. Hát sai một chữ làm hỏng một câu hát, có khi làm hỏng cả một bài hát!

Có những bài nhạc tôi chắc là TCS thích, vì vẫn nghe ông nhắc đến, nhưng lại ít có người hát, ít có người nghe. Có khi ông muốn nói nhiều quá, người nghe lại ít chịu nghe. Những bài hát được ông lồng vào những triết lý, những “đạo” những “thiền” chẳng hạn, dường như ít được thành công, hiểu theo nghĩa ít được phổ biến. Người nghe dễ đón nhận hơn nếu chỉ là một vài nét chấm phá và một chút thi vị, chẳng hạn...

Yêu em lòng chợt từ bi bất ngờ... (“Ru em”) hoặc

Cuộc đời đó có bao lâu mà hững hờ... (“Mưa hồng”)

Cái đẹp còn ở những lời tả tình tả cảnh về một quê hương, một nơi chốn thân quen trong mỗi trái tim người Việt:

Chiều trên quê hương tôi

có những chốn riêng cho mọi người

những con đường lúa đôi

những góc hè phố vui... (“Chiều trên quê hương tôi”) hoặc

Quê nhà đó năm xưa có em

có bóng dĩa / có câu hò

có con đò chở nắng mưa đi... (“Em còn nhớ hay em đã quên”)

Thật khó mà viết được những lời đẹp đến vậy nếu không có trái tim nặng trĩu tình yêu quê hương. “TCS đã hát về quê hương đất nước bằng cả tấm lòng của một đứa con biết vui tận cùng những niềm vui, và đau tận cùng những nỗi đau của tổ quốc mẹ hiền,” nhạc sĩ Văn Cao nhận rõ điều ấy qua những dòng viết về TCS.

“Đời gọi em biết bao lần”, “Vì tôi cần thấy em yêu đời”, và “Tuổi đời mênh mông” nữa, là những bài hát thể hiện cái đẹp của lòng nhân ái.

Tôi có nghe đâu đó nói rằng nhạc TCS được cả người Nhật yêu thích, hoặc lời nhạc TCS được dịch ra thứ tiếng này tiếng nọ. Tôi không tin lắm. Phải đau cái đau của thân phận máu đỏ da vàng, của một đất nước chìm ngập trong khói lửa chiến tranh, phải mang trong tim mình một quê hương rách nát, phải nghe được những lời “*đại bác ru đêm*”, phải thấy được “*từng vùng thịt xương có mẹ, có em*”, phải thấy được xác những người lính chết vôi chết vàng, “*nằm chết như mơ*”, và còn phải sống sôi nổi, phải yêu thiết tha trong những máu xương lửa đạn toi bời ấy, nghĩa là phải có trái tim hòa cùng một nhịp đập với trái tim người Việt mới nghe ra được từng lời nhạc TCS thấm vào từng mạch máu, từng tế bào. Những người Mỹ, người Nhật..., nếu họ có tìm đến nhạc TCS, nhiều lắm cũng chỉ để “khảo sát một hiện tượng” được nhiều người Việt nói đến. Còn nếu nói rằng chỉ vì họ yêu thích những tình khúc TCS, tôi cũng còn chút ngờ vực cho đến khi có ai đó nói rằng có thể chuyển dịch được những lời nhạc TCS sang thứ tiếng nào đó để người nước ngoài có thể hiểu được thế nào là “*Tóc em từng sợi nhỏ / rút xuống đời làm sóng lênh đênh*”.

Ngôn ngữ TCS quả đã làm giàu và đẹp thêm cho kho tàng tiếng Việt, hoặc ít ra có thể nói mà không sợ lầm, ông là người viết lời đẹp nhất cho những ca khúc. Những lời đó trước đây và cả về sau này nữa, tôi tin vậy, chưa từng có ai viết, và cũng không ai bắt chước, không ai làm giả được. (Nếu có hàng mao hóa, người nghe sẽ nhận ra ngay những “TCS giả”). Như thế thì cái chết của ông, ít nhiều gì cũng gây nên những mất mát và thiệt thòi, ít ra là đối với những người có cái nhìn khách quan và đánh giá công bằng về những đóng góp của ông.

Tất nhiên không phải mọi ca khúc TCS đều hay cả. Có một số bài hay, một số bài trung bình, có bài chỉ nhạt ra được một vài câu nhạc, có bài không được kể là nhạc vì không bắt nguồn từ cảm xúc chân thực nào, hoặc làm theo đơn đặt hàng, chẳng hạn bài hát về công trình xây đập thủy điện Trị An, *“Dòng điện như dòng sông / cho đời một tấm lòng...”* (“Ước mơ về dòng điện”). Cũng nói về “dòng sông”, cũng nói đến “tấm lòng” vậy, nhưng người nghe dễ nhận ra những gượng ép, khiên cưỡng, giả tạo. Những bài nhạc ấy không tồn tại được lâu, không được ai hát, chẳng được ai nghe. Chúng biến mất ngay khi vừa mới ra đời, và không được người đời nhắc tên. Những bài hát mang một số phận khác.

Nghe nhạc TCS giống như là nhắm nháp từng ngụm café hay từng ngụm trà nhỏ, từng ngụm nhỏ thôi, để nghe được cái hương vị đậm đà chậm chậm, từ từ thấm vào đầu lưỡi. Nghe nhạc TCS là phải nghe trong những lúc thư thả, không bận rộn, nghe *“không cần vội vã”*, nghe với *“trái tim thật thà”*, để nghe được từng câu, từng chữ, từng lời nhạc khe khẽ, nhẹ nhàng len lỏi, luồn lách vào mọi góc ngách trong cơ thể, thấm vào từng mạch máu, chạm khẽ đến trái tim.

Tình yêu trong nhạc TCS

*Mùa xuân thay lá mùa đông
để cho chim hát chuyện tình...* (“Thành phố mùa xuân”)

Câu hát ấy là một trong những câu tôi thích trong những ca khúc TCS. Có hai lý do, thứ nhất, những lời ấy làm tôi nhớ câu thơ ngày xưa của Vũ Thành:

*Đàn chim về hát trong thành phố
kể chuyện hai người xa cách nhau*

Thứ hai nữa, đây là một câu hiếm thấy trong những câu viết về tình yêu trong nhạc TCS: có mùa xuân đang tới, có cây lá đâm chồi nảy lộc, có chim chóc líu lo kể chuyện tình. Tình yêu trong nhạc TCS có một khí hậu riêng, có một bộ mặt khác, không giống như những ca khúc viết về tình yêu của những người viết nhạc khác. Dường như ông ít khi viết một chuyện tình nào trọn vẹn, tròn đầy, ông chỉ viết phần kết, hoặc về một tình yêu đã mất. Cứ đọc thử những cái tựa bài hát là đủ thấy: “Em đi bỏ lại con đường”, “Cuối cùng cho một tình yêu”, “Hãy khóc đi em”, “Roi lệ ru người”, “Nghe những tàn phai”, “Tình nhớ”, “Tình xa”, “Tình sầu”...

Tình như nắng vội tắt chiều hôm... (“Như một lời chia tay”)

*Đời sẽ buồn như một chiều nao
hôn nhau lần cuối / hôn nhau lần đầu...*

(“Như một vết thương”)

Từ lúc đưa em về / là biết xa nghìn trùng...

(“Như cánh vạc bay”)

Ông viết về những hạnh phúc buồn bã, những nỗi vui ngâm ngùi, những bất an và bất trắc của những “*cuộc tình không may*”... Những kẻ yêu nhau trong nhạc tình TCS có

vươn tay về phía nhau nhưng không chạm tay vào nhau được.

Tình không xa nhưng không thật gần...

(“Như một lời chia tay”)

Tôi xin làm cây xa / đứng nhìn em rục rờ...

tôi xin làm nụ cười / chờ em giữa đôi môi

tôi xin làm mộng nhỏ / em vừa giấc ngủ say...

(“Vì tôi cần thấy em yêu đời”)

Nghe nhạc TCS cũng là nghe những lời đau xót, những nỗi dẫn vật, giằng xé, dày vò, những “*mưa quanh chỗ nằm*”, những “*đêm đổ xuống đời ta*”, những “*đêm thì thầm tiếng buồn*”... Ở những lời ông viết ta đọc thấy những cuộc chia tay, những nỗi chia lìa.

Từng người tình bỏ ta đi

như những dòng sông nhỏ... (“Tình xa”)

Dù ngày mai em như chim bay

bỏ quên đây một người... (“Hãy cứ vui như mọi ngày”)

Có chút lệ nhòa trong phút hôn nhau

Có những vệt bờ chôn theo tình đầu... (“Bay đi thầm lặng”)

Ông cũng có những lần tự thú trong tình yêu, trái tim ông yếu mềm đến độ lắm lúc ông rất muốn quên đi một hình bóng mà vẫn không sao quên được. “*Tưởng rằng đã quên*” chỉ là “*Tình nhớ*” nói dài. Cái khác là “*Những bước chân mềm mại / đã đi nhẹ vào đời*” ở “*Tình nhớ*” đổi thành “*vì từng bước em / là từng mũi đinh cuồng điên*” ở “*Tưởng rằng đã quên*”. Ông đã phải thú nhận, “*Tưởng rằng có thể quên đi dễ dàng một cuộc tình, nhưng hóa ra chẳng bao giờ quên được.*” Trái tim ông cũng đầy những mảnh vá. “*Mượn cuộc tình này để xóa cuộc tình kia chỉ là một sự vá vúi cho tâm*

hồn,” ông nói, “những mảnh vá ấy chỉ đủ để làm phẳng lạng bên ngoài mà thôi...”

Có lắm lúc ông thật hồn nhiên trong tình yêu, “*Tôi đã yêu em như trẻ thơ*”, hoặc “*Yêu em trái tim thật thà*” (“Trong nỗi đau tình cờ”). Cách yêu của ông cũng có vẻ hơi khác thường. Ông yêu thật từ tốn, thật chậm rãi, không phải vội vàng, như người ngòai nhăm nháp và thường thức từng ngụm trà nhỏ, hoặc nhìn từng giọt café rót xuống từng giọt, từng giọt, trong lúc tai lắng nghe từng nốt nhạc.

Yêu em bên đời lạng lẽ...
yêu em không cần vội vã
yêu trong nỗi vui đợi chờ... (“Trong nỗi đau tình cờ”)

Thậm chí, còn có những khi...

Yêu em yêu thêm tình phụ
yêu em lòng chọt từ bi bất ngờ... (“Ru em”)

Những lời lẽ nghe thì dịu dàng, nhẹ nhàng và đơn sơ như vậy, nhưng lại có bao nhiêu là vết thương. Những vết thương sâu mà ông gọi là... “*vết thương hồn nhiên*”. Những nỗi đớn đau mà ông gọi là... “*nỗi đau tình cờ*” hay “*niềm đau ngọt ngào*” (trong khi ông cũng biết là chẳng phải tình cờ và khó mà... ngọt ngào). Trong lòng ông luôn dâng lên nỗi khát khao muốn được đi lại từ đầu, muốn được yêu thêm lần nữa, muốn được bắt đầu lại chuyện tình với trái tim vừa chớm biết yêu. Ông khản khoản, “*Cho tôi đi xây lại chuyện tình...*” (“Xin cho tôi”), những chuyện tình chắc hẳn đã để lại trong ông rất nhiều hối tiếc.

Trong những tình khúc TCS, tình yêu vừa là mật ngọt, vừa là mật đắng, “*mật ngọt trên môi / mật đắng trong đời*” (“Lặng lẽ nơi này”). Vì sao lại như vậy? Người viết những ca

khúc ấy không có lời giải thích, chỉ nghe ông nói, “Con người không thể sống mà không yêu. Có người yêu thì hạnh phúc, có người yêu thì đau khổ. Nhưng dù đau khổ hay hạnh phúc, con người vẫn muốn yêu. Tình yêu vì thế mà tồn tại.”

Những chuyện tình ông viết thường là những chuyện tình lãng lẽ, không sóng gió, không sôi nổi, cuồng nhiệt, nhưng không phải là không đắm say, nồng nàn.

*Tôi xin làm cây xa / đứng nhìn em rục rờ
Tôi xin làm nụ cười / chờ em giữa đôi môi
Tôi xin làm mộng nhỏ / em vừa giấc ngủ say...
 (“Vì tôi cần thấy em yêu đời”)*

*Tôi đã yêu em bao ngày nắng
Tôi đã yêu em bao ngày mưa
Những sáng mênh mông tôi ngồi nhớ
yêu trong nỗi vui đợi chờ... (“Trong nỗi đau tình cờ”)*

Tình cho nhau môi ấm / một lần là trăm năm... (“Tình sâu”)

“Tim lẫn trên đường mòn’ nghĩa là sao?” một người bạn hỏi tôi. “Tôi không hiểu được,” anh ta nói, “nhưng mà nghe hay quá! Chưa thấy có ai viết về tình yêu như vậy.” Biết tôi khó mà trả lời, anh ta lại nói tiếp, “Thử tưởng tượng, một người moi trái tim trong lồng ngực mình ra, máu me nhầy nhụa, đầm đìa, rồi thả cho nó... chạy lẫn trên mặt đường một đoạn ngắn hay dài... Trái tim phải trầy trụa, phải rách rưới tả to vì bị gai góc, đá dăm đá sỏi cào xước... Tội nghiệp, còn gì là trái tim nữa! Phải yêu lắm lắm, phải yêu tới cỡ nào mới làm nổi chuyện ấy!” Là một họa sĩ tài tử, anh bạn tôi có ý định sẽ minh họa câu hát ấy bằng một bức vẽ. Tôi nói anh muốn vẽ gì thì vẽ, không khéo lại biến nhạc TCS thành nhạc... kinh dị.

Trong nhạc tình TCS, không có những lời thề non hẹn biển, mà chỉ có “*Ta gặp tình cờ như là cơn gió*”, và những lời hẹn thề chỉ “*là những cơn mưa*”. Cũng không có những lời thở than, sụt mướt như “*duyên kiếp lỡ làng rồi*”, mà chỉ có những lời cố làm ra vẻ hững hờ, dửng dưng như “*Ừ thôi em về...*”, hoặc là “*Em về hãy về đi / ta phiêu du một đời...*” Chuyện gì cũng cho là tình cờ, như cơn mưa bất chợt, vội vàng đến vội vàng đi. Ngay đến cả tuổi thọ của những chuyện tình xem ra cũng chẳng dài lâu, chỉ “*mong manh như nắng*” và “*thoảng như gió vội*”.

Ta gặp tình cờ như là cơn gió... (“Hoa vàng máy độ”)
Em ra đi như thoáng gió thâm... (“Tạ ơn”)

Tình đến lặng lẽ, “*tình đi âm thầm / lạnh lùng như dấu chim...*” Và ông còn ngồi lại đó, “*bên đời hiu quạnh*”, khi mà hạnh phúc đã khô queo như một dòng suối cạn, nhưng vẫn cứ mong đợi hoài những giấc mơ không bao giờ đến.

Ta vẫn mong / ta chờ mãi trên từng ngày quạnh hiu
Ta vẫn mong em về đây cho đời bày cuộc vui...
 (“Rừng xưa đã khép”)

Ru em tình như lá / trăm năm vẫn quay về
Xin em còn đâu đó / cho tôi còn tiếng ru... (“Ru tình”)

Đâu ngờ tình như lá úa
 khiến tôi chia lìa từng giấc mơ... (“Trong nỗi đau tình cờ”)

Ông vẫn hay nói về những giấc mơ. Một bài hát có những lời và hình ảnh thật là đẹp nhưng lại ít được người nghe ở đây đón nhận chỉ vì có những câu mà người ta không muốn nghe chút nào, chẳng hạn “*Thành phố vẫn có những giấc mơ / vẫn sống thiết tha...*” (“Em còn nhớ hay em đã quên”). Nghĩ cho cùng, chẳng ai ngăn cấm được những giấc mơ. Ngay cả

khi thân ta bị giam hãm, tù đày, những giấc mơ vẫn còn được tự do, vẫn cứ bay lượn như những cánh diều ở bên ngoài những vòng rào kẽm gai. Người ta đã không thể nhốt được gió thì cũng không thể nào giam giữ, bỏ đói, hay giết chết được những giấc mơ. TCS, ông có một cái tội mà ngay chính ông cũng khó lòng tha thứ cho ông được (vì có tha thứ thì rồi cũng sẽ... tái phạm), đó là ông đã có những giấc mơ (chẳng hạn giấc mơ về thành phố mà ông đang sống, và giấc mơ nói được một vòng tay lớn). Ông đã sống cùng những giấc mơ đó, và đã chết cùng những giấc mơ đó. Chính những giấc mơ đó, chứ không phải ai khác, không phải điều gì khác, đã giết chết ông, đã hãm hại ông, đã khiến ông bị oán ghét. Nhưng ông không thể nào đổ lỗi cho những giấc mơ được, mặc dầu ông đã phải trả giá cho những giấc mơ ấy. Đã có ai đó nói rằng ca khúc TCS là “Những bản tình ca không có hạnh phúc”; tôi nghĩ, đây còn là những bản tình ca về những giấc mơ rạn vỡ.

“Sống mà giữ mãi trong lòng những hờn oán thì cũng nặng nề, ta biết tha thứ những điều nhỏ thì cuộc đời sẽ tha thứ cho ta những điều lớn hơn,” ông nói vậy, và ta cũng nhận là đúng thôi. Khi còn sống, trong những năm cuối đời, ông có được lắm kẻ yêu và cũng nhiều người ghét, ông nhận được cả những lời ngợi ca lẫn những câu nguyên rủa, cho ông nhìn thấy “*những con mắt thù hận / cho ta đời lạnh căm*” (“Những con mắt trần gian”). Yêu và ghét, cũng như tốt và xấu, hai mặt của cuộc sống, có khi chỉ là một. Những người ghét ông, là bởi vì trước đó họ đã trót yêu ông quá đầy thôi. Nếu không yêu ông lắm người ta đã không ghét ông nhiều đến vậy. Tình yêu biến thành... tình hận. Ông giống như một người tình phụ bạc vậy. Đúng là do lỗi ông thôi, ông không thở than, chống chế vào đâu được. “*Đời tôi góc*

dại / tự làm khô héo tôi đây...” (“Chiếc lá thu phai”), ông cũng chẳng từng đâm ngực tự thú đó sao? Nhưng cũng đâu phải vì mối hận tình đó mà tấm nhan sắc kia bỗng đổi thành xấu xí, những bản tình ca kia chẳng còn ai muốn nghe... Còn những người yêu ông thì lại càng yêu ông hơn sau ngày ông lặng lẽ rời bỏ “một cõi đi về” này.

Thế còn ông, vì ông đã nói những lời trên, tôi chắc ông cũng chẳng cay đắng, hờn trách chi cuộc đời. Một người từng có những lúc “*chuyện trò với lá cây*” thì khó mà có thể giận hờn ai được. “Đời cho ta thế,” ông nói trong một ca khúc, có nghĩa là, dầu có hay dở, tốt xấu thế nào đi nữa ông cũng sẵn sàng và vui vẻ mở gói quà tặng của cuộc đời. “*Hãy cứ vui chơi cuộc đời! / Hãy cứ vui như mọi ngày!*” như câu hát trong một tình khúc của ông, trong ông có lòng cam chịu, có nỗi nhẫn nhục, có gắng gượng làm vui.

*Dù ngày mai em như chim bay...
dù ta như con đường dài vắng người...
dù chiều nay không ai qua đây...
dù trong ta đêm thì thầm tiếng buồn...*
 (“Hãy cứ vui như mọi ngày”)

*Dù trong tôi đã héo hơn đợi chờ... (“Chưa mất niềm tin”)
Dù còn phút cuối / xin em nụ cười... (“Vẫn nhớ cuộc đời”)
Dù đến rồi đi / tôi cũng xin tạ ơn người / tạ ơn đời...
 (“Tạ ơn”)*

TCS, thực ra ông là ai vậy? “Tôi biết rõ rằng tôi chỉ là một loài chim nhỏ hót chơi trên đầu những ngọn lau”, ông nói thế. Nếu không muốn nghe những lời chim hót, tôi chắc cũng chẳng ai đành lòng ném đá xua đuổi để con chim nhỏ ấy phải bay đi nơi khác.

Tôi có người bạn, nghe tin TCS mất và thấy nhiều người tỏ lòng thương tiếc người nhạc sĩ tài hoa, anh nhún vai nói, “Chẳng nên bi lụy thái quá, có những kẻ ‘chết nhiều lần trước khi chết thật’. Cái tin này chẳng qua chỉ là xác nhận lại cái chết từ năm bảy mươi lăm mà thôi.” Thế nhưng sau đấy, có một lúc nào đó tôi nghe được từ miệng anh câu hát vu vơ, “*Tình mong manh như nắng / tình còn đầy không em?...*” Như vậy là anh bỏ TCS, chứ TCS đâu có bỏ anh. Tôi nghĩ là chúng ta sẽ dễ dàng quên TCS thôi nếu một ngày nào đó không còn ai hát nữa những câu nhạc tình vu vơ như vậy. Chắc là phải đợi cho đến lúc nào ở quanh ta không còn có những cặp tình nhân, không còn có những kẻ yêu nhau và phụ nhau, cũng không còn ai muốn nói với ai những lời tình tự ngọt ngào, hay chua xót đắng cay. Và nếu có như thế, đời sống sẽ buồn tẻ biết chừng nào!

Nghe nhạc TCS có được chút hạnh phúc là có ông chia sẻ, san sẻ cùng ta những nỗi vui, niềm đau. Ông nói hộ ta những điều ta muốn nói. Ông cũng bày tỏ, thổ lộ dùm ta những tình cảm sâu kín nhất trong ta. Khi nghe những lời ông tự vỗ về, an ủi, ta như cũng được vuốt ve, xoa dịu. Trong những ca khúc TCS, ông đã như vừa nói với ông lại vừa nói với ta nữa. Nhạc TCS, như vậy, cũng có thể được gọi là những “Tự tình khúc”, như là tựa một bài hát của ông vậy.

Có ai trong mỗi chúng ta lại chẳng có một chút TCS, theo cái nghĩa đó. Chỉ cần một *chút* thôi (nói theo chữ ông hay dùng), cũng đủ giúp ta có lúc tạm quên đi cái gánh nặng của “*đời com áo*”. Vậy thì cũng nên cảm ơn ông lắm chứ, vì ông đã gánh nhẹ dùm ta những nỗi phiền muộn của đời sống, và cũng vì chút lễ công bằng (biết đâu lại chẳng khiến ông phải ân hận mà rút lại lời trách cứ nhẹ nhàng, “*Đôi tay nhân gian*

chưa từng độ lượng”). Và, cuộc đời như thế cũng sẽ đẹp thêm lên một chút.

Nỗi cô đơn và cái chết trong nhạc TCS

Như hầu hết các nhạc sĩ sáng tác, TCS không có giọng ca tốt. Ông chỉ là người soạn ca khúc, muốn những ca khúc đó tới được người nghe, ông phải mượn đến những giọng ca khác. Ông nói giọng Huế và khi hát, ông không thoát ra được âm hưởng nặng nề của chất giọng địa phương ấy. Những ca sĩ khác làm được nhưng ông không làm được. Điều này cũng hơi bất tiện cho ông, chẳng hạn khi ông muốn giới thiệu một ca khúc mới, người nghe không dễ gì “cảm” được ca khúc ấy khi nghe ông hát lần đầu. Có thể người ta vẫn chịu khó nghe ông vì họ muốn được nghe bằng chính giọng ca của người viết nên ca khúc ấy. Còn nếu ông có ý định thực hiện một đĩa nhạc chỉ với giọng hát của ông thôi, tôi chắc đây sẽ là một trong những đĩa nhạc bán chậm nhất. Tuy nhiên, có một lần nào đó được nghe ông hát “Một cõi đi về”, tôi lại có cái cảm giác khác hẳn những lần nghe các ca sĩ khác hát cùng bài ấy. Khi ông cất giọng, giọng của ông nghe vốn đã yếu, lại như vẳng ra nỗi cô đơn thăm thăm từ một đáy vực nào. Cái giọng hiu hắt ấy theo tôi từ câu đầu tới cuối bài hát. Lại thêm tiếng đàn đệm guitar nữa, không rõ có phải tiếng đàn của ông, nghe sao thật rã rời. Cùng với những lời buồn bã của bài hát ấy, tất cả như toát lên nỗi tuyệt vọng thăm sâu... Rõ ràng là tôi chưa hề nghe một giọng hát nào cô đơn đến như vậy!

Nghe lại những ca khúc hay đọc lại những lời nhạc TCS, từ bài đầu tiên cho đến những bài gần đây nhất, là những bài sau cùng, ta như thấy nỗi cô đơn ấy trải dài suốt những năm tháng cuộc đời ông, cũng chẳng khác chi “*ngọn gió hoang vu*

thối suốt xuân thì". Những chữ “hoang vu”, “âm u” được ông dùng nhiều lần trong lời nhạc. Ông như người bước đi chập choạng trên nỗi cô đơn từng ngày. Ta tưởng tượng chỉ có một mình ông thôi trên “*con đường dài vắng người*” ấy. Ông hay nói “một mình”, cái gì cũng chỉ “một mình” thôi.

Trời cao đất rộng / một mình tôi đi
Đời như vô tận / một mình tôi về
 một mình tôi về với tôi... (“Lặng lẽ nơi này”) hoặc

Một ngày như mọi ngày / đi về một mình tôi
bóng đổ một mình tôi... (“Một ngày như mọi ngày”) hoặc

Chiều một mình qua phố
âm thầm nhớ nhớ tên em... (“Chiều một mình qua phố”)

Câu hát “*Làm sao em biết đời sống buồn tênh!*” nghe như tiếng thở dài thật nhẹ, nhưng cũng đủ thấy lòng chùng xuống. Ông từng trải qua những nỗi cô đơn cùng tận đến có lúc ông phải thốt lên lời an ủi, vỗ về chính mình, “*Tôi ơi, đừng tuyệt vọng!*”, nghe như lời kêu cứu thảm thiết để ông phải chạy lại mà cứu lấy chính mình ra khỏi vũng lầy tuyệt vọng.

Không hẳn là thế giới quanh ông không mang đến cho ông chút ý nghĩa nào để ông thấy đời đáng sống, hoặc chẳng có ai chia sẻ cùng ông những niềm vui nỗi buồn trong cõi sống mịt mù này, ông vẫn có những khi hạnh phúc, vẫn có lúc tận hưởng những lạc thú; thế nhưng, ngay cả khi ông nói về những nỗi vui, ta vẫn nghe pha chút ngậm ngùi:

Hãy cứ vui chơi cuộc đời
dù ngày mai em như chim bay... (làm sao mà vui nổi!)

Hãy cứ vui như mọi ngày
bên trời còn nắng / lá trời còn xanh

phố còn người đông / rồi quên rồi quên... (dễ gì mà quên nổi!)

Ôi trái tim phiền muộn

đã vui lại một giờ... (một giờ thì có ăn thua gì!).

Những ý tưởng trong bài “Một cõi đi về” thực ra không mới, chỉ là tổng hợp những ý từng được ông lặp đi lặp lại nhiều lần, rải rác trong những bài trước đó. Trong những lời của bài hát ấy, có một câu khiến tôi phân vân, “*Chẳng biết nơi nao là chốn quê nhà*”. Ở ngoài nước người ta đã hát như vậy, ở trong nước người ta cũng hát như vậy. Vậy thì quê hương thực sự ở đâu? Ở trong tim mỗi người có lẽ. Tôi chắc là ý ông cũng muốn nói như vậy. Ông không nói ra điều này với những người lớn, nhưng với những em bé thì ông bảo rằng “*tim mỗi người là quê nhà nhỏ*” (“Em là hoa hồng nhỏ”), và còn dặn dò, khuyên nhủ, “*Này em trong mỗi con tim / nhớ mang quê hương của mình*” (“Như hòn bi xanh”). Còn riêng ông thì sao? Liệu có đúng là mỗi người đều cần có một quê hương, một nơi chốn để mà trở về...(?)

Thực ra, không phải chỉ mới sau này, đã từ lâu lắm ông vẫn cứ loay hoay đi tìm, vẫn suốt đời tìm kiếm.

Em đã đến quê hương một mình

riêng tôi vẫn âu lo đi tìm... (“Người con gái Việt Nam da vàng”)

Ta cũng nghe ông hay nói về gió, những làn gió bay, những hơi gió thoảng.

Em ra đi như thoáng gió thoảng... (“Tạ ơn”)

Lòng tôi có khi mơ hồ

tưởng mình đang là cơn gió... (“Lời thiên thu gọi”)

Một ngày kia đến bờ / đời người như gió qua... (“Phôi pha”)

*Đường trần rồi khăn gói
mai kia chào cuộc đời
nghìn trùng con gió bay...* (“Những con mắt trần gian”)

Và ông cũng hay nói đến những hẹn hò.

*Những hẹn hò từ nay khép lại
thân nhẹ nhàng như mây...* (“Như một lời chia tay”)

Đất hoang vu khép lại hẹn hò... (“Cho một người nằm xuống”)

Và ông cũng đã sắp đặt lại mọi thứ mọi việc cần làm.

*Về thu xếp lại...
vội vàng thêm những phút yêu người...* (“Chiếc lá thu phai”)

Và sau cùng, ông cũng ngỡ lời cảm tạ cuộc đời, cảm tạ mọi người, như cách mà người ta vẫn làm trước một chuyến đi xa.

*Dù đến rồi đi / tôi cũng xin tạ ơn người
tạ ơn đời / tạ ơn ai đã cho tôi
còn những ngày ngời mơ ước cùng người...* (“Tạ ơn”)

Cái chết như một nỗi ám ảnh, như được báo trước, hay ít ra cũng đã được chuẩn bị. Chết là hẹn hò với lòng đất, là chia tay với cuộc đời mà ông đã sống, đã yêu thiết tha.

Dù còn phút cuối / xin em nụ cười... (“Vẫn nhớ cuộc đời”)

Chết là nói lời chia tay với hết thầy mọi người, những người yêu ông và ghét ông. Cái chết, thật là nhẹ nhàng đối với ông, cứ như là “*một hôm buồn ra ngắm dòng sông, một hôm buồn lên núi nằm xuống*” (“Tự tình khúc”). Ông còn thấy trước được cả cái chết của mình, thấy trước được cảnh tượng biết bao người tìm đến vây quanh huyệt mộ, và nghe được cả những lời ai oán khóc than.

*Một lần nằm mơ, tôi thấy tôi qua đời
dù thật lệ rơi / lòng không buồn mấy... (“Bên đời hiu quạnh”)*

*Mệt quá thân ta này
nằm xuống với đất muôn đời
Kìa còn biết bao người
dắt dìu tới quanh đây... (“Ngẫu nhiên”)*

*Ta thấy em đi quanh / từng giọt nước mắt
ta thấy em đi quanh / từng ngọn nến tắt
nghe tiếng em kêu tên
một ngày xa lắm muôn trùng... (“Ru đời đã mất”)*

Sau cái chết của ông, ta có chút hụt hẫng. Không hụt hẫng sao được. Lâu nay vẫn có ông bên cạnh mà ta không để ý, đến lúc ông bỗng nhiên bỏ đi ta mới ngơ ngác. Ta đã cùng đi với ông một đoạn đường dài, đã trót theo chân ông tới đây. Rồi ông đột ngột chia tay, “*bỏ mặc con đường*”. Trước đây, ta cảm thấy có ông đứng cạnh ta, mỉm cười nói, “*Hãy cứ vui chơi cuộc đời!*...” Còn bây giờ, ta như thấy ông đứng phía trước ta, đứng giữa con đường, và ông từ từ quay lại, lắc lắc đầu, mỉm cười nói, “*Thôi về đi / đường trần đâu có gì!*...” Rồi ông biến mất, trong lúc ta còn đứng chờ vợ giữa con đường. Biết làm sao bây giờ? Đành phải quay về thôi, đành phải làm theo lời ông thôi. “*Đường trần... đâu có gì!*” ông nói vậy. Nhưng biết làm sao quay về!? Đúng là ông đi “*bỏ lại con đường / bỏ mặc tôi ngồi giữa đời tôi...*”

Từ khi ông mất, ta nghe cái chết có vẻ nhẹ nhàng hơn, biên giới giữa sống và chết có vẻ cận kề hơn, và ta nghe nhạc của ông dường như cũng “thấm” hơn.

Con chim đau và giấc mộng ưu phiền

Nói đến TCS, không thể nào không nhắc đến tiếng hát đã gắn liền với tên ông, gắn liền suốt chiều dài của những năm tháng mà những ca khúc ông viết ra còn được nhiều người biết đến. Tiếng hát ấy đã không ở lại cùng ông sau ngày ông chọn ở lại, nhưng đã không có lúc nào ngưng hát nhạc của ông. Tiếng hát ấy đã từng là chiếc cầu bèn chắc nối liền những ca khúc của ông với trái tim người nghe. Không có tiếng hát ấy, không ai biết chắc số phận những ca khúc của ông sẽ ra sao(?). Và ngược lại, không có những ca khúc ấy, không ai biết chắc số phận của tiếng hát ấy sẽ như thế nào(?).

Dù sao, nghe lại một lần nữa tiếng hát ấy sau ngày ông mất, trong băng hình của một chương trình ca nhạc, cũng thấy được rằng trước sau giọng hát ấy vẫn gắn liền với ông. Chị đã thật có lý khi chọn hát “Diễm xưa”. Qua bao nhiêu là năm tháng, bao nhiêu là tang thương dâu bể, bao nhiêu là vật đổi sao dời, cánh chim đã mỏi ấy, sau một vòng bay quá dài, vẫn muốn tìm về “Diễm xưa”. Giọng hát chị không còn trẻ nữa, làn hơi chị không còn khỏe nữa, nhưng những cảm xúc ngày ấy, tôi nghe vẫn còn nguyên vẹn. “Diễm xưa” bây giờ lại còn “xưa” hơn cả ngày xưa. Và tôi nghe lại những “*con đau vùi*”, những “*làm sao có nhau... / bước chân em xin về mau*”. Còn bước chân ai nữa? Biết làm sao cho có nhau? Giọng hát ấy, tôi nghe như tiếng chim kêu bi thương, thảm thiết. Tiếng chim kêu ấy ngày xưa nghe đã bi thiết, nay lại càng bi thiết hơn. Chị đứng đó một mình trông tro trụi quá. Sân khấu chỉ còn lại những cây guitar và những nốt nhạc đẽm rời rạc, những cây guitar của hơn ba mươi năm về trước. Tôi tưởng trông thấy được những giọt nước mắt chị (như vẫn thấy ở những ca sĩ khác trong những màn trình diễn tương tự), nhưng chị không khóc, cho dù chị vẫn có thể khóc mà không ai cảm được. Vì nhạc TCS không phải để sụt sùi, hay vì trái tim đã “*hằn lên nỗi đau*” khiến chị tê dại. Chị

không nói lời tình yêu, chị nói đến “định mệnh”, đến “bóng với hình”, đến “một nửa cuộc đời” chị, những lời ấy tôi nghe gấp nhiều lần tình yêu. Chị đã hát sai lời, đã quên cả lời những bài hát ấy. Nhưng không hề chi, khán giả vẫn xúc động, vẫn có những giọt nước mắt... Gọi là “liên khúc”, thế nhưng những khúc hát ấy đôi lúc chẳng có liên lạc gì với nhau, nghe sao đứt đoạn, gãy vụn... như là những giấc mơ rạn vỡ.

Tôi đã nhận ra chị, tôi đã nhận ra Khánh Ly. Chị là “con chim đau” trong lời nhạc TCS. Đã từ lâu lắm, ở một góc nào đó thật sâu kín trong trái tim chị, “con chim đau nằm yên / ngủ dài lâu mang theo vết thương sâu”. Tôi cầu mong “một sớm mai chim bay đi triền miên / và tiếng hát tan trong trời gió lên”...

Có một chỗ chị hát sai lời mà tôi muốn được nhắc. Chị không cần phải thêm chữ “vùi” vào cuối câu hát “*Không có ai từng ngày / không có ai đời đời ru anh ngủ...*” Câu hát là như vậy, và chị đã từng hát như vậy. (Nói “ru anh ngủ”, hoặc “anh ngủ vùi”, chứ không ai nói “ru anh ngủ vùi”, “ru anh ngủ say”, “ru anh ngủ ngon...”). Thêm hoặc bớt, dù chỉ một chữ, sẽ không còn là ngôn ngữ TCS. Hơn thế nữa, TCS, ông không ngủ vùi đâu. Ông chỉ ngủ trong chốc lát. Chị có thể cầu cho ông ấy giấc ngủ bình yên. Như thế là đủ. Có lẽ ông cũng chẳng muốn gì hơn. Tôi nhớ là ngày xưa, ông đã từng có lúc ước mơ được là trẻ thơ, ước mơ được “*ngủ trong vòng nôi*”, để được nghe những lời mẹ ru theo nhịp võng đong đưa. “*Xin cho tôi / xin một lần thôi...*”, ông khấn khoản. (Giấc mơ ấy được ông kể lại trong bài hát nào, lâu lắm tôi không còn nhớ tên). Thế nhưng cuộc sống ông thì lại khác, chẳng có nhịp võng đong đưa, chẳng có vòng nôi êm ái, cũng chẳng có lời mẹ ru ngọt ngào, mà chỉ có những lời “*ta ru ta*

ngậm ngùi”... “*Đừng tuyệt vọng! Tôi ơi, đừng tuyệt vọng!...*” Ông cô đơn đến mức chỉ còn trò chuyện được với chính mình, và phải tự đánh lừa mình để biến niềm tuyệt vọng thành “thú đau thương”, biến nỗi đốn đau thành những “*niềm đau ngọt ngào*”. Nhớ có lần ông nói, “Hãy đi đến tận cùng của tuyệt vọng để thấy tuyệt vọng cũng đẹp như một bông hoa.” Quả là có thứ hạnh phúc buồn bã đến như vậy sao!?!

Tôi thực tình không định cầu chúc ông hái được những bông hoa của tuyệt vọng, nói như vậy nghe sâu thẳm quá. Thôi thì nói chuyện gì khác vậy... Vì ông vẫn hay nói đến gió, và vì ông cũng là gió của trời nữa, tôi muốn đọc ông nghe chơi câu thơ Nguyễn Đình Toàn.

*Gió trời xin ngủ bình yên
coi như giấc mộng ưu phiền đầy thôi*

Vì ông vẫn hay nói đến gió, thôi thì hãy “*để gió cuốn đi*”, cuốn đi cho sạch hết mọi nỗi buồn phiền và “*những giấc mơ đời hư ảo*”. Riêng tôi, nếu có nhớ đến ông, nhiều lắm cũng chỉ là thỉnh thoảng ngồi hát băng quơ mấy câu nhạc tình ông để lại cho đời, như là ngày xưa tôi vẫn nghêu ngao trong những lúc thất tình, “*Người ngỡ đã đi xa / nhưng người vẫn quanh đây...*”

Trịnh Công Sơn, tôi chắc là ông còn ở lại với chúng ta lâu lắm. Ông chỉ quanh quẩn đâu đây thôi. Ông chưa đi xa lắm đâu.

* Những chữ in *ngiêng* trong bài là trích ca từ TCS

** Bài đăng lần đầu trên tạp chí *Văn Học*, CA, 10&11/2001, số đặc biệt *Trịnh Công Sơn – Tình yêu, Quê hương, Thân phận*

Ngôn ngữ ngậm ngùi



Giữ thom quê mẹ, thư pháp Trụ Vũ

*“Tiếng nước tôi,
bốn ngàn năm rờn rã buồn vui.”*
(“Tình ca”, Phạm Duy)

Một người bạn, qua Mỹ năm 1975, kể với tôi rằng thành phố gia đình anh định cư trong năm đầu có rất ít người Á châu. Mỗi lần thoáng trông thấy một cái “đầu đen” nào là anh ta chạy ngay đến để xem thử có phải là người Việt không. Một hôm, trên đường phố, bắt chợt anh ta nghe một tiếng nói quen thuộc cất lên. Tiếng Việt Nam. “Một cái đầu đen,” anh ta la lên, chạy bay đến trước mặt người đàn ông

vừa thốt ra thứ tiếng ấy, nắm chặt hai vai, lắc lắc: “Việt Nam à? Tôi cũng Việt Nam đây!” (Anh ta không nói “Tôi cũng là người Việt Nam đây!”). Người đàn ông cũng tỏ ra vui sướng không kém. Hai người quần lẩy nhau, tíu ta tíu tít như hai người bạn thân lâu ngày gặp lại và cùng tuôn ra một tràng tiếng Việt, mặc cho những người bản xứ đi qua đi lại nhìn chằm chằm hai người, ngạc nhiên vì một thứ ngôn ngữ “lạ tai”. Nổi khát khao bị dồn nén lâu ngày vỡ ra, ùa ra. Anh bạn tôi không cần biết người đàn ông nói tiếng Việt kia là ai, ở đâu ra, vì sao lại có mặt nơi đây. Không cần biết, chỉ cần... nói tiếng Việt. Thế là đủ.

Anh bạn tôi thèm được nghe, thèm được nói thứ ngôn ngữ ấy, cái mà anh ta thiếu thốn, khao khát đã lâu. Anh ta đi tìm chút “quê hương trong tiếng nói”. Cái cảm xúc ấy chỉ đến với anh ta một, hai lần sau đó, và không bao giờ trở lại nữa. Nơi anh ta sống bây giờ có khá đông người Việt, có khá nhiều “đầu đen”. “Người Việt ‘phức tạp’ quá!” anh ta nói, nhún vai.

Đây là chuyện của anh bạn tôi. Chuyện của tôi thì có hơi khác một chút. Năm đầu đến Mỹ, tôi có cái vui gặp lại những người bạn cũ. Một ông bạn, sau ít câu thăm hỏi chuyện gia đình, hỏi:

“Con trai ông tên gì?”

“Hữu Nghị.”

“Bộ hết tên rồi hay sao mà đặt cái tên gì ghê vậy?”

“Ông nói ‘ghê’ là ghê làm sao?” tôi hỏi.

“Thì ‘từ Việt cộng’ chứ còn ‘làm sao’ nữa,” người bạn phang một câu xanh rờn.

Từ Việt cộng! Không phải là lần đầu tôi nghe cái “từ”¹ này, bèn có một sự phản kháng:

“Việt cộng nào? Thứ nhất, ông muốn tôi đặt tên gì khác bây giờ? Máy anh em trai tôi đều là Lê Hữu... gì gì đó, Phước, Lộc, Tài, Đức..., đến đời thằng con tôi thì cũng phải cho nó cái ‘Hữu...’ gì chứ! Thứ hai, cái tên ấy tôi đã nghĩ ở trong đầu từ trước năm 75, vì muốn thằng con mình đi về ngành... ngoại giao. Việt cộng đâu có phải là người ‘phát minh’ ra cái chữ ấy, và cũng đâu có được phép ‘độc quyền’ cái chữ ấy. Tiếng Việt là tài sản chung của người Việt mà.”

Người bạn nín thính, cũng không tỏ dấu hiệu nào là có “nhất trí”¹ hay không.

“Hữu Nghị”, cái tên ấy, hai chữ ấy (và những chữ khác nữa) tự nó không có lỗi gì cả. Vậy mà tội nghiệp, nó đã bị ghét bỏ một cách oan uổng, chỉ vì nó được những kẻ mà người ta ghét sử dụng nhiều. “Ghét ai ghét cả tông chi họ hàng”, tâm lý này khá phổ biến và có thể hiểu được. Ghét người nào là ghét cả cái nhà cái xe, cái chăn cái chiếu, con chó con mèo... của người ấy. Nhiều người cảm thấy “ghét” chữ này chỉ vì thường đọc/nghe trên “báo, đài”¹ nào là “Tình hữu nghị thắm thiết giữa hai nước láng giềng núi liền núi, sông liền sông”, nào là “Chúc cho tình hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước đời đời bền vững, mãi mãi xanh tươi, rất mực thủy chung, vô cùng trong sáng”... vân vân và vân vân. Nghe mà dễ... ghét.

A. Tiếng Việt ở trong nước

Ông bạn tôi (và khá nhiều người như thế) chỉ suy nghĩ đơn giản, hoặc chỉ lặp lại những gì ông nghe người khác nói, thành thử nhiều khi nói mà... không biết mình nói cái gì.

Sau này, mỗi khi bị “truy chụp”¹ là dùng “từ Việt cộng”, tôi tìm được cách giải thích khác, gọn hơn: “Ông thử lật tư

điền tiếng Việt trước năm 75 của miền Nam ra xem, nếu có chữ này thì ông không thể gọi là ‘từ Việt cộng’ được.”

Tuy nhiên, lời giải thích ấy không phải lúc nào cũng “có sức thuyết phục”¹, lắm người không cần biết chữ ấy có hay không có trong tự điển “phe ta”, hễ tiếng nào “đối phương” sinh dùng (nhất là dùng không đúng, nghe chướng tai, hoặc có vẻ “đao to búa lớn”) thấy đều là... “từ Việt cộng”. Những đối tượng ấy kể cũng hơi... khó nói chuyện (ngày trước gọi là “không có tinh thần đối thoại”).

Tội nghiệp cho những con chữ ấy, nằm yên ổn trong những trang sách tự điển từ bao nhiêu năm, nay bỗng nhiên bị nắm đầu lôi cổ ra tố khổ một cách oan uổng như là những kẻ... nằm vùng. Vai trò của chữ nghĩa xưa nay vốn độc lập, không nghiêng bên này ngã bên kia, vậy mà nay lại bị gọi ra “làm việc”,¹ tra vấn: “Anh/chị theo bên nào?”

Những từ ngữ Hán-Việt như “hữu nghị”, “khẩn trương”, “tranh thủ”, “động viên”, “tham gia”, “hoành tráng”... không mới mẻ, lạ lùng gì với người dân miền Nam trước năm 1975. Nếu có khác là khác về cách diễn nghĩa, cách sử dụng, và không dùng tràn lan vô tội vạ như ở trong nước bây giờ.

Ở miền Nam ngày trước ta vẫn nghe: “Thủ tướng chính phủ vừa ký quyết định ban hành tình trạng *khẩn trương* trên toàn lãnh thổ”, hoặc “*Tranh thủ* nhân tâm (hay *tranh thủ* sự ủng hộ của dư luận thế giới / *tranh thủ* một nền hòa bình công chính) là một trong những mục tiêu hàng đầu của công tác đấu tranh chính trị”, hoặc “Phái đoàn đến thăm viếng ủy lạo và *động viên* tinh thần binh sĩ”. Hoặc những câu hát:

Nhân dân *cách mạng Việt Nam*

vùng đứng lên cùng thế giới

Vai chen vai bên nhau mưu cuộc giải phóng giống nòi

(“Nhân dân cách mạng Việt Nam”, nhạc sĩ Hùng Lĩnh)

*Người người một lòng nhất trí đem thân oai vỹ vùng
 Nguyên cùng bạo tàn quyết đấu
 một trời không chung sống...*
 (“Chiến đấu ca”, Hoàng Trọng)

trong nhiều bài hát của các nhạc sĩ ở trong Nam cho thấy các từ ngữ “nhân dân”, “giải phóng”, “nhất trí”... không phải là “độc quyền” của người miền Bắc.

“*Có một phút giây ngắn ngủi nào đó, chúng ta chợt phát hiện vừa nghe được những lời tình thật nồng nàn bằng cung bậc của những bản tình ca bất diệt...*” Những lời ấy của ca sĩ Lê Thu, phát ra từ một băng nhạc cũ trước năm 1975 (giới thiệu bài hát “Giấc mơ hồi hương” của nhạc sĩ Vũ Thành), cho thấy từ ngữ “phát hiện” đâu có phải là do người miền Bắc... phát hiện.

Dẫn ra các ví dụ trên để thấy rằng, tiếng Việt là của người Việt, không có Bắc Trung Nam chi cả, và chỉ vì duyên cớ nào đó mà đem lòng oán ghét những “từ” này “từ” nọ thì kẻ cũng bất công và tội tình cho chữ nghĩa. Hãy trả ngôn ngữ về vị trí độc lập như nó đã từng.

Trong phạm vi bài này, để cho dễ gọi (và để không phải lặp lại nhiều lần “trước/sau năm 1975”), xin được tạm dùng những “cụm từ”¹ sau:

- Miền Nam ngày trước: miền Nam Việt Nam thời trước năm 1975.
- Tiếng Việt cũ: cách nói hoặc từ ngữ được sử dụng ở miền Nam ngày trước.
- Tiếng Việt mới: cách nói hoặc từ ngữ được sử dụng trong cả nước hiện nay (không hẳn là “mới”, chỉ để phân biệt với “tiếng Việt cũ”).

Những cách gọi này có tính cách tương đối, giai đoạn (do những biến động của lịch sử), và chỉ sử dụng trong phạm vi bài này.

Trong bài này sẽ không có những từ ngữ như “từ VC”, “từ ngữ VNCH”... hoặc những phê phán kiểu “xưởng đẽ”, “chiến sĩ gái”, “Công ty chất đốt thanh niên”, “Cửa hàng thịt tươi sống phụ nữ”... ngụ ý cười nhạo sự quê mùa của người sử dụng ngôn ngữ. Quê mùa không phải là cái tội, chỉ là sự thua thiệt do không có may mắn được đến trường đến lớp để “tiếp thu”¹ những kiểu cách văn minh lịch sự. Theo đà tiến hóa, chắc chắn là những cách nói ấy sẽ không tồn tại. Ông cha ta ngày xưa ít được học hành đến nơi đến chốn, hầu hết đều đi từ “chân quê” đến văn minh thành thị. Có người Việt nào lần đầu tiên lò dò đặt chân đến nước Mỹ mà ít nhiều không... ngó ngó, chỉ khác là không bị người bản xứ cười nhạo.

Ngôn ngữ là tài sản chung của dân tộc, chắc không ai phủ nhận điều này. Ngôn ngữ là sản phẩm của con người, chứ không... làm nên con người. Tiếng Việt cũng không ra khỏi lẽ ấy. Tiếng Việt dùng chung cho cả nước. “Người phát minh” ra tiếng Việt không hề có ý định cấp giấy phép cho “bên” nào đặc quyền sử dụng; vì vậy, thiết tưởng ta cũng không nên làm cho tiếng Việt–ngôn ngữ của nước ta–trở nên “phức tạp”.¹

Nếu ta có thể “nhất trí” được với nhau, tiếng Việt là những “tiếng” được ghi lại trong các bộ tự điển tiếng Việt của cả miền Bắc lẫn miền Nam ngày trước (tất nhiên những bộ tự điển này luôn cần được bổ sung) thì không có chữ nào, tiếng nào là độc quyền của “bên” nào cả. Bên nào xài cũng được, miễn là chịu khó xài cho đúng. Ngôn ngữ của một dân

tộc không hề có biên giới hoặc “chiến tuyến”. Những “từ” nào phổ biến rộng rãi trong sinh hoạt thường ngày của người Việt đều được đưa vào tự điển tiếng Việt. Người biên soạn tự điển không làm công việc tìm hiểu các “từ” cũ, “từ” mới ấy thuộc về “bên” nào, hoặc có... “ý đồ”¹ gì hay không.

1. Chữ và nghĩa

Ngôn ngữ tự nó không có lỗi gì cả. Hoặc nếu có, chỉ là lỗi nơi người sử dụng chúng. Thế nhưng, như thế nào gọi là “lỗi”? Có thể kể ra ít ví dụ về những cách nói và cách dùng từ ngữ khá phổ biến cần được điều chỉnh cho đúng nghĩa, hợp lý.

- **Bài viết:** Thay vì nói “Dưới đây là *bài viết* của tác giả Nguyễn Văn A”, nói “Dưới đây là bài góp ý/tường thuật/nhận định/bình luận... của ông/bà/nhà văn/nhà báo/nhà phê bình Nguyễn Văn A”. Hoặc “Dưới đây là bài góp ý/tường thuật/nhận định/bình luận... của Nguyễn Văn A”.

(“Bài viết” chỉ là bài văn, không phải là một thể loại văn. Cần nêu rõ tên thể loại của bài văn ấy. “Tác giả” không phải là danh xưng, danh hiệu, và là thừa ở trong câu).

- **Cá nhân tôi:** Thay vì nói “*Cá nhân tôi* có ý kiến như thế này”, nói “*Riêng tôi / (Về) Phần tôi* có ý kiến như thế này”. Thay vì nói “*Đối với cá nhân tôi*, chuyện ấy là bình thường”, nói “*(Đối) Với tôi*, chuyện ấy là bình thường”. Thay vì nói “*Cá nhân anh* nghĩ sao về sự kiện ấy?”, nói “*Anh* nghĩ sao về sự kiện ấy?”

(“Cá nhân” là một người riêng lẻ, phân biệt với “tập thể”. Ghép hai chữ này với *tôi/chúng tôi/anh/chị/em...*”, như “*cá nhân tôi/chúng tôi/anh/chị/em...*” là thừa, lủng củng và vô nghĩa. *Tôi* là “*tôi*” chứ không có chuyện “*cá nhân tôi*”, cách

nói vừa làm như khiêm tốn lại vừa muốn nhấn mạnh “cái tôi” của mình).

- **Cặp đôi:** Thay vì nói “Người ta vẫn thấy *cặp đôi* này tay trong tay rất tình tứ”, nói “Người ta vẫn thấy cặp này tay trong tay rất tình tứ”.

(“Cặp” và “đôi” đều cùng một nghĩa, nói “cặp” thì không nói “đôi”, và ngược lại. Nói “cặp vợ chồng”, “cặp tình nhân”, “cặp uyên ương” hoặc “đôi vợ chồng”, “đôi tình nhân”, “đôi uyên ương”..., chứ không nói “cặp đôi vợ chồng”, “cặp đôi tình nhân”, “cặp đôi uyên ương”...).

- **Chúc sức khỏe:** Thay vì nói “*Chúc sức khỏe!*” hoặc “*Chúc sức khỏe* anh chị!”, nói “Chúc anh/chị sức khỏe tốt!” hoặc “Chúc anh/chị nhiều sức khỏe!”

(Nói “Chúc sức khỏe!” là không đủ ý và chưa thành câu chúc, cần nói “Chúc sức khỏe...” như thế nào, chẳng hạn “Chúc sức khỏe tốt/dồi dào!” Hoặc “Chúc anh/chị khỏe!” Hoặc “Chúc khỏe!”, “Chúc khỏe nhé!”, tương tự cách nói “Chúc vui!”, “Chúc vui nhé!”).

- **Chuyên môn:** Thay vì nói “Cô Nga là giáo viên phụ trách *chuyên môn*”, nói “Cô Nga là giáo viên phụ trách việc biên soạn tài liệu giáo khoa / phụ trách việc hướng dẫn sư phạm / phụ trách về sổ sách kế toán / phụ trách về sinh hoạt học đường”...

(Nói “phụ trách chuyên môn” là không đủ ý, người nghe không rõ là “chuyên môn” về... cái gì, vì có khá nhiều thứ “chuyên môn”).

- **Quá trình:** Thay vì nói “Xin nói sơ qua về *quá trình* thực hiện một bộ phim”, nói “Xin nói sơ qua về tiến trình thực hiện một bộ phim”.

(Nói “quá trình” là nói về trình tự của một diễn tiến đã kết thúc. Ví dụ: “Đơn xin việc cần ghi rõ *quá trình* học vấn”, hoặc “Sau mười năm, nhìn lại *quá trình* hoạt động của hội”).

- **Tản mạn:** Thay vì nói “*Tản mạn* về tiếng Việt”, nói “Chuyện trò tản mạn về tiếng Việt”, hoặc “Câu chuyện tản mạn về tiếng Việt”, hoặc “Mạn đàm về tiếng Việt”.

(Nói “tản mạn về...” là không đúng nghĩa. Tản mạn là tính từ, có nghĩa tương tự “lan man”, “rải rác”, “rời rạc”, chứ không có nghĩa “mạn đàm”, “phiếm luận”, “chuyện trò”).

- **Trao đổi:** Thay vì nói “Sau khi *trao đổi*, chúng tôi nhận ra những điểm tương đồng”, nói “Sau khi trao đổi ý kiến, chúng tôi nhận ra những điểm tương đồng”.

(“Trao đổi” không có nghĩa “hội ý”, “bàn bạc”. Nói “trao đổi” là không đủ ý, mà cần nói rõ “trao đổi... cái gì”, ví dụ: “trao đổi ý kiến/kinh nghiệm/quan niệm/hàng hóa/tù binh...”).

Một từ khác tương tự, “**chia sẻ**”, cũng được dùng khá phổ biến ở cả trong và ngoài nước:

Thay vì nói “Tôi xin có vài chia sẻ”, hoặc “Em có gì muốn chia sẻ với quý khán thính giả?”, hoặc “Cảm ơn những chia sẻ của các anh chị”, nói “Tôi xin góp ý”, hoặc “Em có gì muốn nói với...?”, hoặc “Cảm ơn những ý kiến của các anh chị”.

(“Chia sẻ” không mang ý nghĩa của “nói”, “kể”, “phổ biến” hoặc “có ý kiến”. Cũng như “trao đổi”, cần nói rõ “chia sẻ... cái gì”, ví dụ: “chia sẻ sự mất mát / nỗi khó khăn / mối quan tâm / những ước mơ / kinh nghiệm sống / quan niệm về tình yêu...”).

- **Trình độ văn hóa:** Thay vì nói “*Trình độ văn hóa*: lớp 12”, nói “*Trình độ học vấn*: lớp 12”.

(Muốn hỏi về quá trình học vấn hoặc bằng cấp của một người, câu hỏi là: “*Trình độ học vấn?*”).

Những từ ngữ và những cách nói trên khá thông dụng ở trong nước và cả ở ngoài nước. Ngoài ra, có ít từ ngữ “mới” mà ý nghĩa và cách dùng chưa “thống nhất”,¹ rõ ràng. “*Dân oan*”, chẳng hạn. Không rõ là cái “*từ*” này ở đâu ra, trong hay ngoài nước? Các “*báo, đài*” ở ngoài nước có vẻ sính dùng “*từ*” này. Một dòng chữ đọc được bên dưới tấm ảnh, “*Dân oan* tập trung khiếu kiện trước nhà thờ Đức Bà”. Trong ảnh là đám đông tụ tập thành những nhóm dăm ba người, kẻ đứng người ngồi, chuyện trò bàn bạc chi đó. “*Dân oan*” có khi được dùng thay cho “*người dân*”, có khi thay cho... “*một người dân*”, chẳng hạn “*Lá thư kêu cứu của một dân oan*”, hay “*Một dân oan* tỉnh Tiền Giang cho biết...” Ngày trước ta có những “*dân chúng*”, “*dân lành*”, “*dân quê*”, “*dân nghèo*”, “*dân đen*”..., nay lại có thêm tầng lớp mới là “*dân oan*” (mai đây không chừng lại có thêm những “*dân oán*”, “*dân úc*”, “*dân khổ*”, “*dân đói*”...). Đến ngày nào “*tuyệt đại bộ phận*”¹ nhân dân được gọi là “*dân oan*” cả thì nhà cầm quyền cũng “*mệt*” chứ không phải chơi.

2. *Tiếng Hán-Việt và tiếng “nửa Hán-Việt”*

Không phải từ ngữ Hán-Việt nào cũng cần và cũng có thể thay được bằng từ ngữ “*thuần Việt*”. Khá nhiều tiếng Hán-Việt khó mà tìm được tiếng *thuần Việt* nào tốt hơn hoặc tương đương để thay thế.

Một ít từ ngữ Hán-Việt sử dụng trong nước hiện nay có thể thay được bằng *thuần Việt* và... hay không kém, chẳng

hạn: “đại đa số” hoặc “đại bộ phận” có thể thay bằng “phần lớn”, “phần đông”; “tuyệt đại đa số” hoặc “tuyệt đại bộ phận” có thể thay bằng “hầu hết”; “giáo trình”, “giáo án” có thể thay bằng “bài giảng”; “tham quan” có thể thay bằng “thăm”, “thăm viếng”; “thường niên” có thể thay bằng “hàng năm”; “khẩn trương” có thể thay bằng “mau mắn”, “lẹ làng” hoặc “căng thẳng” (tùy nghĩa trong câu).

Trong khi đó, một số từ ngữ Hán-Việt được trong nước đổi sang thuần Việt khá tốt như: “cả nước” thay cho “toàn quốc”; “nhà nước” thay cho “quốc gia”; “trong nước” thay cho “quốc nội”; “ngoài nước” thay cho “hải ngoại”; “nước ngoài” thay cho “ngoại quốc”; “vùng trời” thay cho “không phận”; “vùng biển” thay cho “hải phận”; “chữ cái” thay cho “mẫu tự”; “quý” thay cho “tam cá nguyệt”; “sân bay” thay cho “phi trường”, “tàu sân bay” thay cho “hàng không mẫu hạm”; “tàu chiến” thay cho “chiến hạm”, “tàu ngầm” thay cho “tiềm thủy đình”; “tên lửa” thay cho “hỏa tiễn”; “Hội Chữ Thập Đỏ” thay cho “Hội Hồng Thập Tự”...

Các ví dụ trên cũng cho thấy một điều hơi lạ, người sử dụng “tiếng Việt mới” ở trong nước một mặt có xu hướng thuần-Việt-hóa các từ ngữ Hán-Việt, một mặt lại sính dùng các từ ngữ này. Có vẻ như đối với những gì “trân quý”¹ hoặc muốn “phô trương thanh thế” thì họ chuộng sử dụng tiếng Hán-Việt chứ không muốn đổi sang tiếng thuần Việt. Ví dụ: bên cạnh những hoành tráng, tư duy, trí tuệ... là những siêu đẳng, siêu tốc, siêu xa lộ, siêu ấn tượng, siêu khuyến mãi, siêu tiết kiệm, thậm chí... siêu giảm giá, siêu rẻ, siêu sao, siêu mẫu, siêu mỏng, siêu nhỏ, siêu khủng, siêu quậy, siêu hot, siêu sexy. Về tên riêng, các tên gọi như Thiên An Môn, Hữu Nghị Quan, Tử Cấm Thành, Vạn Lý Trường Thành... vẫn được giữ nguyên trạng (tỏ sự “trân quý”), trong lúc Tòa

Bạch Ốc (hay Bạch Cung), Ngũ Giác Đài... thì lại được/bị đổi thành Nhà Trắng, Lầu Năm Góc.

Tiếng Hán-Việt, dù muốn dù không, trở thành một “bộ phận không thể tách rời”¹ trong ngôn ngữ của người Việt. Nhiều từ ngữ Hán-Việt được sử dụng thường xuyên trong sinh hoạt hàng ngày tạo cảm giác gần gũi, thiết thân không kém gì tiếng thuần Việt. Hơn nữa, sử dụng tiếng Hán-Việt dẫu sao vẫn hơn là vay mượn những tiếng nước ngoài, vì dễ nghe hơn, dễ hiểu hơn, và ít ra cũng còn được... một nửa tiếng Việt.

Bên cạnh các từ ngữ Hán-Việt, một số từ ngữ “nửa Hán-Việt” (tiếng Hán-Việt và tiếng thuần Việt sánh đôi nhau) cũng được sử dụng nhiều trong nước, như “siêu xe”, “người phát ngôn”, “nhà văn hóa”, “viện chăn nuôi”, “in ấn” (thay vì “ấn loát”), vụ việc (thay vì “sự vụ”), di dời (thay vì “di động”), tu sửa (thay vì “tu bổ”), tranh cãi (thay vì “tranh luận”, “tranh biện”), truy tìm (thay vì “truy tầm”), truy đuổi (thay vì “truy nã”), truy quét, truy lùng (thay vì “truy kích”), truy hỏi, truy vấn (thay vì “truy vấn”)...

Một “đặc trưng”¹ khác của người Việt trong nước là sính “nói chữ”, thích dùng những “cụm từ” văn vẻ, quanh co hoặc bóng gió (thường là để tránh “đi thẳng vào vấn đề” hoặc để làm giảm nhẹ cái xấu), như: có nhiều khả năng (thay vì nói “rất có thể”); tạo điều kiện (thay vì nói “tìm cách”, “thu xếp”); kém văn hóa (thay vì nói “thất học”, “ít học”); bệnh thành tích (thay vì nói “làm láo, báo cáo hay”); quyết định thôi giữ chức (thay vì nói “cách chức”); tình hình diễn biến phức tạp (thay vì nói “tình hình xấu đi”); giao lưu tình cảm (thay vì nói “làm quen”, “kết bạn tâm tình”); quan hệ tình cảm bất chính (thay vì nói “tằng tịu”, “ngoại tình”); quà biếu

trên mức tình cảm (thay vì nói “hối lộ”); ùn tắc giao thông (thay vì nói “kẹt xe”); phương tiện tham gia giao thông đường bộ (thay vì nói “xe cộ”); trẻ em chưa ngoan (thay vì nói “trẻ em hư hỏng”); học sinh ngồi nhầm lớp (thay vì nói “học sinh kém trình độ”); điều kiện kinh tế gia đình rất hạn chế (thay vì nói “gia đình nghèo khó”)...

Đôi lúc ta cũng gặp những cách nói hơi “lạ tai”, như: “nhả chữ”, “tròn vành”, “giọng hát đẹp”, “xử lý một ca khúc trữ tình”, “sở hữu một thân hình quyến rũ”.

Có lần, bước chân vào một nhà thờ trong giờ thánh lễ của người Việt, đọc thấy hàng chữ “Xin vui lòng tắt điện thoại di động hoặc chuyển sang chế độ rung”, tôi khựng lại và phải sau ít giây “đào sâu”¹ suy nghĩ mới hiểu được trọn nghĩa câu ấy. Sau những “chế độ bảo hiểm”, “chế độ hưu trí”, “chế độ bao cấp”, “chế độ âm thực”..., nay có thêm “chế độ rung”. Tôi không rõ có bao nhiêu người Việt ở ngoài nước thực sự hiểu được ý nghĩa của “chế độ” ấy, số còn lại, nói như trong nước, hiểu... chết liền!

3. *Tiếng Việt cũ, tiếng Việt mới*

Một số từ ngữ trong “tiếng Việt mới” từng được dùng ở miền Nam ngày trước, đôi lúc khác nghĩa và cách sử dụng. Bên dưới là một ít từ ngữ của “tiếng Việt mới” khá phổ biến ở trong nước. Những từ ngữ ghi trong ngoặc đơn theo sau là từ ngữ tương đương trong “tiếng Việt cũ” (không hẳn là đồng nghĩa mà là gần với cái nghĩa phổ biến nhất của “từ” ấy). Ví dụ: “tiếng Việt mới” nói “Thời hạn *đăng ký tham gia* trại hè”; “tiếng Việt cũ” nói “Thời hạn *ghi danh tham dự* trại hè”. “Tiếng Việt mới” nói “Học sinh *tập trung* ở sân

trường”; “tiếng Việt cũ” nói “Học sinh *tập hợp* ở sân trường”... Các từ ngữ xếp theo thứ tự vần ABC.

Bản chất (thay cho “bản tính”), **bảo quản** (thay cho “bảo trì”), **biểu diễn** (thay cho “trình diễn”), **bình quân** (thay cho “trung bình”), **bộ phận** (thay cho “thành phần”), bức xúc (thay cho “bút rứt”, “nhức nhối”).

Ca từ (thay cho “lời ca”), **chất lượng** (thay cho “phẩm chất”), chiêu đãi (thay cho “thết đãi”), chiếu cố (thay cho “hạ cố”, “xem xét”), **chủ trì** (thay cho “chủ tọa”), **chủ yếu** (thay cho “chính yếu”, “cốt yếu”), chuẩn xác (thay cho “chính xác”), **chuyên nghiệp** (thay cho “nhà nghề”, “thực thụ”), cơ bản (thay cho “căn bản”), công đoàn (thay cho “nghịệp đoàn”), công nghiệp (thay cho “kỹ nghệ”), công nhân viên (thay cho “công chức”), **cực đoan** (thay cho “quá khích”), **cường điệu** (thay cho “phóng đại”).

Diễn viên điện ảnh (thay cho “tài tử màn bạc”), diễu hành (thay cho “diễn hành”), đại trà (thay cho “quy mô”), **đặc trưng** (thay cho “đặc thù”, “đặc tính”), **đăng ký** (thay cho “ghi tên”, “ghi danh”), **đạt yêu cầu** (thay cho “đáp ứng yêu cầu”), đề xuất (thay cho “đề nghị”), điếm nhân (thay cho “trọng điếm”), **định kiến** (thay cho “thành kiến”), đội ngũ (thay cho “hàng ngũ”), động cơ (thay cho “động lực”), **đột xuất** (thay cho “bất ngờ”, “ngoài dự kiến/dự liệu”), **đứng lớp** (thay cho “dạy lớp”, “phụ trách lớp”).

Giao tiếp (thay cho “giao tế”, “xã giao”), **giáo án** (thay cho “giáo trình”, “bài giảng”).

Hải quan (thay cho “quan thuế”), hành xử (thay cho “xử sự”), **hiện đại** (thay cho “tối tân”), hồ hởi (thay cho “háo hức”, “nô nức”), **hộ chiếu** (thay cho “sổ thông hành”), **hộ khẩu** (thay cho “sổ/tờ khai gia đình”), hoàn chỉnh (thay cho

“hoàn thiện”), hoành tráng (thay cho “đồ sộ”, “vĩ đại”), **hội nhập** (thay cho “hòa nhập”), **hội luận** (thay cho “hội thảo”, “thảo luận”), **hư cấu** (thay cho “tưởng tượng”), huyện (thay cho “quận”).

Kênh (thay cho “băng tần”), **khẳng định** (thay cho “xác định”), khản trương (thay cho “gấp gáp”, “lệ làng”), **khâu** (thay cho “bước”, “phân hành”), **kiểm tra** (thay cho “kiểm soát”).

Lễ hội (thay cho “lễ lạc”, “hội hè”), **liên hệ** (thay cho “liên lạc”, “tiếp xúc”), **linh hoạt** (thay cho “linh động”).

Năng nổ (thay cho “năng động”, “xông xáo”, “xốc vác”), **ngghiêm túc** (thay cho “ngghiêm chỉnh”, “đứng đắn”), **ngghiệp dư** (thay cho “tài tử”), nhắc nhở (thay cho “nhắc nhở”), nhất trí (thay cho “đồng ý”, “đồng tình”, “tán đồng”).

Phản bác (thay cho “bác bỏ”), phản cảm (thay cho “phản tác dụng”), **phản hồi** (thay cho “hồi đáp”), **phát hiện** (thay cho “phát giác”), **phức tạp** (thay cho “rắc rối”, “rối rắm”), phương án (thay cho “kế hoạch”).

Quá trình (thay cho “tiến trình”), quân hàm (thay cho “cấp bậc”), quảng trường (thay cho “công trường”), quy hoạch (thay cho “hoạch định”).

Sâu sắc (thay cho “sâu xa”), sơ tán (thay cho “di tản”, “tản cư”), sự cố (thay cho “trở ngại”, “trục trặc”).

Tâm đắc (thay cho “đắc ý”, “ung ý”), **tản mạn** (thay cho “mạn đàm”), **tập trung** (thay cho “tập họp”), **tham quan** (thay cho “thăm”, “thăm viếng”, “vãn cảnh”, “ngoạ cảnh”), **thành danh** (thay cho “tên tuổi”), **thân thương** (thay cho “thân yêu”, “thương mến”), **thông tin thương mại** (thay cho “quảng cáo”), **thống nhất** (thay cho “đồng nhất”), **thu nhập**

(thay cho “lợi tức”), **thư giãn** (thay cho “thư thái”, “sảng khoái”, “xả hơi”), “**thuật ngữ** (thay cho “danh từ kỹ thuật”), **tiếp thu** (thay cho “tiếp nhận”), **tiết học** (thay cho “giờ học”), tính từ (thay cho “tĩnh từ”), **tình huống** (thay cho “tình thế”, “tình cảnh”, “trạng huống”), **toàn bộ** (thay cho “toàn thể”, “tất cả”), **tranh cãi** (thay cho “tranh luận”, “bàn cãi”), **tranh thủ** (thay cho “tận dụng thì giờ/cơ hội”), **trân quý** (thay cho “quý trọng”), **tư vấn** (thay cho “cố vấn”), **từ** (thay cho “chữ”, “từ ngữ”, “ngôn từ”), từ vựng (thay cho “ngữ vựng”).

Vận động viên (thay cho “lực sĩ”), **xuất khẩu** (thay cho “xuất cảng”), xử lý (thay cho “xét xử”, “giải quyết”).

Những chữ **in đậm** ở bên trên là các từ ngữ được người Việt ở ngoài nước sử dụng nhiều trong sinh hoạt thường ngày, trong sách vở báo chí, trong giới truyền thông và trong các trường lớp dạy tiếng Việt, khiến dần dà người ta không còn phân biệt được đâu là “tiếng Việt cũ”, đâu là “tiếng Việt mới” nữa.

Từ đó, xảy ra chuyện khôi hài, một bài báo ở nước ngoài công kích việc sử dụng các từ ngữ của “tiếng Việt mới”, thế nhưng trong bài báo tác giả lại sử dụng... khá nhiều từ ngữ ấy, chẳng hạn: “Tôi rất ‘tâm đắc’ và ‘đánh giá cao’ ‘bài viết’ ‘*Tản mạn*’ về tiếng Việt của tác giả qua các phân tích ‘sâu sắc’, ‘nghiêm túc’ và ‘có sức thuyết phục’. Mỗi lần đọc hay nghe những ‘từ’ ấy trên ‘báo, đài’ tôi rất ‘đị ứng’. Là người Việt phải biết ‘trân quý’ tiếng Việt ‘thân thương’ của ‘ta’...” Bài báo cho thấy người viết bị nhiễm *virus* “tiếng Việt mới” khá nặng, cần được điều trị.

Mỗi người có thể có những cách “đánh giá”¹ khác nhau về các “từ” của “tiếng Việt mới”. “Cá nhân tôi” vẫn sử dụng các “từ” như:

Bản chất: Nghe “mạnh” hơn là “bản tính”. Nói “*Bản chất* của hấn ta là vậy”, có nghĩa là hấn ta... hết thuốc chữa. Cái gì thuộc về “bản chất” rồi là đã nằm trong máu trong thịt, không cách chi “cải tạo” được, chỉ có nước... thay máu.

Bóng đá: Nói “môn bóng đá” thì đúng hơn “môn đá bóng”, tốt hơn “môn túc cầu” và chính xác hơn “môn bóng tròn”. Hơn nữa, nói “bóng chuyền”, “bóng ném”... thì cũng nói “bóng đá”.

Dị ứng: Không dễ tìm được từ ngữ nào tương đương trong “tiếng Việt cũ” (không hẳn là “phản ứng” hay “khó chịu”). Nói “Tôi rất *dị ứng* với cái từ ấy”, nghe giống như là ăn phải món gì đó, hoặc uống nhầm thứ thuốc men gì đó, da dẻ phát ngứa, nổi mề đay, gãi sồn sột.

Kịch tính: Nói “Một trận bóng đá đầy/nhiều kịch tính” gợi nhiều cảm xúc rất “kịch”.

Nhạy cảm: Nghe... nhạy cảm hơn là “dễ đụng chạm”, “dễ mất lòng”.

Tâm đắc: Nghe... tâm đắc hơn là “đắc ý”, “hợp ý”, “ưng ý”.

Tính từ: Từ ngữ chỉ về tính cách, tính chất của người, vật, sự việc (đúng hơn “*tĩnh từ*” trong “tiếng Việt cũ”, dùng với nghĩa tương phản với “*động từ*”).

Vận động viên: Đúng hơn là “lực sĩ” của “tiếng Việt cũ” (nhiều vận động viên không phải là “lực sĩ”).

Các từ ngữ như “dữ kiện”, “dữ liệu”, “đối tác”, “phản hồi”, “tiếp thị”, “truy cập”... (các “thuật ngữ”¹ mới, không có trong “tiếng Việt cũ”) cũng thường được tôi sử dụng. Những từ ngữ “quan ngại”, “phản ánh”, “hình thành”, “đảm bảo”... không phải là “tiếng Việt mới” như nhiều người tưởng mà từng được sử dụng ở miền Nam ngày trước.

Có thể kể ra được các “từ” và cách nói được người Việt ở cả trong và ngoài nước sử dụng với “tần suất cao”¹ như: “tù”, “ca tù”, “bài viết”, “tản mạn”, “âm thực”, “đăng ký”, “tham gia”, “tham quan”, “tập trung”, “tranh cãi”, “chia sẻ”, “thân thương”, “chúc sức khỏe”, “cá nhân tôi”.

Phần này không đề cập đến những tiếng lóng hoặc ngôn ngữ đường phố (*street language*) mà tiếng Việt “cũ” hay “mới” gì cũng đều có.

4. Nói sai, hiểu đúng

“Lát nữa đây tôi sẽ trao đổi thêm với anh”, nghe người bạn nói vậy, ta tự động hiểu là anh ta sẽ trao đổi *ý kiến* với mình (chứ không phải trao đổi thư từ, hình ảnh, tài liệu, quà cáp... hay thứ gì khác).

Nếu ta “nhất trí” được với nhau ngôn ngữ là “công cụ truyền đạt ý tưởng và giao tiếp giữa con người” thì hai câu nói trên xem như “đạt yêu cầu”.¹ Người nói muốn nói cách nào cũng được, chỉ cần người nghe hiểu được và hiểu đúng là ngôn ngữ đã hoàn thành tốt đẹp vai trò của mình.

“Quá trình” hay “tiến trình”, “tranh cãi” hay “tranh luận”, “tập trung” hay “tập họp”, “phát hiện” hay “phát giác” thì cũng chỉ là những cách gọi, những cái tên con người đặt để ra. Giả sử “Nhà phát minh chữ nghĩa” chỉ tay vào cái bàn và nói “Đây là cái *ghế*” thì vật dụng ấy sẽ có tên là “ghế”. Giả

sử ta gọi “chó” là “mèo” và “mèo” là “chó” thì khi nói “chó” người nghe sẽ hiểu đây là con vật nuôi ở trong nhà, kêu “meo meo” và giỏi bắt chuột; ngược lại, khi nói “mèo” người nghe sẽ hiểu đây là con vật nuôi để giữ nhà, sủa “gâu gâu”, và thường ngoắc ngoắc đuôi mừng chủ đi đâu về. Mới nghe thì có vẻ ngược ngạo, nhưng nghe riết cũng thành... quen tai. Tên gì thì cũng chỉ là cái... tên.

Nhiều người Việt ở ngoài nước vẫn phê phán hai chữ “chất lượng” của “tiếng Việt mới”, cho rằng “lượng” không thể nào là “phẩm” được, và nói “nâng cao chất lượng” là không đúng mà phải nói “nâng cao phẩm chất”. Thực ra, không phải người Việt trong nước không biết rằng chữ “lượng” (trong từ ngữ “chất lượng”) là chỉ mức độ lớn nhỏ, nhiều ít, cân đo đong đếm được. Cũng không phải họ không biết đến hai chữ “phẩm chất”. Từ ngữ này vẫn có trong từ điển tiếng Việt của họ, và được định nghĩa là “Cái làm nên giá trị của người hay vật”, đi với ví dụ “Hàng kém phẩm chất”. Còn “chất lượng” thì được định nghĩa là “Cái tạo nên phẩm chất, giá trị của một con người, một sự vật, sự việc” (*Từ điển tiếng Việt*, Nhiều tác giả, Viện Ngôn ngữ học, nxb Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, 2006).

Phẩm chất là “cái làm nên giá trị”, còn “chất lượng” là “cái tạo nên phẩm chất...”, ai muốn hiểu sao thì hiểu(!) Rốt cuộc, mặc ai nói gì thì nói, họ vẫn cứ dùng “chất lượng” và giải thích “Nói ‘chất lượng’ là để phân biệt với... ‘số lượng’”, chứ nhất định không chịu dùng “phẩm chất” của người miền Nam ngày trước, ngụ ý “Nói thế thì đã sao, miễn hiểu được là được.”

“Miễn hiểu được là được”, trong một nghĩa nào đó, cũng có lý chứ không phải là không. Nghe người nào đó nói “chất

lượng”, ta... tự động hiểu rằng ý người ấy muốn nói là “phẩm chất”. Nói gì thì nói, cái “từ” khá tiêu biểu của “tiếng Việt mới” ấy, và nhiều “từ” khác nữa, vẫn được lưu hành rộng rãi trong mọi sinh hoạt của người Việt ở hải ngoại. Các “báo, đài” vẫn cứ “đảm bảo chất lượng” lia chia, các xưởng ngôn viên truyền thanh, truyền hình vẫn cứ “nâng cao chất lượng” đều đều, và vẫn cứ phát ngôn ra rả những “khâu” này “khâu” nọ, “bộ phận” này “bộ phận” kia, vẫn cứ “tháng Một”, “tháng Bốn” (chứ không chịu nói “tháng Giêng”, “tháng Tư”), vẫn cứ “chủ yếu”, “chủ trì”, “biểu diễn”, “đăng ký”, “tập trung”, “kiểm tra”, “phát hiện”, “tham gia”, “tham quan”, “tranh cãi”... vân vân. “Khán thính giả nghe đài”¹ thì cũng dễ dãi, ít có ai thắc mắc hay ý kiến này nọ, hoặc nếu có phản kháng thì cũng... yếu ớt, vì biết có phản kháng, phản tình gì thì cũng chẳng đi đến đâu. Người nghe nghe mãi, nghe riết cũng... quen tai, và tới nay thì dù muốn dù không cũng đành chấp nhận “từ” mới “từ” cũ “sống chung hòa bình”. Cũng không thể phê phán các cô xưởng ngôn viên ấy được, vì các cô chỉ đọc làu làu các văn bản được ai đó soạn sẵn, và “ai đó” thì hầu như cũng chẳng bận tâm đến chuyện hay dở, đúng sai, phải trái, “tiếng Việt cũ”, “tiếng Việt mới” chi chi cả cho thêm “phức tạp”.

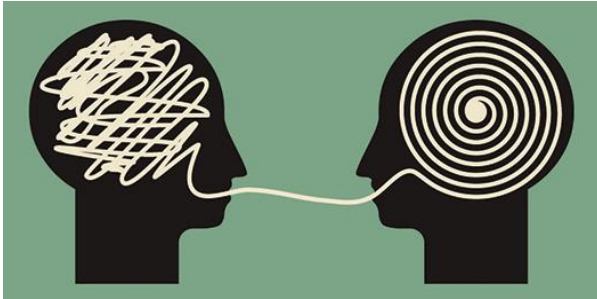
Trả lời thư “phản hồi”¹ của “thính giả nghe đài” phản nản việc sử dụng nhiều từ ngữ “tiếng Việt mới” trong các chương trình phát thanh bằng Việt ngữ, người phụ trách chương trình của một đài phát thanh nước ngoài giải thích, “Đối tượng của chương trình này ‘đại đa số’¹ là thính giả ở trong nước chứ không phải chỉ người Việt ở nước ngoài. Chúng tôi sử dụng từ ngữ thông dụng ở trong nước để việc ‘truyền thông’ đạt được hiệu quả tốt.” “Thính giả nghe đài” chắc cũng thỏa mãn cách giải thích này nên không có ý kiến gì thêm.

Cách gọi “thính giả nghe đài” cũng là “cụm từ” của tiếng Việt trong nước. Thoạt đầu là “các bạn nghe đài”, sau đổi thành “quý bạn nghe đài” (nghe “trân quý” hơn), sau lại đổi thành “quý thính giả nghe đài” hoặc “quý khán thính giả xem đài” nếu là xem truyền hình (lẽ ra phải là “quý khán thính giả *xem và nghe* đài”). Thế nhưng, đổi như vậy thì lại thừa ra cái đuôi “nghe đài”, “xem đài”. Những “cụm từ” này cũng được ít đài truyền thanh, truyền hình của người Việt ở hải ngoại vay mượn. Với cách dùng “từ” như thế, e rằng mai đây sẽ lại có thêm những “khán giả xem phim”, “khán giả xem kịch”, “độc giả đọc sách”, “độc giả đọc báo”... vân vân.

Các xướng ngôn viên trong và ngoài nước vẫn gọi người xem truyền hình là “quý khán thính giả”, trong lúc cần gọi “quý khán giả” là đủ (thêm chữ “thính” nữa là thừa), vì “khán giả” của một trận bóng đá, của sân khấu, của màn ảnh rộng (rap hát) hay màn ảnh nhỏ (máy truyền hình) đều “vừa xem vừa nghe” cả.

Thực tế, “tiếng Việt mới” và “tiếng Việt cũ” đều có những trường hợp sử dụng từ ngữ không được chính xác. Người Việt ở miền Nam ngày trước vẫn viết hoặc nói “gái mãi dâm” (thay vì “gái mại dâm”), “đi khám bác sĩ” (thay vì “đi khám bệnh”)... Và người đọc hay người nghe, khi nghe “đi khám bác sĩ”, thay vì yêu cầu người nói điều chỉnh, phải... tự mình điều chỉnh não bộ (là nơi tiếp nhận ngôn ngữ) để hiểu rằng người nói muốn nói là “đi gặp bác sĩ để khám bệnh”. Việc này có thể tạo ra chút lúng túng ở lần đầu vì “sự cố”¹ có hơi bất thường; tuy nhiên, từ đó về sau thì “quá trình”¹ tự điều chỉnh ấy sẽ trôi chảy, tự nhiên và trở nên bình thường.

Nói sai nhưng... hiểu đúng là được, như cách nói của người Mỹ, “*That’s ok, no problem*”. Về mặt truyền đạt ý tưởng, như thế gọi là “đạt yêu cầu”.¹



B. Tiếng Việt ở ngoài nước

Những con số thống kê gần đây cho biết hiện có hơn 3,5 triệu người Việt sống ở ngoài nước.² Gần một nửa số này định cư tại Hoa Kỳ, nhiều nhất ở các tiểu bang California, Texas, Washington, Florida, Virginia... Các nước khác có khá đông người Việt là Pháp, Úc, Canada, Đức, Đài Loan, Nam Hàn, Campuchia, Nga và các nước Đông Âu.

Người Việt định cư ở nước ngoài có thể tạm chia làm hai đối tượng:

- Đối tượng A: Người Việt rời khỏi đất nước khi đã trưởng thành, thông thạo tiếng Việt.
- Đối tượng B: Người Việt sinh ra hoặc trưởng thành ở nước ngoài, không thạo tiếng Việt.

1. *Quê hương trong nét bút*

Đối tượng A hầu hết là người Việt sinh trưởng trong Nam và rời đất nước sau năm 1975 (vào cuối năm 1974, chỉ có khoảng 26 ngàn người Việt tại Hoa Kỳ).³ Vốn liếng tiếng Việt của đối tượng này là “tiếng Việt cũ” (nếu ra đi năm 1975 hoặc không lâu sau đó), hoặc trộn chung “tiếng Việt

cũ” và “tiếng Việt mới” (nếu sống khá lâu ở trong nước sau năm 1975).

Nhiều “người di tản buồn” đã ra đi gần như trắng tay, và “chúng ta đi mang theo quê hương” không chỉ là mang theo hình ảnh “con sông xưa, thành phố cũ” mà còn mang theo chút vốn liếng Việt ngữ, là tiếng nói và chữ viết của người Việt. Số vốn dự trữ ấy mang ra nước ngoài ít được sử dụng, cũng không đầu tư vào đâu được để sinh lợi, càng để lâu càng thêm hao hụt.

Phần thì hao mòn dần do ít được sử dụng, phần thì phải “hội nhập”¹ vào dòng chính là ngôn ngữ của người bản xứ, tiếng Việt ít nhiều chịu ảnh hưởng của tiếng nước ngoài. Về cấu trúc ngôn ngữ chẳng hạn, người Việt ngoài nước nói “Xin vui lòng để lại lời nhắn của bạn sau tiếng *beep*” (*Please leave your message after the beep*) chứ không nói “Xin vui lòng nhắn lại sau tiếng *beep*”, là cách nói thông thường của người Việt trong nước. Về việc chen tiếng bản xứ khi nói hay viết tiếng Việt chẳng hạn, hoặc do thói quen, hoặc để tỏ ra thông thạo tiếng nước ngoài, là thói tật khá phổ biến.

Trong khi đó, sinh hoạt chữ nghĩa ở nước ngoài là bức tranh khá ảm đạm. Một trong những cách để có được cái nhìn này là bước vào tiệm sách của người Việt. Khách yêu chữ nghĩa lác đác, thảng hoặc một, hai người cầm hồ hững trên tay cuốn sách, tờ báo, liếc sơ qua rồi lặng lẽ bỏ xuống. Một tiệm sách quen thuộc trong khu thương xá Phước Lộc Thọ của người Việt ở Nam California mới đây đã phải ngâm ngùi đóng cửa vì không cầm cự được lâu hơn.² Ngoài ít tờ nhật báo phát hành tại các thành phố đông người Việt, hầu hết báo chí là “báo chợ” (báo phát không ở các chợ và cơ sở thương mại của người Việt, sống nhờ vào thân chủ quảng

cáo). Các tạp chí về văn chương (thường gọi là “tạp chí văn học nghệ thuật”) lần lượt đình bản vì người đọc (lớn tuổi) lần lượt rơi rụng như những cánh... lá vàng rơi. “Báo nói” (các chương trình truyền thanh, truyền hình) và “báo mạng” (*online*) đánh bật “báo giấy”, “báo in” (các từ ngữ “mới” của người Việt ngoài nước) do vừa tiện lợi vừa lợi là độc giả không phải bỏ tiền mua báo. “Báo mạng” cũng phải hay, phải hấp dẫn, phải có những sáng kiến độc đáo mới “hút” và giữ được người đọc. Nếu không, người đọc chỉ *click* một cái là nhảy sang đọc “báo” khác.

Đối với đối tượng A thì tiếng Việt là “tiếng nước tôi”, là một phần “máu thịt” của mình. Đối tượng này không chỉ nói, nghe, đọc tiếng Việt thôi, mà còn có nhu cầu viết nữa. Viết như một thói thức. Viết để giải tỏa, phơi trải hay gửi gắm nỗi lòng mình trên trang giấy (hay trên màn hình *computer*). Viết để tìm gặp lại chữ nghĩa tiếng Việt. Viết để đi tìm “quê hương trong nét bút”. Người Việt lớn tuổi ở ngoài nước ngày càng có xu hướng viết nhiều hơn là đọc. “Người viết nhiều hơn người đọc” hoặc “nhà văn nhiều hơn độc giả” là những cách nói vui có pha chút ngậm ngùi, đồng thời cũng cho thấy nhu cầu viết lách tiếng Việt của người Việt tha hương là nhu cầu “tâm tư tình cảm” khá bức thiết. Những trang chữ viết ra được in ấn, đóng thành sách. “Sách ngày nay được in ra tràn lan, phần lớn do nhu cầu của người viết chứ không do nhu cầu của người đọc,” nhà văn Nguyễn Mộng Giác nêu nhận xét không mấy vui. Giải thích về “tình trạng lão hóa trong sinh hoạt văn học của người Việt hải ngoại” (cách gọi khá bi quan của ông), ông nói, “Lớp trẻ lớn lên nơi xứ người không thông thạo tiếng Việt, thậm chí không biết tiếng Việt, thì lấy đâu là nền tảng cho một dòng văn học tồn tại lâu dài.” Tình trạng lão hóa ấy trước hết đến từ “lão hóa trong ngôn ngữ”.

Những ai còn chịu khó đọc, viết (và cả nói) tiếng Việt hầu hết ở độ tuổi đang bước vào buổi hoàng hôn của đời người. Sứ mạng “tử thủ” ngôn ngữ của người Việt được đặt lên vai những “người lính già xa quê hương” (tên bài hát của nhạc sĩ Nhật Ngân). Gọi là “lính già”, vì giả sử một người rời khỏi đất nước năm 1975 ở vào độ tuổi đôi mươi (khá rành tiếng Việt) thì bây giờ anh/cô ta cũng đã trên năm mươi rồi.² Trong những buổi gọi là “Ra mắt sách”, thành phần khách tham dự hầu hết là những vị cao niên, trông giống như cuộc họp mặt của một “Hội người già”. Khách tham dự có khoảng một trăm người được xem là thành công.

Tháng trước tôi được người bạn gửi cho bộ sách có nội dung giáo dục, cổ xúy việc “gìn vàng giữ ngọc” nền tảng luân lý, đạo đức truyền thống của người Việt. Sách in đẹp, biên soạn công phu, nhưng không thấy ghi giá bán. Hỏi ra, được biết một nhóm người tâm huyết gồm các nhà văn, nhà giáo bỏ ra nhiều thì giờ và công sức xúm nhau thực hiện, chỉ để biểu không những ai có nhu cầu. Cầm cuốn sách trên tay như cầm một nỗi chua xót, ngậm ngùi.

Người Việt lớn tuổi ở ngoài nước không chỉ thêm viết mà còn thêm có người đọc mình. Nhiều sách hay, giá trị, biên soạn công phu như bộ sách nói trên in ra không có nhiều người đọc. Viết cho ai đây khi mà “người đọc” là những người lớn tuổi vốn đã ít ỏi ngày càng ít ỏi. Trong những cố gắng cuối cùng để đi tìm người đọc, những người viết ở nước ngoài có lúc trông vờ về “hậu phương bao la” là khối lượng nhiều triệu độc giả ở trong nước, một “phương án”¹ khá “nhạy cảm” và không đơn giản chút nào vì mãi đến nay chuyện “giao lưu văn hóa” giữa “hai bên” dường như chỉ có một chiều. Trong lúc các “văn hóa phẩm” trong nước được tìm thấy đầy rẫy trong những thư viện ở ngoài nước thì sách

báo của người Việt ở hải ngoại không dễ gì du nhập vào quốc nội. Chưa nói là liệu người đọc trong nước có sẵn sàng để đón nhận và cầm lên tay cuốn sách của một tác giả từng bỏ nhà bỏ cửa đi biên biệt bao năm, và chưa nói là tác giả phải chịu sự dò xét không dễ chịu chút nào của “một bộ phận không nhỏ”¹ trong cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Điều an ủi là, sự phát triển của phương tiện truyền thông hiện đại *internet* vẫn dành cho các cây bút hải ngoại một cơ hội: độc giả trong nước có thể đọc được những gì người Việt ngoài nước viết ra trên màn hình *computer*, tuy rằng không chính thức nhưng... có còn hơn không.

2. Bảo tồn và phát huy tiếng Mỹ

Đối tượng B, người Việt trưởng thành ở nước ngoài, có thể được xem là đối tượng quyết định về số phận và tương lai của tiếng Việt ngoài nước.

Trẻ em nước ngoài học tiếng Việt là học từ bố mẹ, thầy cô (nếu theo học các trường Việt ngữ). Học chữ nào là biết chữ ấy chứ không có ý kiến gì về “tiếng Việt cũ”, “tiếng Việt mới” cả. Vốn liếng khiêm tốn về Việt ngữ không đủ và không giúp các em ham thích đọc sách báo tiếng Việt hoặc tìm đến các chương trình truyền thanh, truyền hình của người Việt. Hơn thế nữa, học là học vậy chứ ít có cơ hội thực hành, hầu hết chỉ để nói chuyện với bố mẹ và những người Việt lớn tuổi không rành tiếng bản xứ. Tiếng Việt của các em là thứ tiếng lơ lớ, cứng cứng, phát âm nghe tựa tựa... tiếng Việt, và thường các em chỉ nói được ít câu ngắn ngắn.

Khi mà thế hệ thông thạo tiếng Việt mai một, ngôn ngữ ấy được thế hệ tiếp nối đặt đúng vào vị trí khiêm tốn của một sinh ngữ phụ, lâu lâu có dịp mang ra sử dụng để... không

quên mình là người bản xứ gốc Việt. Hoạt cảnh các thí sinh hoa hậu đứng trên sân khấu phát biểu cảm tưởng bằng tiếng Việt để trả lời câu hỏi trắc nghiệm kiến thức hoặc khả năng ứng xử là một ví dụ. Các cô thường chỉ bập bẹ ít câu tiếng Việt bằng giọng đờ đờ với vẻ ngượng nghịu, rồi sau đó cười cười “Em xin phép được nói tiếng Anh, vì tiếng Việt em... không giỏi.”

Chuyện “tiếng Việt em không giỏi” cũng là điều tự nhiên và dễ hiểu: các môi trường chính như trường học, nơi làm việc, bạn bè và các đối tượng giao tiếp khác của các em trong sinh hoạt hàng ngày hầu như đều sử dụng ngôn ngữ chính là tiếng bản xứ. Các em có rất ít cơ hội sử dụng tiếng Việt, nếu có chỉ là với bố mẹ hoặc các bác, các cô chú lớn tuổi (với những bố mẹ “trẻ” thì cơ hội này càng hiếm hoi).

Giới trẻ, ngoài một số sinh sống trong cộng đồng có đông người Việt, thường tỏ ra miễn cưỡng, kém thoải mái và không có “cảm giác ngôn ngữ” khi sử dụng tiếng Việt (không cảm thấy tiếng Việt là “tiếng mẹ đẻ”, “tiếng nước tôi”). Các em cũng hiếm khi bước chân vào tiệm sách tiếng Việt, và nếu có lui tới thư viện cũng chỉ để tham khảo các tài liệu bằng tiếng nước ngoài (thường là tiếng bản xứ như Anh, Pháp...). Thú tiêu khiển và sinh hoạt thường ngày của các em là sách báo, phim ảnh, các chương trình phát thanh, phát hình bằng tiếng bản xứ, các hoạt động văn nghệ, thể thao và giải trí có màu sắc văn hóa nước ngoài. Nghe một bài hát tiếng Việt chẳng hạn, các em ít thấy hứng thú vì không hiểu bài hát nói gì, hoặc có hiểu thì cũng ít thấy rung cảm, cũng vì không có “cảm giác ngôn ngữ”.

Một anh bạn tôi có cái nhìn khác, anh ta cho rằng tiếng Việt tuy khó mà sống vui, sống khỏe ở hải ngoại nhưng vẫn

cứ... sống, không phải nhờ các trường dạy tiếng Việt, cũng không phải nhờ sách báo hoặc các chương trình phát thanh, phát hình tiếng Việt mà ở một “sân chơi” khác. “Ở đâu?” tôi hỏi. “Anh có xem các chương trình ca nhạc của Thúy Nga, Asia... không?” anh ta hỏi lại. “Trên sân khấu các ca sĩ trẻ người Việt hát những bài hát bằng tiếng Việt, và dưới sân khấu có khá đông khán giả trẻ người Việt ngồi thưởng thức và vỗ tay. Ngày nào vẫn còn các em, các cháu thích hát, thích nghe nhạc Việt thì... vẫn còn tiếng Việt.” Quả là như vậy, âm nhạc là một trong những môi trường nuôi dưỡng tiếng Việt. Giới trẻ ở hải ngoại có thể không nói và viết thông thạo tiếng Việt nhưng một số vẫn hát được nhạc Việt, vẫn tìm đến các sinh hoạt giải trí bằng âm nhạc Việt. Nhiều ca sĩ trẻ còn tìm đến những bài hát của miền Nam ngày trước, thậm chí cả những bài “nhạc tiền chiến”. Yêu thích một bài hát tiếng Việt dẫn đến yêu thích tiếng Việt, hoặc ít ra cũng làm quen được và gần gũi được với tiếng Việt. Những cuộc thi hát karaoke bằng tiếng Việt, những cuộc thi tuyển lựa “giọng ca vàng”, “sáng tác mới”, những ca đoàn hát nhạc Việt trong các thánh lễ của người Việt, những bài hát vui tươi thầy cô dạy cho học sinh trong các lớp học Việt ngữ... ít nhiều đều góp phần giữ cho tiếng Việt không mai một.

Giữ cho tiếng Việt không mất đi đã là khó và đáng được “biểu dương”¹ đối với người Việt ngoài nước, nói chi đến chuyện làm đẹp làm giàu thêm tiếng Việt. Các trường Việt ngữ mở ra ở hải ngoại hầu như đều cùng một mục tiêu là “bảo tồn và phát huy” ngôn ngữ và văn hóa Việt, và hầu như chỉ đạt được một nửa mục tiêu này, nghĩa là chỉ cố gắng “bảo tồn” chứ “phát huy” thì chưa được rõ nét lắm.

Trong khi đó, việc “bảo tồn và phát huy” ngôn ngữ của... người bản xứ, mặc dù không thấy ai hô hào, cổ động, lại có

về được chú tâm hơn. Tại những cộng đồng người Việt nói tiếng Anh, ta vẫn nghe khá nhiều tiếng Việt “mới” như: “hai!” (hi!), “bai!” (bye!), “goào!” (wow!), “nai” (nice), “hot” (hot), “xeo” (sale), “óp” (off), “đao” (down), “điu” (deal), “gióp” (job), “lin” (clean), “neo” (nail), “mu” (move), “viu” (view), “đai-ật” (diet), “ấp-lai” (apply), “lai-xàn” (license), “rì-xíp” (receipt), “o-đờ” (order), “búc” (book), “ken-xò” (cancel), “kòm-len” (complain), “đao-lốt” (download), “net” (net), “chát” (chat), “tếch” (text), “i-meo” (email), “phôn” (phone), “phen” (fan), “wíc-kèn” (weekend), “kem-pìng” (camping), “xóp-pìng” (shopping), “phân-đìng” (funding)... vân vân, kể ra không hết. Những từ ngữ mới này có làm “giàu” thêm kho tàng tiếng Việt không thì... không chắc lắm, và thường chỉ người Việt nói người Việt hiểu với nhau (người Mỹ không chắc hiểu được). Nếu phải đặt tên, có thể gọi là “từ ngữ Mỹ-Việt” (như cách gọi “từ ngữ Hán-Việt”), là tiếng Mỹ đọc theo âm Việt, giọng Việt.

3. “*Chỉ sợ đàn con quên Việt ngữ*”

Trẻ em sinh trưởng ở nước ngoài thường nghĩ sao nói vậy. Câu hỏi “Khi nào em nói tiếng Việt? Em có thích tiếng Việt không?”⁴ của cô giáo trong một lớp học tiếng Việt ở Westminster, CA, nhận được những câu trả lời của học sinh:

“Em chỉ dùng tiếng Việt khi em ở nhà, tại vì bị bắt buộc. Khi em ở trường em không dùng tiếng Việt, tại vì em không thích.”

“Khi em ở nhà và ở trường em không thích nói tiếng Việt. Em chỉ nói tiếng Việt lúc trong lớp tiếng Việt.”

Một em khác nói ngắn gọn: “Em không ghét tiếng Việt, em chỉ không thích.”

Chỉ đơn giản là “không thích”. Không thích học tiếng Việt, không thích nói tiếng Việt. Kể ra “không thích” thì cũng khó mà ép uổng, có ép thì các em cũng miễn cưỡng và cũng... không thích. Thế nhưng, vì sao lại không thích?

“Điều khó nhất khi dạy tiếng Việt cho các em là gieo vào đầu các em tình yêu tiếng Việt,”⁴ một thầy giáo trần trụi.

Có thể xem đây là câu trả lời. Giới trẻ người Việt ở hải ngoại không thích sử dụng tiếng Việt là vì các em không có, hoặc thiếu vắng tình yêu tiếng Việt. Khi không “yêu” thì người ta hờ hững, dửng dưng, không mấy may rung động. Với bố mẹ các em và những người lớn tuổi, tiếng Việt gắn liền với “quê cha, đất tổ”, hòa trong máu trong tim, nằm trên môi trên miệng từ thuở còn trong nôi cho đến ngày rời bỏ quê hương. Với các em thì khác, các em khó mà “yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời”.

Hơn thế nữa, muốn cho con em mình có được tình yêu tiếng Việt thì bố mẹ của các em cần phải có tình yêu tiếng Việt trước đã (chứ không phải tình yêu tiếng Mỹ, tiếng Tây hay thứ tiếng nào khác). Khi không có tình yêu ấy hay tình yêu mờ nhạt thì thật khó mà “truyền cảm hứng” được cho các em để các em cảm thấy gần gũi và yêu thương ngôn ngữ ấy. Một trong những biểu hiện cụ thể của tình yêu tiếng Việt là tránh hoặc hạn chế việc sử dụng tiếng nước ngoài trong sinh hoạt gia đình và đời sống thường ngày.

Chuyện sính dùng tiếng nước ngoài vốn là “truyền thống” lâu đời của người Việt chứ chẳng phải mới đây, phát sinh từ tâm lý “chuộng hàng ngoại” của người dân một nước nghèo, chậm tiến. “Hàng ngoại” được yêu chuộng và ngưỡng mộ gồm cả ngôn ngữ của các nước có nền văn minh, văn hóa cao. Căn bệnh thích “xỏ Nho” ngày trước và thói tật chêm

tiếng Tây, tiếng Mỹ ngày nay vào câu nói, câu viết tiếng Việt một cách cố ý và không cần thiết là một “đặc trưng”¹ của người mình. Người trong nước vừa ra đến nước ngoài đã nhanh chóng “tiếp thu”¹ kiểu cách ấy để tỏ ra rằng mình cũng “đẳng cấp”,¹ cũng văn minh lịch sự không kém ai. Người Việt tha hương về thăm quê nhà mỗi lần chuyện trò thường phải dậm thêm tiếng nước ngoài vì ít nhiều đã... quên tiếng Việt. “Bệnh quên” này là có chọn lọc, vì hầu hết là chêm tiếng Mỹ hay tiếng Tây chứ hiếm thấy Việt kiều nào phải chêm tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Campuchia do sống lâu năm ở các nước này. Các xướng ngôn viên, người dẫn chương trình hoặc phụ trách các *show* truyền hình cũng thích chêm hoặc sử dụng tiếng Mỹ khi nói chuyện với đối tượng khán giả người Việt cho dù vẫn nói lưu loát tiếng mẹ đẻ. Nói tiếng Việt chêm tiếng nước ngoài, với nhiều người, có thể xem như một cách “tạo dáng”¹, tạo “phong cách sành điệu”¹ trong giao tiếp.

Điều này cũng cho thấy, không chỉ giới trẻ thôi mà nhiều người lớn sống ở nước ngoài cũng thể hiện tình yêu “tiếng nước người” hơn “tiếng nước tôi”. Lắm lúc con cái nói tiếng Việt với bố mẹ thì bố mẹ trả lời bằng tiếng Mỹ hoặc tiếng Việt pha Mỹ, nghe toàn những “Dad”, “Mom”, “you guys”, “yah”, “yeb”, “Hi!”, “Wow!”, “Oh my God!”, “come on!”, “good job!”, “no way!”, “stop it!”, “nice”, “perfect”, “amazing”... Gia đình là môi trường tốt nhất, thuận tiện nhất cho con em học hỏi và thực hành tiếng Việt, nhưng nếu bố mẹ, các bác các cô chú lại thích dùng tiếng Mỹ hơn tiếng Việt thì các em... chẳng học được chi cả. Hoặc, thay vì khuyến khích con em cố gắng dùng tiếng Việt, nhiều bố mẹ lại hay chế diễu những câu nói ngây ngô của con mình khi “thực hành” ngôn ngữ này, khiến các em ngượng ngùng, trở

nên kém tự tin, và vốn đã không thích học tiếng Việt lại càng thêm không thích. “Tình yêu tiếng Việt” nếu chưa “gieo vào đầu” hoặc “chạm vào tim” các em được thì cũng dễ hiểu thôi.

Ngoài những em có may mắn được gia đình chăm sóc kỹ và chịu khó học hỏi tiếng Việt, vốn liếng và trình độ Việt ngữ của các em có khi không hơn kém bao nhiêu so với mấy anh chàng người Mỹ thỉnh thoảng biểu diễn ít câu tiếng Việt để giúp vui những bạn bè người Việt. Khi phải nói một câu tiếng Việt, các em thường phải làm công việc “chuyển ngữ”¹ từ tiếng bản xứ (ngôn ngữ chính của các em) sang tiếng Việt ở trong đầu mình, xong rồi mới phát ra (tương tự cách người Việt lớn tuổi học tiếng nước ngoài). “Bố con không nhà,” một em người Mỹ gốc Việt trả lời điện thoại, “con không biết khi nào nó về.” Hoặc, “Em rất thần tượng ca sĩ LT” (thay vì “Ca sĩ LT là thần tượng của em”). “Thần tượng” vốn là danh từ nay biến thành động từ, là một trong những “cải tiến” của “tiếng Việt mới” trong nước (có những cải tiến... ngược lại, như “lái xe” vốn là động từ nay biến thành danh từ, với nghĩa “tài xế”), và được giới trẻ người Việt ở ngoài nước “tiếp thu”.

Trong khi đó, các phương tiện truyền thông của người Việt ở nước ngoài, đặc biệt là các đài truyền hình, hầu hết chú trọng về thông tin và giải trí hơn là giáo dục. Các chương trình phỏng vấn ca sĩ, tâm tình nghệ sĩ hoặc “thời trang và mỹ phẩm” có khá nhiều, trong lúc đến nay vẫn chưa thấy có các chương trình dạy Việt ngữ kiểu “học mà vui, vui mà học” nào dành cho trẻ em và học sinh, sinh viên có nhu cầu học hỏi về tiếng Việt và văn hóa Việt.

Khi mà tiếng Việt chỉ đóng vai phụ mờ nhạt chứ không được thể hệ người Việt trưởng thành ở nước ngoài chọn làm “công cụ truyền đạt ý tưởng và giao tiếp”, tiếng Việt nếu không theo “ngày tháng tàn phai” thì cũng khó mà sống mạnh, sống hùng được.

Một vài ghi nhận như trên, gọi là “tản mạn¹ về tiếng Việt và thể hệ ngày mai”, cho thấy, không khó lắm để đoán trước được tương lai vận mệnh của tiếng Việt ở hải ngoại. Đôi lúc tôi tự hỏi, với những bà mẹ trẻ sinh con ở nước ngoài, liệu tiếng Việt của con mình có còn gọi là “tiếng mẹ đẻ” (chưa nói là “tiếng quốc ngữ”)?

“Chỉ sợ đàn con quên Việt ngữ / Đừng lo lũ trẻ kém Anh văn”, lời nhắn nhủ đầy tâm huyết của cụ Bảo Vân Bùi Văn Bảo, một nhà giáo lão thành khả kính đã quá vắng, dường như ít được các bậc phụ huynh lưu tâm. “Quên Việt ngữ” thì “đàn con” chẳng quên đâu, có điều lắm lúc chính bố mẹ các em cũng không hiểu được tiếng... Việt ngữ của con mình.

C. Tiếng Việt đi đâu, về đâu?

Dân số phát triển thì ngôn ngữ cũng phát triển theo. Ngôn ngữ nào được số đông người dân trong nước sử dụng được xem là ngôn ngữ chính thống, cũng tựa như “nhiều người cùng đi trên một lối thì thành ra con đường” (đường tốt, xấu thế nào là chuyện khác).

Tiếng Việt đi về đâu? Câu hỏi này có vẻ đặt ra cho người Việt ngoài nước nhiều hơn, vì đối với người Việt trong nước thì tiếng Việt “vẫn đi bên cạnh cuộc đời”, bên cạnh mọi sinh hoạt bình thường của gần 90 triệu dân. Những sinh hoạt “không bình thường” của ngôn ngữ, nếu có cũng không nhiều, như là dạng chữ nghĩa khá đặc biệt của một “bộ

phận”¹ giới trẻ, gọi là “ngôn ngữ *teen*” (hay “ngôn ngữ *chat*”, hay “ngôn ngữ *thời @*”), chẳng hạn:

Chi`u nEj pun` mun` kóc (tạm dịch: “Chiều nay buồn muốn khóc”).

iu an wa` cho`y lun! (tạm dịch: “Yêu anh quá trời luôn!”).

Dạng chữ “tiếng Việt xì-tin” này không phải là ai cũng biết “giải mã” để đọc được, hiểu được. Bên cạnh đó, có những sinh hoạt chữ nghĩa lành mạnh hơn, như nghệ thuật “thư pháp” chẳng hạn. Nhà thơ Vũ Đình Liên, già mà còn tại thế, dạo bước trên những vỉa hè “*bên phố đông người qua*”, hẳn ông phải ngạc nhiên và thích thú khi trông thấy có lắm “ông đồ trẻ” đang “*hoa tay thảo những nét / như phượng múa rồng bay*” rất vui mắt. Trong các tranh thư pháp ấy là những “Tiếng Việt còn, nước Việt còn”, “Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”, “Sống trong đời sống, cần có một tấm lòng”... Thư pháp chất lọc những “chất ngọc” trong kho tàng tiếng Việt, từ những “lời vàng” đến những tục ngữ, ca dao, những áng thi ca đầy “hương sắc quê mình”.

1. “Tiếng Việt cũ” đi về đâu?

Câu hỏi “‘Tiếng Việt cũ’ đi về đâu?” đôi lúc vẫn được đặt ra cho người Việt miền Nam ngày trước, hiện đang sống ở trong nước hay ngoài nước.

Dù muốn dù không, đối tượng sử dụng “tiếng Việt cũ” ở trong nước không có cách nào khác hơn là phải tự điều chỉnh để thích nghi và “hội nhập ngôn ngữ” với “tiếng Việt mới”. Nói gì thì nói, “tiếng Việt mới” rõ ràng là thắng thế với đa số tuyệt đối của “đại bộ phận”¹ gần 90 triệu người sử dụng tiếng Việt ở trong nước. Cho dù “nỗi buồn tiếng Việt” trở thành “cụm từ” mới khá phổ biến, cho dù có khá nhiều phê phán về

những “nhếch nhác”¹ trong ngôn ngữ “tiếng Việt mới”, mọi nỗ lực nhằm vực dậy “tiếng Việt cũ” hoặc ngăn chặn, đẩy lùi sự xâm lấn của “tiếng Việt mới”, gọi là để “giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt” đều có vẻ là những cố gắng... vô ích và tuyệt vọng.

Đối với người Việt yêu chữ nghĩa của miền Nam ngày trước thì cái đẹp của “tiếng Việt cũ” chỉ còn là cái đẹp “vang bóng một thời”, tựa như cái đẹp ngàn năm văn vật của Hà Nội cũ, của “*ánh đèn giăng mắc muôn nơi / áo mầu tung gió chơi vơi*” (“Hướng về Hà Nội”, nhạc Hoàng Dương), nay chỉ còn rớt lại nổi luyến tiếc ngậm ngùi.

Điều an ủi là, một số từ ngữ của “tiếng Việt cũ” vẫn còn tìm thấy được trong các bộ tự điển tiếng Việt về sau này, với chú thích là... “từ cũ” hay “từ cổ” (nói “cường điệu”¹ một chút cho vui). Dù sao, việc “tử thủ” ngôn ngữ “tiếng Việt cũ” của những “người lính già” cũng là hành động dũng cảm đáng ca ngợi, và ít ra cũng đã “can trường trong chiến bại” (mượn cái tựa sách của cựu Phó Đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại). Nói là nói vậy, đây không phải là chuyện “ai thắng ai” chi chi cả mà chỉ là một trong những quy luật tất yếu và tự nhiên của ngôn ngữ: những từ ngữ nào ít được sử dụng sẽ lần lần mai một đi. Đành ngậm ngùi cho “tiếng Việt cũ” từng làm nên văn hóa miền Nam Việt Nam một thời, nay chìm dần trong lãng quên. Kết luận này có thể làm một số người không vui, thậm chí không “nhất trí”, nhưng biết làm sao hơn.

Với trẻ em người Việt ở nước ngoài, tiếng Việt mà các em đang học nhiều phần là “tiếng Việt mới” hơn là “tiếng Việt cũ” vì bố mẹ và thầy cô giáo của các em phần lớn thuộc về thế hệ sau hơn là trước năm 1975. Các em cũng dễ làm quen với các “từ” của “tiếng Việt mới” hơn là “tiếng Việt

cũ” ít còn được sử dụng. Muốn đi tìm lại dấu vết của “tiếng Việt cũ”, các em có thể vào thư viện tìm đọc sách báo cũ của các tác giả miền Nam. (Các tác giả này, nếu còn tiếp tục viết sách, viết báo thì tiếng Việt trong văn của họ không hoàn toàn là “tiếng Việt cũ” nữa mà ít nhiều pha trộn “tiếng Việt mới”, thâm nhập vào trong đầu một cách tự nhiên từ lúc nào họ cũng không ý thức được).

Chỉ riêng chuyện văn chương chữ nghĩa, như những ca sĩ “cũ” chỉ còn hát được cho lớp thính giả “cũ” nghe, những tác giả quen tên ở miền Nam ngày trước, nếu không thích ứng được thời đại mới, không “hội nhập” được “tiếng Việt mới”, không thay đổi cách viết, gồm cả thay đổi ngôn ngữ và “tư duy”¹ mới, sẽ chỉ còn được một ít độc giả “cũ” rơi rớt lại, hoặc... không còn độc giả nữa.

“Những người viết mới”, ngày trước ta có “cụm từ” ấy thì ngày nay cũng có một đối tượng độc giả mới gọi là “những người đọc mới” mà “những người viết cũ” không thể nào không quan tâm nếu muốn những trang chữ của mình còn có người đọc. Những cây bút trào phúng của miền Nam ngày trước chẳng hạn, nếu không chịu thay đổi cách viết và vẫn dùng những “thuật ngữ” trào phúng cũ (như “đội”, “rách”, “chì”, “chịu chơi”, “sức mảy”, “bỏ đi tám”, “bắt địa”, “xé hộp”, “rửa mắt”, “hết sảy”, “con nhà lành”, “đằm giao chỉ”, “tuyệt cú mèo”...) mà không chịu “cập nhật”¹ những thuật ngữ mang tính thời sự và hiện đại, sẽ không còn “ăn khách” nữa vì “những người đọc mới” không hiểu nổi và không thấy khôi hài. Ví dụ, nói “chuyện dài nhân dân tự vệ” hoặc “chuyện muôn đời lục quân Việt Nam” thì ít ai hiểu, nhưng nói “chuyện thường ngày ở huyện” thì nhiều người hiểu được. Nói “tự nhiên như người Hà Nội” thì có người hiểu, người không, nhưng nói “vô tư quá!” thì ai cũng hiểu được.

Trong một cố gắng để bảo tồn những giá trị của “tiếng Việt cũ” và “gìn vàng giữ ngọc” những thành tựu của nền “văn học miền Nam Việt Nam” trước năm 1975, ít tác giả ở ngoài nước đã dành nhiều thì giờ và công sức vào việc sưu tầm, nghiên cứu, biên khảo mọi sinh hoạt đa dạng về văn hóa, nghệ thuật ở miền Nam ngày trước. *Văn Học Miền Nam* của nhà văn Võ Phiến, bộ sách nhận định tổng hợp về tác giả và tác phẩm mọi thể loại của văn học miền Nam thời kỳ 1954-1975, là một trong những công trình nổi bật. Hoặc, việc phục hồi và phổ biến rộng rãi gần như toàn bộ ấn bản các tạp chí Nam Phong, Thanh Nghị, Phong Hóa, Ngày Nay... dưới dạng e-book của một nhóm nhà văn, nhà nghiên cứu gần đây đều là những công trình tâm huyết thực sự có ý nghĩa, không chỉ làm tái hiện một giai đoạn lịch sử văn học mà còn bảo tồn được các di sản văn hóa và ngôn ngữ tiếng Việt cũ (cũ hơn cả “tiếng Việt cũ” được nói đến trong bài).

2. Hồ thắm của ngôn ngữ

“Hồ thắm” ở đây không mang ý nghĩa tương tự “hồ thắm của tư tưởng” như một tựa sách của nhà văn Phạm Công Thiện, cũng không mang ý nghĩa bí ẩn, màu nhiệm nào của ngôn ngữ, mà là hồ sâu của chia cách.

Tôi có cô em họ rất “dị ứng” với hai chữ “thân thương”. Một lần xem chương trình ca nhạc DVD thấy ca sĩ nào đó phát ngôn “TL rất trân quý sự ủng hộ của quý khán thính giả thân thương dành cho TL” là cô ấy bực mình, bấm *remote control* “rượt” cô ca sĩ chạy như tên bắn để nghe ca sĩ tiếp theo hát. Khi tôi hỏi vì sao cô lại ghét bỏ hai chữ ấy đến thế thì cô không giải thích rõ, chỉ nói, “Tại sao mình có những chữ ‘thân yêu’, ‘thân mến’, ‘quý mến’ rất là hay, rất là tình

cảm mà không chịu dùng, lại dùng chỉ ba cái chữ ‘thân thương’, ‘trân quý’, ‘dấu ái’, nghe... dễ quạu.”

Những người khác có thể bị “dị ứng” và “dễ quạu” với những chữ khác như “nhất trí”, “bức xúc”, “báo cáo”, “tranh thủ”, “đột xuất”, “khẩn trương”, “sự cố”... Những tình cảm yêu, ghét này không có duyên cớ chính đáng, thế nhưng đánh đổ chúng có vẻ không dễ dàng chút nào. Hiểu theo nghĩa nào đó thì đây cũng là một dạng “kỳ thị ngôn ngữ”. (Nếu “thân yêu” là “rất hay, rất tình cảm” với người này thì “thân thương” cũng “rất hay, rất tình cảm” với người khác vậy). Lại có người nói rằng mỗi lần nghe những “từ” ấy là cảm thấy... tức ngực, khó thở, nặng đầu hoặc có cảm giác như bị kim chích vào người vậy.

“Cá nhân tôi” thì không yêu, chẳng ghét và cũng không bị những “phản ứng phụ” như thế mà chỉ thấy những “từ” ấy nghe kỳ cục và... vui vui. Thỉnh thoảng tôi cũng “ngẫu hứng” đưa các “từ” ấy vào sinh hoạt thường ngày:

- “Nhất trí” trăm phần trăm, giá nào cũng chơi!
- “Báo cáo” là vụ này không có tôi à ghen.
- Làm gì có chuyện bỏ bịch, chỉ là “giao lưu tình cảm” thôi.

- Có chuyện gì “bức xúc” mà mặt mũi nặng chình chịch vậy?

- Cô hoa hậu này có bo-đi “chất lượng” quá!
- Tô phở “hoành tráng” quá, “xử lý” gì nổi!

Nghe những cách nói ấy thì ai cũng hiểu là... điếu.

Công bằng mà nói, bên mình có những từ ngữ “khe khẽ”, “êm ả”, “ồn ào”, “gần gũi”, “lạ lùng”... (là một dạng từ ngữ “láy”, một chữ có nghĩa, chữ kia chỉ là đệm vào cho xuôi tai chứ chẳng có nghĩa gì cả) thì cũng phải cho người ta có “khẽ

khàng”, “yên ắng”, “ồn ã”, “gần gũi”, “lạ lẫm”... chứ. Bất người ta phải giống mình thì kể cũng hơi... khó tính. Những từ ngữ ấy, theo tôi, làm phong phú thêm ngôn ngữ và làm “dày” thêm bộ tự điển tiếng Việt.

Sự chia cách trong ngôn ngữ không giống như những cách ngăn có giới tuyến, mà là những rào cản vô hình, bành bạc trong đời sống, trong nếp suy nghĩ, trong thái độ, cử chỉ và cung cách đối xử với nhau, khiến con người không cảm thấy “gần” nhau được. Cùng một màu da, cùng chung tiếng nói, cùng một chữ viết, nhưng lại “bất đồng ngôn ngữ”. Nghe thì có vẻ mâu thuẫn, nhưng lại là chuyện thường tình khi mà mâu thuẫn là một trong những nét “đặc trưng” của người Việt.

Ngôn ngữ là dụng cụ, ta vẫn nghe vậy. Cũng là thanh gươm ấy, có người múa lên những đường kiếm đẹp mắt, tuyệt chiêu, có người múa may vụng về, quờ quạng. Nhưng nếu tước bỏ thanh gươm ấy đi, hoặc không còn giấy, bút để viết lách, hoặc con người câm và điếc cả thì liệu ngôn ngữ còn có ý nghĩa gì? Miệng lưỡi không còn thốt ra tiếng nói, tai không còn nghe những lời yêu hay ghét, liệu người ta có còn “dị ứng” vì những chữ nghĩa nghe chướng tai, có còn bắt bẻ chữ này dùng sai, chữ kia dùng đúng? Ngôn ngữ khi ấy là gì? Là câm lặng như bức tranh không lời nhưng nhiều ý? Là nói bằng cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, là “*những con mắt người tình / ám như lời hỏi han*” hay là “*những con mắt thù hận / cho ta đời lạnh căm*” (“Những con mắt trần gian”, nhạc Trịnh Công Sơn)? Là nói bằng trái tim, như những kẻ yêu nhau ngồi bên nhau cả buổi mà không nói năng câu gì, vì “*nói năng chi cũng thừa*” (“Ma Soeur”, thơ Nguyễn Tất Nhiên), nhưng mà lại... nói rất nhiều.

Những chuyện hay dở, đúng sai, phải trái ấy kết cục không đi đến đâu cả. Rõ ràng chữ nghĩa chỉ là sản phẩm của con người, chỉ là do con người “ché” ra. Vậy mà con người đôi lúc “đánh giá cao” ngôn ngữ, thậm chí mang “bệnh sùng bái” ngôn ngữ, sùng bái vật mà mình nặn ra, khiến ngôn ngữ “lên đời”¹, trở thành “phức tạp”. Ngôn ngữ cần phải thoát ra ngoài, vượt lên trên những tranh chấp, phe phái, những định kiến, thiên kiến, những đố kỵ, tị hiềm, những yêu và ghét. Cần phải trả ngôn ngữ về với ngôn ngữ, về đúng vị trí và chức năng của nó, như nó đã từng.

Trong số những ý kiến về chuyện người Việt cần thống nhất việc sử dụng tiếng Việt có đề nghị xúc tiến thành lập một “hàn lâm viện” về ngôn ngữ. Mặc dù mọi người hoàn toàn “nhất trí” trên nguyên tắc về đề nghị này, chuyện “hàn lâm viện tiếng Việt” đến nay vẫn chỉ là nói... cho vui và “huê vốn”, tựa như cách nói “Chuyện ấy sau này lịch sử sẽ phán xét”. (Lịch sử nào? Viết bởi “sử gia” của “bên” nào? Liệu có tin được tính khách quan, trung thực của người chép sử khi mà gần đây người ta đã phải lật lại những trang sử Việt từ ngàn xưa và đặt ra những nghi vấn về tính xác thực của những bài học lịch sử, sau khi “phát hiện” được những sử liệu khá bất ngờ, đến phải gỡ ngàng).

Riêng tôi chỉ dám đưa ra một đề nghị nhỏ: các nhà ngôn ngữ học và biên soạn từ điển ở cả trong và ngoài nước cùng ngồi lại làm việc để soạn ra một bộ từ điển tiếng Việt thống nhất (về chính tả, tự loại, giải nghĩa từ ngữ, các mẫu câu thông dụng...). Tất nhiên trong “quá trình” biên soạn, hai bên thoải mái trao đổi ý kiến, kể cả “tranh cãi”¹ về ý nghĩa và cách dùng một từ ngữ. Riêng việc ấy thôi cũng không dễ thực hiện chút nào và e rằng cũng chỉ là chuyện... nghe qua rồi bỏ.

Người ta nói với nhau bằng những lời lẽ êm dịu ngọt ngào, hoặc chua xót đắng cay, hoặc hằn học găm gù, hoặc văng tục chửi thề cũng bằng thứ ngôn ngữ ấy. Người ta nói để lấp bằng hoặc để đào rộng thêm ra những miệng hố cách ngăn cũng bằng thứ ngôn ngữ ấy.

Ôi, ngôn ngữ thực ra là gì, có quyền năng gì mà, nói như nhà phê bình Đặng Tiến, “mang con người đến gần nhau và cũng khiến con người phải xa nhau.”

3. “*Nằm trong tiếng nói yêu thương*”

Ngôn ngữ thường được hiểu là tiếng nói và chữ viết (chưa kể điệu bộ, cử chỉ...), tuy nhiên tiếng nói có vẻ được đề cập nhiều hơn. Thứ nhất, tiếng nói (âm thanh phát ra từ miệng người) có trước, chữ viết (ký hiệu ngữ âm) đến sau; thứ hai, lời nói là “đầu mối sự giao tiếp giữa người nọ với người kia”,⁵ nói như học giả Lê Văn Siêu. “Nói”, theo cách ông định nghĩa, “là cái cách dùng những lời như những phương tiện để diễn tình và ý của mình, trong cuộc sống... Cuộc sống xã hội càng phức tạp, sự giao tiếp càng cần tinh tế để nhận xét tình ý của người và biểu lộ tình ý của mình, thì những cách để diễn tình ý ấy lại càng nhiều.”⁵ Dẫn chứng về “những cách để diễn tình ý ấy”, ông kể ra vanh vách đến cả trăm kiểu “lời ăn tiếng nói” của người Việt mình (phân ra làm ba nhóm chính: nói lời, nói tiếng, nói điều), có thể được xem là những “chiêu thức” tinh diệu của môn võ “nói”. Những chiêu thức ấy lại thiên biến vạn hóa ngày càng nhiều thêm ra đến vô cùng vô tận.

Đọc những trang sách diễn giải về các chiêu thức thiên hình vạn trạng ấy của học giả Lê Văn Siêu, tôi “phát hiện” một điều: người Việt mình... nói nhiều quá, có lẽ trên thế

giới này hiếm có dân tộc nào “nói” nhiều đến thế. Ai cũng muốn nói, không ai muốn nghe, nên chẳng ai nghe ai, nên chẳng ai hiểu ai. Liệu đây có phải là một trong những nguyên nhân dẫn đến “bất đồng ngôn ngữ” (dẫu cùng chung tiếng nói)?

Những người đóng vai MC không chuyên nghiệp thường tỏ ra lúng túng và đau khổ vì không biết làm thế nào để đòi lại cái *microphone* từ tay một diễn giả “đột xuất” nhẩy lên sân khấu “cướp diễn đàn”, nói tràng giang đại hải bất kể “quý khán thính giả” ở bên dưới có muốn nghe hay không. Những “nhà hùng biện” quyết tâm “tử thủ” cái *microphone* kiểu ấy có khá nhiều trong các sinh hoạt của cuộc sống quanh ta.

Điều này cũng phần nào giải thích sự phát triển vượt mức của ngôn ngữ tiếng Việt, từ biến đổi đến khác biệt, đến “dị ứng”, khiến cho “tử Bắc vô Nam” không dễ gì “nói liền nắm tay” được.

Bao nhiêu “chiêu thức” biến hóa ảo diệu ấy là bấy nhiêu kiểu cách nói năng của người Việt. Nói gần nói xa, nói tới nói lui, nói ngắn nói dài, nói vắn vẻ nói vụng về..., nói gì thì nói cũng chỉ toát lên một ý. “Bắt” được cái ý ấy là “hiểu” được đối tượng. Thế nhưng, ngôn ngữ cũng đã có những lúc trở nên thừa thãi, vô tích sự, khi mà con người không còn muốn nghe, muốn đọc nhau nữa. “Dụng cụ ngôn ngữ” đành xếp xó.

Có phải chẳng ngôn ngữ sau cùng không là gì cả? Tiếng thông reo vi vu, tiếng suối chảy róc rách, tiếng sóng vỗ rì rào, tiếng mưa rơi rả rích, những thanh âm ấy thực ra là gì? Có phải là “ngôn” đâu, cũng làm gì có “ngữ”. Vậy mà nghe những tiếng ấy, ta nghe hồn mình lắng xuống, nghe lòng

mình dịu lại, nghe tâm trí thanh thoi nhẹ nhàng, tưởng chừng trong phút chốc quên hết những phiền muộn thế gian.

Những thanh âm phát ra từ thiên nhiên ấy nghe như tiếng nhạc, và âm nhạc cũng là thứ ngôn ngữ thân thuộc của con người. Từ đời thuở nào người ta từng nói với nhau bằng thứ ngôn ngữ kỳ diệu ấy.

*Một ngày kia tôi chạm tay vào đất
Một ngày kia tôi sẽ hiểu lòng tôi
Một ngày kia tôi sẽ đến bên Người
để cất tiếng chào “Việt Nam ơi!”*

Những câu ấy được “chuyển ngữ” từ lời của bài hát *Bonjour Vietnam*. Bài hát ấy, giọng hát mềm mại ấy cất lên ở ngoài nước và ở trong nước, rất được tán thưởng. Nhiều người Việt không hiểu được tiếng Pháp, chỉ nghe giai điệu ngọt ngào, nghe giọng hát êm dịu của cô ca sĩ và những tiếng “Việt Nam” ngân nga ở cuối bài hát cũng đủ nghe lòng mình ngân lên, rung lên nổi xúc động. Nổi xúc động ấy cũng đến từ mối “đồng cảm” dành cho cô gái người Bỉ gốc Việt sống bao nhiêu năm ở quê người mà vẫn giữ mãi trong tim tình yêu quê nhà.

Phạm Quỳnh Anh, cô gái ấy không nói được tiếng Việt, nhưng có sao đâu, cô đã “nói” bằng giai điệu của bài hát ấy. Và thứ ngôn ngữ ấy đã làm cho bao người nghe cô phải ứa nước mắt.

“Giá mà cô ấy hát bằng tiếng Việt thì tuyệt quá!” một người bạn tôi nói thế. Tôi hiểu, đối với người yêu tiếng Việt và yêu những bài hát của người Việt, nghe bài hát ấy cũng giống như xem cuốn phim nói về đất nước Việt Nam do người nước ngoài thực hiện. (Tác giả *Bonjour Vietnam* là người Pháp, ca nhạc sĩ Marc Lavoine). Cũng là tình yêu quê

hương, cũng là nỗi niềm hoài hương, nghe người Việt nói với người Việt vẫn “thắm” hơn là nhờ người nước ngoài nói hộ “tiếng lòng”.

*Quê hương ơi! Bóng đa ôm đàn em bé
nắng trưa im lìm trong lá...
Quê hương ơi! Tóc sương mẹ già yêu dấu
tiếng ru nỗi niềm thơ ấu
cánh tay êm tựa mái đầu...”*
(“Tình hoài hương”, Phạm Duy)

Nhiều lắm những bài hát tả tình tả cảnh về lòng yêu quê hương. Có một cách bày tỏ lòng yêu quê hương khác mà người ta không phải nhắc đến hai chữ “quê hương” (không phải nói “Quê hương ơi! Quê hương ơi!...” hoặc “Quê hương là...” như thế này, như thế kia), mà nghe “rất quê hương”. Người ta chỉ nói về “tình yêu tiếng Việt”.

*Nằm trong tiếng nói yêu thương
Nằm trong tiếng Việt vẫn vương một đời
Sơ sinh lòng mẹ đưa nôi
Hồn thiêng đất nước cũng ngồi bên con*
(“Nằm trong tiếng nói”, Huy Cận)

Những câu thơ ấy bất giác gợi cho người ta nhớ đến câu hát quen thuộc, với chút ngữ ngang. Tiếng thơ, tiếng nhạc sao như không hện mà gặt, sao như cùng chung tiếng nói, cùng chung tiếng lòng!

*Tôi yêu tiếng nước tôi / từ khi mới ra đời...
Tiếng nước tôi / tiếng mẹ sinh từ lúc nằm nôi...*
(“Tình ca”, Phạm Duy)

Ngày xưa người ta từng hát những câu ấy. Ngày nay người ta vẫn còn hát những câu ấy ở ngoài nước và ở cả trong nước nữa. Câu hát, bài hát của người nhạc sĩ từng bị

“dị ứng” trong những năm dài chiến tranh, sau cùng đã nghe cất lên trên đất nước không còn chiến tranh; hơn thế nữa, cất lên từ giọng hát của những người trẻ thế hệ sau chiến tranh.

Nghe Đức Tuấn, một ca sĩ trẻ ở trong nước, hát say mê bài “Tình ca” ấy với giọng thiết tha, nồng nàn, người ta không khỏi có chút nghĩ ngợi. Khi mà mọi người Việt, trong nước ngoài nước, đều hát chung một câu hát, một bài hát; hơn thế nữa, cùng chia sẻ những cảm xúc về một bài hát, một câu hát, dường như người ta cảm thấy dễ chịu hơn, gần gũi nhau hơn. Cùng chia sẻ mỗi đồng cảm, hiểu theo nghĩa nào đó, là chia sẻ cách nghĩ cách nhìn, là chia sẻ những nỗi ưu tư, những nỗi trăn trở của những trái tim cùng chung một nhịp đập.

Bao giờ cho đến bao giờ, những con người cùng một màu da, cùng một tiếng nói, cùng một chữ viết không còn nữa những “bất đồng ngôn ngữ”, để cho ngôn ngữ không phải... ngậm ngùi.

¹ Từ ngữ, cách nói phổ biến ở trong nước

² Bài đăng lần đầu ngày 21/10/2009 trên tạp chí *Da Màu*, www.damau.org

³ Đỗ Tăng Bí, *Dòng nhập cư vào Hoa Kỳ của người Việt Nam*, Nhật báo *Người Việt*, CA, 16/3/2005

⁴ Ngọc Lan, *Tuổi trẻ gốc Việt có thực sự thích học tiếng Việt?* Nhật báo *Người Việt*, CA, 4/12/2011

⁵ Lê Văn Siêu, *Nói nghĩa là gì?* Tạp chí *Văn*, Đặc san Nghiên cứu và Phê bình văn học, Saigon, tập 1/1967, tr. 12-13

NGÔN NGỮ NGẬM NGÙI

LÊ HỮU

Ấn Bản Điện Tử

T.Vấn & Bạn Hữu thực hiện

2016

©T.Vấn & Bạn Hữu 2016

©Lê Hữu 2016